

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thu Hà

QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH
Ở ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Hà Nội – 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thu Hà

QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH
Ở ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

Chuyên ngành: Quản lý Văn hóa

Mã số: 62.31.06.42

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS Bùi Hoài Sơn

2. TS. Nguyễn Văn Lưu

Hà Nội - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu do tôi thực hiện. Các số liệu và trích dẫn đều được trích nguồn chính xác và đầy đủ. Các kết quả nghiên cứu trình bày trong luận án này là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu của tác giả nào khác.

Nghiên cứu sinh

Nguyễn Thị Thu Hà

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	1
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN.....	3
DANH MỤC BẢNG TRONG LUẬN ÁN.....	4
DANH MỤC HÌNH TRONG LUẬN ÁN.....	5
PHẦN MỞ ĐẦU	6
Chương 1. TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN	14
1.1. Di sản văn hóa.....	14
1.2. Giá trị của di sản văn hóa và vấn đề bảo vệ và quản lý di sản văn hóa trên thế giới.....	17
1.3. Các tác động của du lịch	22
1.4. Mối liên hệ hữu cơ giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch.....	32
Chương 2. DI SẢN VĂN HÓA VÀ QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA	
Ở ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN.....	48
2.1. Giới thiệu chung Đô thị cổ Hội An.....	48
2.2. Hệ thống di sản văn hóa của Đô thị cổ Hội An	58
2.3. Bảo tồn và quản lý di sản văn hóa ở Đô thị cổ Hội An	64
Chương 3. DU LỊCH VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH Ở ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN .	77
3.1. Phát triển du lịch ở Đô thị cổ Hội An.....	77
3.2. Tác động của du lịch ở Đô thị cổ Hội An.	85
Chương 4. MỐI QUAN HỆ GIỮA QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT	
TRIỂN DU LỊCH Ở ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN.....	108
4.1. Sự năng động trong mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa	
và phát triển du lịch ở Đô thị cổ Hội An	108
4.2. Các yếu tố tác động đến mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và du lịch	124
4.3. Vấn đề về mô hình xây dựng sự hợp tác giữa quản lý di sản văn hóa	
và phát triển du lịch ở Đô thị cổ Hội An	132
KẾT LUẬN.....	139
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ.....	144
TÀI LIỆU THAM KHẢO	145
PHỤ LỤC.....	159

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

AHC	Ủy ban Di sản Australia Australia Heritage Committee
DL	Du lịch
DSVH	Di sản văn hóa
GDP	Tổng sản phẩm nội địa Gross Domestic Product
ICCROM	Trung tâm Quốc tế về nghiên cứu Bảo tồn và Bảo quản các tài sản văn hóa International Centre for the Study of the Preservation and Restoration of Cultural Property
ICOM	Hội đồng quốc tế các bảo tàng International Council of Museums
ICOSMOS	Hội đồng quốc tế về di tích và di chỉ
Nxb	Nhà xuất bản
PTDL	Phát triển du lịch
QLDS	Quản lý di sản
Tr.	Trang
TT QLBT DSVH	Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa
TT VHTT	Trung tâm Văn hóa – Thể thao
UBND	Ủy ban nhân dân
UNEP	Chương trình môi trường Liên hiệp quốc United Nations Environment Programme
UNESCO	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization

DANH MỤC BẢNG TRONG LUẬN ÁN

Bảng 1.1. Bầy mối quan hệ có thể giữa Du lịch và Quản lý di sản văn hóa	45
Bảng 2.1. Phân loại công trình kiến trúc ở Hội An theo giá trị bảo tồn (2008)	54
Bảng 2.2. Phân loại các công trình kiến trúc ở Hội An theo loại sở hữu (2008)	55
Bảng 2.3. Tỷ lệ vốn đầu tư tu bổ các di tích thuộc sở hữu tư nhân - tập thể.....	55
Bảng 2.4. Phân loại lễ hội theo di tích.....	56
Bảng 2.5. Lễ hội ở Hội An (Phân loại theo loại hình di tích).....	62
Bảng 3.1. Số lượng du khách đến Hội An (giai đoạn 1997-2012)	77
Bảng 3.2. Doanh thu các loại hình dịch vụ - du lịch ở Hội An (2000-2012)	79
Bảng 3.3. Loại hình khách sạn/nhà trọ và số lượng phòng (2011).....	81
Bảng 3.4. Thu nhập của người dân Hội An (giai đoạn 2008-2012)	86
Bảng 3.5. Kinh phí tôn tạo tu bổ di tích Thành phố Hội An (2006-2012).....	103
Bảng 3.6. Tỷ lệ vốn đầu tư tu bổ các di tích thuộc sở hữu tư - nhân tập thể.....	103
Bảng 3.7. Phân bổ kinh phí tu bổ di tích sở hữu tư nhân và tập thể ở Hội An.....	104
Bảng 4.1. Định mức thanh toán ô vé cho các di tích trong tuyến tham quan khu phố cổ Hội An (2012)	128

DANH MỤC HÌNH TRONG LUẬN ÁN

Hình 1.2. Mối quan hệ giữa QLDS và PTDL.....	43
Hình 2.1. Sơ đồ hệ thống các cấp chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước, chuyên môn về di sản văn hóa và du lịch đối với phố cổ Hội An	70
Hình 3.1. Du khách đến Hội An (1999-2012)	77
Hình 3.2. GDP theo giá hiện hành của các ngành kinh tế chính ở Hội An (2014)...	78
Hình 3.3. Doanh thu du lịch ở Hội An giai đoạn 1999-2012	79
Hình 3.4. Cơ cấu doanh thu các dịch vụ du lịch Hội An (2012)	80
Hình 4.1. Mô hình quản lý di sản và phát huy giá trị di sản Hội An do UBND tỉnh Quảng Nam đề xuất	135

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong những năm qua, nhiều quốc gia trên thế giới đã gặp không ít lúng túng trong việc xử lý hài hòa mối quan hệ hữu cơ giữa hoạt động quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch. Từ trước đến nay, ngành quản lý di sản chủ yếu chịu trách nhiệm trong việc bảo tồn các di sản văn hóa, còn ngành du lịch lại khai thác các di sản này với mục đích phát triển kinh tế du lịch. Nhiều nhà quản lý di sản văn hóa lo ngại rằng các giá trị văn hóa vô giá của di sản đang bị đánh đổi bởi các lợi ích thương mại, trong khi đó, những người hoạt động trong lĩnh vực du lịch thì lại cảm thấy rằng các giá trị du lịch của nhiều di sản đã không được đánh giá đúng mức. Xung đột và bất hợp tác bắt nguồn từ các cách nhìn khác nhau này xuất hiện ở nhiều điểm di sản trên thế giới, trong đó có cả Việt Nam.

Trong bối cảnh như trên, cùng với thực tế tồn tại của một mối quan hệ không thể “khước từ” giữa quản lý di sản (QLDS) và phát triển du lịch (PTDL), mong muốn về một sự hợp tác toàn diện giữa quản lý di sản văn hóa và du lịch (DL) ở Việt Nam ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Nỗ lực của cộng đồng sở hữu di sản và của các nhà quản lý ở cả hai ngành ở nhiều điểm di sản đã đang mang lại nhiều bước tiến trong việc xử lý và xây dựng mối quan hệ hợp tác này. Tuy nhiên, những hạn chế trong chính sách, cơ chế quản lý, năng lực quản lý đã khiến cho mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở nhiều điểm di sản của Việt Nam và thế giới dù tránh được sự xung đột mạnh, nhưng lại chưa thể đạt được mức độ hợp tác bền vững do thực tế năng động, dễ biến đổi và dễ bị tác động của mối quan hệ giữa hai ngành này. Làm rõ được thực tế năng động trong mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở các điểm tham quan di sản văn hóa sẽ giúp cho các nhà làm công tác quản lý, quản trị, thực hành và hoạch định chính sách trong lĩnh vực QLDN và PTDL xây dựng được định hướng, chiến lược và chính sách mới phù hợp hơn nhằm đạt được một mối quan hệ hợp tác toàn diện và bền vững trong quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở Việt Nam. Vì thế, trong bối cảnh có ít các công trình đề cập đến vấn đề này ở nước ta, cần thiết phải có một nghiên cứu sâu, hệ thống hơn về các mối quan hệ tồn tại giữa

QLDS và PTDL ở Việt Nam và đưa ra được những đề xuất có thể giúp hai ngành này tại Việt Nam đạt được sự hợp tác thực sự trong mục tiêu hướng tới sự quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững di sản văn hóa của nước ta trong những năm tới.

Đô thị cổ Hội An ở tỉnh Quảng Nam được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc (UNESCO) ghi danh là Di sản văn hóa thế giới từ năm 1999. Ngày nay, Hội An được coi là một trong những điểm đến du lịch hấp dẫn nhất ở nước ta. Tuy nhiên, các con số thống kê về sự phát triển của du lịch tại phố cổ Hội An và những đóng góp của nó cho nền kinh tế địa phương, cho cộng đồng dân cư và hệ thống di sản ở đây cùng với những thành công bước đầu trong công tác quản lý và bảo tồn di sản văn hóa trên thực tế chưa thực sự phản ánh rõ được những vấn đề đang tồn tại và cần sớm phải giải quyết ở điểm di sản này như sự mất cân bằng thu nhập, rò rỉ lợi nhuận kinh tế ra ngoài địa phương, sự thay đổi về quyền sở hữu di sản, xung đột lợi ích giữa các bên có liên quan, lạm dụng di sản,... Hiểu rõ trường hợp Hội An chắc chắn sẽ giúp nghiên cứu sinh có được những hiểu biết về thực trạng và những vấn đề mà các địa điểm di sản khác ở các địa phương khác nhằm đưa ra được những đề xuất có giá trị cho việc quản lý bền vững các di sản văn hóa và phát triển du lịch văn hóa/di sản ở nước ta.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Khám phá mối quan hệ năng động giữa QLDN và PTDL ở Đô thị cổ Hội An làm cơ sở xây dựng sự hợp tác thực sự giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch Hội An, góp phần cho công tác quản lý, bảo tồn và phát triển một cách bền vững hệ thống di sản văn hóa ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận án có các nhiệm vụ chính sau đây:

- Hệ thống hoá các khái niệm và vấn đề liên quan đến QLDN và PTDL để hình thành cơ sở lý luận cho nghiên cứu đề tài luận án.

- Làm rõ các vấn đề về mối liên hệ hữu cơ giữa phát triển du lịch và quản lý di sản văn hóa ở Đô thị cổ Hội An, bao gồm: Hệ thống các di sản văn hóa Hội An,

Hệ thống quản lý di sản văn hóa ở Hội An, Sự phát triển của du lịch văn hóa ở Hội An, Các tác động của du lịch lên cộng đồng và di sản văn hóa Hội An,...

- Xác định và đánh giá các trạng thái trong mối quan hệ có thể tồn tại giữa phát triển du lịch và quản lý di sản văn hóa ở Hội An.

- Xác định và đánh giá các yếu tố tác động ảnh hưởng đến sự hình thành các trạng thái trên.

- Đánh giá mô hình quản lý di sản văn hóa Đô thị cổ Hội An hiện nay và rút ra một số vấn đề có liên quan tới mô hình này là gợi ý cho Thành phố Hội An và các điểm di sản khác trong cả nước xây dựng được sự hợp tác toàn vẹn, thực sự giữa hoạt động quản lý, bảo tồn di sản và phát triển du lịch, hướng tới mục tiêu quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững di sản văn hóa ở Việt Nam trong những năm sắp tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở Đô cổ Hội An (tỉnh Quảng Nam).

3.2 . Phạm vi nghiên cứu

- *Về mặt nội dung*: Các di sản văn hóa được phân bố rộng rãi ở miền Nam, miền Trung và miền Bắc của Việt Nam. Vì thế gần như không thể tiến hành thực hiện đề tài nghiên cứu này trên hầu hết các khu di sản do sự phong phú và đa dạng của chúng ở Việt Nam, mặc dù đó là mong muốn tham vọng của nghiên cứu sinh. Trong khuôn khổ của một luận án tiến sĩ quản lý văn hóa, nghiên cứu sinh quyết định chọn một địa điểm di sản ở miền Trung Việt Nam là phố cổ Hội An, tỉnh Quảng Nam làm nghiên cứu trường hợp để đánh giá vấn đề nghiên cứu đưa ra.

- *Về mặt thời gian*: Thực trạng quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch giai đoạn 1999-2013.

- *Về mặt không gian*: Tập trung vào khu đô thị cổ Hội An (vùng I, IIA, IIB), và các vùng phụ cận của đô thị cổ Hội An.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp nghiên cứu

Câu hỏi nghiên cứu được đặt ra trong công trình này là: *Những trạng thái nào tồn tại trong mối quan hệ hữu cơ, qua lại giữa quản lý di sản văn hóa và du lịch của ở đô thị cổ Hội An? Các trạng thái này chịu ảnh hưởng của những yếu tố tác động nào?*

Nhằm trả lời cho câu hỏi nghiên cứu trên và thực hiện được các nhiệm vụ nghiên cứu như đã nêu ra ở mục 2.2, nghiên cứu sinh sử dụng các kỹ thuật của phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội định tính, được thực hiện trong hai đợt (2012 và 2013), gồm có:

- *Nghiên cứu điền dã* (tháng 7/2012 và tháng 6/2013): Quan sát thực địa tại địa bàn nghiên cứu nhằm thu được các thông tin đánh giá bước đầu về thực trạng phát triển của ngành du lịch (Những biến đổi cơ sở hạ tầng, quy hoạch đô thị,...) và công tác quản lý di sản tại Hội An (Hình thức và thực trạng thể hiện di sản, tính chân xác trong hoạt động thể hiện di sản thông qua hoạt động thuyết minh và hướng dẫn du khách tại các điểm di sản, tính hiệu quả của công tác sử dụng di sản cho sự phát triển du lịch); sự kết nối, liên hệ giữa các bên có liên quan;...

- *Nghiên cứu văn bản, tài liệu*: 1) Nghiên cứu và đánh giá hệ thống các văn bản pháp quy quốc tế, Việt Nam và địa phương (thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam) như các công ước, hiến chương, luật, nghị định, quy định, hướng dẫn,... có liên quan đến vấn đề quản lý, bảo tồn, phát huy di sản văn hóa; quản lý và phát triển du lịch; mối quan hệ giữa QLDS và PTDL;... Phương pháp nghiên cứu này sẽ giúp nghiên cứu sinh làm rõ được các yếu tố cơ bản của vấn đề quản lý di sản và quản lý du lịch như quan điểm quản lý, hệ thống quản lý, phương thức quản lý của nhà nước đối với những lĩnh vực này; tính hiệu quả của hệ thống văn bản này trong thực tiễn,...; 2) Hệ thống các tài liệu nghiên cứu của Việt Nam và quốc tế nhằm xem xét và đánh giá các lý thuyết, quan điểm nghiên cứu có liên quan đến phạm vi nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu của luận án, cụ thể là các vấn đề: di sản văn hóa; du lịch văn hóa; mối liên hệ giữa du lịch và di sản; các tác động tiêu cực và tích cực của du lịch lên di sản và cộng đồng; các loại hình quan hệ giữa QLDS và PTDL: xung đột, hợp tác, cùng tồn tại,...; các yếu tố tác động có liên quan như các bên có liên quan, quan điểm quản lý di sản, loại hình di sản, loại hình du khách;...

- *Phỏng vấn sâu*: 18 cuộc phỏng vấn sâu được thực hiện trên địa bàn nghiên cứu với đối tượng phỏng vấn được lựa chọn có chủ đích nhằm cố gắng đảm bảo tính đại diện của đối tượng phỏng vấn trong liên quan tới tính đa dạng của các bên có liên quan và tính đa dạng trong loại hình di sản hiện có ở điểm di sản Hội An, cụ thể bao gồm thành viên ban quản lý hoặc chủ sở hữu của các di tích công (chùa Ông, chùa Bảo Thắng), tư (nhà thờ tộc Trần, nhà cổ Đức An) hoặc sở hữu tập thể (hội quán Phước Kiến, Tụ tiền đường Minh Hương); những người làm công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực di sản, văn hóa và du lịch (Trung tâm Văn hóa - Thể thao Hội An, Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An, Phòng Thương mại và Du lịch Hội An, Nhà biểu diễn nghệ thuật cổ truyền Hội An), đơn vị tư nhân (Công ty cổ phần Lao động Hội An, phòng tranh T- G, nhà hàng Tự Do), hướng dẫn viên du lịch, thợ thủ công mỹ nghệ, bán hàng nhỏ lẻ trên địa bàn phố cổ,...

Phần phỏng vấn sâu được thực hiện nhằm tìm hiểu các vấn đề: 1) Thông tin cơ bản về di tích (niên đại, loại hình, quyền sở hữu, cấu trúc quản lý, thuyết minh di sản); Xác định các bên có liên quan và đặc điểm mối quan hệ giữa họ; Chức năng du lịch của di tích/di sản (trọng tâm/thứ yếu, mức độ, vai trò của du lịch, các nghiên cứu thị trường đã được thực hiện, các biện pháp quảng bá và phát huy di sản,...); 2) Mối quan hệ giữa du lịch và quản lý di sản tại các điểm du lịch (Các tác động của du lịch, trạng thái liên hệ,...); Các yếu tố tác động đến mối liên hệ này,...

4.2. Các khái niệm thao tác cơ bản

- *Di sản văn hóa*: Di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác (Luật của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 28/2001/QH10 về Di sản văn hóa).

- *Di sản văn hóa phi vật thể*: Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác. (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

Di sản văn hóa của Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5, số 32/2009/QH12, 18/06/2009).

- *Di sản văn hóa vật thể*. Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia (Luật của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 28/2001/QH10 về Di sản văn hóa).

- *Quản lý di sản văn hóa*. Quản lý di sản văn hóa là sự chăm sóc có hệ thống được sử dụng nhằm gìn giữ các giá trị văn hóa của các di sản văn hóa cho sự hưởng thụ của thế hệ hiện tại và cả tương lai [103, tr. 65]

- *Du lịch văn hóa*: Là những chuyến tham quan bởi người từ bên ngoài cộng đồng sở tại, được thúc đẩy bởi một phần hoặc toàn bộ mối quan tâm đến lịch sử, nghệ thuật, khoa học hoặc đời sống văn hóa, di sản của một cộng đồng, một vùng, nhóm người hoặc một thể chế [113, tr. 361].

- *Du lịch di sản*: Là một loại hình du lịch mà ở đó, động lực chính của du khách khi đi tham quan một địa điểm chủ yếu là do đặc điểm di sản của điểm đó theo quan niệm về di sản của chính du khách [112, tr. 1048]. Như vậy, định nghĩa này đã đề cập được đến thuộc tính của điểm tham quan (di sản) là động lực thôi thúc du khách đi du lịch tới một điểm di sản cụ thể.

- *Các bên liên quan*: Bên có liên quan được định nghĩa là một người có quyền và năng lực tham gia vào một quá trình; vì thế, bất kỳ ai chịu tác động bởi hành động của những người khác đều có quyền có liên quan [88, tr. 31].

- *Phát triển bền vững*. Trong báo cáo *Tương lai chung của chúng ta (Our Common Future)* năm 1987 của Liên hiệp quốc, khái niệm *Phát triển bền vững* được coi là sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai. Một định nghĩa khác có nội hàm tương tự đã coi *Phát triển bền vững* là một quá trình đảm bảo rằng chúng ta sẽ để lại cho thế hệ sau một lượng các tài sản vốn [tự nhiên và con người tạo nên] không ít hơn lượng các tài sản chúng ta có hiện nay [95, tr. 683].

- *Xung đột*. Xung đột gần như sẽ xảy ra giữa di sản và du lịch khi có sự khác biệt (nhận biết được và cả trên thực tế) tồn tại giữa các bên có liên quan và cách họ

nhìn nhận về các di sản, về các nguy cơ trong việc tiếp cận và loại bỏ; sự khác biệt trong kiểu thức hoạt động; sự khác biệt về mong muốn và động cơ thực hiện các hoạt động cụ thể của những bên tham gia [103, tr. 21].

- *Hợp tác*. Hợp tác thực sự sẽ xảy ra khi có một tập hợp các mục tiêu quản lý được đặt ra, được xác định và đồng ý bởi tất cả các bên liên quan; các điều kiện cần có về kinh tế của du lịch được tôn trọng đồng thời với các quan điểm quản lý di sản văn hóa; và một hệ thống quản lý/quyền lực rõ ràng tồn tại nhằm đảm bảo rằng mục tiêu của cả hai bên đều có thể đạt được ở mức cân bằng nhau [103, tr. 17].

5. Đóng góp của luận án

5.1. Về thực tiễn

Kết quả nghiên cứu và những gợi ý, kiến nghị và đề xuất của luận án về sự năng động trong mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch hy vọng sẽ hỗ trợ các nhà quản lý, quản trị, phát triển, hoạch định chính sách trong hai ngành này trong điều chỉnh chính sách, đường hướng, chiến lược và các phương tiện quản lý cho phù hợp, hiệu quả, sát thực với thực tế năng động này hơn. Nhờ vậy, mục tiêu chung là đạt được sự hợp tác thực sự giữa hai ngành hướng tới sự quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững di sản văn hóa ở Việt Nam sẽ có thêm khả năng và cơ hội đạt được.

5.2. Về lý luận

Luận án giới thiệu một hướng tiếp cận mới trong lĩnh vực nghiên cứu về quản lý, bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam. Xem xét mối quan hệ của hai đối tượng nghiên cứu này trên quan điểm cho rằng tồn tại nhiều trạng thái thể hiện mức độ trưởng thành của nó và các trạng thái này phụ thuộc vào một số yếu tố tác động nhất định sẽ giúp cho các nhà nghiên cứu ở nước ta có thêm được cái nhìn sâu rộng và bản chất hơn về mối liên hệ này ở các điểm di sản văn hóa ở nước ta, từ đó, có được những nhận định khoa học sát với thực tiễn năng động này hơn.

6. Cấu trúc của luận án

Ngoài Phần Mở đầu (8 trang), Kết luận (5 trang), Tài liệu tham khảo (14 trang), Phụ lục (23 trang), nội dung chính của luận án được chia thành bốn chương:

Chương 1. Tổng quan các vấn đề nghiên cứu của luận án (34 trang): Trình bày về các công trình nghiên cứu, quan điểm nghiên cứu, hướng tiếp cận hiện nay ở Việt Nam và trên thế giới về di sản văn hóa, quản lý và bảo tồn di sản văn hóa, tác động của du lịch và mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch.

Chương 2. Di sản văn hóa và quản lý di sản văn hóa ở Hội An (29 trang): Cung cấp thông tin sơ lược về lịch sử của Đô thị cổ Hội An, giá trị văn hóa của phố cổ với danh hiệu là một di sản Thế giới do UNESCO trao tặng và phần trình bày chi tiết và đầy đủ về hệ thống các di sản cũng như hiện trạng của việc quản lý di sản văn hóa ở di sản Hội An.

Chương 3. Du lịch và tác động của du lịch ở Hội An (32 trang): Tìm hiểu về sự phát triển của du lịch, các tác động của du lịch với điểm nhấn là những tác động của du lịch đối với công tác quản lý và bảo tồn di sản của Hội An. Qua chương này, tác giả muốn làm rõ mối liên hệ hữu cơ giữa du lịch với mọi mặt đời sống ở Hội An nói chung và công tác quản lý di sản nói riêng.

Chương 4. Mối quan hệ giữa quản lý di sản và phát triển du lịch ở Hội An (31 trang): Làm rõ các trạng thái hiện có của mối quan hệ giữa du lịch và quản lý di sản văn hóa (cấp độ ngành và ở các di tích cụ thể), các yếu tố tác động đến sự hình thành các trạng thái của mối quan hệ này ở Đô thị cổ Hội An; và đề cập tới một số vấn đề về mô hình quản lý phù hợp và hiệu quả hơn cho trường hợp Hội An.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU CỦA LUẬN ÁN

1.1. Di sản văn hóa

Trong lĩnh vực văn hóa, thuật ngữ di sản văn hóa có lẽ là một thuật ngữ có nhiều định nghĩa nhất, đứng sau thuật ngữ văn hóa với thống kê hàng mấy trăm định nghĩa tính cho đến nay. Trong một công trình nghiên cứu của mình, Tiến sĩ Jukka Jokilehto [99] đã tuyển chọn được 60 định nghĩa về di sản văn hóa/tài sản văn hóa. Các định nghĩa này được rút ra từ nhiều văn bản được viết ra bởi nhiều tổ chức, ở những thời kỳ khác nhau, ở nhiều quốc gia khác nhau nhằm cung cấp tài liệu tham khảo căn bản cho *Nhóm làm việc về Di sản và Xã hội* của tổ chức ICCROM (Trung tâm Quốc tế về nghiên cứu Bảo tồn và Bảo quản các tài sản văn hóa) trong công tác hoạch định các kế hoạch chiến lược. Trong số 60 định nghĩa được liệt kê này, có đến 18 định nghĩa do UNESCO đưa ra. Các định nghĩa của tổ chức UNESCO về di sản văn hóa là những định nghĩa được sử dụng phổ biến nhất trong các công trình nghiên cứu học thuật và trong các văn kiện pháp lý quốc tế và quốc gia ở nhiều nước liên quan đến di sản và tài sản văn hóa.

Di sản văn hóa được Công ước Bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên của thế giới của UNESCO [83] xác định bao gồm các di tích, quần thể kiến trúc và thắng cảnh. Cụ thể là:

Các di tích: Các công trình kiến trúc, điêu khắc hoặc hội họa hoành tráng, các yếu tố hay kết cấu có tính chất khảo cổ, các văn bản, các hang động và các nhóm yếu tố có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, nghệ thuật hay khoa học.

Các quần thể kiến trúc: Các nhóm công trình xây dựng đứng một mình hoặc liên kết nhau có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, nghệ thuật hay khoa học, do kiến trúc, sự thống nhất hoặc sự nhất thể hóa của chúng vào cảnh quan.

Các thắng cảnh: Các công trình của con người hoặc những công trình của con người kết hợp với các công trình của tự nhiên, cũng như các khu vực,

kể cả các di chỉ khảo cổ học, có giá trị quốc tế đặc biệt về phương diện lịch sử, thẩm mỹ, dân tộc học hoặc nhân chủng học [83: Điều 1, Mục I. Định nghĩa về di sản văn hóa và thiên nhiên].

Cũng trong Công ước này, UNESCO đã phân loại di sản thành di sản văn hóa và di sản thiên nhiên. Trong Công ước về *Bảo tồn Di sản văn hóa phi vật thể* [84], UNESCO định nghĩa khái niệm về di sản văn hóa phi vật thể như sau:

Di sản văn hóa phi vật thể được hiểu là các tập quán, các hình thức thể hiện, biểu đạt, tri thức, kỹ năng và kèm theo đó là những công cụ, đồ vật, đồ tạo tác và các không gian văn hóa có liên quan mà các cộng đồng, các nhóm người và trong một số trường hợp là các cá nhân, công nhận là một phần di sản văn hóa của họ. Được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, di sản văn hóa phi vật thể được các cộng đồng và các nhóm người không ngừng tái tạo để thích nghi với môi trường và mối quan hệ qua lại giữa cộng đồng với tự nhiên và lịch sử của họ, đồng thời hình thành trong họ một ý thức về bản sắc và sự kế tục, qua đó khích lệ thêm sự tôn trọng đối với sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người.

Di sản văn hóa phi vật thể được thể hiện dưới các hình thức sau: a) các truyền thống và biểu đạt truyền khẩu, trong đó ngôn ngữ là phương tiện của di sản văn hóa phi vật thể; b) nghệ thuật trình diễn; c) tập quán xã hội, tín ngưỡng và các lễ hội; d) tri thức và tập quán liên quan đến tự nhiên và vũ trụ; e) nghề thủ công truyền thống [84: Điều 2, Mục I. Các điều khoản chung].

Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 quy định rằng di sản văn hóa, bao gồm di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12 (Điều 1), di sản văn hóa phi vật thể được quy định là “sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng,

truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác” (Theo Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa số 32/2009/QH12, ngày 18/06/2009). Theo Luật Di sản văn hóa Việt Nam số 28/2001/QH10 (Điều 4, Chương 1), di sản văn hóa vật thể cần được hiểu như là “sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.”. Như vậy, ở Việt Nam, di sản văn hóa được thống nhất chia thành hai nhóm: vật thể và phi vật thể, tương đồng với cách phân nhóm di sản văn hóa của UNESCO và nhiều tổ chức văn hóa khác trên thế giới.

Trong thực tế, không phải lúc nào cũng có thể phân loại rõ ràng rằng di sản này thuộc hoàn toàn loại này hay loại kia. McManus [105] cũng đã từng cảnh báo các nhà nghiên cứu nên thận trọng trong việc phân chia và nhóm gộp di sản một cách riêng rẽ thành hai loại tách biệt nhau, loại có liên quan đến con người (văn hóa, được xây dựng) và loại có tính vật chất (thiên nhiên) sẽ dẫn đến một sự phân loại sai hoàn toàn do mối liên quan năng động giữa con người và cảnh quan từ những thời kỳ xa xưa nhất cho đến nay. Một điểm di sản không đơn giản hoàn toàn là văn hóa hoặc thiên nhiên, thậm chí là vật thể hay phi vật thể. Nhiều điểm di sản thiên nhiên như là các công viên quốc gia ở nhiều nước cũng có các thành tố liên quan đến hoạt động của con người. Một số điểm di sản khác như là di chỉ kiến trúc, di chỉ khảo cổ học, đồ tạo tác hoặc di tích có thể hiển hiện và được nhìn thấy như là những tài sản vật thể, thế nhưng lịch sử của chúng, giá trị thẩm mỹ, kiểu kiến trúc, các câu chuyện và con người gắn kèm với mỗi di sản lại là những di sản phi vật thể đi cùng với những biểu hiện vật chất. Nhiều tài sản khác rõ ràng là một tổng thể phức hợp của các yếu tố văn hóa vật thể và phi vật thể. Chính sự không rõ ràng này tạo nên sự đa dạng trong phương thức biểu hiện của di sản. Hiểu rõ về bản chất của một điểm di sản, thiên nhiên, văn hóa hay hỗn hợp, là điều cần thiết nhất để có thể thiết kế ra được các mục tiêu, kế hoạch và phương tiện phù hợp cho công tác bảo tồn và phát triển di sản đó.

Một vài cách phân loại di sản khác cũng được giới thiệu trong một số công trình của các nhà nghiên cứu và quản lý di sản trên thế giới [103], [107], [119]. Mỗi cách phân loại có cơ sở lập luận riêng khi nhóm loại di sản, tuy nhiên, tất cả các

công trình này đều thống nhất chung ở một điểm là khẳng định giá trị văn hóa đặc sắc của di sản ở mọi vùng miền và quốc gia trên thế giới. Bản thân từ *di sản* đã hàm nghĩa một thứ gì đó được chuyển giao từ thế hệ này sang thế hệ khác, đóng vai trò chuyên chở các giá trị lịch sử từ quá khứ và giao các giá trị này cho thế hệ hiện tại như một phần của truyền thống văn hóa của một xã hội [107, tr. 249]. Giá trị của di sản đối với một xã hội là không thể phủ nhận về mọi mặt, từ lịch sử, văn hóa, thẩm mỹ, giáo dục và rõ ràng là về cả mặt kinh tế khi đặt di sản trong mối quan hệ với du lịch văn hóa/du lịch di sản. Như vậy, quản lý di sản văn hóa một cách hợp lý là điều cốt lõi để một xã hội có thể lưu giữ được các tài sản văn hóa của mình cho thế hệ người dân hiện tại và tương lai.

1.2. Giá trị của di sản văn hóa và vấn đề bảo vệ và quản lý di sản văn hóa trên thế giới

Di sản văn hóa và thiên nhiên là một trong những tài sản vô giá và không thể thay thế, không chỉ riêng của một quốc gia nào mà là của toàn nhân loại. Sự mất đi, do bị xuống cấp hay bị tàn phá, của bất cứ cái gì trong số những tài sản quý giá nhất này cũng sẽ làm nghèo đi di sản của tất cả mọi người trên thế giới [139, tr. 2].

Là kết quả của sức sáng tạo của con người và được trao truyền qua nhiều thế hệ, di sản văn hóa cho chúng ta biết nhiều về sự tồn tại của con người qua các thời kỳ lịch sử khác nhau, về truyền thống, tín ngưỡng, cách sống, tri thức và các thành tựu khoa học của họ. Không còn di sản văn hóa, ý niệm về những thế hệ con người đã từng tồn tại cũng trở nên mơ hồ hoặc bị lãng quên. Đối với thế hệ hiện tại và các thế hệ trong tương lai, di sản văn hóa là cầu kết nối họ với nguồn gốc lịch sử và văn hóa của cộng đồng và tộc người mình, là nền tảng xã hội và là những ví dụ tiêu biểu nhất cho những thành tựu to lớn trong quá trình phát triển lịch sử và văn hóa của họ.

Ý nghĩa của thuật ngữ *di sản văn hóa* đã thay đổi nhiều trong nhiều thập kỷ qua. Trước đây, chúng ta vẫn thường nghĩ và cho rằng di sản văn hóa là những tuyệt tác có giá trị nghệ thuật hoặc lịch sử; thế nhưng nhiều năm gần đây, quan niệm về di sản văn hóa đã được mở rộng hơn tới mọi thứ có giá trị văn hóa đặc biệt với con người, bất kể là lớn hay nhỏ, nổi tiếng hay không nổi tiếng,... Quan niệm về giá trị và đóng góp của di sản văn hóa đối với người dân nhiều nơi cũng có nhiều thay đổi.

Di sản văn hóa không chỉ là sự phản ánh những thành quả văn hóa và sự phát triển lịch sử của các cộng đồng sở hữu nó, mà còn là nguồn tài nguyên phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống cho người dân. Di sản văn hóa không chỉ là những đối tượng luôn thụ động nhận sự đầu tư của nhà nước và cộng đồng, mà ngược lại, nó có thể tạo ra các sản phẩm và dịch vụ có thể mang lại lợi ích kinh tế to lớn. Di sản văn hóa là “nguyên liệu” đầu vào để phát triển du lịch văn hóa, thúc đẩy các lĩnh vực kinh tế khác có liên quan khác như sản xuất thủ công nghiệp, thời trang, thực phẩm, thiết kế,... cho nhiều nền kinh tế trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Nghiên cứu về giá trị và đóng góp của di sản văn hóa đối với đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội của các cộng đồng sở hữu di sản đã được nhiều nhà nghiên cứu ở nước ta đề cập tới trong nhiều công trình nghiên cứu nhiều năm qua. Nhiều bài nghiên cứu ở Việt Nam cũng đã khẳng định rằng di sản văn hóa là một nguồn lực để phát triển du lịch. Trong nghiên cứu về vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa - thiên nhiên thế giới phục vụ phát triển ở nước ta, tác giả Nguyễn Quốc Hùng [29] khẳng định rằng di sản văn hóa ngày càng có nhiều đóng góp quan trọng vào sự phát triển của đất nước. Nhiều di sản đã trở thành điểm đến quan trọng trong các tuyến du lịch, góp phần đáng kể vào nguồn thu ngân sách của cả nước và địa phương (thông qua nguồn thu từ vé tham quan, tạo công ăn việc làm, thu hút đầu tư nước ngoài, nâng cấp cơ sở hạ tầng địa phương). Bài viết của Nguyễn Thị Chiến đăng trên Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật số 2 năm 2004 [17] đề cập tới việc khai thác di sản văn hóa như là một tài nguyên du lịch. Cùng nhận định tương tự, nghiên cứu của Trương Quốc Bình cũng nhấn mạnh đến vai trò của các di sản văn hóa với sự phát triển du lịch [16]. Cụ thể hơn, bài viết của Hồ Xuân Tịnh (2008) [63] lưu ý rằng di sản văn hóa (bao gồm các sản phẩm thủ công truyền thống như đồ mây tre đan, vải dệt thổ cẩm, lễ hội cổ truyền,) của các cộng đồng dân cư sống trên tỉnh Quảng Nam nói riêng, cả nước nói chung, cần được khai thác trở thành các sản phẩm văn hóa thu hút khách du lịch, bên cạnh việc địa phương quan tâm phát triển cơ sở hạ tầng, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích, danh thắng và các lễ hội truyền thống. Tác giả này nhấn mạnh rằng những sản phẩm văn hóa đó

không chỉ mang lại thu nhập cho nhân dân địa phương mà còn giới thiệu những giá trị văn hóa của vùng đất và con người Quảng Nam ra bên ngoài một cách hữu hiệu nhất. Trong khi đó, nghiên cứu của Phạm Thị Mộng Hoa và Lâm Thị Mai Lan (2000) về *Du lịch đối với các dân tộc thiểu số ở huyện Sa Pa* [24] cũng cho thấy nhận định tương tự khẳng định rằng các di sản văn hóa, đặc biệt là các di sản văn hóa thể hiện bản sắc đặc trưng của một số tộc người thiểu số ở Sapa như Mông, Dao, Sa Phó,... là những giá trị có sức hút du lịch lớn và ổn định.

Trong năm 2013, một cuộc hội thảo lớn với sự tham gia của nhiều nhà nghiên cứu, học giả và các nhà quản lý trong lĩnh vực di sản và du lịch đã được Tổng cục Du lịch và UBND tỉnh Quảng Nam phối hợp tổ chức với chủ đề *Phát huy giá trị di sản văn hóa đối với phát triển du lịch - Kinh nghiệm từ Hội An* [64], làm rõ các quan điểm tiếp cận và những vấn đề có liên quan về khai thác các giá trị kinh tế du lịch của di sản từ kinh nghiệm của Khu đô thị cổ Hội An, làm cơ sở áp dụng cho những điểm di sản khác trong cả nước.

Vì giá trị và ý nghĩa to lớn của di sản văn hóa đối với mọi cá nhân, mọi cộng đồng, mọi quốc gia và toàn nhân loại, di sản văn hóa cần được bảo vệ và quản lý một cách bền vững nhằm đảm bảo những di sản này sẽ tiếp tục được tồn tại và là biểu tượng cho sự sáng tạo không ngừng nghỉ của con người. Bảo vệ, bảo tồn và quản lý di sản đã trở thành một vấn đề có tính toàn cầu và cấp thiết bởi những nguy cơ mà nguồn tài nguyên văn hóa này đang phải đối mặt ở khắp nơi trên thế giới.

Một loạt các tổ chức văn hóa thế giới như UNESCO (Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hiệp quốc), ICOSMOS (Hội đồng quốc tế về di tích và di chỉ), ICCROM (Trung tâm Quốc tế về nghiên cứu Bảo tồn và Bảo quản các tài sản văn hóa), ICOM (Hội đồng quốc tế các bảo tàng), AHC (Ủy ban Di sản Australia), World Monuments Fund (Quỹ di tích thế giới),... trong nhiều năm qua đã nỗ lực thiết lập nên hệ thống các nguyên tắc căn bản hoặc đề xuất các thực hành tốt nhất hỗ trợ các quốc gia trên toàn thế giới trong công tác bảo vệ và quản lý di sản vật thể và phi vật thể. Vai trò căn bản nhất của các hiến chương hoặc nguyên tắc công bố liên quan đến di sản của các tổ chức quốc tế này là đưa ra tuyên bố về các nguyên tắc, hướng dẫn cho công tác bảo tồn và quản lý các điểm có giá trị văn hóa.

Các văn bản này còn đề cập đến nhiều vấn đề khác như là giá trị của di sản, vấn đề bảo tồn, vấn đề về ý nghĩa di sản và các giai đoạn liên quan tới quá trình lập kế hoạch bảo tồn di sản [35], [36], [37], [38], [39], [40]. Nhiều nguyên tắc thực hành hiệu quả đề xuất bởi các văn bản quốc tế này đã được nhiều quốc gia đưa vào trong các quy định pháp lý hoặc chính sách quản lý di sản của riêng mình.

Bên cạnh các văn bản pháp lý quốc tế kể trên là những đóng góp của nhiều công trình nghiên cứu của nhiều học giả, các nhà thực hành, các nhà quản lý trong lĩnh vực di sản văn hóa trên thế giới và ở Việt Nam. Bài viết của Đặng Văn Bài [9] về *Tính liên ngành trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa* đề cập tới tính liên ngành trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam như là một hướng tiếp cận cần thiết và phù hợp với thực tiễn hệ thống quản lý di sản văn hóa hiện nay ở Việt Nam. Tương tự, trong một bài viết khác về *Quy hoạch và xây dựng đô thị với vấn đề bảo tồn di sản văn hóa*, học giả này cũng lưu ý tới mối liên hệ giữa quy hoạch đô thị với hoạt động bảo tồn di sản [8]. Những bài viết của Bùi Hoài Sơn về *Các quan điểm lý thuyết về quản lý di sản* [56] và *Di sản để làm gì và một số câu chuyện quản lý di sản ở Việt Nam* [57] cũng đặt ra vấn đề cốt lõi về quan điểm và hướng tiếp cận trong công tác quản lý di sản văn hóa ở nước ta, thể hiện góc nhìn đa dạng về công tác bảo tồn và quản lý di sản văn hóa ở Việt Nam trong những năm vừa qua. Một số nghiên cứu khác đề cập tới những vấn đề đặt ra trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa như việc xây dựng hệ thống quản lý có hiệu quả trong một số nghiên cứu của Đặng Văn Bài về *Vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa* [5], *Xây dựng hệ thống pháp lý bảo vệ di sản văn hóa* [6] hay như trong bài viết của tác giả Nguyễn Quốc Hùng về việc quản lý và phát huy tác dụng di sản văn hóa [26], vấn đề về giáo dục và nâng cao nhận thức tự bảo vệ di sản cho cộng đồng trong nghiên cứu của tác giả Trương Quốc Bình [15],.... Ở hướng tiếp cận khác, xuất phát từ kinh nghiệm thực tiễn, một số nhà nghiên cứu đề xuất ra các giải pháp cụ thể và sát với nhiều loại hình di sản cụ thể như những đề xuất của tác giả Nguyễn Thị Minh Lý cho việc tăng cường nhận thức và biện pháp quản lý lễ hội từ hướng tiếp cận quản lý di sản văn hóa phi vật thể [47].

Theo McKercher & du Cros [103, tr. 43], quản lý và bảo tồn di sản văn hóa là việc chăm sóc một cách có hệ thống nhằm gìn giữ giá trị văn hóa của di sản văn hóa cho sự hưởng thụ của thế hệ hiện tại và tương lai. Hiểu một cách đơn giản hơn, bảo vệ và quản lý di sản trong bối cảnh hiện nay là bảo vệ được di sản đó một cách thích hợp, lâu dài và bền vững.

Một quan niệm về bảo tồn và quản lý di sản tương tự cũng được đề cập đến trong *Hướng dẫn thực hiện Công ước về Di sản Thế giới* [139] khẳng định rằng di sản văn hóa và thiên nhiên là những tài sản vô giá và không thể thay thế được không chỉ đối với các quốc gia mà còn đối với toàn thể nhân loại; những mất mát do hư hại hoặc biến mất của bất kỳ tài sản đã được trao tặng danh hiệu này sẽ mang đến sự nghèo nàn cho hệ thống di sản của các dân tộc trên thế giới. Hướng dẫn này cũng cung cấp các công cụ mà các quốc gia thành viên cần có trong công tác bảo vệ và quản lý di sản nói chung, và di sản văn hóa thế giới nói riêng, bao gồm: Công cụ pháp lý cho việc bảo vệ, xác lập ranh giới bảo vệ hiệu quả, vùng đệm, các hệ thống quản lý và sử dụng bền vững.

Cho đến nay, việc bảo vệ và quản lý di sản văn hóa được nhận thức rõ ràng không phải là một công việc dễ, đòi hỏi nhiều nỗ lực của tất cả những người có liên quan đến di sản. Đặc biệt hơn nữa là khi các di sản này trở thành Di sản thế giới, là tài sản vô giá của không chỉ nước sở tại mà của cả nhân loại thì công việc quản lý và bảo tồn này càng trở nên khó khăn và thách thức hơn bởi việc quản lý các khu di sản này còn phải tuân thủ chặt chẽ các quy định, quy tắc quản lý quốc tế. Sự hiện diện của các văn kiện pháp lý quốc tế, cùng với các công trình nghiên cứu cụ thể của nhiều học giả trong lĩnh vực di sản trên thế giới đã cung cấp cho các nhà thực hành, các nhà quản lý di sản văn hóa ở nhiều điểm di sản tại nhiều quốc gia có được khung tham chiếu và các nguyên tắc, cũng như các công cụ đề xuất cần có căn bản để điều chỉnh áp dụng. Từ những cơ sở này, mỗi trường hợp điểm di sản cụ thể cần có điều chỉnh phù hợp với đặc điểm riêng về di sản, sở hữu di sản và quan điểm lẫn chính sách quản lý văn hóa của riêng mình.

Ngoài việc tuân theo các nguyên tắc bảo tồn và quản lý di sản văn hóa mà một điểm di sản lựa chọn, thì việc có được các biện pháp quản lý phù hợp và hiệu

quả là điều quan trọng đối với công tác này. Nhận thức rất rõ tầm quan trọng của việc có được một hệ thống quản lý di sản văn hóa có hiệu quả, nhiều cơ quan, tổ chức trên thế giới đã tổ chức nhiều trao đổi khoa học với sự tham gia của các nhà nghiên cứu, những người quản lý và xây dựng chính sách trong lĩnh vực quản lý và bảo tồn di sản văn hóa nhằm liên tục cập nhật, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và điều chỉnh hướng tiếp cận cũng như các biện pháp can thiệp trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực này.

Ở Việt Nam, trong những năm qua, nhiều hội thảo tương tự đã được tổ chức để có thể hỗ trợ kịp thời cho công tác quản lý có hiệu quả hơn di sản văn hóa ở nước ta, cụ thể như: Hội thảo *Công nghệ GIS với việc Quản lý di sản văn hoá và phát triển du lịch* (qua trường hợp đô thị cổ Hội An) (Hội An, 3/2008), Hội thảo *Bộ công cụ thiết kế, triển khai và đánh giá các dự án bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể* (11/2013) do Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam phối hợp cùng Văn phòng UNESCO tại Hà Nội tổ chức; Hội thảo *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong quá trình hiện đại hóa* (3/2013, do Văn phòng UNESCO tại Hà Nội phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức); Hội thảo *10 năm thực hiện công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO: Bài học kinh nghiệm và định hướng tương lai* (6/2013, Quảng Nam);.... Tại những cuộc hội thảo này, những vấn đề liên quan tới công tác quản lý và bảo tồn di sản văn hóa ở Việt Nam nói chung, ở một số điểm di sản văn hóa lớn nói riêng (Hội An, Huế, Hà Nội, Mỹ Sơn,...) đã được đưa ra thảo luận.

1.3. Các tác động của du lịch

Tác động của du lịch đã đang được nghiên cứu rất kỹ lưỡng ở nhiều quốc gia trên toàn thế giới vì du lịch đã nổi lên trở thành một trong những ngành lớn về hoạt động tạo ra thu nhập và mang đến nhiều cơ hội nghề nghiệp cho nhiều cộng đồng trên toàn thế giới. Dường như không nơi nào trên trái đất hiện nay, dưới ảnh hưởng của du lịch, lại có thể giữ mình trong thế tách biệt vì dòng cuốn ngày càng mạnh mẽ của hiện tượng toàn cầu hóa này. Với những lợi ích kinh tế nó mang lại, nhiều quốc gia trên thế giới đang đặt du lịch vào danh mục ưu tiên hàng đầu cho sự phát triển

quốc gia. Cũng từ xu hướng này, các tác động mọi mặt của du lịch lên người dân các vùng có hoạt động du lịch trở thành một chủ đề được nhiều học giả quan tâm

Phần lớn các nghiên cứu về tác động của du lịch ở giai đoạn đầu tập trung vào các lĩnh vực môi trường và kinh tế, do xu hướng thay đổi quan niệm về phát triển của thế giới chuyển sang mô hình *Phát triển bền vững* nổi lên từ Chương trình 21 (Agenda 21) của Liên Hiệp Quốc (1992). Gần đây, mối quan tâm chú ý của giới học giả trong nghiên cứu tác động du lịch lại khai thác nhiều hơn đến các tác động mang tính xã hội và văn hóa của du lịch lên người dân các vùng du lịch. Nhiều dự án, đề tài nghiên cứu đề cập các vấn đề liên quan đến chủ đề nóng này, bao gồm các nghiên cứu xác định tác động đến các tác động xã hội, đánh giá mức độ tác động, xây dựng hệ chỉ báo, tiêu chí đánh giá tác động, dự báo xu hướng,...

Hầu hết các nghiên cứu đều cùng có chung một quan điểm thừa nhận sự tồn tại to lớn của các tác động du lịch lên không chỉ môi trường, đời sống kinh tế mà còn ảnh hưởng sâu sắc và đưa tới nhiều biến đổi trong đời sống xã hội, văn hóa của cộng đồng dân địa phương. Mathieson & Wall [102] đã đưa ra một khung nghiên cứu cho các tác động tích cực và tiêu cực của du lịch khi phân chia các tác động này thành ba mảng: Tác động kinh tế, tác động môi trường và tác động xã hội - văn hóa. Khung nghiên cứu này sau này đã được nhiều nhà nghiên cứu về tác động của du lịch áp dụng [100], [135], [102], [103], [109]. Những công trình này là những công trình nghiên cứu tổng quan, đề cập đến mọi tác động mà du lịch có thể mang đến cho các điểm du lịch. Bên cạnh đó là nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu hơn về từng tác động, chủ yếu tập trung ở các mảng như tác động về kinh tế, tác động môi trường, tác động văn hóa – xã hội, hoặc cụ thể hơn nữa là tác động của các hoạt động du lịch lên di sản (thiên nhiên, văn hóa), hoặc lên các điểm di sản có tầm quan trọng thế giới (như trường hợp các điểm di sản đã được đưa vào danh sách Di sản Thế giới của UNESCO chẳng hạn) [91], [119], [121], [124],...

1.3.1. Tác động kinh tế

Nhiều nghiên cứu, bao gồm cả các nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu lý thuyết hay nghiên cứu trường hợp, đã đề cập rất kỹ đến các tác động này của du lịch [90], [100], [135], [102], [114], [117], [122],...

Hầu hết các nghiên cứu hiện nay đều cùng khẳng định rằng ngành công nghiệp du lịch tạo ra một nguồn lợi kinh tế khổng lồ cho cả các địa phương, quốc gia có điểm đến du lịch và cho cả các quốc gia nơi du khách xuất phát. Đặc biệt là ở các nước đang phát triển, một trong những động lực chính cho một khu vực trở thành một điểm đến du lịch là do có mong muốn có sự tăng trưởng về kinh tế. Cũng tương tự như các tác động khác của du lịch, sự phát triển kinh tế lớn này thể hiện ở nhiều mặt khác nhau và các tác động kinh tế tiêu cực hiện đã đang được các nhà nghiên cứu quan tâm mạnh mẽ hơn so với các nghiên cứu sớm về vấn đề này, đặc biệt là ở những khu vực, hay quốc gia mà ngành du lịch đã trải qua giai đoạn phát triển ban đầu. Một trong các nghiên cứu chỉ ra khá đầy đủ về các tác động kinh tế của du lịch trong số này phải kể đến nghiên cứu của Glenn Kreag [135] và UNEP.

Các tác động kinh tế của du lịch đã được đề cập rất chi tiết trong nhiều công trình nghiên cứu của nhiều học giả và nhiều tổ chức trên thế giới. Mỗi công trình có một hướng tiếp cận vấn đề khác nhau, đơn giản là liệt kê các tác động và phân loại các tác động như: tác động tiêu cực - tích cực, tác động trực tiếp - gián tiếp, tác động thực - tác động nhận thức bởi cộng đồng ([100], [135], [102], [103], UNEP, WTO,...); một số khác lại nghiên cứu mang tính tổng quan lý thuyết hơn khi xem xét và đánh giá lại các công trình nghiên cứu khác có cùng chủ đề để từ đó rút ra hướng tiếp cận phù hợp hơn. Thiết thực hơn nữa là công trình của Daniel J. Styles [115] đã đưa ra hẳn một cẩm nang mà ở đó, bên cạnh việc làm rõ các tác động có thể của du lịch lên nền kinh tế điểm đến, tác giả còn xây dựng được một cẩm nang khá hoàn thiện mà qua đó, các chuyên gia du lịch có thể dựa vào để xác định, phân tích, đánh giá, điều chỉnh các tác động kinh tế của hoạt động du lịch. Cụ thể hơn, Daniel J. Styles đã đề cập đến: Các tác động theo cấp số nhân của du lịch là gì? Làm thế nào để đo đạc các tác động kinh tế của du lịch? Làm thế nào để thiết kế được một nghiên cứu đánh giá về tác động kinh tế của du lịch? Làm thế nào để đánh giá/thuyết minh về một nghiên cứu tác động kinh tế của du lịch? Một nghiên cứu tác động kinh tế của du lịch tốn bao nhiêu?...

Sự đa dạng trong hướng tiếp cận, lý thuyết áp dụng, đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu của các nghiên cứu hiện nay về tác động kinh tế của du lịch cho

thấy sự quan tâm mạnh mẽ của giới học thuật dành cho vấn đề quan trọng này. Bởi lẽ, hầu hết các học giả, các nhà thực hành, các nhà quản lý trong lĩnh vực du lịch, kinh tế đều đã đang nhận thấy rằng các tác động kinh tế của du lịch luôn là nguồn gốc căn bản sâu xa dẫn đến các tác động khác, từ đó, dẫn đến những biến đổi về nhận thức và hành vi của người dân lẫn du khách vùng du lịch.

1.3.2. Tác động văn hóa - xã hội

Nghiên cứu về các tác động văn hóa và xã hội của du lịch đã đang thu hút mối quan tâm của rất nhiều học giả ở nhiều nơi trên thế giới, [98], [100], [135], [102], [108], [119], [121], [128],... , trong đó có cả Việt Nam [41], và các tổ chức quốc tế như UNEP, WTO, UNESCO,... Mỗi nghiên cứu có một cách tiếp cận khác nhau, tuy nhiên đều khẳng định rằng tác động xã hội - văn hóa của du lịch là rõ rệt và ngày càng đặt ra yêu cầu phải được tìm hiểu kỹ càng hơn và có những đề xuất mang tính thực tiễn hơn cho các địa phương hoặc quốc gia có sự tác động mạnh đó của du lịch, đặc biệt là ở những khu vực hay quốc gia đang phát triển nơi du lịch vẫn đang trong đà phát triển nhanh và mạnh, thiếu ổn định, thiếu tính bền vững và thiếu một hệ thống quản lý hiệu quả.

Glenn Kreag trong nghiên cứu tác động của du lịch [135] đã liệt kê ra được một loạt các tác động đã và đang được tạo ra bởi hoạt động du lịch, trong đó, cụ thể hơn về tác động xã hội, văn hóa và thái độ cộng đồng được ông đưa ra như sau:

Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
- Nâng cao chất lượng sống. - Thúc đẩy việc giao lưu gặp gỡ với du khách (Trải nghiệm giáo dục). - Thay đổi tích cực về giá trị và phong tục. - Khuyến khích giao lưu văn hóa. - Tăng cường sự hiểu biết về các	- Nhiều hoạt động cờ bạc, nghiện rượu, uống. - Nhiều trường hợp uống rượu bia dưới tuổi cho phép. - Tội phạm, ma túy, mại dâm. - Nhiều hoạt động trộm cắp. - Ảnh hưởng đến ngôn ngữ và văn hóa. - Thay đổi lối sống không mong muốn. - Thay thế cư dân địa phương vì sự phát triển du lịch.

cộng đồng khác nhau. - Bảo lưu bản sắc văn hóa của cộng đồng bản xứ. - Tăng trưởng nhu cầu về các triển lãm văn hóa và lịch sử. - Dung hòa hơn với những khác biệt văn hóa. - Thỏa mãn các nhu cầu tâm lý. - Tăng lòng tự hào về địa phương. - Tôn trọng tài nguyên địa phương hơn. - Nhiều thiết chế hoặc lựa chọn hơn cho cộng đồng. - Xây dựng nên một địa phương đẹp và thú vị hơn cho cộng đồng sở tại.	- Thay đổi tiêu cực về giá trị và phong tục. - Bão hoại giá trị gia đình. - Chia tách cư dân địa phương với tài nguyên tự nhiên của chính họ. - Cấu trúc xã hội thay đổi. - Tai họa tự nhiên, chính trị, quan hệ công chúng. - Tăng sự chia tách trong cộng đồng - Bức đồng/sôi nổi trong cộng đồng và đời sống từng người dân. - Tạo ra nền văn hóa dân gian giả. - Người dân cảm thấy mình bị loại bỏ và thay thế trong các mối quan tâm hoạch định và phát triển. - Cảm thấy mất kiểm soát tương lai của địa phương (bởi sự phát triển của những người từ bên ngoài vào). - Nhiều công trình không phù hợp với cộng đồng.
--	--

Nguồn: [135]

C.L.Jenkins [98] trong một bài viết tham gia *Hội nghị quốc tế các nhà quản lý du lịch thế giới về tác động xã hội của du lịch* tại Manila, Phillipines năm 1997 đã trình bày rất kỹ về các tác động xã hội của du lịch, đồng thời, ông cũng đưa ra được một số điểm lý giải cho những tác động đó và đặt ra một số vấn đề mà các địa phương, khu vực, quốc gia có thể tham khảo để củng cố các tác động tích cực, hạn chế và giải quyết các tác động tiêu cực của sự phát triển du lịch lên đời sống xã hội của người dân vùng du lịch.

Bên cạnh những nghiên cứu có tính tổng quát này, nhiều học giả khác lại quan tâm đến việc làm rõ tác động xã hội, văn hóa của du lịch thông qua các nghiên cứu trường hợp cụ thể [100], [114]. Các nghiên cứu này giúp các nhà quản lý,

hoạch định chính sách, đơn vị kinh doanh dịch vụ và cả cộng đồng có được hiểu biết và nhìn nhận đầy đủ hơn về đóng góp cũng như hạn chế mà du lịch mang đến cho con người trong bối cảnh toàn cầu hóa, hiện đại hóa hiện nay ở nhiều địa phương, nhiều quốc gia.

1.3.3. Tác động đối với di sản văn hóa

Tác động của các hoạt động du lịch lên nguồn tài nguyên văn hóa, đặc biệt là các di sản văn hóa có giá trị lớn ở cấp quốc gia và quốc tế là vấn đề nhận được mối quan tâm đặc biệt của nhiều nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách, các nhà thực hành QLDS và DL. Một mặt cùng thừa nhận rằng nguồn thu từ du lịch là một công cụ hữu hiệu hỗ trợ cho công tác bảo tồn và quản lý di sản [91], [103], [135]. Mặt khác, các nghiên cứu này cũng nhấn mạnh đến các tác động tiêu cực mà hoạt động du lịch đã ảnh hưởng đến giá trị di sản cần được lưu tâm và coi trọng [40], [129], [100], [109], [121], [124],...

McKercher và du Cros [103] đều đồng ý rằng du lịch [văn hóa] đang nhanh chóng được thừa nhận là một cách sử dụng tiềm năng các di sản. Đối với các di tích và người quản lý, du lịch tạo ra lợi nhuận và lợi nhuận đó có thể tái đầu tư vào việc tìm kiếm, lưu trữ, lập kế hoạch và bảo tồn vốn là những công việc quan trọng của việc quản lý bền vững các di tích văn hóa [103, tr. 45]. Đối với cộng đồng, du lịch có thể mang lại sự phát triển kinh tế như cải thiện cơ sở hạ tầng, độc lập hơn về kinh tế, nhiều cơ hội việc làm hơn cho người dân sở tại với mức thu nhập tăng lên và nhiều nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ thuế và phí hơn. Những ích lợi này của du lịch càng trở nên quan trọng hơn đối với các quốc gia đang và kém phát triển, nơi mà sự tăng trưởng kinh tế luôn được đặt lên hàng đầu và các di tích văn hóa luôn phải đối mặt với nhiều khó khăn như nguồn tài trợ kinh phí hạn chế từ chính phủ. Ở những nước này, các nhà quản lý thường gặp phải những khó khăn trong việc đáp ứng được các mục tiêu bảo tồn với nguồn kinh phí hạn chế từ việc cắt giảm kinh phí của chính phủ nhằm đảm bảo sự bền vững cho các khu di sản [95, tr. 684]. Phát triển du lịch và những hiệu quả kinh tế mà nó mang lại vì thế quan trọng đối với một địa phương, một khu di sản ở những quốc gia đang muốn đạt được sự bền vững trong phát triển kinh tế và quản lý di sản.

Một vài nhà nghiên cứu khác cũng có chung quan điểm với McKercher và du Cros về tác dụng tạo lợi nhuận của du lịch ở các điểm di sản [88], [92], [101], [107], [113]. Li, Wu và Cai [101] đồng ý rằng du lịch là nguồn cung cấp kinh phí để bảo tồn các di sản trong khi Aas, Ladkin và Fletcher [88] nhấn mạnh rằng với lợi ích kinh tế của du lịch đối với địa phương, chi phí cao trong bảo tồn di sản văn hóa khiến cho “thu nhập từ du lịch” trở nên không thể thiếu và du lịch đang dần được biết đến như một trong những hoạt động tạo thu nhập chính đối với nhiều địa điểm di sản. Nuryanti [107] thậm chí còn khẳng định rằng phát triển du lịch di sản “là một phần của việc tái cấu trúc nền kinh tế” [107, tr. 257].

Không ai có thể phủ nhận lợi ích lớn lao về kinh tế mà du lịch mang lại cho điểm di sản. Cộng đồng địa phương ở bất kỳ vùng nào đã, đang có sự phát triển về du lịch thường nhận ra lợi ích này trước tiên. Trên thực tế, du lịch đóng vai trò quan trọng hơn nhiều, đặc biệt là đối với một điểm di sản. Ngoài việc tạo thu nhập cho người dân địa phương, nâng cao đời sống kinh tế và đồng thời hỗ trợ việc bảo tồn di sản bằng cách cung cấp nguồn tài trợ về kinh phí ổn định, du lịch văn hóa, trong đó có du lịch di sản được công nhận rộng rãi là một phương thức có hiệu quả thu hút sự chú ý của thế giới đối với giá trị văn hóa của các di sản ở mọi vùng miền, mọi quốc gia. Cùng lúc đó, việc này mang đến sự nhận biết lớn hơn về tầm quan trọng của việc bảo vệ và bảo tồn các di sản văn hóa [103, tr. 2], [104, tr. 539]. Một khi người dân đã nhận ra và đánh giá cao giá trị đặc biệt của các di sản và di tích văn hóa của họ, một khi niềm tự hào của họ được củng cố, họ sẽ cố gắng hết sức để tự bảo vệ chúng [91, tr. 98]. Điều này thực sự mang tính bền vững vì không ai có thể đối xử tốt với các di sản hơn người sở hữu, giám hộ chúng.

Ngoài ra, du lịch di sản văn hóa còn có chức năng giáo dục vì nó nhắc nhở mọi người về gốc gác văn hóa của họ và giúp họ hình thành nên bản sắc của mình [101, tr. 311]; thúc đẩy mối quan tâm của mọi người đến lịch sử, văn hóa [104, tr. 539]; giúp chính phủ trong việc tác động đến dư luận và giành được sự ủng hộ những mục tiêu về tư tưởng quốc gia; thúc đẩy những tham vọng quốc gia, hình thành hình ảnh tích cực về đất nước và bản sắc dân tộc [101]. Với những vai trò

trên, sự phát triển du lịch có thể làm thay đổi thái độ của người dân và ảnh hưởng đến chính quyền trong ban hành chính sách về quản lý phát triển các di sản văn hóa.

Tóm lại, vai trò quan trọng của phát triển du lịch ở các điểm di sản là không phải bàn cãi qua những thừa nhận của nhiều nhà hoạt động và nhiều nhà nghiên cứu trong lĩnh vực này. Đồng thời, họ cũng nhận thức rất rõ được những mặt trái của du lịch văn hóa. Mỗi quan hệ giữa phát triển du lịch và quản lý di sản văn hóa không chỉ đơn giản là mối quan hệ cung - cầu hoặc sản xuất - tiêu thụ [107]. Mối quan hệ này phức tạp hơn nhiều vì cái cốt lõi trong đó là di sản văn hoá, một tài sản rất quan trọng và không thể tái tạo lại được của con người đòi hỏi sự quan tâm, cân nhắc hơn so với các sản phẩm khác.

Về mặt lý thuyết, du lịch tốt cho sự phát triển kinh tế và bảo tồn di sản; thế nhưng trong thực tế, du lịch là một con dao hai lưỡi đối với cộng đồng và với việc quản lý di sản văn hóa ở một vùng. Vì thế, các tác động tiêu cực của sự phát triển du lịch cũng đã không bị bỏ qua trong bất kỳ một trao đổi nào có liên quan. McKercher và du Cros [103] đã đưa ra một danh sách những tác động ghê gớm của du lịch lên cộng đồng người dân địa phương và văn hóa của họ: tài nguyên bị lạm dụng bởi du khách, phụ thuộc quá nhiều vào du lịch dẫn đến tình trạng mất tự chủ và mất đi các sinh hoạt văn hóa cổ truyền đặc sắc, những ảnh hưởng tiêu cực từ những hành vi xấu của du khách, phát triển cơ sở hạ tầng du lịch không có kế hoạch tốt, giới hạn người hưởng lợi và sự phân bố thu nhập không đồng đều, mất quyền kiểm soát các tài sản văn hóa và sự xuống cấp của các di sản.

Đồng tình với những quan sát này, nhiều người cũng cho rằng các giá trị văn hóa có thể bị thương mại hóa và bị phá hủy do sự “du lịch hóa” (tourismification) các điểm di sản [95], [97], [101], [104]; và du lịch có thể là nguy cơ tiềm ẩn cho sự phá hủy di sản [88], [91]. Du lịch di sản, dù là du lịch đại trà với lượng du khách lớn, hay du lịch văn hóa/di sản chuyên biệt với các nhóm du khách nhỏ, có kiến thức và mối quan tâm sâu sắc dành cho di sản cao hơn cũng đều tác động lên môi trường văn hóa - xã hội, sinh thái và kinh tế tương tự nhau [119, tr. 3391]. Các hoạt động du lịch tạo ra các tác động vật chất lên di sản dưới hình thức như phá hoại, bào mòn và gây ô nhiễm môi trường xung quanh chúng, mặc dù du lịch cũng có thể hỗ

trợ công tác bảo tồn và hình thành các quỹ cho công tác đó. Về mặt xã hội - văn hóa, du lịch tác động đến nguồn tài nguyên văn hóa theo cách làm thay đổi hình thức và chức năng của các công trình nghệ thuật truyền thống, hàng hóa hóa văn hóa sống, sự đông đúc và thái độ thiếu thiện cảm của cộng đồng sở hữu di sản đối với du khách,...

Mâu thuẫn giữa bảo tồn và phát triển du lịch ngày càng rõ hơn ở nhiều điểm di sản. Một mặt, du lịch là động lực cho sự phát triển kinh tế địa phương và là nguồn cung cấp tài chính bền vững cho di sản, nhưng mặt khác du lịch có thể gây hại cho các di sản khi số lượng du khách tăng lên. Điều này khiến cho mối quan hệ giữa hai bên căng thẳng và không thể giải quyết trong một sớm một chiều và với không ít nỗ lực từ hai phía. Trên thực tế, bản thân du lịch không tốt hay xấu; cách thức con người quản lý, vận hành và phát triển nó mới là vấn đề. Vì vậy, một khi du lịch ở điểm di sản được quản lý phù hợp, sự quản lý và bảo tồn di sản có thể được đảm bảo ở mức độ bền vững. Gánh nặng và những thách thức nay được đặt lên vai của tất cả những bên liên quan đến chu trình quản lý di sản văn hóa ở một khu di tích nhằm đảm bảo khả năng đạt được sự cân bằng giữa việc bảo tồn và phát triển bền vững một điểm di sản.

Cân bằng các lợi ích, đặc biệt là lợi ích kinh tế, với các hậu quả về văn hóa - xã hội, môi trường, di sản mà hoạt động du lịch (dù là đại trà hay chuyên biệt) có thể mang lại cho các điểm văn hóa và cộng đồng sở hữu di sản là một bài toán khó. Nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển hay kém phát triển, phát triển kinh tế thông qua du lịch thường được đặt ra như là một mục tiêu ngắn hạn cần đạt được bất chấp các hệ quả xấu sau đó mà hoạt động này có thể mang lại cho các lĩnh vực khác trong xã hội. Tuy nhiên, thật may mắn là xu hướng phát triển không bền vững này không diễn ra lâu và không lan rộng khắp, bởi nhận thức về vấn đề phát triển bền vững như một trong những yếu tố tiên quyết để đánh giá sự phát triển kinh tế của một địa phương, một quốc gia đã trở thành xu thế phổ biến. Vì thế, có thể dễ dàng nhận ra nhiều nỗ lực cân bằng lợi ích kinh tế với các lợi ích về văn hóa - xã hội, môi trường sinh thái và nguồn tài nguyên văn hóa ở nhiều điểm du lịch trên thế giới.

Tại Việt Nam, chủ đề tác động của du lịch lên đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường sống của người dân đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu. Phần lớn những nghiên cứu là những đánh giá khá tổng quan về các tác động mọi mặt (kinh tế, văn hóa và xã hội) của du lịch đối với di sản, cộng đồng và sự phát triển của địa phương sở hữu di sản nói chung. Nghiên cứu của PGS. TS. Phạm Trung Lương có tiêu đề *Đánh giá hiệu quả xã hội của hoạt động du lịch, lấy ví dụ tại Trung tâm du lịch thành phố Hạ Long* (1998) nhằm mục đích đánh giá được hiệu quả của du lịch ở những tiêu chí như thay đổi cơ cấu và đóng góp của du lịch trong nền kinh tế thành phố Hạ Long, công ăn việc làm, mức thu nhập của người dân, nhận thức xã hội và cơ sở hạ tầng thành phố [45]. Nghiên cứu của Phạm Thị Mộng Hoa và Lâm Thị Mai Lan [24] trong khuôn khổ của Dự án du lịch bền vững của Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên quốc tế tại Việt nam trên địa bàn huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai để đánh giá các tác động của du lịch đối với các cộng đồng thiểu số địa bàn này. Nghiên cứu này đã chỉ ra rằng việc phát triển du lịch ở Sa Pa đã đưa đến nhiều biến đổi, trong đó bao gồm cả các biến đổi tích cực và tiêu cực. Du lịch tạo nhiều cơ hội việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương thông qua các hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ phục vụ nhu cầu du lịch; mở rộng sự giao lưu, hiểu biết và thế giới quan của người dân; tăng cường đầu tư kinh tế cho địa phương và thúc đẩy sự hòa nhập của kinh tế địa phương vào hoạt động kinh tế của cả nước. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng chỉ ra một số vấn đề còn tồn tại dưới tác động của du lịch ở trường hợp Sa Pa như vấn đề về người bán rong chèo kéo khách, trẻ em bỏ học lang thang, nguy cơ thương mại hóa các giá trị văn hóa truyền thống, sự biến mất hay biến đổi của các hoạt động văn hóa và các tác động của du lịch đối với môi trường tự nhiên.

Tác giả Phạm Hồng Long, trong hai công trình nghiên cứu của mình về nhận thức của người dân về tác động của du lịch và phát triển du lịch [110], [111], một trên địa bàn rừng quốc gia Cúc Phương (Ninh Bình, Việt Nam) và nghiên cứu kia là ở vịnh Hạ Long (Quảng Ninh, Việt Nam), đã sử dụng một hướng nghiên cứu rất khác so với các nghiên cứu của các học giả trong nước nhưng lại tương đồng với xu hướng nghiên cứu chủ đạo của các học giả quốc tế về nhận thức và thái độ của cư

dân vùng du lịch đối với tác động của du lịch và mức độ ủng hộ của họ dành cho các hoạt động và sự phát triển của du lịch. Nghiên cứu của Phạm Hồng Long ở công viên quốc gia Cúc Phương đã chỉ ra rằng người dân nhận thức về các tác động của du lịch một cách tích cực, đặc biệt là các tác động về môi trường, văn hóa và xã hội và họ ủng hộ mạnh mẽ sự phát triển của du lịch. Trong bài nghiên cứu về *Tác động của du lịch và sự ủng hộ cho phát triển du lịch ở vịnh Hạ Long, Việt Nam: Một nghiên cứu về quan niệm của người dân* [111], Phạm Hồng Long cũng khẳng định rằng hiện không có nhiều các nghiên cứu về quan niệm và thái độ của cư dân địa phương đối với du lịch ở các nước đang phát triển (trong tương quan so sánh với sự phổ biến của các nghiên cứu này ở các quốc gia đã phát triển). Nghiên cứu này cho thấy rằng người dân vùng vịnh Hạ Long có quan điểm nhìn nhận tích cực về sự phát triển của du lịch và sẵn lòng ủng hộ sự phát triển du lịch, thừa nhận rằng du lịch đóng góp lớn về mặt kinh tế, văn hóa và xã hội cho khu vực này.

Bên cạnh những bài nghiên cứu đã được công bố, nhiều đơn vị quản lý, nghiên cứu và nhiều địa phương cũng đã tổ chức được một số các cuộc tọa đàm khoa học, hội thảo về di sản và du lịch, trong đó, đánh giá tác động của du lịch đối với di sản, cộng đồng và địa phương là một nội dung quan trọng được các nhà nghiên cứu, thực hành và quản lý du lịch và di sản trao đổi tích cực như Hội thảo về *Phát huy giá trị di sản văn hóa đối với phát triển du lịch - Kinh nghiệm từ Hội An* được tổ chức bởi Tổng cục Du lịch và UBND tỉnh Quảng Nam vào tháng 06/2013 tại Hội An.

Đánh giá được rõ ràng, chính xác và đầy đủ các tác động mà du lịch đã đưa đến cho một điểm di sản là bước đi đầu tiên cho sự xu hướng thay đổi hướng tiếp cận trong phát triển du lịch và quản lý di sản bền vững. Trong khuôn khổ luận án này, các tác động của du lịch cũng sẽ được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng tạo nên tảng dữ liệu từ đó đánh giá mối liên hệ hữu cơ giữa hai lĩnh vực này ở Hội An.

1.4. Mối liên hệ hữu cơ giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch

Quản lý di sản văn hóa không phải là một công việc dễ dàng và quản lý ở mức độ bền vững lại càng khó khăn hơn. Điều này đòi hỏi nhiều nỗ lực từ những

đơn vị, cá nhân có liên quan. Cho đến nay, tất cả các khu di sản đều có các quy định của mình để quản lý các di tích.

Ở quy mô quốc tế, hiện có nhiều hiến chương, tuyên bố về bảo tồn, khôi phục và phát triển các di sản. Những văn kiện này cung cấp những hướng dẫn đầy đủ cho các nhà quản lý di sản nhằm quản lý và bảo vệ các di tích.

Ngoài ra, mỗi vùng, mỗi quốc gia còn có các quy định hoặc các khung luật để bảo vệ các di sản văn hóa của riêng mình. Tại Việt Nam hiện có *Luật Di sản văn hóa* và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Đặc biệt, mỗi điểm di tích, di sản văn hóa mỗi vùng còn có những quy định riêng. Ví dụ, *Hội An có Bản tuyên bố Hội An về bảo tồn các di tích lịch sử ở châu Á, Hướng dẫn bảo tồn di tích kiến trúc gỗ* (dành cho các chủ di tích) và *Quy chế quản lý, bảo tồn và sử dụng di tích khu phố cổ Hội An*. Những văn bản và hiến chương này đề cập đến nhiều phương diện khác nhau của công tác quản lý di sản, nhưng đa số đều có chung một điểm là mối liên quan giữa phát triển du lịch và việc bảo tồn các di sản văn hóa [40], [78], [130];...

Những văn bản này đều nhận định rằng việc bảo tồn di sản văn hóa và phát triển du lịch nên được coi là những hoạt động hỗ trợ, cùng mang lại lợi ích cho cả hai bên. Vai trò của phát triển du lịch tại điểm di sản đã được khẳng định một cách chắc chắn, đặc biệt là ở những quốc gia đang và kém phát triển, là một động lực cho sự tăng trưởng về kinh tế. Phát triển du lịch có thể tạo ra nguồn lợi lớn cho cộng đồng dân cư địa phương bằng việc sử dụng các di sản văn hóa làm nguồn tài nguyên căn bản nhất của nó. Hơn thế nữa, nhờ có du lịch, nhiều người từ các nơi trên thế giới đến tham quan và trải nghiệm các di sản của địa phương, nhờ vậy tạo nên động lực để địa phương bảo tồn tốt di sản. Như thế, du lịch nội địa và du lịch quốc tế đóng vai trò chất xúc tác cho việc bảo tồn các nguồn tài nguyên văn hóa. Càng đánh giá cao các di sản, địa phương sẽ càng quan tâm và bảo vệ các di sản của mình hơn.

Điều này cũng được nhắc đến rất rõ trong Hiến chương quốc tế về Du lịch văn hóa được ICOMOS thông qua năm 1999 như sau: “Du lịch có thể tận dụng các lợi điểm về kinh tế của cá di sản và khai thác chúng phục vụ cho mục đích bảo tồn bằng cách tạo ra nguồn phí hỗ trợ, giáo dục cộng đồng và tác động vào chính sách”

[40]. Những văn bản này cũng có đề cập đến tác động tiêu cực của phát triển du lịch trong khi đề cao các lợi ích về mặt kinh tế và xã hội của nó đối với các di sản văn hóa: “Du lịch là một bộ phận quan trọng trong nhiều nền kinh tế vùng và quốc gia và có thể trở thành một yếu tố quan trọng cho sự phát triển nếu được quản lý thành công” [40].

Quản lý kém và khai thác du lịch quá mức ở các điểm di sản là những nguy cơ tiềm ẩn ảnh hưởng đến sự tồn tại của các di tích văn hóa. Nó có thể gây ra không chỉ những hư hại về vật chất mà còn ảnh hưởng đến tính nguyên trạng và các giá trị đặc sắc của các di sản. Đối với cộng đồng, là chủ sở hữu của các di sản, du lịch không phải lúc nào cũng mang lại ích lợi. Du lịch có thể mang đến thu nhập cho người dân địa phương, mang đến việc làm, thúc đẩy kinh tế địa phương, nhưng nó cũng có thể phá hủy sự cân bằng sinh thái, các giá trị văn hóa và đời sống của người dân nơi đó. Cùng với việc đó, trải nghiệm và mong đợi của du khách cũng có thể bị ảnh hưởng, đưa đến sự phát triển du lịch không bền vững.

Trong lĩnh vực học thuật, mối quan hệ giữa phát triển du lịch và quản lý di sản văn hóa là một chủ đề thú vị, thu hút nhiều nỗ lực của các học giả, các nhà nghiên cứu và những người hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến QLDS và DL trên thế giới. Đã có nhiều công trình nghiên cứu, nhiều hội thảo nghiên cứu đến vấn đề này dưới nhiều phương diện khác nhau [95], [103], [104], [107], [112], [118]. Một vài công trình dựa trên những nghiên cứu thực địa, số khác dựa trên kinh nghiệm làm việc rút ra từ công tác quản lý, điều hành du lịch và di sản. Tất cả những công trình này đều cố gắng làm cầu nối gắn kết du lịch và quản lý di sản văn hóa vốn được thừa nhận rộng rãi là có mối liên hệ gắn gũi với nhau.

Du lịch văn hóa được định nghĩa là “những chuyến tham quan bởi người từ bên ngoài cộng đồng sở tại, được thúc đẩy bởi một phần hoặc toàn bộ mối quan tâm đến lịch sử, nghệ thuật, khoa học hoặc đời sống văn hóa, di sản của một cộng đồng, một vùng, nhóm người hoặc một thể chế” [113, tr. 361]. Du lịch văn hóa, trong đó bao gồm cả du lịch di sản văn hóa, trên thực tế không phải là một loại hình du lịch mới mà nhiều người vẫn tưởng. Nó có một lịch sử phát triển lâu đời không kém các loại hình du lịch khác, kể từ khi trải nghiệm văn hóa được coi là một trong những

động lực chính của mọi người khi đi du lịch ngay từ những thời kỳ đầu của du lịch. Gần đây, sự phát triển nhanh chóng của du lịch văn hóa đã nhanh chóng trở thành một chủ đề thú vị đối với các cơ quan nghiên cứu về di sản và quản lý du lịch ở nhiều quốc gia trên thế giới. Vai trò của nó đối với một điểm di sản là một vấn đề thú vị, thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu [88], [92], [95], [96], [101], [103], [104], [107].

1.4.1. Mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch: Xung đột - hợp tác

Mối quan hệ giữa du lịch và quản lý, bảo tồn di sản được nghiên cứu ở nhiều công trình [94], [95], [103], [118]. Những công trình này là kết quả của các nghiên cứu trường hợp, hoặc từ kinh nghiệm đúc kết nhiều năm của các nhà quản lý, lập chính sách và thực hành trong lĩnh vực du lịch và di sản. Dễ dàng nhận thấy các thuật ngữ thường xuyên xuất hiện kèm với các nhận định về mối quan hệ này như: phụ thuộc, phức tạp, căng thẳng, năng động hoặc xung đột mục tiêu,... Các nghiên cứu này chủ yếu đi theo hai hướng:

Hướng thứ nhất khẳng định mối quan hệ không tương thích/xung đột/mâu thuẫn giữa du lịch và di sản. Kerr [134] cho rằng “Điều gì tốt cho công tác bảo tồn thì không nhất thiết tốt cho du lịch và điều gì tốt cho du lịch thì hiếm khi tốt đối với việc bảo tồn”, cho thấy rõ một quan điểm xung đột về mối quan hệ này. Tác giả cũng nhấn mạnh rằng điều này là đáng buồn, nhưng lại là sự thực khi hiện nay có rất nhiều điểm di sản đang phải đối mặt với vấn đề rằng công tác bảo tồn di sản của họ đang phải hi sinh nhiều để đáp ứng nhu cầu của ngành du lịch.

Hướng thứ hai cho rằng mối quan hệ giữa du lịch và di sản thường được mô tả bởi các tương phản và xung đột khi các nhà bảo tồn cho rằng du lịch văn hóa đang đánh đổi các mục tiêu bảo tồn lấy lợi nhuận [107]. Trong *Hiển chương về Du lịch văn hóa quốc tế - Quản lý du lịch tại các điểm di sản*, ICOMOS [131] cũng đã có đề cập đến khả năng xung đột có thể xảy ra giữa du lịch và di sản do nguồn tài nguyên và giá trị của hai ngành này năng động và luôn thay đổi. Ngành di sản văn hóa thì cho rằng giá trị văn hóa của di sản đang bị đánh đổi để lấy lợi nhuận, trong khi ngành du lịch thì cảm thấy rằng các giá trị du lịch cũng đang bị đánh đổi khi

luôn tồn tại một thái độ quản lý cho rằng bất kỳ sự “sản phẩm du lịch hóa” nào đều có ảnh hưởng tiêu cực [95], ví dụ như việc sản phẩm du lịch hóa các đô thị cổ, một mặt mang tới các cơ hội mới phục hồi kinh tế đô thị đó nhưng đồng thời, lại đe dọa nguồn tài nguyên văn hóa của đô thị đó do việc tiêu chuẩn hóa trong quá trình “sản phẩm du lịch hóa” [97, tr. 739]. Có học giả thậm chí còn nghi ngờ công tác đánh giá lợi ích của du lịch, đặc biệt là lợi ích tạo công ăn việc làm và đóng góp cho sự phát triển kinh tế địa phương [133] khi nhận thấy rằng các chỉ tiêu hoặc công cụ đánh giá tác động của du lịch hiện đang được sử dụng ở nhiều nơi không được thiết kế gắn kết với quá trình lập kế hoạch và tạo chính sách có liên quan, không có định hướng lâu dài trong tương lai hoặc thường dựa trên nguồn thông tin vật vãn, hy vọng hoặc từ các cứ liệu không được chứng minh qua các quá trình đánh giá khoa học nào. Vì vậy, không có gì khó hiểu khi các nhà quản lý di sản có thái độ nghi ngờ và cảnh giác với các hoạt động du lịch trên địa bàn quản lý di sản của họ.

Những mâu thuẫn mà các học giả này đã nhận định phần lớn bắt nguồn từ sự bất tương thích về mục tiêu hoặc là do va chạm mạnh về giá trị được nhìn nhận bởi hai bên. Sự xung đột nảy sinh do có sự có thể bất tương thích giữa mục đích của một bên với hành vi của bên kia [104].

Cũng với cách nhìn về sự xung đột giữa phát triển du lịch và quản lý di sản văn hóa, một số học giả khác lại đặt nó trong một số chiều cạnh khác. Nuryanti [107] ở một bài viết của mình đã đặt mối quan hệ phức tạp giữa du lịch và di sản trong sự căng thẳng giữa truyền thống và hiện đại. Với vai trò là kênh chuyển tải các giá trị lịch sử văn hóa của quá khứ, di sản được coi là một phần truyền thống văn hóa của một xã hội. Trong khi đó, khái niệm du lịch lại là một hình thức nhận thức hiện đại. Đặc tính của du lịch là năng động, và sự tương tác của nó với di sản thường dẫn đến kết quả là sự tái thuyết minh di sản. Vì thế, mối quan hệ giữa di sản và du lịch giống với những tranh luận nảy ra giữa truyền thống và hiện đại trong văn hóa của một xã hội. Trong khi di sản được định nghĩa là nguồn tài nguyên nhân văn hình thành trong quá trình lịch sử của con người thì khái niệm du lịch lại mang đến cảm giác rằng hoạt động này đang sử dụng nguồn tài nguyên này để mang đến các kết quả, có thể bao gồm cả giáo dục, giải trí, môi trường, nhưng trên hết cả, là

các lợi ích về tài chính. Vì thế, di sản là đối tượng của một quá trình biến đổi trở thành "sản phẩm" của ngành công nghiệp đó [105, tr. 92]. Cohen [92] cho rằng đây là mối liên kết giữa việc sản xuất của văn hóa và việc tiêu thụ của du lịch.

Các học giả đi theo hướng nghiên cứu thứ hai đề cao những lợi ích chia sẻ mà du lịch và di sản có thể mang lại cho nhau bởi hai ngành cùng chung nhau một đối tượng quản lý là di sản. Không phủ nhận những mâu thuẫn, xung đột trong mối quan hệ này nhưng hướng tới trạng thái hợp tác lý tưởng giữa hai bên khi xem xét những lợi ích và sự chia sẻ mà hai bên có thể mang lại cho nhau là điều cần thiết phải đạt được [40], [88], [104]. Mỗi điểm du lịch phải tìm ra biện pháp riêng của mình để kết hợp được bảo tồn và du lịch. Việc này chỉ có thể đạt được với sự hiểu biết hoàn toàn và thực tế về nhu cầu của hai bên ngay từ giai đoạn đầu của quá trình lập kế hoạch. Biết rằng hiếm khi có được một giải pháp hoàn hảo nhưng ít nhất bảo tồn tốt và du lịch hợp lý có thể cùng tồn tại trong hầu hết các điểm di sản.

Vì thế, một mối quan hệ hợp tác giữa hai đối tượng này được nhiều học giả nghiên cứu như là một trạng thái lý tưởng thể hiện bằng điểm nằm ở một đầu của một trục trong khi trạng thái xung đột đang giữ vị trí sẵn ở đầu kia thể hiện mối quan hệ tiêu cực hoặc tích cực. Di sản văn hóa và du lịch không hẳn luôn được nhìn như hai nhân vật luôn có xung đột, mâu thuẫn, hoặc như hai thế giới riêng rẽ mà có thể được nhìn như là những ngành công nghiệp văn hóa - xã hội được hình thành bởi nhau [126].

Ở Việt Nam đến nay không có nhiều các nghiên cứu mang tính hệ thống và dài hơi về mối liên hệ giữa quản lý văn hóa và phát triển du lịch ngoài các bài viết có tính tổng quan về vai trò của du lịch đối với bảo tồn và phát huy di sản trên một số tạp chí nghiên cứu hay trong các cuộc hội thảo về du lịch và di sản. Trong một số các nghiên cứu về di sản, du lịch văn hóa/di sản hoặc các vấn đề có liên quan như các công trình của Đặng Văn Bài [8], [9]; Trương Quốc Bình [14], [16]; Nguyễn Thị Chiến [17]; Nguyễn Quốc Hùng [30], [31], [32]; Bùi Hoài Sơn [56], [58]; Lê Hồng Hạnh [23]; Hồ Xuân Tịnh [63];... các tác giả đã đề cập và xem xét đến mối quan hệ này nhưng chủ yếu là làm rõ các vấn đề như: mối liên hệ hữu cơ/đối ngẫu giữa du lịch và di sản văn hóa, tác động qua lại giữa hai ngành như các tác động

tích cực và tiêu cực của du lịch lên cộng đồng, di sản, môi trường; tiềm năng di sản văn hóa trong phát triển du lịch; định hướng phát triển nhằm hạn chế các tác động của du lịch;...

Bên cạnh những bài nghiên cứu này, nhiều cơ quan, đơn vị có liên quan tới các lĩnh vực quản lý, bảo tồn di sản và phát triển du lịch di sản đã tổ chức nhiều buổi tọa đàm khoa học, hội thảo chuyên đề và thực hiện nhiều dự án, chương trình nhằm nâng cao năng lực quản lý nhà nước về di sản văn hóa và phát triển du lịch ở những điểm di sản này. Chủ đề thảo luận của các hội thảo này cũng chủ yếu xoay quanh các vấn đề về hệ thống và các biện pháp quản lý nhà nước đối với di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) (Hội thảo *Quản lý, bảo tồn và phát triển du lịch tại các di sản thế giới ở Việt Nam* (Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tổ chức hợp tác quốc tế Tây Ban Nha (AECI) và UBND tỉnh Quảng Bình, 2007); *Công nghệ GIS với việc Quản lý di sản văn hoá và phát triển du lịch (qua trường hợp đô thị cổ Hội An)* ở Hội An vào tháng 3/2008) hoặc các vấn đề về quan điểm bảo tồn (Hội thảo Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa trong quá trình hiện đại hóa, Văn phòng UNESCO tại Hà Nội phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hà Nội, 6/3/2012),...

Một số hội thảo khác đi sâu hơn thảo luận về mối liên hệ hữu cơ giữa di sản văn hóa và du lịch, trong đó, chủ đề về việc khai thác di sản như là nguồn lực cho sự phát triển kinh tế du lịch địa phương đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến dưới nhiều phương diện khác nhau từ lý thuyết cho tới thực tiễn. Từ năm 2001, Bộ Văn hóa - Thông tin (Nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) phối hợp với Quỹ Á - Âu đã tổ chức một hội thảo quốc tế lớn là *Di sản văn hóa, Con người và Du lịch*. Cũng với chủ đề tương tự, những năm sau đó, nhiều hội thảo và tọa đàm khoa học cũng đã liên tục được tổ chức nhằm kịp thời đề cập đến những vấn đề cơ bản trong mối quan hệ này ở nhiều trường hợp cụ thể, địa phương và vùng miền cụ thể trên cả nước: Hội thảo khoa học *Sản phẩm văn hoá và phát triển du lịch bền vững* (Huế, 6/2006); *Di sản văn hóa và Phát triển du lịch ở miền Trung Việt Nam* (Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Văn phòng đại diện JICA tại Việt Nam, 2009); Di sản văn hóa Nam Trung Bộ với phát triển du lịch trong hội nhập quốc tế (Phú Yên, 4-2011);... Nhìn chung, hầu hết các công trình nghiên cứu và các đóng góp ý kiến trong các

cuộc tọa đàm, hội thảo khoa học có liên quan tới di sản văn hóa và phát triển du lịch ở nước ta trong hơn chục năm vừa qua mới dừng lại ở việc khẳng định mối liên hệ hữu cơ giữa hai đối tượng này (tác động của du lịch, khai thác di sản văn hóa cho phát triển du lịch,...) và bỏ ngỏ việc nghiên cứu sâu về mối quan hệ phức tạp, năng động, biến đổi liên tục và chịu tác động của nhiều yếu tố đặc trưng về di sản, con người và vùng miền này ở các điểm di sản văn hóa nói chung trên cả nước và ở các điểm di sản lớn, đặc biệt và phức tạp như ở Hội An, Huế, Hà Nội,... thì lại càng thiếu.

Hội An là một trường hợp nhận được sự quan tâm của rất nhiều học giả trong nước và quốc tế. Đã có nhiều công trình nghiên cứu, hội thảo khoa học tìm hiểu về công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa và sự phát triển du lịch ở Hội An, ví dụ như các báo cáo nghiên cứu của UNESCO [125], [138]; Hội thảo quốc tế về *Phố cổ Hội An* năm 1990 tại Quảng Nam [25]; Hội thảo *Bảo tồn di sản văn hóa Hội An-Mỹ Sơn* (2004, Quảng Nam); Hội thảo *Quản lý di sản văn hóa thế giới và phát triển du lịch* (2008) [86]; Hội thảo quốc tế *Hội An* (2011, Tokyo, Nhật Bản) hay công trình nghiên cứu do Bùi Quang Thắng chủ biên [62] về *Di sản văn hóa phi vật thể ở Hội An*, vân vân,... và một số nghiên cứu riêng lẻ khác của nhiều học giả trong và ngoài nước tập trung vào mối liên hệ giữa du lịch và cộng đồng, di sản văn hóa ở Hội An như nghiên cứu về *Bảo tồn Di sản văn hóa và Phát triển du lịch – Nhìn từ thực tiễn Quảng Nam* của tác giả Trần Ánh [4], *Du lịch văn hóa Hội An* của tác giả Nguyễn Đức Minh [49], *Khai thác sản phẩm văn hóa trong du lịch Quảng Nam* của tác giả Hồ Xuân Tịnh [63] và *Tìm hiểu nét đặc sắc của đô thị cổ Hội An trong vấn đề thu hút khách du lịch quốc tế* của Nguyễn Thị Khánh Trâm [65] đánh giá nguồn tài nguyên du lịch và hoạt động du lịch di sản của phố cổ Hội An và đồng thời, tập trung làm rõ các biến đổi của phố cổ Hội An dưới tác động của các hoạt động du lịch bao gồm các đổi mới tích cực (cơ hội việc làm, cơ sở hạ tầng) và áp lực tiêu cực (trong phát triển kinh tế, môi trường du lịch, phát triển dịch vụ, dân số, môi trường xã hội).

Từ những đánh giá đó, tác giả nghiên cứu này có đưa ra các nhóm giải pháp cụ thể và chi tiết cho từng vấn đề đang tồn tại ở Hội An trên quan điểm cho rằng du

lịch Hội An phải hướng tới mục tiêu là du lịch dựa vào di sản, dựa vào văn hóa truyền thống để có được một ngành kinh tế then chốt cho địa phương. Nghiên cứu khác của Trần Ánh [4] về vấn đề bảo tồn di sản văn hóa dưới thực tiễn của hoạt động này trên địa bàn tỉnh Quảng Nam cũng có đề cập đến những biến đổi (tích cực và tiêu cực) mà du lịch mang đến cho trường hợp Mỹ Sơn và Hội An trong sự lo ngại của tác giả về những vấn đề thực tiễn đang đặt ra cho hai địa điểm di sản này về những áp lực quá mạnh và nhanh của du lịch lên cộng đồng, di sản địa phương, sự dễ bị tổn thương và khó thay thế của hệ thống di sản và sự thiếu hiệu quả trong quản lý nhà nước.

Tương tự, trong một báo cáo của dự án do UNESCO tài trợ về *Quản lý di sản văn hóa và Du lịch – Mô hình cho sự hợp tác giữa các bên có liên quan* [123], được thực hiện bởi một nhóm các nhà nghiên cứu của Hội An, các tác giả cũng đã đưa ra được những đánh giá dựa trên các số liệu thực tiễn về những biến đổi, tác động mà du lịch mang lại cho phố cổ Hội An sau một năm nhận danh hiệu Di sản văn hóa thế giới do UNESCO trao tặng. Những thay đổi tích cực về tăng trưởng kinh tế, cơ sở hạ tầng, kinh phí đầu tư cho bảo tồn và trùng tu di tích,... bị đi kèm với những ô nhiễm và áp lực mà du lịch đưa đến như ô nhiễm không gian, ô nhiễm kinh tế, ô nhiễm hình ảnh và âm thanh, thay đổi lối sống dân cư và văn hóa của người dân,...

Trong một nghiên cứu tương tự, Văn phòng UNESCO ở Bangkok [125] cũng đã đánh giá tác động của du lịch lên văn hóa và môi trường của phố cổ Hội An trên các vấn đề như đóng góp kinh tế, công ăn việc làm, thu nhập, chi phí sinh hoạt, hoạt động sử dụng đất và vấn đề sở hữu, tính chân xác của di sản, lối sống và tín ngưỡng văn hóa, an ninh trật tự, ô nhiễm môi trường và phí phạm tài nguyên,... Từ những đánh giá đó, dự án này đưa ra những đề xuất mà Hội An cần tham khảo thực hiện trong công tác hoạch định kế hoạch hay chiến lược phát triển của địa phương nhằm làm giảm các tác động tiêu cực của du lịch, trong định hướng tăng cường sự tham gia và hợp tác của các bên có liên quan trong các hoạt động hoạch định chính sách và thực thi chính sách có liên quan ở Hội An.

Một số các bài viết, công trình nghiên cứu khác cũng có nội dung tương tự như hai công trình nghiên cứu nêu trên, được trình bày hoặc thể hiện từ các góc độ nhìn nhận khác nhau của từng tác giả. Tuy nhiên, có thể thấy là phần lớn các nghiên cứu trong nước trên là các bài tham luận hội thảo, bài báo, các báo cáo đề tài, chưa có công trình nghiên cứu dài hơi nào cung cấp được một hệ thống tổng quan các lý thuyết, quan điểm nghiên cứu trong và ngoài nước hiện có hoặc đưa ra được những nhận định, quan điểm nghiên cứu mới và xác nhận các quan điểm này trong thực tiễn nghiên cứu làm rõ được tính phức tạp của mối quan hệ giữa QLDS và PTDL ở trường hợp Hội An.

Sự thiếu hụt học thuật này cần được sớm bổ sung bởi đặc tính phát triển mạnh của du lịch và sự biến đổi nhanh của di sản văn hóa ở Hội An nói riêng và các điểm di sản khác ở nước ta nói chung cần có sự hỗ trợ của các nhà nghiên cứu trong quá trình hướng tới mục tiêu là sự quản lý, bảo tồn và phát triển bền vững di sản văn hóa ở Việt Nam. Hiểu biết sâu sắc và toàn diện hơn về mối quan hệ hữu cơ, phức tạp và năng động giữa hai lĩnh vực này ở trường hợp Hội An, soi chiếu qua những trường hợp điểm di sản văn hóa khác ở Việt Nam, sẽ bổ sung cho sự thiếu hụt này trong công tác nghiên cứu khoa học và quản lý sự phát triển của hai ngành này trong thực tiễn.

1.4.2. Hướng tiếp cận về mối quan hệ năng động giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch

Bối cảnh nghiên cứu về mối quan hệ giữa QLDS và PTDL trên thế giới và ở Việt Nam cho thấy thực tế rằng phần lớn các nghiên cứu về chủ đề này đều nghiêng theo quan điểm lưỡng phân xung đột/hợp tác (conflict/co-operation dichotomy) hay hệ hình khoa học xung đột (conflict paradigm) [107], nhấn mạnh đến đặc tính độc lập về hoạt động, xung đột về giá trị, mâu thuẫn về quan điểm và tầm nhìn hoặc phản ánh mong muốn về một mối quan hệ lý tưởng là hợp tác toàn vẹn giữa hai ngành với cơ sở lập luận rằng hai ngành này cùng chia sẻ một điểm chung là nguồn tài nguyên quý giá là di sản văn hóa.

Các quan điểm đề cập đến mối quan hệ xung đột/hợp tác giữa DL và QLDS đã đang có những đóng góp to lớn trong việc nghiên cứu về vấn đề này ở nhiều

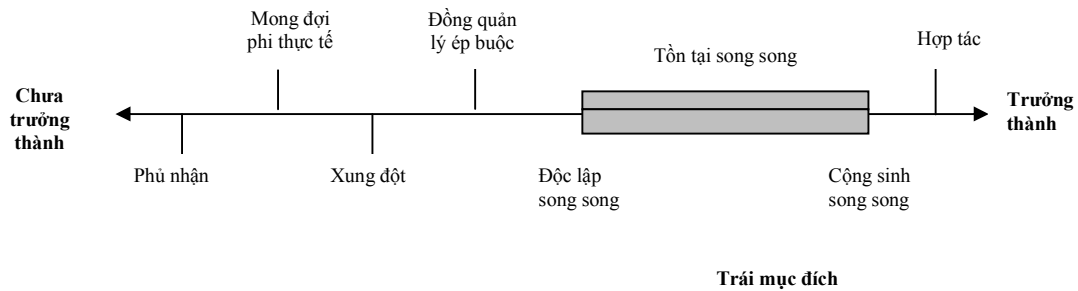
điểm di sản trên toàn thế giới với những ai muốn hiểu tường tận các yếu tố và nguyên nhân tạo nên mối quan hệ này của di sản và du lịch. Tuy nhiên, các quan điểm này không phải là không có hạn chế, đặc biệt khi liên quan đến sự đa dạng và năng động của các điểm di sản, đơn cử như ở những điểm di sản đã trải qua thời kỳ phát triển du lịch nhanh mạnh, bước vào thời kỳ phát triển ổn định; những điểm di sản có bản chất là phức hợp của nhiều loại hình di sản; những điểm di sản có đang có sự biến chuyển mạnh ở sự tham gia và hợp tác của các bên có liên quan; hay như tác động khác nhau của dòng du khách đổ về các điểm di sản khác nhau,... [103].

Như vậy, dường như quan điểm nhìn nhận bản chất mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch gói gọn trong hai điểm xung đột/hợp tác trên một trục (dù là đơn tuyến hoặc vận động hai chiều hướng về hai điểm) có phần nào phiến diện thiếu sót khi không xem xét đến sự năng động trên thực tế vốn không chỉ nằm ở trạng thái xung đột/hợp tác của mối quan hệ này ở nhiều điểm du lịch di sản. Liệu xung đột hoặc hợp tác có phải là hai trạng thái duy nhất của mối quan hệ này hay còn có trạng thái nào khác?

McKercher, Ho, & du Cros trong nghiên cứu của mình đã đề cập đến những thiếu sót này của quan điểm trên. Quan điểm/lý thuyết về xung đột trong nghiên cứu du lịch văn hóa chỉ phù hợp khi áp dụng trong phân tích các tình huống năng động mà ở đó sự tương tác giữa các bên có liên quan chính thay đổi nhanh chóng; nhưng trong trường hợp ổn định hơn thì các vấn đề xung đột/mâu thuẫn giữa hai bên có thể đã được giải quyết. “Làm việc trong phạm vi hạn hẹp của lý thuyết xung đột có thể sẽ không cho phép các nhà nghiên cứu nắm bắt được toàn bộ các trạng thái khó thấy của mối quan hệ này” [104, tr. 541].

Nghiên cứu thực tiễn của họ ở các điểm di tích di sản của Hong Kong đã tìm thấy bảy trạng thái trong mối quan hệ giữa quản lý di tích di sản hiện diện ở Hong Kong, đồng thời xác định được năm yếu tố ảnh hưởng có tác động quyết định đến việc hình thành các trạng thái này. Các trạng thái này bao gồm: *Phủ nhận, mong đợi phi thực tế, cùng tồn tại, xung đột, đồng quản lý ép buộc, hợp tác, trái mục đích*. Sáu trạng thái đầu nằm trên một trục *chưa trưởng thành – trưởng thành* trong khi trạng thái *trái mục đích* nằm ngoài trục đó. Các trạng thái trong mối quan hệ giữa

du lịch và quản lý di sản trong trường hợp các điểm di sản ở Hong Kong này chịu tác động của các yếu tố sau: Bản tính độc lập của quản lý du lịch và quản lý di sản văn hóa, cân bằng quyền lực bị áp đặt bởi chính trị, sự đa dạng của các bên có liên quan với mức độ khác nhau về hiểu biết, sự đa dạng của di sản, sự khác nhau về mức độ tiêu thụ.



Nguồn: [104, tr. 543]

Hình 1.2. Mối quan hệ giữa QLDS và PTDL

Ba học giả này đưa ra kết luận rằng:

Du lịch và quản lý di sản văn hóa không phải là đồng minh và cũng chẳng phải là kẻ thù của nhau. Loại hình quan hệ xuất hiện giữa hai ngành này tại cấp độ cụ thể là một điểm di tích sẽ phụ thuộc vào mức độ trưởng thành, sự hiểu biết và mong muốn mà mỗi bên mang lại cho mối quan hệ này. Du lịch văn hóa thành công có thể xảy ra nhất khi cả hai bên có sự tôn trọng thực tế về giá trị du lịch của di tích, nhu cầu cần bảo tồn giá trị văn hóa cốt lõi của nó, sự chấp nhận rằng mỗi bên có liên quan có mối quan tâm chính đáng với di tích và mỗi bên có một vai trò đã được xác định rất rõ ràng trong việc phát triển du lịch văn hóa. Nói cách khác, các bên có liên quan ở cả hai ngành đều bước vào một mối quan hệ trưởng thành [104, tr. 546-547].

Xuất phát từ kết quả của các công trình nghiên cứu chuyên sâu về du lịch văn hóa và quản lý di sản, Bob McKercher và Hilary du Cros đã xuất bản cuốn sách có tên: *Du lịch văn hóa, sự hợp tác giữa du lịch và quản lý di sản văn hóa* [103], trong đó đã khái quát hóa mối quan hệ năng động giữa hai đối tượng bằng các trạng

thái thể hiện khác nhau nằm trên cùng một trục xung đột – hợp tác (Xem Bảng 1.1). Cho đến hiện nay, những người ủng hộ quan điểm này của Bob McKercher và các cộng sự chưa có nhiều, tuy nhiên, những nhận định của họ đã mở ra một hướng nghiên cứu mới đáng lưu tâm trong nghiên cứu một vấn đề khá cũ là mối quan hệ giữa QLDS và DL trên thế giới.

Những học giả này đã đưa ra nhiều trạng thái phản ánh các mức độ trưởng thành khác nhau trong mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và du lịch, và những trạng thái này chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố tác động như sự độc lập giữa hai bên, sự cân bằng quyền lực xuất phát từ mong muốn chính trị khác nhau, sự đa dạng của các bên có liên quan, sự đa dạng của di tích di sản và sự đa dạng về đặc điểm tiêu thụ của du khách,... [103, tr. 542-543].

Bảng 1.1. Bầy mối quan hệ có thể giữa Du lịch và Quản lý di sản văn hóa

Hợp tác/đối tác ←		Xung đột →				
Hợp tác hoàn toàn	Liên hệ vì công việc	“Chung sống trong hòa bình”	Cùng tồn tại/không biết trong vui vẻ	Hơi bực dọc	Xung đột ban đầu	Xung đột
Sự hợp tác thực sự cho lợi ích chung của hai ngành	Hiện thực hóa nhu cầu và mối quan tâm chung	Chia xẻ chung nguồn tài nguyên	Riêng rẽ và độc lập	Can thiệp về mục tiêu do một bên có liên quan	Vấn đề xảy ra bất chấp các giải pháp dễ dàng giải quyết được	Xung đột mở giữa các bên có liên quan
Có thể bị áp đặt hoặc quản lý chặt	Bắt đầu trao đổi	Tạo ra lợi ích chung từ việc sử dụng tài nguyên, nhưng phần lớn vẫn hoạt động độc lập và riêng rẽ	Ít hoặc không liên hệ	Sự hài lòng kém dần	Thay đổi mối quan hệ quyền lực với sự xuất hiện của một bên có liên quan có ưu thế mà nhu cầu của bên này ảnh hưởng đến những bên có liên quan đã hiện diện	
	Hoạt động để đảm bảo rằng lợi ích của cả hai bên được thỏa mãn	Một số trao đổi, nhưng ít cộng tác hoặc nhận ra nhu cầu cần cộng tác	Không thấy thì không quan tâm	Một bên có liên quan tạo ra tác động trái ngược, nhưng có ít xung đột thực tế		
				Thiếu hiểu biết giữa các bên có liên quan		

Nguồn: [103, tr. 16]

Kinh nghiệm nghiên cứu chủ đề này cùng thực tiễn nhận thấy trong quá trình nghiên cứu về quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch di sản ở Việt Nam và cụ thể là ở trường hợp Đô thị cổ Hội An đã khiến tác giả có sự đồng tình lớn về mặt học thuật với quan điểm nghiên cứu về mối quan hệ năng động của McKercher và du Cros [103] hơn là những quan điểm thiên về xung đột - hợp tác bởi Đô thị cổ Hội An có nhiều đặc điểm tương đồng với những đặc điểm của một số điểm khảo sát đã được thực hiện bởi nghiên cứu của nhóm các học giả này (Singapore, Hong Kong): là phức hợp của nhiều loại hình di sản với sự đa dạng về mức độ khai thác, các bên liên quan, đặc tính sở hữu và có mức độ trưởng thành cao về cả quản lý di sản và phát triển các hoạt động du lịch. Từ sự đồng thuận khoa học đó, nghiên cứu sinh muốn khai thác quan điểm này trong việc tìm hiểu về mối quan hệ hữu cơ năng động của hoạt động quản lý, bảo tồn di sản văn hóa với sự phát triển du lịch ở Việt Nam, cụ thể là ở một điểm du lịch di sản nổi tiếng như phố cổ Hội An và sẽ được triển khai tập trung từ quan điểm của người bên ngành nghiên cứu và quản lý di sản văn hóa, vốn đang phải đối mặt với các tác động của du lịch lên đối tượng quản lý của ngành mình.

Tiểu kết chương 1: Nghiên cứu sinh cũng đồng thuận với quan điểm cho rằng di sản bao gồm các tài sản văn hóa vật thể như là cảnh quan, địa điểm lịch sử, di tích và các môi trường do con người xây dựng nên, cũng như những tài sản văn hóa phi vật thể như là các bộ sưu tập, các thực hành văn hóa truyền thống và hiện hành, tri thức và kinh nghiệm sống. Di sản văn hóa là nguồn tài nguyên hình thành nên ngành du lịch văn hóa, nhưng giá trị du lịch của di sản luôn không được đặt trước giá trị gốc của di sản, vốn là kết tinh văn hóa của một cộng đồng, một dân tộc qua nhiều thế hệ và nhằm phục vụ nhu cầu kết nối văn hóa của thế hệ hiện tại với thế hệ trong quá khứ và trong tương lai.

Nghiên cứu này quan tâm tìm hiểu về mối quan hệ giữa QLDS và PTDL ở Hội An trên cơ sở giả định rằng mối quan hệ này không đơn thuần chỉ là xung đột hoặc hợp tác mà nó còn phức tạp và năng động hơn thế với sự tồn tại của nhiều trạng thái phản ánh mối quan hệ này dưới tác động của các yếu tố ảnh hưởng. Hội An được tác giả luận án chọn là địa bàn nghiên cứu bởi điểm di sản này là một đại

diện tiêu biểu cho một phức hợp di sản bao gồm nhiều loại hình di sản (quy mô, đặc điểm, giá trị, tuổi,...), đồng nghĩa với sự đa dạng về các sản phẩm du lịch di sản để có thể đảm bảo tính bao quát của việc kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu trên. Bên cạnh đó, phố cổ Hội An là điểm di sản có hệ thống quản lý, bảo tồn di sản lần mức độ phát triển du lịch đã được thiết lập khá tốt và ổn định trong vòng 15 năm qua (1999-2014), vì thế, những kết quả tìm được về mối quan hệ giữa hai ngành này ở Hội An là những thực tế đã được thiết lập trong một thời gian dài và đi vào ổn định.

Kết quả nghiên cứu thu được từ các cuộc phỏng vấn sâu, quan sát thực địa, nghiên cứu và phân tích tư liệu thứ cấp đã làm rõ thực tế rằng tồn tại một mối quan hệ năng động (không chỉ là *xung đột* hoặc *hợp tác*) với 4 trạng thái khác nhau giữa QLDS và PTDL ở Hội An bao gồm *hợp tác*, *hợp tác khiên cưỡng*, *cùng tồn tại* và *chưa hài lòng* và các trạng thái này chịu tác động của 3 yếu tố ảnh hưởng gồm: tính đa dạng loại hình di sản, sự đa dạng của các bên có liên quan, định hướng quản lý và phát triển của chính quyền địa phương. Các kết quả này sẽ được trình bày cụ thể trong các chương tiếp theo của luận án này.

Chương 2

DI SẢN VĂN HÓA VÀ QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA

Ở ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN

2.1. Giới thiệu chung Đô thị cổ Hội An

Được ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa thế giới của UNESCO từ năm 1999, Đô thị cổ Hội An được cả thế giới biết đến không chỉ vì những công trình kiến trúc được bảo tồn tốt, với những đình, đền, miếu, hội quán, nhà cổ, giếng, cầu với những phong cách kiến trúc độc đáo mà còn về cả những thực hành văn hóa truyền thống, phong tục tập quán, lễ hội, thủ công mỹ nghệ, nghệ thuật biểu diễn truyền thống,...

2.1.1. Hội An trong lịch sử

Hội An vốn là một thị xã nhỏ nằm trong tỉnh Quảng Nam. Ngày nay, Hội An nổi tiếng trong và ngoài nước như là một điểm đến du lịch hấp dẫn. Kazimierz đã mô tả rằng: “Hội An xứng đáng có một vị trí đặc biệt trong các di sản của Việt Nam và nhân loại. Nó có những ngõ phố nhỏ xinh, nhiều công trình kiến trúc và trạm khắc hoàn hảo.” [25, tr. 287].

Lịch sử của đô thị cổ này được chia làm 3 giai đoạn: Giai đoạn tiền Hội An (trước thế kỷ II), giai đoạn Champa (thế kỷ II - XV) và giai đoạn Đại Việt (thế kỷ XV - XIX). Những khám phá khảo cổ học trên một số địa bàn (Hậu Xá, Thanh Chiêm, An Bang,...) cho thấy rằng trước đây đã từng tồn tại một cảng biển, một trung tâm giao lưu buôn bán của người Sa Huỳnh dọc sông Thu Bồn ngay từ thế kỷ thứ II trước Công nguyên [136].

Bước sang giai đoạn Chăm Pa, Hội An phát triển dường như rực rỡ hơn. Những di chỉ khảo cổ học gồm nhiều tượng, bàn thờ, giếng cổ và công trình Chăm cùng nhiều mảnh vỡ gốm sứ của Trung Quốc, Trung Đông và Đại Việt được tìm thấy xung quanh địa bàn Hội An ngày nay (Thanh Chiêm, Cẩm Hà, Nam Diêu, Cẩm Thanh) đã phần nào chứng minh giả thuyết về một cảng biển Chăm tồn tại trước Hội An thời Đại Việt với một nền thương mại mậu dịch thịnh vượng. Giai đoạn này, Lâm Ấp phố (tên của Hội An lúc đó, cũng được gọi là Đại Chiêm, Kê

Chăm,...) đã có những trao đổi mậu dịch với thương thuyền của các nước Đông Nam Á, Ba Tư, Trung Quốc và Ả Rập thông qua biển Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương [119, tr. 26]. Người Chăm và thương nhân nước ngoài trao đổi với nhau các loại hàng hoá như lụa, ngọc trai, vàng, trầm hương, đồi mồi và nước ngọt. Nhiều công trình nghiên cứu về Hội An đã lưu ý rằng, trong suốt thời kỳ vương quốc Chăm Pa, cảng Chăm – cảng thị Lâm Ấp đóng vai trò then chốt trong việc tạo nên sự trù phú của kinh đô Trà Kiệu (thủ đô của vương quốc Chămpa) [119, tr. 120]. Sau khoảng 8 thế kỷ, vai trò cảng thị của vương quốc Chăm đành phải nhường lại cho Thị Nại (gần thành phố Quy Nhơn, thuộc tỉnh Bình Định ngày nay) và dần dần, dẫn đến sự suy thoái của cảng thị vốn từng sầm uất Lâm Ấp.

Giai đoạn Đại Việt của Hội An kéo dài từ thế kỷ 15 cho đến thế kỷ 19. Nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng, cảng biển Hội An và cái tên Hội An chính thức xuất hiện vào thế kỷ 16, thịnh vượng vào thế kỷ 17-18 và suy thoái dần vào thế kỷ 19 do một vài lý do. Thế kỷ 17 ở Việt Nam là giai đoạn phân chia Nam Bắc giữa hai phe đối lập chính trị: Chúa Nguyễn ở Đàng Trong (khu vực Thuận Hoá, vùng Quảng Nam) và chúa Trịnh ở Đàng Ngoài (khu vực Bắc Hà). Từ thế kỷ 16 đến đầu thế kỷ 17, vùng Thuận Hoá và Quảng Nam trải qua giai đoạn phát triển kinh tế mạnh mẽ nhờ vào chính sách “mở cửa” của các chúa Nguyễn. Một vài cảng thị ra đời và Hội An, như là một trung tâm trao đổi mậu dịch quốc tế, là một trong số các cảng thị đó. Rõ ràng là sự xuất hiện của Hội An chính là sự tái sinh của cảng thị Chăm trước đó vì nó cũng nằm trên cùng một khu vực gần với cửa Đại Chiêm. Bản đồ vẽ vào những thế kỷ 17 – 19 cho thấy rằng Hội An nằm trên bờ bắc của con sông Thu Bồn đã từng chảy ra biển qua cửa Đại Chiêm, là khu vực phía Nam của biển Cửa Đại ngày nay. Thế kỷ 16, 17 và 18 đã chứng kiến sự phát triển kinh tế thịnh vượng của không chỉ mỗi Đại Việt mà còn cả khu vực Đông Nam Á nói chung. Vào thời gian đó, Hội An trở thành một trong những trung tâm giao thương buôn bán và trao đổi văn hoá lớn nhất của Đông Nam Á. Thuyền buôn từ Trung Quốc, Bồ Đào Nha, Nhật Bản và sau này từ Hà Lan, Anh và Pháp, đã cập bến Hội An và những cảng khác của Việt. Trong số đó có nhiều thương nhân và người tị nạn từ Trung Quốc, Nhật Bản đến Hội An buôn bán và sinh sống.

Nhà truyền giáo người Ý, Cristoforo Borri, người đã từng sống ở Đàng Trong từ những năm 1618 đến 1621 đã viết về Hội An: “Phố này được gọi là Faifo; nó khá lớn, một phần thuộc về người Trung Quốc còn phần kia thuộc về người Nhật Bản; họ sống riêng biệt, mỗi nhóm có một người đứng đầu, người Trung Quốc sống theo luật pháp của Trung Quốc còn người Nhật Bản thì sống theo luật của Nhật” [119, tr. 21].

Hội An đã từng là một trung tâm giao thương và đồng thời, một nơi giao lưu văn hoá. Là điểm đến của nhiều thương nhân từ nhiều nước, đặc biệt từ Trung Quốc và Nhật Bản, Hội An đã có nhiều cơ hội tiếp nhận những nhân tố văn hoá khác biệt từ họ và khiến bản thân nó trở nên khác biệt so với các đô thị khác cùng thời ở Việt Nam. Có lẽ, đô thị này là một trong những địa điểm đầu tiên chịu ảnh hưởng của văn minh phương Tây thông qua các thương nhân phương Tây và là một trong những cửa ngõ cho việc truyền bá đạo Thiên chúa giáo vào Việt Nam thế kỷ 17.

Trong giai đoạn Đại Việt này, Hội An không chỉ là một trung tâm giao thương quan trọng của chúa Nguyễn mà còn là một trong những cảng thị phát triển vào bậc nhất của vùng Đông Nam Á. Tuy nhiên, giai đoạn hưng thịnh của Hội An chỉ gói gọn trong vòng hai thế kỷ, từ thế kỷ 17 đến thế kỷ 18. Từ thế kỷ 18 trở đi, những thay đổi về mặt chính trị đã diễn ra một cách mạnh mẽ, đặc biệt là khi các chúa Nguyễn áp dụng chính sách “bế quan toả cảng” đã ảnh hưởng đến vai trò của Hội An như là một cảng chính của triều Nguyễn. Cảng thị thuyền buồm Hội An dần dần mất vai trò và nhường chỗ cho sự nổi lên của những cảng khác dọc bờ biển Việt Nam. Tuy nhiên, cũng nhờ có sự việc này mà Hội An đã tránh được những nhân tố bất lợi từ quá trình hiện đại hoá có thể gây hại đến diện mạo và những giá trị văn hoá quý báu của nó, đồng thời, có khả năng được bảo tồn nguyên vẹn như chúng ta thấy ngày nay [69, tr. 14].

2.1.2. Hội An hiện nay

Ngày 28 tháng 3 năm 2008, Hội An chính thức được công nhận là thành phố cấp ba trực thuộc tỉnh Quảng Nam, bao gồm 9 phường: Minh An, Sơn Phong, Cẩm Phô, Tân An, Cửa Đại, Cẩm An, Cẩm Châu, Cẩm Nam và 3 xã: Tân Hiệp, Cẩm Thanh, Cẩm Kim.

Thành phố Hội An nay là thành phố thuộc tỉnh Quảng Nam, cách bãi biển Cửa Đại 6 km về phía Tây và cách thành phố Đà Nẵng 28 km. Đến năm 2013, dân số Hội An sắp xỉ khoảng 91.993 người với mật độ dân số là 1.491 người/km², tập trung lớn nhất ở khu phố cổ và các địa bàn trung tâm nội đô. Hội An có đường bờ biển dài 7 km với nhiều bãi tắm đẹp, Cù Lao Chàm với nhiều hang yển có giá trị. Hoạt động kinh tế của Hội An chủ yếu là du lịch, dịch vụ, ngư nghiệp, nông nghiệp, các sản phẩm thủ công mỹ nghệ. Trong số những hoạt động này, du lịch đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển kinh tế của thành phố.

Đô thị cổ Hội An hiện thuộc phạm vi của thành phố Hội An, có giới hạn phía Đông là đường Hoàng Diệu, phía Tây là điểm giao nhau giữa hai đường Phan Đình Phùng và Nguyễn Thị Minh Khai, phía Nam là đường Bạch Đằng và đoạn sông phía Nam đường Nguyễn Thị Minh Khai và phía Bắc là đường Phan Chu Trinh. Diện tích khu phố cổ Hội An khoảng 1,6km², gồm có Khu vực I là khu vực bảo vệ nguyên trạng có diện tích 0,3 km² và khu vực IIA, IIB là khu vực đệm [80].

Phố cổ Hội An ngày nay là một trường hợp cảng biển cổ được bảo tồn một cách nguyên vẹn nhất không chỉ ở Việt Nam mà khắp vùng Đông Nam Á. Hội An bao gồm nhiều công trình kiến trúc truyền thống như là hội quán, miếu, chùa, đình, nhà thờ họ, giếng cổ, cầu cổ,... Tuy nhiên, những di tích hấp dẫn nhất và đặc biệt nhất mang lại danh tiếng và thu hút khách du lịch trong ngoài nước là các ngôi nhà cổ với kiểu kiến trúc kết hợp phân bố đều dọc những con phố cổ nhỏ hẹp chạy song song với con sông và cắt nhau bằng những con ngõ nhỏ. Bên cạnh đó, các phong tục cổ truyền, sinh hoạt văn hóa và bản thân chính con người Hội An đã đóng góp nhiều tạo nên hình ảnh hấp dẫn của Hội An trong con mắt của thế giới.

Hơn nữa, vẻ đẹp và giá trị của đô thị cổ nhỏ xinh không chỉ nằm ở trung tâm phố cổ với những ngôi nhà cổ, những ngõ phố nhỏ hẹp. Trung tâm của phố cổ gắn kết hài hòa về mặt sinh thái với cảnh quan xung quanh nó bao gồm đảo, sông, bờ biển, các đụn cát và những làng nghề truyền thống ở vùng phụ cận của Hội An.

Đặc biệt hơn nữa, vào năm 1999, Hội An được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa thế giới. Theo hồ sơ đánh giá số 948 của UNESCO về việc đề cử làm Di sản văn hóa thế giới, Hội An được đánh giá như sau:

Phố cổ Hội An là một trường hợp tiêu biểu của cảng biển thương mại cổ của Đông Nam Á được bảo tồn một cách nguyên vẹn và kỹ lưỡng: Đây là đô thị cổ duy nhất ở Việt Nam được bảo tồn một cách nguyên vẹn đến vậy. Hầu hết các công trình kiến trúc ở Hội An có kiểu kiến trúc của thế kỷ 18 - 20. Chúng nằm dọc trên những con phố cổ hẹp. Các công trình này bao gồm các công trình tín ngưỡng như chùa, đền, hội quán, văn vân. Tất cả đều có liên quan đến sự phát triển của cộng đồng cư dân vùng hải cảng. Phong tục, tín ngưỡng, các sinh hoạt văn hóa và cả ẩm thực đều được giữ gìn và nhiều lễ hội vẫn được tổ chức thường niên [136, tr. 114].

Hội đồng Quốc tế về di tích và di chỉ (International Council on Monuments and Sites – ICOMOS) đã đánh giá đô thị cổ này như sau:

Hội An là một trường hợp tiêu biểu của cảng biển miền Viễn Đông được bảo tồn nguyên vẹn, cảng biển này có sự giao thương rộng rãi với các nước trong khu vực Nam Á và Đông Á và với các nước khác trên thế giới. Nó suy tàn vào cuối thế kỷ 19 nhưng vẫn bảo lưu được những yếu tố của một cảng thị truyền thống một cách đáng ngạc nhiên. Điều này thật không bình thường ở vùng này vì cảng thị này phần lớn được xây dựng bằng gỗ [136, tr. 115].

Theo đánh giá của UNESCO, phố cổ Hội An được công nhận là di sản văn hóa thế giới theo hai tiêu chí *ii* và *v* theo Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của UNESCO 1972. Cụ thể:

- Tiêu chí *ii*: Hội An là biểu hiện vật thể nổi bật của sự kết hợp các nền văn hóa qua các thời kỳ trong một thương cảng quốc tế.
- Tiêu chí *v*: Hội An là điển hình tiêu biểu về một cảng thị châu Á truyền thống được bảo tồn một cách hoàn hảo [137].

2.1.3. Hội An – Di sản văn hóa của thế giới

Theo phân loại di sản văn hóa viết trong Điều 1 của *Công ước Di sản thế giới* năm 1972, Phố cổ Hội An là một nhóm các công trình kiến trúc. Chạy dọc theo những con phố chính nằm song song với sông Hội An (phố Bạch Đằng, Nguyễn Thái Học, Trần Phú, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thị Minh Khai) và những con phố

nhỏ cất ngang (Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Nhị Trung, Trần Quý Cáp,...) là những ngôi nhà cổ cùng với những cửa hiệu và các di tích khác như chùa, đình, miếu, nhà thờ họ, hội quán. Đâu đó trong khu vực này là các bảo tàng, nhà trưng bày, triển lãm, giếng cổ, một cái cầu nổi tiếng, chợ và bến tàu,... Những di tích này phản ánh dấu ấn sâu sắc các thời kỳ lịch sử khác nhau của phố cổ này. Giai đoạn sớm ảnh hưởng bắt đầu từ nền văn hóa Sa Huỳnh, tiếp sau đó là văn hóa của người Chăm, rồi người Việt, phố cổ tích lũy trong mình sự đa dạng văn hóa. Trên nền đó, để sau trở thành một trung tâm giao thương quốc tế trong lịch sử của Việt Nam và vùng Đông Nam Á, Hội An có nhiều điều kiện thuận lợi tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau như Nhật Bản, Pháp, Bồ Đào Nha và đặc biệt là Trung Hoa. Sự giao thoa văn hóa diễn ra trong suốt quá trình giao thương từ thế kỷ 17 đến đầu thế kỷ 20, tạo nên một nền văn hóa Hội An độc đáo với những đặc trưng được bảo tồn nguyên vẹn như ngày nay trong những ngôi nhà, những di chỉ, trong kiến trúc và phong cách sống của người dân [25, tr. 30].

Tuy nhiên, phố cổ Hội An không chỉ được đề cao do là một cảng biển được bảo tồn nguyên vẹn hay một tập hợp các công trình kiến trúc cổ được gìn giữ tốt mà còn do đây là một tổng thể bao gồm nhiều loại hình di sản cùng tồn tại trong khuôn khổ của một đô thị cổ đã được lưu giữ khá toàn vẹn. Điểm đặc biệt của địa điểm này là sự hòa trộn đan xen của các công trình kiến trúc, công trình tôn giáo và công trình sinh hoạt cổ với các giá trị văn hóa phi vật thể sống động đang được chủ thể sở hữu những di sản này (cộng đồng) trực tiếp thực hành song song với sự tồn tại của các công trình vật thể đó. Với trường hợp phố cổ Hội An, vốn là một phức hợp bao gồm nhiều loại di sản với các đặc điểm khác nhau, thì cần có một hệ thống phân loại nguồn tài sản văn hóa này một cách linh hoạt phù hợp với các hoạt động quản lý và bảo tồn di sản của địa phương. Với các mục tiêu quản lý khác nhau đòi hỏi có cách phân loại khác nhau nhằm phục vụ có hiệu quả việc đạt được mục tiêu đó. Bên cạnh đó, mặc dù nhận thức rất rõ không thể tách rời đâu là di sản vật thể và đâu là di sản phi vật thể, và rằng luôn tồn tại trong một di sản vật chất là những giá trị văn hóa phản ánh đời sống tinh thần phong phú của mỗi con người, mỗi cộng đồng, nhưng trong quản lý di sản văn hóa, việc phân chia di sản văn hóa thành hai nhóm,

vật thể và phi vật thể lại là công việc cần thiết trong quá trình kiểm kê, đánh giá và quản lý di sản có hiệu quả [62], [103], [125].

Theo báo cáo của dự án *Tác động của du lịch lên văn hóa và môi trường ở châu Á và Thái Bình Dương*: Du lịch văn hóa và quản lý di sản ở điểm di sản thế giới phố cổ Hội An, Việt Nam do UNESCO Bangkok và TT QLBT DSVH Hội An phối hợp tổ chức vào năm 2008 [125] thì nguồn tài nguyên di sản văn hóa của Hội An được chia thành hai nhóm: vật thể và phi vật thể. Di sản văn hóa vật thể của Hội An gồm có các di sản kiến trúc như nhà cổ, cửa hàng, nhà thờ họ, đình, hội quán và các công trình kiến trúc khác như đền, chùa, mộ, cầu và giếng. Di sản văn hóa phi vật thể như tín ngưỡng, nghi lễ và lễ hội, trò chơi dân gian, ẩm thực, nghệ thuật biểu diễn truyền thống.

Trong thực tiễn quản lý di sản, Hội An còn đưa ra một số cách phân loại hệ thống di sản văn hóa của mình đáp ứng yêu cầu của từng mảng hoạt động. Trong công tác bảo tồn và tu bổ di tích, các công trình kiến trúc cổ được phân loại theo giá trị bảo tồn và tùy từng loại, địa phương có các biện pháp tương ứng với giá trị bảo tồn đó.

Bảng 2.1. Phân loại công trình kiến trúc ở Hội An theo giá trị bảo tồn (2008)

Loại hình	Đặc biệt	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Tổng
Đình	13	3	6	0	0	22
Chùa	9	1	5	4	0	19
Đền	13	10	8	2	1	34
Hội quán	5	0	0	0	0	5
Nhà thờ họ	17	16	6	0	0	39
Nhà nguyện	0	0	0	2	2	4
Nhà cổ	10	88	222	335	409	1.064
Miếu, lăng	1	11	4	0	0	16
Mộ cổ	7	31	0	1	0	39
Giếng	2	8	0	0	0	10
Cầu	1	0	0	0	0	1
Công trình văn hóa khác	1	0	0	0	0	1
Tổng	79	168	251	344	412	1254
Tỉ lệ (%)	6,30	13,30	20,10	27,50	32,80	100,00

Nguồn: [125, tr. 31]

Cách phân loại này dựa vào tiêu chí sau:

Loại đặc biệt: Bảo tồn được các yếu tố gốc của tất cả các hạng mục công trình, có nhiều chi tiết kiến trúc, mỹ thuật độc đáo. Các yếu tố này có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học.

Loại 1: Bảo tồn được các yếu tố gốc của tất cả các hạng mục công trình. Các yếu tố này có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, khoa học.

Loại 2: Bảo tồn được cơ bản các yếu tố gốc của các hạng mục công trình nếp nhà trước. Các yếu tố này có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học.

Loại 3: Bảo tồn được mái ngói truyền thống và một số yếu tố gốc của các hạng mục công trình. Các yếu tố này có một số giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học.

Loại 4: Những công trình được xây, đúc bê tông theo kiểu hiện đại, không sử dụng vật liệu truyền thống. Có mái bằng bê tông hoặc lợp các loại vật liệu khác không phải là ngói âm dương [78].

Bên cạnh đó, các di tích này cũng có đặc điểm sở hữu đa dạng, cụ thể:

Bảng 2.2. Phân loại các công trình kiến trúc ở Hội An theo loại sở hữu (2008)

STT	Loại hình sở hữu	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Sở hữu nhà nước (đình, đền, chùa, lăng, miếu, cầu, giếng, mộ,...)	205	16,4
2	Sở hữu tập thể (nhà thờ họ, hội quán,...)	120	9,6
3	Sở hữu tư nhân (nhà cổ)	929	74,1
	Tổng	1.254	100,0

Nguồn: [125, tr.31]

Cách hệ thống hóa các công trình kiến trúc theo giá trị bảo tồn và theo sở hữu nhằm phục vụ cho việc phân bổ ngân sách hỗ trợ tu bổ và sửa chữa các di tích này. Theo quyết định số 2687/QĐ-UB ngày 28/6/2004 về việc phê duyệt dự án khả thi đầu tư tu bổ khẩn cấp các di tích có nguy cơ sụp đổ tại khu Văn hoá thế giới Hội An của UBND tỉnh Quảng Nam, tỷ lệ vốn đầu tư tu bổ các di tích thuộc sở hữu nhà nước là 100%, với các di tích thuộc sở hữu tư nhân và tập thể, tỷ lệ hỗ trợ được phân bổ như sau:

Bảng 2.3. Tỷ lệ vốn đầu tư tu bổ các di tích thuộc sở hữu tư nhân - tập thể

Đơn vị tính : %

Loại di tích	Vị trí nhà dọc trục đường chính		Vị trí nhà dọc các kiệt, hẻm	
	<i>Nhà nước hỗ trợ</i>	<i>Chủ Di tích góp vốn</i>	<i>Nhà nước hỗ trợ</i>	<i>Chủ Di tích góp vốn</i>
Loại đặc biệt	60	40	75	25
Loại I và II	45	55	65	35
Loại III	40	60	60	40

Nguồn: [80]

Di sản kiến trúc không phải là thành tố duy nhất tạo nên một Hội An nổi tiếng và đặc biệt như chúng ta thấy ngày nay. Hội An còn hơn cả vẻ bề ngoài độc đáo đó. Những di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc góp phần tạo nên linh hồn cho đô thị cổ này bao gồm lễ hội, phong tục cổ truyền, nghề thủ công, nghệ thuật biểu diễn, trò chơi dân gian... và đặc biệt là lối sống của người Hội An xưa và nay.

Theo số liệu từ một nghiên cứu tổng thể của Viện Văn hóa – Thông tin (hiện nay là Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam) năm 2004, Hội An có 60 lễ hội với quy mô và đặc điểm khác nhau trên 12 phường xã của thành phố [62].

Bảng 2.4. Phân loại lễ hội theo di tích

Phân loại theo di tích	Số lượng lễ hội	Tỷ lệ (%)
Lễ hội đình	19	31,70
Lễ hội đền, miếu	17	28,40
Lễ hội lăng	18	30,00
Lễ hội hội quán	4	0,67
Lễ hội chùa	2	0,34
Tổng số	60	100,00

Nguồn: [62, tr. 106]

Các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống ở Hội An cũng được gìn giữ và phát triển tốt, bao gồm dân ca, bả trạo, múa lân, du hò,... Ẩm thực cũng là một trong những giá trị văn hóa phi vật thể đặc sắc với các món ăn đặc trưng của riêng Hội An như cao lầu, hoành thánh, mỳ Quảng, mỳ Phúc Kiến, bánh bao, chí mả, bánh vạc,...

Với đặc trưng sở hữu một phức hợp các di sản văn hóa đa dạng và phong phú, Hội An đặt ra cho các nhà quản lý nhiều thách thức trong bảo tồn và phát huy di sản. Việc tạm nhóm gộp các di sản của Hội An thành hai nguồn: di sản văn hóa

vật thể và di sản văn hóa phi vật thể như ở trên là nhằm trình bày một cách đầy đủ và có hệ thống về nguồn tài nguyên ở điểm di sản này. Về bản chất, hai nhóm này không tách rời nhau trong hệ thống di sản của Hội An: Đi kèm với các ngôi nhà cổ là kiểu kiến trúc tích hợp hài hòa phong cách kiến trúc truyền thống của người Việt với phong cách kiến trúc của các quốc gia khác như Trung Quốc, Nhật, Pháp và lối sống truyền thống của người sống trong chúng; Đi liền với các công trình tôn giáo như đình, đền, chùa là những lễ hội và tín ngưỡng truyền thống bản địa của người dân; Gắn với các giếng Chăm cổ là hiểu biết của người Chăm về vị trí và kỹ thuật đào giếng. Trong công tác bảo tồn và khai thác di sản, các nhà quản lý ở Hội An luôn cần cân nhắc đến đặc tính hỗn hợp này của các tài sản văn hóa của mình để đưa ra các kế hoạch và chính sách phù hợp.

Điểm đặc trưng khác cũng đặt ra nhiều khó khăn cho công tác quản lý và bảo tồn hệ thống đồ sộ các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể này của Hội An đặc tính sống của những di sản này. Đô thị cổ Hội An không chỉ bao gồm các công trình kiến trúc, di tích lịch sử văn hóa, di chỉ khảo cổ học, đồ tạo tác vật thể và những giá trị văn hóa phi vật thể gắn với những tài sản vật thể này mà còn bao gồm sự hiện hữu sống động và trực tiếp của chủ thể sở hữu những di sản đó, chính là cộng đồng dân cư địa phương. Phố cổ Hội An là nơi sinh sống của hàng vạn con người và những con người này đang thực hành các di sản văn hóa phi vật thể làm nên hồn cho những di sản văn hóa vật thể. Việc quản lý và bảo tồn hệ thống các di sản này sẽ phải tính đến việc đảm bảo lợi ích, nhu cầu, mong muốn mọi mặt của người dân sống và vận hành những di sản này. So với nhiều điểm di sản văn hóa khác như Mỹ Sơn, Huế, thành Nhà Hồ,..., đây là nét khác biệt lớn đòi hỏi chính sách, biện pháp và định hướng quản lý phức tạp hơn.

Một thực tế khác của Đô thị cổ Hội An đã đang đặt ra thách thức lớn cho công tác quản lý, bảo tồn và khai thác các di sản văn hóa của điểm này là ảnh hưởng của những tác động của biến đổi khí hậu ngày càng lớn trong những năm gần đây. Hội An chịu ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới gió mùa và chịu sự chi phối của hệ thống sông Thu Bồn do nằm ở vị trí cửa sông – ven biển, cuối tả ngạn của sông Thu Bồn. Hàng năm, các công trình kiến trúc gỗ đặc sắc của Hội An đều phải chịu tác động

của lũ lụt, khiến cho nhiều ngôi nhà cổ hoặc nhiều di tích lịch sử có kết cấu gỗ bị hư hại và sụp đổ. Mỗi nguy này đến từ tác động của một xu hướng biến đổi môi trường có phạm vi toàn cầu và cường độ ngày càng mạnh, một địa phương hay một quốc gia khó có thể ngăn chặn được. Vì vậy, biện pháp khác đó là chủ động ứng phó với mối họa này thông qua các biện pháp bảo vệ di sản có hiệu quả hơn. Đây cũng là một thách thức lớn và nặng nề đối với công tác quản lý di sản của địa phương này trong nhiều năm vừa qua.

2.2. Hệ thống di sản văn hóa của Đô thị cổ Hội An

2.2.1. Di sản văn hóa vật thể

Nhà cổ: Theo thống kê, Hội An hiện có 1.064 nhà cổ. Những công trình này tạo nên phần lớn diện mạo của phố cổ từ trong quá khứ cho tới hiện nay. Hầu hết các ngôi nhà ở Hội An có kiến trúc từ những thế kỷ 19 và 20 và được xây dựng chủ yếu bằng gỗ. Kiến trúc của những công trình này rất đặc trưng do có sự trao đổi văn hóa khi xây dựng các ngôi nhà này, thể hiện sự kết hợp giữa kiểu kiến trúc và kỹ thuật xây dựng Việt Nam truyền thống với các yếu tố kiến trúc ngoại lai đến từ Trung Quốc, Pháp và Nhật. Sự trao đổi văn hóa này xảy ra khi có nhiều thương nhân và người tị nạn từ Nhật Bản và phần nhiều là từ Trung Quốc đến Hội An, buôn bán và định cư, xây dựng nhà và cửa hiệu của mình. Hầu hết các ngôi nhà trong khu vực phố cổ Hội An nằm dọc theo các con phố nhỏ thẳng chạy song song theo hướng Đông - Tây như Trần Phú, Bạch Đằng, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thị Minh Khai hoặc các phố cắt ngang những phố trên như Lê Lợi, Nhị Trung, Hoàng Diệu, Hoàng Văn Thụ,... Trong những ngôi nhà đó, nhiều thế hệ, đôi khi là ba hoặc bốn thế hệ cùng chung sống và buôn bán.

Nhà thờ họ: Hiện Hội An còn giữ được 39 nhà thờ họ, có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật kiến trúc và tinh thần. Công trình kiến trúc này được xây dựng nhằm phục vụ cho nhu cầu thờ cúng tổ tiên và các sinh hoạt dòng họ. Kiểu kiến trúc này được thiết kế gần giống với nhà ở, hai bên trái phải của tòa nhà chính có hai chái nhỏ và trước mặt có một cái sân. Thông thường, mỗi dòng họ có một ngày giỗ tổ và trong ngày này, tất cả con cháu trong họ tập hợp lại với nhau, cúng lễ tổ tiên với hoa quả, rượu, thực ăn,... và làm lễ cúng tổ. Đôi khi, toàn bộ gia đình

dòng họ tập trung vào dịp đặc biệt trong năm, cúng lễ, trao đổi, chia xẻ và dạy dỗ con cháu. Nhà thờ họ là nơi thế hệ trẻ trong một gia đình nhận được những bài học đạo đức và kinh nghiệm từ các vị chú bác ông bà, là nơi mà mối quan hệ gia đình ngày càng được bền chặt. Trưởng tộc thường là người nhận trọng trách tộc họ giao phó để giữ gìn, quản lý và tổ chức các giỗ kỵ hàng năm tại các ngôi nhà thờ họ này.

Đình: Khu đô thị cổ Hội An hiện có 22 ngôi đình với các niên đại và kiến trúc khá đa dạng, phản ánh nhiều nét văn hóa, tâm linh của những cộng đồng sở hữu các di tích này. Đình làng ở Hội An là trung tâm sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của một làng, thường được đặt ở những vị trí đẹp nhất trong làng. Phần lớn các ngôi đình ở Hội An là nơi thờ các vị tiền hiền có công khai khẩn lập làng, hoặc sáng lập ra các nghề thủ công truyền thống (mộc, gốm, chạm khắc,...), các hoạt động kinh tế truyền thống của làng (đánh cá, buôn bán kinh doanh, trồng rau thơm,...). Ngôi đình cổ nhất ở Hội An hiện là ngôi đình của làng Xuân Mỹ, có niên đại vào đầu thế kỷ 19 [119, tr.314].

Chùa: Vào thế kỷ 17 – 19, Hội An là một trung tâm Phật giáo khá quan trọng của miền Trung Việt Nam. Điều này giải thích tại sao trong khuôn khổ của một đô thị nhỏ như Hội An lại có đến 19 ngôi chùa thờ Phật (chủ yếu là dòng Lâm Tế của Tịnh Độ Tông từ Trung Quốc truyền sang từ thế kỷ 17). Hầu hết các ngôi chùa đều có kiến trúc của thế kỷ 19 do đây là giai đoạn các ngôi chùa được đồng loại tu bổ hay tái xây dựng trên toàn bộ vùng này. Tuy nhiên, chúng ta vẫn có thể thấy một vài yếu tố thuộc về kiến trúc của thế kỷ 17 và 18 ở những trang trí, mô típ hoặc phong cách nghệ thuật,... Ở Hội An có hai kiểu chùa: Một kiểu thì có hai phần nhà song song với nhau với các kết cấu bên trong giống hệt nhau và kiểu kia là theo hình chữ Đinh (T) gồm một tòa nhà chính và một hậu cung (đình và chùa ở Việt Nam được xây dựng phổ biến theo kiểu này). Chùa làng như Chùa Kim Bửu, Cẩm Hà (Thanh Hà), chùa Phật Minh Hương, Viên Giác,... được đặt trong lòng các ngôi làng, gắn chặt với các sinh hoạt văn hóa, tinh thần của người dân trong làng. Các ngôi chùa có tính chất tu tập như Chúc Thánh, Vạn Đức, Phước Lâm, Long Tuyền, Viên Giác,... lại thường tách khỏi khu vực dân cư tập trung để thuận tiện cho công việc tu hành của các thầy tu.

Hội quán: Đây là công trình kiến trúc tôn giáo của cộng đồng người Hoa ở Việt Nam. Người Hoa sống ở Hội An đã nhiều thế kỷ, là chủ sở hữu tập thể của những công trình kiến trúc này. Thường những người Hoa đến từ một vùng thì sẽ sống tập trung với nhau, mỗi nhóm có một hội quán riêng của họ. Hiện nay ở Hội An có 5 hội quán, 4 hội quán trong số này được hình thành bởi 4 nhóm người Hội An gốc Hoa đến từ 4 địa phương khác nhau: Hội quán Triều Châu (1845), Hội quán Hải Nam (1875), Hội quán Phúc Kiến (1697), Hội quán Quảng Triệu (1885); Hội quán thứ 5 là hội quán chung cho cả 5 nhóm cư dân này, đó là Dương Thương Hội Quán (1741). Ngoài chức năng là nơi sinh hoạt văn hóa, hội quán còn là nơi thờ các vị tiên hiền, hậu hiền, các vị thần phù hộ đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng thuộc hội quán đó. Mỗi hội quán thường có một cổng tam quan, rồi đến một sân trước, có thêm một hòn non bộ. Phần quan trọng nhất của hội quán là tiền đường, nơi các nghi lễ cúng tế được diễn ra. Toàn bộ cấu trúc của hội quán thường được trang trí rất tinh xảo và hài hòa, phù hợp với thuật phong thủy [119, tr.320].

Miếu – Lăng: Hội An hiện có 16 ngôi miếu và lăng. Các di tích này có kiến trúc và quy mô khá khác nhau: những miếu lớn như miếu Quan Công trên đường Trần Phú, Văn Chi Cầm Phô, Văn Thánh miếu Minh Hương,... có kết cấu hình chữ Quốc với chủ thần là các bậc thánh hiền, Nho học hoặc tổ nghề. Một số những miếu vừa và nhỏ khác như miếu Ngũ Hành, Thái Giám, Nam Diêu thường nằm ở ngoài làng, hoặc giữa các cánh đồng lúa. Nói chung, một ngôi miếu thường có ba gian, gian giữa có bàn thờ và là nơi thờ cúng các vị tiên nhân, người hình thành nên cộng đồng người Minh Hương ở Việt Nam, tổ nghề (bắt tổ yến, nghề gốm, mộc,...), có vị trí xây dựng nằm ngay trong khu dân cư hoặc ở đầu làng (xóm).

Cầu cổ: Đây là một di tích, kiến trúc đặc biệt của Hội An, là cầu cầu cổ duy nhất còn lại ở đô thị cổ này. Cầu này có kiến trúc kiểu Nhật. Nó còn được gọi là Lai Viễn Kiều do chúa Nguyễn Phúc Chu đặt vào đầu năm 1719 để ghi nhớ tình bang giao thân thiết giữa Việt Nam và Nhật Bản. Cầu nằm ở phía Tây khu phố cổ Hội An, nối đường Trần Phú và Nguyễn Thị Minh Khai. Mặt phía Bắc của cây cầu này sau được bổ sung thêm một gian thờ thần Bắc Đế Trấn Võ, được cho là để bảo vệ cầu và người dân nơi đây chống lại quỷ dữ, bảo vệ Hội An, vì thế dân gian sau này

quen gọi là Chùa Cầu. Tương truyền, cầu được cộng đồng người Nhật sống ở cảng thị này xây dựng từ thế kỷ thứ 16 và đã trải qua vài lần sửa chữa và tu bổ. Hiện trạng của cầu ngày nay là kết quả của một lần tu bổ vào năm 1817 (điều này được ghi rõ trên một văn bia và trên một cái xà).. Cầu nằm cắt ngang một con kênh nhỏ chảy ra sông Thu Bồn, được làm hoàn toàn bằng gỗ và sơn thếp đỏ.

Giếng Chấm: Có 10 cái giếng Chấm vẫn đang được sử dụng hiện nay ở Hội An (hai cái ở làng Thanh Chiêm, hai cái ở làng An Bang, một ở Trà Quế, một ở Cù Lao Chàm và năm hoặc sáu cái ở gần hồ Trung Phương) [119, tr.118]. Những giếng này mang đặc trưng của người Chăm: tròn ở miệng và vuông hoặc hình chữ nhật ở dưới, phần đáy thường được lát bằng gỗ. Đặc biệt là nước giếng Chấm rất trong, sạch, mát và hiếm khi cạn vào mùa khô. Điều này cho thấy kỹ thuật của người Chăm trong việc đào giếng rất cao. Người ta cho rằng những giếng này có nguồn nước trong mát nổi tiếng mà người Chăm xưa kia cung cấp cho các thương nhân người Ả Rập và Ba Tư khi họ cập bến cảng thị này vào những thế kỷ thứ 9 và 10. Cho đến nay các giếng Chăm vẫn đang được sử dụng và được bảo vệ tốt.

Bên cạnh đó Hội An còn có 39 ngôi mộ cổ có giá trị mỹ thuật nằm ở khu vực ngoại vi của phố cổ. Những ngôi mộ này là mộ của người Chăm, người Việt, người Nhật và người Trung Hoa hay Hà Lan xưa kia. Kỹ thuật xây dựng những ngôi mộ này được nhiều nhà khảo cổ, những người nghiên cứu lịch sử, văn hóa rất quan tâm.

Nhìn chung, hầu hết các di tích ở Hội An đều tập trung trong khu vực phố cổ và dọc theo con sông Thu Bồn. Kiến trúc của những công trình này tiêu biểu cho sự giao lưu văn hóa giữa nền văn hóa bản địa như Chăm, Việt với nền văn hóa bên ngoài như Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp, ... Rõ ràng là các công trình kiến trúc và di tích ở Hội An là bằng chứng cho những giai đoạn thăng trầm của đô thị cổ này. Có thể thấy là chính nhờ sự suy yếu của cảng thị vào cuối thế kỷ 19 mà Hội An còn tồn tại nguyên vẹn cho đến ngày nay.

2.2.2. Di sản văn hóa phi vật thể

Như đã trình bày ở trên, di sản kiến trúc không phải là thành tố duy nhất tạo nên một Hội An nổi tiếng và đặc biệt như chúng ta thấy ngày nay. Thật thiếu sót nếu chúng ta chỉ nhắc đến các di tích, di chỉ, các ngõ phố, các ngôi nhà cổ, ... mà

quên đi những di sản văn hóa phi vật thể đặc sắc cũng góp phần tạo nên linh hồn cho đô thị cổ này.

Lễ hội: Đây là một trong những loại hình sinh hoạt văn hóa truyền thống tiêu biểu nhất của người Việt. Theo số liệu từ một nghiên cứu điều tra tổng thể của Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam vào năm 2004, Hội An có tổng số là 60 lễ hội với quy mô và đặc điểm khác nhau trên toàn bộ 12 phường xã của thị xã vào thời điểm đó.

Bảng 2.5. Lễ hội ở Hội An (Phân loại theo loại hình di tích)

Loại	Số lượng
Lễ hội đình	19
Lễ hội đền, miếu	17
Lễ hội lăng	18
Lễ hội hội quán	4
Lễ hội chùa	2
Tổng số	60

Nguồn: [62, tr.106]

Về mặt chức năng, các lễ hội ở Hội An được chia thành nhiều loại như lễ hội nghề (Lễ hội tổ nghề làng gốm Thanh Hà, lễ hội làng yến Thanh Châu, lễ hội ngư nghiệp, lễ hội làng mộc Kim Bồng,...), lễ hội nông nghiệp (lễ hội cầu mùa, lễ mừng lúa mới, lễ cúng Thần Nông,...), lễ hội mùa (Tết âm lịch, Tết Thượng Nguyên, tháng Sáu, tháng Tám,...), lễ hội tín ngưỡng (Lễ cúng sư Minh Hải, Phật Đản,...) và những lễ hội khác như cúng Cá Ông, Lễ Long Chu, ... Nói chung, những lễ hội này khá nhỏ và tập trung chủ yếu vào cúng tế hơn là phần hội. Tuy nhiên, trong một số lễ hội lớn, chúng ta vẫn có thể thấy những hoạt động mang tính hội phục vụ cộng đồng như là biểu diễn nghệ thuật truyền thống, các trò chơi truyền thống. Đối với người dân Hội An, lễ hội có ý nghĩa quan trọng trong cuộc sống của họ. Lễ hội là dịp để họ bày tỏ lòng biết ơn đối với tổ tiên, các vị thần bảo hộ, các vị thánh; là dịp thoát khỏi cuộc sống lao động vất vả thường ngày, được thoải mái vui chơi và đồng thời cũng là cơ hội củng cố mối cố kết cộng đồng.

Nghề thủ công: Hội An có một vài làng nghề và những làng nghề truyền

thống này đóng góp một phần không nhỏ vào sự tăng trưởng kinh tế của thị xã, tạo công ăn việc làm cho người dân trong các làng nghề và cùng lúc, bảo vệ được những tri thức cổ truyền cho thế hệ hiện nay và cho cả những thế hệ người dân tiếp sau. Nghề nhân làng mộc Kim Bồng là những người đã từng xây dựng nên đô thị Hội An vào thế kỷ 16, những cung điện và lăng ở Huế vào cuối thế kỷ 19. Con cháu những người này ngày nay đang tôn tạo, phục hồi lại những di tích cổ của thị xã, tạo nên những sản phẩm thủ công mỹ nghệ tinh xảo để bán [70, tr. 18]. Làng gốm Thanh Hà đã đang sản xuất gạch, ngói và các vật dụng gia đình thường ngày cho nhu cầu sử dụng, tôn tạo và trang trí các di tích ở Hội An ngày nay trong khi làng Thanh Châu lại nổi tiếng từ nhiều thế kỷ nay về nghề thu gom các tổ chim yến ở đảo Cù Lao Chàm. Nhờ có nghề làm đèn lồng mà Hội An ngày nay trở nên xinh đẹp vào đêm và du khách có thể có được những món quà nhỏ xinh dành tặng người thân và bạn bè. Ngoài ra, làng rau Trà Quế và một số làng đánh bắt cá khác cũng đang cung cấp không ít các vật phẩm địa phương đáp ứng nhu cầu của người dân trong thị xã và cả các vùng phụ cận.

Nghệ thuật cổ truyền: Một số loại hình nghệ thuật truyền thống ở Hội An đã được bảo tồn và thực hành đến tận ngày nay như hát đối, múa rồng, ... Trong số đó đặc biệt nhất phải kể đến là hát Bả Trạo trong lễ cúng Cá Ông ở những làng các làng ven biển. Bài Chòi và Bài Kiều là hai trò chơi cổ truyền vẫn được Hội An tổ chức vào các ngày 14 âm lịch hàng tháng phục vụ nhu cầu tìm hiểu văn hóa nghệ thuật truyền thống của Hội An của du khách và trong các dịp lễ tết trong năm cho người dân hưởng thụ.

Đặc biệt hơn nữa, ở Hội An, du khách có thể thưởng thức nhiều món ăn khác nhau của cả người Việt và người Hoa như là Cao lầu, Hoành thánh, mỳ Quảng, mỳ Phúc Kiến, bánh bao, Chí mà, bánh vạc,...Cao Lầu là món ăn đặc biệt của phố cổ, không rõ là của người Minh Hương, người Việt hay người Hoa tạo nên. Nó là một món ăn pha trộn và độc đáo của người Hội An gốc. Nguyên liệu làm nên món ăn này đều lấy từ các sản vật địa phương: tro từ gỗ ở Cù Lao Tràm, nước giếng Bá Lễ, rau các loại ở Trà Quế,...

2.3. Bảo tồn và quản lý di sản văn hóa ở Đô thị cổ Hội An

Hệ thống quản lý và bảo tồn di sản văn hóa của phố cổ Hội An được xem xét trên các phương diện sau: các quy định pháp lý, biện pháp can thiệp trong quản lý và bảo tồn, hệ thống quản lý và định hướng quản lý nhà nước (trung ương và địa phương).

2.3.1. Các quy định pháp lý

Hội An chính thức được tuyên bố là một di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia vào năm 1985 theo Quyết định số 29/QĐ-BVHTT ngày 13/01/1985 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin. Đây là bước khởi đầu cho quá trình quản lý và bảo tồn mang tính quốc gia của khu di sản quan trọng này. Sau đó, vào năm 1999, Hội An trở thành Di sản văn hóa thế giới do UNESCO công nhận. Đến năm 2009, Đô thị cổ Hội An được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 12/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Một mặt, Hội An phải được quản lý và bảo tồn theo những quy định và hướng dẫn cụ thể của các văn bản quốc tế về quản lý và bảo tồn di sản văn hóa như là *Hiến chương Athens* về Tu bổ các di tích lịch sử (1931), *Hiến chương Venice* về Bảo tồn và Tu bổ các di tích và khu di sản (1964), *Hiến chương Brurra* – là hiến chương của ICOMOS Astralia về các địa điểm văn hóa (1979), *Hiến chương về bảo tồn các đô thị lịch sử và các vùng đô thị* (1987), *Văn kiện Nara về tính chân xác* (1994), *Quy định bảo tồn các công trình kiến trúc gỗ lịch sử* (1999), *Hiến chương quốc tế về du lịch văn hóa – quản lý du lịch ở các điểm di sản* (1999) và một số các văn bản khác của UNESCO như là *Công ước về bảo vệ các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới năm 1972*, *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể năm 2003*. Những văn kiện này cung cấp những hướng dẫn đầy đủ cho các nhà quản lý di sản nhằm quản lý và bảo vệ các di tích.

Mặt khác, Hội An cũng phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29/06/2001 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa số 32/2009/QH12, ngày 18/06/2009 cùng các văn bản hướng dẫn kèm theo của Luật này bao gồm: Nghị định số 98/2010/NĐ – CP ngày 21/09/2010 của Thủ tướng chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều

của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa; Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/09/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa; Thông tư số 18/2012/TT-BVHTTDL ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định về bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; Quyết định số 13/2004/QĐ-BVHTT ngày 06/02/2003 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc ban hành Định mức bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh; Thông tư số 17/2013/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn xác định chi phí lập quy hoạch, dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích).

Hơn nữa, Hội An cũng phải tuân theo các quy định riêng cụ thể của địa phương đặt ra, bao gồm:

Quy chế quản lý, bảo tồn và sử dụng di tích khu phố cổ Hội An [78] ban hành theo quyết định số 2337/2006/QĐ-UBND ngày 10/11/2006 của UBND thị xã Hội An, quy định chung căn bản, chi tiết và rõ ràng việc bảo tồn và sử dụng các di tích ở khu phố cổ. *Thứ nhất*, giữ gìn nguyên vẹn và lâu dài khu phố cổ như một thiết chế lịch sử - văn hóa – nhân văn – kiến trúc đồng bộ, bao gồm các di tích cấu thành trên cơ sở phải vừa đáp ứng được nhu cầu cuộc sống hiện đại của cộng đồng dân cư theo nguyên tắc cùng tồn tại. *Thứ hai*, bảo tồn khu phố cổ phải gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái – nhân văn xung quanh, gắn liền bảo tồn di sản văn hóa vật thể với văn hóa phi vật thể. *Thứ ba*, bảo tồn khu phố cổ không chỉ nhằm bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa mà còn nhằm khai thác, phát huy những thế mạnh, kinh nghiệm truyền thống cho mục tiêu phát triển kinh tế địa phương. *Cuối cùng*, việc phát huy, khai thác và tái sử dụng di tích phải gắn chặt với mục tiêu bảo tồn di sản văn hóa, không vì phát triển kinh tế du lịch mà làm tổn hại đến các di sản văn hóa.

Quy chế quản lý hoạt động tham quan du lịch trên địa bàn thị xã Hội An [79], ban hành kèm theo quyết định số 04/2007/QĐ-UBND ngày 6/4/2007 của UBND thị xã Hội An, quy định rất cụ thể và chi tiết các quyền và nghĩa vụ của du khách khi đến tham quan khu phố cổ, các làng nghề truyền thống và các địa điểm

tham quan khác ở Hội An; quyền và nghĩa vụ của các đơn vị kinh doanh du lịch và các thuyết minh viên và các địa điểm tham quan.

Hướng dẫn bảo tồn di tích kiến trúc gỗ - Dành cho các chủ di tích [77] cung cấp rõ những nguyên tắc và hướng dẫn thực hành cơ bản trong việc bảo vệ và bảo tồn các kiến trúc gỗ cổ, đặc biệt quan trọng và phù hợp với những ngôi nhà cổ của Hội An. Văn bản hướng dẫn này được chia làm 3 chương với một danh sách cụ thể các tiêu chí phân loại di sản dành cho các kiến trúc gỗ ở Hội An. Chương 1 cung cấp lý do và mục tiêu của việc bảo tồn các kiến trúc gỗ ở Hội An. Chương 2 bao gồm những hướng dẫn cụ thể cho các chủ di tích trong quá trình bảo tồn, cụ thể là các nguyên tắc bảo tồn cơ bản, những hướng dẫn từng bước từng bước cụ thể trong quá trình bảo tồn. Chương 3 giới thiệu về những văn bản pháp lý có liên quan đến bảo tồn di sản, bao gồm cả các văn bản quốc tế và địa phương về bảo tồn nhằm giúp nâng cao hiểu biết người dân về vấn đề này. Văn bản này nhìn chung cung cấp được những hướng dẫn chi tiết và hệ thống rất có ích và hiệu quả cho chủ nhân của những ngôi nhà và kiến trúc gỗ cổ vốn làm nên cái hồn của khu phố cổ Hội An.

Ngoài những văn bản quản lý trực tiếp tới hệ thống di sản của Hội An, khu phố cổ Hội An còn phải tuân theo một số văn bản quản lý khác của tỉnh Quảng Nam và các văn bản quản lý các hoạt động khác như sản xuất, kinh doanh, giao thông vận tải, xây dựng,... trên địa bàn thành phố như:

- *Quy chế quản lý di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Nam*, ban hành kèm theo Quyết định số 23/2006/QĐ-UBND ngày 3/5/2006 của UBND tỉnh Quảng Nam.

- *Quy chế quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại trong khu vực 1- Khu phố cổ thị xã Hội An*, do UBND tỉnh Quảng Nam ban hành năm 2006.

- *Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo, viết đặt biển hiệu trên địa bàn thị xã Hội An*, ban hành kèm theo quyết định số 1036/2006/QĐ-UBND ngày 23/3/2006 của UBND thị xã Hội An.

- *Quy chế tạm thời về hoạt động quản lý vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy trên địa bàn thị xã Hội An*, ban hành kèm theo quyết định số 1831/2006/QĐ-UBND ngày 19/7/2007 của UBND thị xã Hội An.

- *Quy chế phối hợp cấp phép và kiểm tra xử lý vi phạm xây dựng trong Khu phố cổ thị xã Hội An*, ban hành kèm theo quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 16/5/2008 của UBND thành phố Hội An.

- *Quy chế phối hợp quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại trong khu phố cổ và một số vùng lân cận*, ban hành kèm theo quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 30/6/2008 của UBND thành phố Hội An.

Như vậy, Hội An có một hệ thống các quy định pháp lý chi tiết, đồng bộ và phù hợp sát sao với thực tiễn và đặc điểm của các di sản văn hóa của mình. Điều này cho thấy rằng Chính phủ Việt Nam nói chung và chính quyền Hội An nói riêng đặc biệt quan tâm đến việc bảo vệ các giá trị văn hóa quý giá của mình thông qua việc thừa nhận giá trị, tầm quan trọng của việc bảo vệ và sử dụng cẩn trọng các di sản đó trong các văn bản và quy định pháp lý đầy đủ. Dựa trên những văn bản pháp lý, quy định và hướng dẫn đó, việc quản lý và bảo tồn các di sản văn hóa ở Hội An được đảm bảo tính hiệu quả và lâu dài.

2.3.2. Biện pháp can thiệp của nhà nước

Ở Hội An, tùy thuộc vào từng loại di tích và hiện trạng của chúng mà các di tích cũng đòi hỏi các biện pháp can thiệp bảo tồn khác nhau. Các di tích ở Hội An được phân thành 5 loại dựa theo giá trị văn hóa và mức độ nguyên trạng của chúng. Toàn bộ khu phố cổ Hội An được chia thành hai khu vực: Bất kỳ một sự thay đổi, di chuyển hoặc cải tạo nào tiến hành trong khu vực 1 đều bị cấm và khi các di tích này được sử dụng, phục hồi hoặc sửa chữa cần phải tuyệt đối đảm bảo tính chân xác của di tích trên bốn phương diện: kỹ thuật, thiết kế, nguyên liệu và cấu trúc. Ở khu vực 2, mỗi sửa chữa, cải tạo, phục hồi và cả việc lên kế hoạch phải được kiểm soát nhằm đảm bảo hoặc tăng giá trị và vẻ đẹp của tổng thể khu di sản [137]. Vì thế, đối với những công trình kiến trúc cổ thuộc hạng đặc biệt và hạng 1 như Chùa Cầu, Nhà cổ số 80 trên đường Trần Phú, Nhà cổ Tấn Ký, nhà cổ Phùng Hưng số 4 đường Nguyễn Thị Minh Khai, mọi sự cải tạo hay phục hồi đều chỉ được tiến hành khi

thực sự cần thiết và khi tiến hành đòi hỏi phải đảm bảo tính chân xác của từng chi tiết, phần và cả tổng thể cấu trúc di tích.

Thực tế, Hội An hiện đang phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc bảo tồn các di tích văn hóa. Cái hồn của phố cổ Hội An là những ngôi nhà cổ xen lẫn với những nhà thờ tộc họ, hội quán, đền, chùa, miếu và cầu vốn chủ yếu làm bằng gỗ, là một loại vật liệu rất dễ bắt lửa và dễ bị xâm hủy bởi thời tiết. Hơn thế nữa, do vị trí địa lý bất lợi và độ ẩm cao theo mùa của khu vực, phố cổ Hội An thường xuyên phải hứng chịu những trận lũ lớn và những tác nhân gây hại khác như mối mọt, dơi, rong rêu,... là những bất lợi dễ dàng gây hại nghiêm trọng đến cấu trúc gỗ của các tòa nhà cổ và di tích cổ. Gìn giữ và bảo tồn tính chân xác, nguyên vẹn các di sản văn hóa cần rất nhiều kinh phí, hiểu biết và nguồn nhân lực lớn. Tuy nhiên, ở Hội An trong nhiều năm qua, nguyên tắc bảo tồn tối đa tính chân xác và nguyên vẹn của các di tích văn hóa đã được tuân thủ một cách chặt chẽ hết mức có thể ở khu di sản nổi tiếng này.

Hầu hết các ngôi nhà cổ trong phố cổ Hội An là tài sản cá nhân ngoại trừ một số công trình kiến trúc công cộng như chùa, miếu, hội quán,... Vì thế, đôi khi việc bảo tồn các di tích văn hóa ở Hội An gặp phải những xung đột lợi ích giữa một bên là quản lý di sản địa phương và người dân/chủ sở hữu di tích trong việc quản lý các hoạt động cải tạo, phục hồi, sửa chữa hay sử dụng các di tích, đặc biệt là các ngôi nhà tư cổ trong khu vực phố cổ.

Nhu cầu nâng cấp các ngôi nhà cổ phục vụ cho cuộc sống thuận tiện hàng ngày và công việc kinh doanh buôn bán khiến các chủ hộ nhiều khi muốn sửa chữa và thay đổi một phần cấu tạo của ngôi nhà. Một vài chủ hộ muốn ngôi nhà của mình hiện đại hơn, thuận tiện hơn hoặc thích hợp hơn cho công việc buôn bán như là mở cửa hiệu, nhà hàng, phòng trưng bày,... trong khi các nhà quản lý và các chuyên gia về di tích lại muốn giữ các ngôi nhà này theo đúng nguyên trạng truyền thống như nó vốn có. Tuy nhiên, vì các ngôi nhà cổ này là di tích văn hóa quan trọng của phố cổ, của thành phố và của cả nước nên một khi các chủ hộ muốn có thay đổi hoặc sửa chữa, họ phải xin giấy phép của chính quyền, và các cơ quan hữu quan. Sau khi nhận được giấy phép, họ cần tiếp tục tuân theo các hướng dẫn đã được ban hành

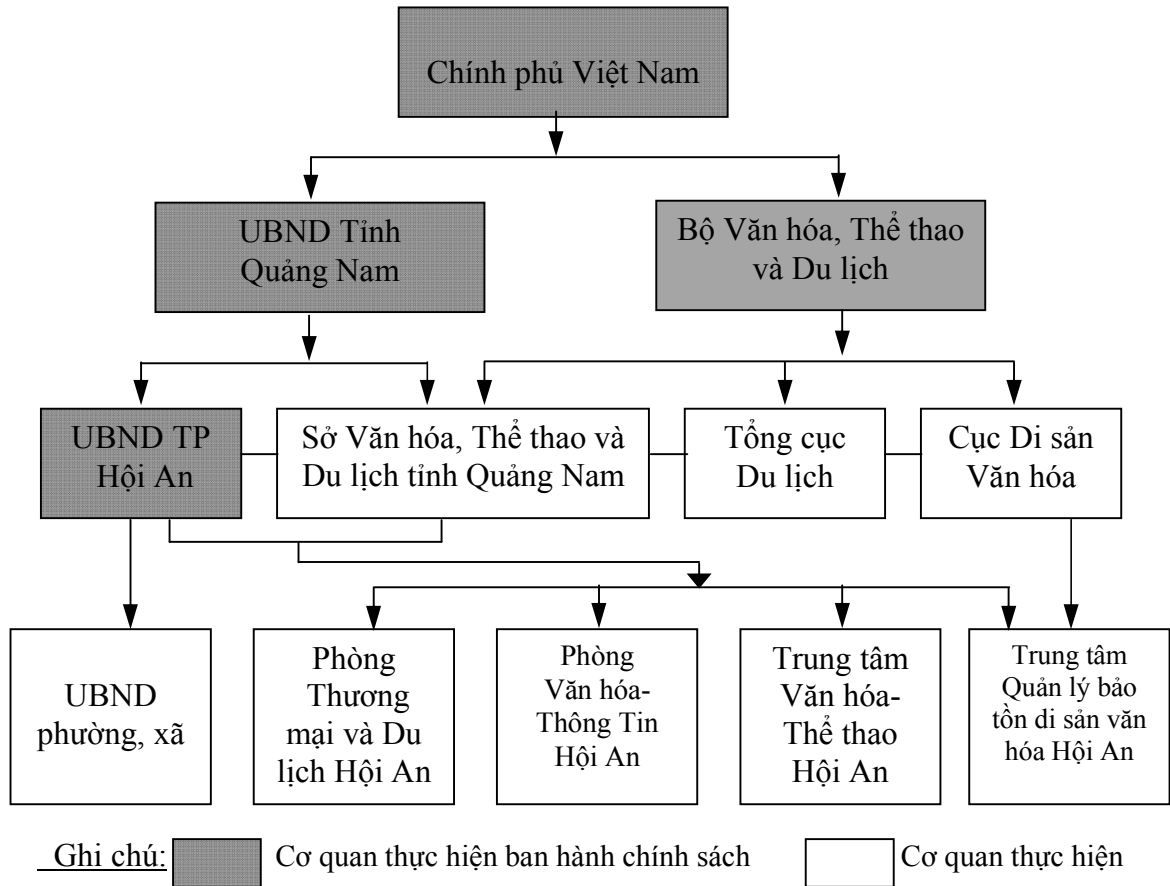
cụ thể và rõ ràng trong các văn bản quy định và hướng dẫn của địa phương, nhiều khi họ sẽ được nhận hỗ trợ kinh phí, kỹ thuật và nhân lực cho công việc này.

Các quy trình phải tiến hành trong việc cải tạo, sửa chữa di tích ở Hội An thoát đầu có vẻ rất phức tạp, tốn nhiều thời gian, công sức của cả hai bên: chủ sở hữu di tích và các nhà quản lý, nhưng trên thực tế đây lại là những quy trình hoàn toàn mang lại lợi ích lâu dài cho sự an toàn của di tích và lợi ích của người dân sống trong di tích đó. Miễn là các ngôi nhà cổ cũng như các di tích văn hóa khác ở Hội An được bảo vệ tốt, đảm bảo tính chân xác và nguyên trạng và yêu cầu của người dân được quan tâm trong bất kỳ hành động nào, sự tồn tại của phố cổ Hội An có thể được đảm bảo lâu dài.

2.3.3. Hệ thống quản lý di sản văn hóa ở Hội An

Một hệ thống quản lý di sản văn hóa tốt phải là một hệ thống có thể bảo vệ lâu dài một khu di sản. Hệ thống này gồm các quy trình và phân công trách nhiệm từng cá nhân/bộ phận được xác định một cách rõ ràng trong công tác quản lý và bảo tồn khu di sản đó. Thường xuyên theo dõi hiệu quả làm việc của hệ thống và kiểm tra hệ thống định kỳ là yêu cầu cơ bản và quan trọng nhằm đảm bảo cho hệ thống quản lý này được hoạt động tốt

Hệ thống quản lý di sản ở phố cổ Hội An có lẽ là một trong những hệ thống hoạt động có hiệu quả nhất ở Việt Nam hiện nay, bao gồm những quy trình được xác định rõ ràng, phân công công việc và trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân, đơn vị trong việc quản lý và bảo tồn từng di tích cụ thể. Mỗi đơn vị có nhiệm vụ và trách nhiệm khác nhau như ban hành chính sách và thực hiện chính sách.



Nguồn: [80]

Hình 2.1. Sơ đồ hệ thống các cấp chính quyền và cơ quan quản lý nhà nước, chuyên môn về di sản văn hóa và du lịch đối với phố cổ Hội An

Cụ thể hơn, các cơ quan, đơn vị có liên quan trực tiếp và gián tiếp tới công tác quản lý di sản văn hóa ở thành phố Hội An bao gồm:

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chịu trách nhiệm trước chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về di sản văn hóa. Cụ thể bao gồm các vấn đề:

1. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa;
3. Tổ chức, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về di sản văn hóa;

4. Tổ chức, quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn về di sản văn hóa;
5. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
6. Tổ chức, chỉ đạo khen thưởng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
7. Tổ chức và quản lý hợp tác quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa;
8. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về di sản văn hóa.

- Cục Di sản văn hóa: Có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về di sản văn hóa; quản lý nhà nước các dịch vụ công thuộc lĩnh vực di sản văn hóa theo quy định của pháp luật; được Bộ trưởng giao trách nhiệm chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động phát triển sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong phạm vi cả nước theo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- UBND tỉnh Quảng Nam: Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý nhà nước về di sản văn hóa ở địa phương theo phân cấp của Chính phủ.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam: Là cơ quan quản lý trực tiếp về mặt chuyên môn đối với các hoạt động liên quan đến văn hóa

- Trung tâm Bảo tồn Di sản, Di tích tỉnh Quảng Nam: Làm công tác nghiên cứu khoa học về lĩnh vực di tích, di sản văn hóa; hướng dẫn cho các cơ sở công tác quản lý và bồi dưỡng nghiệp vụ; quản lý, thực hiện những chương trình, dự án do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Nam giao; đồng thời phối hợp với các địa phương, đơn vị, các cơ quan liên quan để triển khai công tác bảo tồn di sản, di tích; hợp tác với các tổ chức quốc tế để thực hiện công tác bảo tồn và thực hiện những quy định của Nhà nước về lĩnh vực này.

- Phòng Văn hóa, Thông tin là cơ quan quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa - thông tin - thể dục thể thao trên địa bàn thành phố, chịu trách nhiệm giám

sát trên lĩnh vực quản lý, trùng tu, sử dụng, khai thác di tích, danh thắng trên cơ sở quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2002 và Quy chế quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích và danh thắng Hội An.

- Phòng Thương mại - Du lịch Hội An: Là cơ quan quản lý nhà nước về các hoạt động tham quan du lịch. Ngoài các nhiệm vụ chính, phòng được giao trực tiếp theo dõi và tham mưu cho UBND Thành phố về các hoạt động du lịch, dịch vụ trên địa bàn Thành phố.

- TT VH -TT là đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố, được giao nhiệm vụ tổ chức các hoạt động và phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, tuyên truyền lưu động và thường trực tổ chức các sự kiện văn hoá, lễ hội của Thành phố; đồng thời tổ chức giới thiệu, tuyên truyền và phát huy các giá trị lịch sử văn hoá của Di sản Văn hoá Thế giới Đô thị cổ Hội An qua hoạt động hướng dẫn tham quan Đô thị cổ Hội An, dịch vụ du lịch cho du khách trong nước và quốc tế. Bên cạnh việc phát huy giá trị khu phố cổ Hội An, Trung tâm VH-TT có nhiệm vụ nghiên cứu, tham mưu tổ chức khai thác một số tiềm năng du lịch địa phương.

Một đơn vị đóng vai trò quan trọng trong việc thực thi trực tiếp các hoạt động các hoạt động quản lý và bảo tồn di sản văn hóa ở Đô thị cổ Hội An là Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di sản văn hóa Hội An. Đây là đơn vị được hình thành trên cơ sở của Trung tâm Quản lý bảo tồn di tích Hội An, được thành lập từ năm 1996 của UBND thị xã Hội An (Nay là Thành phố Hội An).

Trung tâm này hiện có 6 bộ phận chuyên môn nghiệp vụ trực thuộc phụ trách các mảng sau:

- Bảo tàng
- Quản lý di tích
- Quản lý tu bổ di tích Khu phố cổ
- Tu bổ di tích
- Hành chính – Tài vụ
- Lưu trữ, Thông tin và Đối ngoại

Trung tâm này là cơ quan chuyên môn, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc

UBND thành phố, có trách nhiệm chủ trì việc phối hợp với các cơ quan hữu quan, nhận sự hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị tỉnh và trung ương (như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Nam, Tổng cục Du lịch, Cục Di sản văn hóa) cũng như của UBND thành phố nhằm đề xuất những ý kiến, kế hoạch, đề án, biện pháp thực hiện; trực tiếp thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện tất cả các nhiệm vụ trong công tác bảo tồn, bảo tàng được giao đối với các giá trị di sản văn hóa trên địa bàn thành phố Hội An. Đơn vị này có các nhiệm vụ cụ thể gồm: Quản lý, bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An; Trực tiếp tham mưu UBND Thành phố hoạt động cấp phép và giám sát việc tu bổ di tích trong Khu phố cổ; Tổ chức nghiên cứu khoa học, sưu tầm, lưu trữ tư liệu, hiện vật về lịch sử - văn hóa (bao gồm vật thể và phi vật thể), về truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng của Hội An; Tổ chức trưng bày, tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá các giá trị của Di sản Văn hóa Hội An; Tham gia phối hợp thực hiện công tác quản lý Nhà nước và phát huy giá trị Khu Dự trữ Sinh quyển Thế giới Cù Lao Chàm – Hội An. Trung tâm này thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Phòng Thương mại và Du lịch Hội An, Phòng Văn hóa – Thông tin, Trung tâm Văn hóa – Thể thao Hội An để thực hiện được các nhiệm vụ được giao có liên quan tới việc tư vấn quản lý hoạt động du lịch có liên quan tới hệ thống các di tích danh thắng thuộc quản lý của Trung tâm, hoạt động tổ chức các sự kiện văn hóa tuyên truyền quảng bá về hệ thống các di sản của thành phố,...

Ngoài ra còn có UBND các phường, xã là cơ quan quản lý nhà nước về hành chính tại các phường, xã trên địa bàn, có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo tồn và sử dụng các di tích địa phương tuân theo luật và các quy định đã được đề ra. Bên cạnh đó, Hội An còn có một đơn vị gọi là *Đội kiểm tra quy tắc*, chuyên trách việc kiểm tra, theo dõi và đảm bảo mọi hoạt động liên quan đến di sản văn hóa và du lịch của thành phố được tuân theo các quy định đề ra của thành phố.

2.3.4. Chính sách và định hướng quản lý, bảo vệ Đô thị cổ Hội An

Điều 54 của *Luật Di sản văn hóa* 28/2001/QH10 quy định rõ rằng việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá là một trong các nội dung quản lý

nhà nước về di sản văn hóa ở nước ta. Bên cạnh một hệ thống văn bản pháp lý động bộ và chi tiết, hệ thống các cơ quan, đơn vị quản lý có chức năng và nhiệm vụ rõ ràng và phù hợp, các biện pháp can thiệp sát với thực trạng di sản từng địa phương thì việc xác định rõ và kịp thời điều chỉnh định hướng và chính sách phát triển trong công tác quản lý di sản văn hóa là một hoạt động quan trọng mà mỗi địa phương cần nỗ lực thực hiện.

Dự án Tổng thể đầu tư Bảo tồn và khai thác di tích đô thị cổ Hội An, thị xã Hội An - Quảng Nam Đà Nẵng giai đoạn 1997-2005, được phê duyệt theo Quyết định số 240/CP ngày 14/4/1997 của Thủ tướng Chính phủ (gọi tắt là Dự án 240) là một quy hoạch mang tính chiến lược và kịp thời trước tình trạng xuống cấp nghiêm trọng của hầu hết các di tích trong khu phố cổ Hội An. Dự án 240 có mục tiêu cơ bản là nhằm giữ gìn nguyên vẹn và lâu dài khu phố cổ Hội An như một thiết chế lịch sử nhân văn - kiến trúc đồng bộ, bao gồm các di tích kiến trúc cấu thành đô thị; Bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các di chỉ khảo cổ học trên phạm vi thành phố Hội An; Kết hợp hài hòa việc bảo tồn khu phố cổ trong khi phát triển đô thị mới với các hoạt động dịch vụ, du lịch, nghiên cứu khoa học; cải tạo nâng cấp cơ sở kỹ thuật hạ tầng và cảnh quan môi trường nhằm đưa Hội An trở thành một trung tâm du lịch văn hóa nằm trong vùng kinh tế văn hóa phát triển của miền Trung.

Dự án 240, cho tới nay, vẫn được coi là một dự án đã "hồi sinh" khu phố cổ. Từ năm 1997 tới năm 2008, 337 di tích các loại đã được bảo tồn và phục hồi với tổng kinh phí đầu tư và hỗ trợ lên tới 162 tỉ đồng. Nhiều dự án hạ tầng kỹ thuật cho khu phố cổ cũng đã được thực hiện nhằm cải tạo bộ mặt đô thị cho thị xã Hội An thời kỳ đó. Cũng từ sau quy hoạch chiến lược này, nhiều hoạt động nghiên cứu, bảo tồn và phát huy di sản được đẩy mạnh, hỗ trợ cho công tác sưu tầm và phục hồi một số di sản văn hóa phi vật thể của Hội An. *Quy chế Quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích danh thắng Hội An* (nay là *Quy chế Quản lý, bảo tồn, sử dụng Khu phố cổ Hội An - 2006*) được hình thành thời điểm đó, là bước đột phá trong công tác quản lý di sản so với các điểm di sản khác trên cả nước [80].

Từ sau năm 2007, sau khi Hội An được công nhận là thành phố loại III, tiến trình đô thị hóa mạnh mẽ xung quanh khu phố cổ cùng với những vấn đề về môi

trường sinh thái vùng phụ cận ngày càng ảnh hưởng mạnh đến sự tồn tại của khu di sản đô thị cổ Hội An. Sức ép du lịch ngày càng lớn trong khi phải đảm bảo tính bền vững cao trong công tác quản lý, bảo tồn và phát huy một khu di sản mang tầm quốc tế như Hội An đã đặt ra yêu cầu phải có được một quy hoạch chiến lược mới, phù hợp với thực tiễn phát triển mới của khu di sản. *Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới đô thị cổ Hội An gắn với phát triển thành phố Hội An và du lịch giai đoạn 2012 - 2025* được phê duyệt tại Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 12/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ là sự kế thừa và tiếp nối những thành công và khắc phục hạn chế của Dự án 240 trước đó [80].

Quy hoạch tổng thể mới này đặt ra các mục tiêu sau: Thực hiện những nhiệm vụ còn lại của Quyết định số 240/QĐ-TTg ngày 14/4/1997 của Thủ tướng Chính phủ; Bảo tồn văn hoá vật thể và phi vật thể; Bảo tồn môi trường cảnh quan vốn có, môi trường cảnh quan liên hệ; Nâng cao và phát huy yếu tố cộng đồng trong công cuộc bảo tồn di sản, giáo dục người dân ý thức bảo tồn di sản cộng đồng; Hải hoà giữa công tác bảo tồn đô thị và phát triển đô thị mới mang tính chất của một đô thị văn hoá, đô thị nhân văn; Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật đô thị cổ để phù hợp với việc bảo tồn di sản văn hoá, giảm thiểu các tác động xấu của môi trường đến di tích Hội An, hướng tới phòng chống thảm họa do biến đổi khí hậu toàn cầu gây ra; Đề xuất quy chế quản lý di sản; Đồng thời nhằm đáp ứng các yêu cầu của một di sản văn hoá thế giới, các nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội mới của tỉnh Quảng Nam, đáp ứng Quy hoạch mới của Thành phố Hội An.

Từ các mục tiêu cụ thể này, Quy hoạch đặt ra các nhiệm vụ cụ thể cần phải thực hiện về bảo tồn di sản văn hóa kiến trúc, bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể; quy hoạch đô thị - nông thôn và phát triển du lịch nhằm hướng tới bước phát triển tiếp theo của một Đô thị loại II - Di sản văn hóa Thế giới - Thành phố sinh thái - Thành phố du lịch [80].

Dựa trên tiềm năng đồ sộ về tài nguyên di sản văn hóa, Hội An đã đang liên tục hoàn thiện hệ thống quản lý di sản của địa phương mình trên bốn phương diện quản lý nhà nước cốt lõi ở các cấp khác nhau (từ quốc tế, quốc gia cho tới địa phương cấp tỉnh và thành phố trực thuộc tỉnh) là khuôn khổ pháp quy (bao gồm các

hiến chương, công ước, thỏa thuận quốc tế tới các văn bản Luật và dưới luật có liên quan cũng như các quy định, hướng dẫn có tính bắt buộc của địa phương), hệ thống các cơ quan quản lý và khai thác di sản văn hóa, các biện pháp can thiệp nhà nước cụ thể và những chủ trương, đường lối, định hướng quản lý và phát triển di sản văn hóa và du lịch. Nền tảng quản lý nhà nước chi tiết, đồng bộ và được điều chỉnh gần với thực tiễn của địa phương này là cơ sở hỗ trợ có hiệu quả cho hoạt động khai thác di sản văn hóa phát triển du lịch ở địa phương nhiều năm qua. Nếu không nhờ có hệ thống quản lý nhà nước khá đồng bộ này, Hội An khó có thể trở thành một điểm đến du lịch văn hóa đạt tầm quốc tế như vị trí hiện nay.

Tiểu kết chương 2: Hội An luôn được nhiều người coi là một bảo tàng với sự đa dạng và phong phú của các loại hình di sản khác nhau tập trung trong một phạm vi địa lý nhỏ. Sự sống động của các di sản này trong đời sống đương đại của chủ thể sở hữu di sản đã tạo cho Hội An một sức hút mạnh mẽ đối với những con người luôn trân trọng và quan tâm đến văn hóa trên khắp thế giới. Giữ gìn và bảo vệ nguyên vẹn những di sản này đến ngày nay thực sự là nỗ lực không nhỏ của các nhà quản lý và người dân Hội An. Bốn phương diện của hệ thống bảo vệ và quản lý di sản văn hóa ở Hội An cho thấy mô hình quản lý và khung quy định về quản lý và bảo tồn di sản ở Hội An là một hệ thống quản lý cụ thể, đồng bộ và có hiệu quả bất kể đến tính phức tạp và dễ bị phá hủy của hệ thống các di sản văn hoá của nó. Điều này giúp lý giải phần nào được những thành công trong quản lý và bảo tồn các di tích, phát triển du lịch và nâng cao chất lượng đời sống người dân của Hội An nhiều năm qua so với các điểm di sản khác trong cả nước. Tuy nhiên, trước những biến đổi mạnh mẽ của đời sống đương đại, đặc biệt là sự phổ biến sâu rộng của xu hướng khai thác giá trị di sản văn hóa làm nền tảng cho phát triển, thì việc tiếp tục bảo vệ một cách bền vững các di sản vẫn đang là thách thức đối với tất cả những người có liên quan, đòi hỏi những nỗ lực lớn, sự hiểu biết và hợp tác của người dân, chính quyền sở tại và mọi đơn vị, cá nhân có liên quan.

Chương 3

DU LỊCH VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DU LỊCH Ở ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN

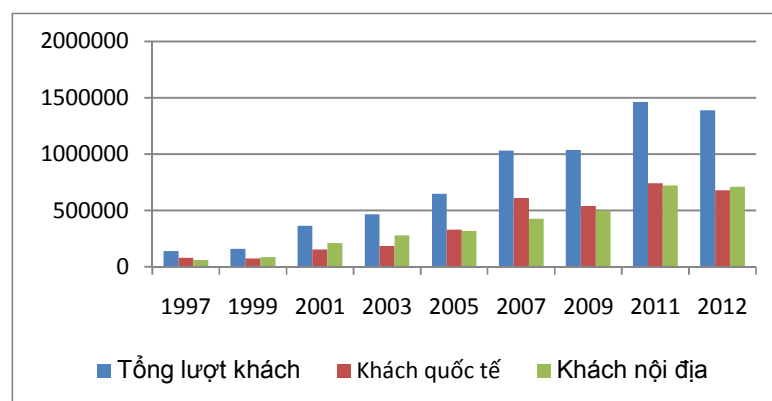
3.1. Phát triển du lịch ở Đô thị cổ Hội An

Đô thị cổ Hội An trở thành Di sản văn hóa thế giới (1999) là dấu mốc thay đổi mọi mặt đời sống của người dân ở đây. Một năm sau khi trở thành Di sản văn hoá Thế giới, du lịch Hội An đã phát triển mạnh mẽ cả về lượng du khách, thu nhập du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật và các dịch vụ du lịch.

Bảng 3.1. Số lượng du khách đến Hội An (giai đoạn 1997-2012)

Năm	Khách nội địa (Lượt khách)	Khách quốc tế (Lượt khách)	Tổng số (Lượt khách)	Mức tăng trưởng so với năm trước (%)
1997	58.834	81.148	139.982	-
1998	80.039	66.480	146.519	4.7
1999	84.858	73.457	158.315	9.4
2000	97.823	99.617	199.440	24.4
2001	208.133	153.600	363.734	82.4
2002	230.565	212.000	444.567	22.2
2003	277.900	185.296	465.199	4.6
2004	241.868	352.442	569.314	28.2
2005	318.994	329.222	650.221	9.0
2006	453.379	423.395	878.780	35.2
2007	424.320	608.477	1.032.797	17.5
2008	535.462	570.478	1.105.940	7.08
2009	498.051	540.411	1.038.462	-6.1
2010	653.007	631.943	1.284.941	23.7
2011	722.330	739.850	1.462.180	13.8
2012	708.352	680.235	1.388.587	-5.0

Nguồn: [54]

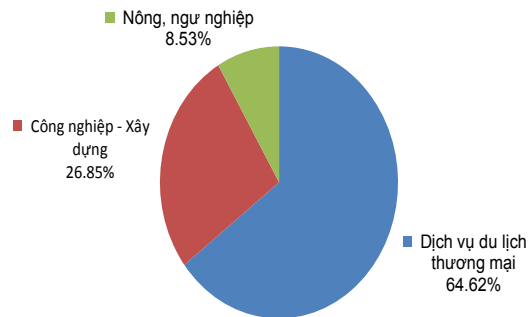


Hình 3.1. Du khách đến Hội An (1999-2012)

Nguồn: [54]

Lượng du khách đến Hội An ngày càng tăng. Trong năm 2007, Hội An đã chào đón vị khách thứ 1 triệu, đánh dấu một bước ngoặt mới trong quá trình phát triển của du lịch ở một thị trấn nhỏ, nhưng nổi tiếng và ngày càng trở nên nổi tiếng trên thế giới. Đối với các du khách quốc tế, phố cổ Hội An là một điểm không thể không đến ở Việt Nam. Đối với khách nội địa, Hội An là một điểm được du khách Việt Nam yêu thích, với các phân đoạn thị trường chính là du khách đến từ Tp. Hồ Chí Minh chiếm 30%, đến từ Hà Nội chiếm 52% và các nơi khác là 18% [81]. Trong năm 2013, Hội An đón 1.610.000 lượt khách, trong đó có 1.170.000 lượt khách tham quan. Trong năm 2014, Hội An đón tiếp khoảng hơn 1,7 triệu khách, tăng gần 8% so với năm 2013 [54].

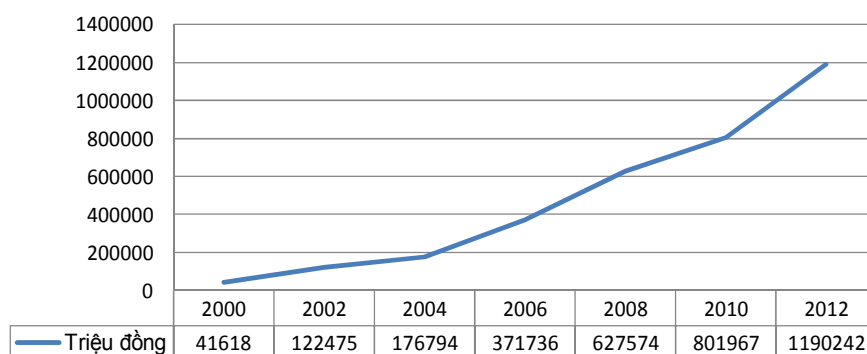
Ngành Du lịch Hội An trong năm 2010 đã tạo việc làm cho khoảng 7.200 người lao động trực tiếp [55], tăng 2,11 lần so năm 2006 (3.411) người [125, tr. 54].



**Hình 3.2. GDP theo giá hiện hành
của các ngành kinh tế chính ở Hội An (2014)**

Nguồn: [54]

Du lịch và các dịch vụ thương mại khác đóng góp phần lớn giá trị tăng thêm (GDP) của thành phố Hội An năm 2012, chiếm 66,59% tổng GDP toàn thành phố.



Nguồn: [54]

Hình 3.3. Doanh thu du lịch ở Hội An giai đoạn 1999-2012

Tổng thu ngành Du lịch Hội An chủ yếu từ các hoạt động bán lẻ hàng hóa và cung ứng dịch vụ liên quan đến du lịch, bao gồm dịch vụ cung cấp đồ ăn thức uống cho du khách, dịch vụ lưu trú, vận chuyển và các dịch vụ khác cho du khách quốc tế và nội địa. Trong năm 2007, Hội An có 180 cửa hàng bán quần áo và may đồ thời trang, 202 cửa hàng bán đồ thủ công, mỹ nghệ và lưu niệm, 91 cửa hàng bán giày dép, túi xách và lồng đèn, 207 cửa hàng tạp hóa khác [125]. Theo khảo sát cá nhân vào tháng 6/2013, chỉ riêng đường Nguyễn Thái Học có tới 56 cửa hàng bán vải, quần áo bán sẵn và may đo, 8 cửa hàng bán giày dép, 12 cửa hàng bán tranh, 1 cửa hàng bán túi, 8 cửa hàng bán đồ thủ công mỹ nghệ và 27 cửa hàng bán đồ lưu niệm, 4 cửa hàng bán đồ trang sức. Con số này đến nay đã tăng lên rất nhiều bởi lượng du khách đến Hội An tăng mạnh. Vì thế các dịch vụ bán lẻ hàng hóa, đặc biệt hàng thủ công mỹ nghệ, cho du lịch cũng nhờ đó mà tăng lên nhằm thoả mãn mọi nhu cầu du khách. Các cửa hàng bán lẻ này tập trung nhiều ở các phố chính của phố cổ như Lê Lợi, Trần Phú, Nguyễn Thái Học, Tô Hiệu và một phần của khu An Hội, là khu mới được khai thác trong mấy năm gần đây, nằm đối diện với đường Bạch Đằng, ngăn cách bởi đoạn sông Hội An.

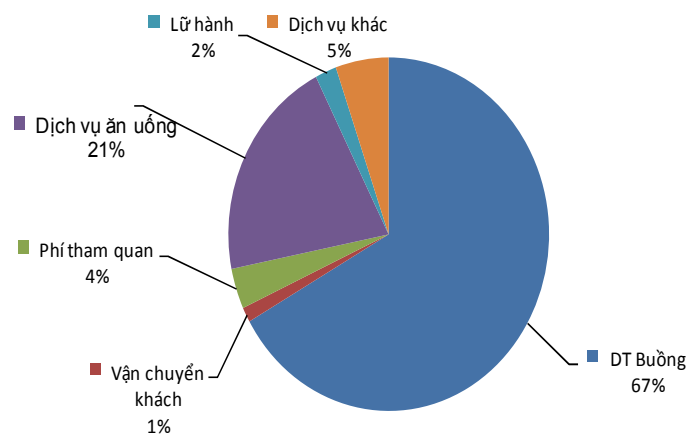
Bảng 3.2. Doanh thu các loại hình dịch vụ - du lịch ở Hội An (2000-2012)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Loại hình	2000	2002	2004	2006	2008	2010	2012
Doanh thu bùong	25.425	73.799	109.363	224.416	321.180	402.631	629.762
Doanh thu	1.233	2.682	4.804	10.632	13.060	11.600	12.809

vận chuyển khách							
Doanh thu tham quan	5.910	8.717	10.128	18.293	27.043	26.026	35.050
Doanh thu bán hàng ăn uống	6.892	30.035	39.663	91.592	143.570	147.266	194.520
Doanh thu lữ hành	673	2.162	3.060	5.005	7.301	5.773	20.415
Doanh thu dịch vụ khác (internet, spa, cà phê, bar...)	1.485	5.080	9.777	21.798	38.262	30.047	50.456
Tổng doanh thu	41.618	122.475	176.795	371.736	550.416	623.361	943.012

Nguồn: [54]



Hình 3.4. Cơ cấu doanh thu các dịch vụ du lịch Hội An (2012)

Nguồn: [54]

Hình 2.4 cho thấy rõ rằng doanh thu dịch vụ khách sạn - nhà trọ chiếm tỷ trọng lớn nhất cho tổng thu du lịch của Hội An, chiếm tới 67% trong năm 2012. Những năm vừa qua, số lượng các khách sạn, nhà trọ tăng lên nhanh chóng nhằm đáp ứng với số lượng du khách đến Hội An ngày càng nhiều.

Tiện nghi và các dịch vụ du lịch đã được cải thiện nhiều kể từ năm 1999. Năm 2000, Hội An có 25 khách sạn và nhà trọ và 05 điểm kinh doanh hàng hóa dịch vụ ăn uống. Năm 2007, Hội An có 79 cơ sở lưu trú du lịch, trong đó có 19 khách sạn (3-5 sao), 26 khách sạn (1 sao và 2 sao) và 34 nhà nghỉ với tổng số 3.009 buồng [54]. Loại hình khách sạn và nhà trọ ở Hội An năm 2011 được phân chia cụ thể như sau:

Bảng 3.3. Loại hình khách sạn/nhà trọ và số lượng phòng (2011)

Loại hình	Số cơ sở lưu trú	Số buồng	Tỷ trọng buồng (%)
Khách sạn 3-5 sao	24	2.127	61,09
Khách sạn 1-2 sao	27	896	25,73
Cơ sở lưu trú chưa hạng sao	33	459	13,18
Tổng	84	3.482	100,00

Nguồn: [54]

Cuối năm năm 2011, Hội An có 2 khách sạn 5 sao, 10 khách sạn 4 sao và 12 khách sạn 3 sao, với số phòng của tổng các khách sạn từ 3-5 sao chiếm tới trên 61% tổng số phòng hiện có của thành phố Hội An. Đến hết năm 2012, tổng số cơ sở lưu trú du lịch ở Hội An là 101 cơ sở.

Những năm gần đây, Hội An còn có loại hình nghỉ trọ tại nhà dân (homestay), du khách ở và sinh hoạt tại nhà dân. Loại hình nghỉ trọ mới này cho phép du khách có thể trực tiếp tham gia và tìm hiểu về đời sống văn hóa thường ngày của người dân bản xứ, đồng thời tạo điều kiện cho các hộ gia đình tại địa phương có thêm thu nhập mà không cần phải đầu tư nhiều vào việc xây mới nhà nghỉ. Số lượng nhà vườn, khu nghỉ hoặc homestay ở Hội An trong năm 2011 là 6 [54] và có xu hướng tăng do nhu cầu trải nghiệm văn hóa sâu sắc hơn của du khách khi tới Hội An. Số lượng nhà hàng, quán bar, quán cà phê cũng tăng lên nhanh chóng hàng năm.

Những số liệu phân nào cũng chỉ ra rằng Hội An đang hướng tới một nền du lịch chất lượng cao hơn là du lịch đại chúng như ở các điểm du lịch khác ở Việt Nam. Cùng với tiện nghi buồng lưu trú, những dịch vụ du lịch khác cũng đang dần từng bước được cải thiện như là dịch vụ vận chuyển (bến đỗ xe, thuyền,...), dịch vụ thông tin (bản đồ hoặc bảng hướng dẫn, các tờ bướm, quầy thông tin,...), nhà hàng và quán bar, nhà biểu diễn nghệ thuật truyền thống, quầy hàng lưu niệm và đồ thủ công mỹ nghệ, cửa hàng quần áo, giày dép. Tính đến thời điểm tháng 7/2013, Hội An có 1 khu ẩm thực đồng thời là chợ đêm nằm ở khu An Hội, 3 bãi đỗ xe, 7 quầy bán vé tham quan, các điểm truy cập thông tin bằng máy tính và nhiều quầy thông tin du lịch dành cho du khách, 6 toilet công cộng trong khu vực phố cổ và 1 bến đò.

Internet không dây miễn phí phủ sóng toàn thành phố, tạo thuận tiện cao cho du khách và người dân.

Những năm gần đây, Đô thị cổ Hội An đã trở thành một điểm đến văn hóa nổi tiếng trên thế giới. Hội An liên tục được bình chọn là điểm đến có sức hấp dẫn lớn trong khu vực và trên thế giới về nhiều yếu tố: trải nghiệm tốt, có cơ sở hạ tầng tốt, cảnh quan (đảo, bãi biển, kênh, phố cổ,...) tốt, sản phẩm tốt (du lịch di sản, du lịch văn hóa, ẩm thực, đêm rằm, đèn lồng, trải nghiệm du lịch về đêm,...),... Năm 2013, Hội An được nhiều tổ chức và tạp chí du lịch quốc tế bình chọn là Thành phố được yêu thích nhất thế giới, Thành phố cảnh quan năm 2013, thành phố du lịch hấp dẫn đứng thứ hai Châu Á, là 1 trong 7 địa danh đặc sắc nhất Việt Nam. Năm 2014, trang web du lịch lớn nhất thế giới TripAdvisor hoạt động tại 30 quốc gia trên toàn thế giới đã bình chọn Phố cổ Hội An vào danh sách 25 điểm đến châu Á được du khách yêu thích nhất. Sang đến 2015, Giải thưởng du lịch thế giới Wanderlust do độc giả của tạp chí này bình chọn đã bầu Hội An đứng vị trí thứ 5 trong 10 thành phố được du khách yêu thích nhất.

Để có thể đạt được những công nhận và vinh danh rộng rãi ở tầm quốc tế này trong nhiều năm vừa qua, ngành du lịch Hội An cũng đã nỗ lực liên tục đa dạng hóa các sản phẩm và loại hình dịch vụ du lịch, song song với việc nâng cấp cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ cơ chế cho các doanh nghiệp, cá nhân tham gia vào hoạt động kinh tế du lịch tại địa phương. Sự đa dạng, có chất lượng quốc tế của các loại hình sản phẩm và dịch vụ du lịch có lẽ là yếu tố quan trọng nhất thúc đẩy doanh thu ngành du lịch tăng mạnh trong nhiều năm qua với lượng du khách trong và ngoài nước đến Hội An ngày càng đông và lưu trú lâu hơn, hoặc quay trở lại nhiều lần hơn.

Về cơ bản, có thể thấy ở điểm đến Hội An sự hiện diện của một số loại hình sản phẩm du lịch mới bên cạnh các sản phẩm du lịch căn bản đã có ở thành phố Hội An từ nhiều năm nay:

- Du lịch văn hóa: Tham quan di tích lịch sử, văn hóa, tôn giáo – tín ngưỡng (nhà cổ, đình, đền, chùa, miếu, lăng, chùa Cầu,...); Di chỉ khảo cổ học (văn hóa Champa, Sa Huỳnh,...); Di tích cách mạng (nhà

- cổ Đức An, địa đạo Kỳ Anh, khu di tích Phước Trà, tượng đài Mẹ Việt Nam Anh hùng,...); Tham dự các sinh hoạt văn hóa phi vật thể truyền thống (nghệ thuật biểu diễn, trò chơi dân gian, lễ hội truyền thống,...); Âm thực;...
- Du lịch sinh thái cộng đồng: Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cù Lao Chàm; các làng nghề (trồng rau, đánh bắt cá, gôm, mộc,...); các làng ven biển,...
 - Du lịch trải nghiệm: Homestay (trải nghiệm sinh hoạt văn hóa thường ngày của người dân địa phương); Tham gia sinh hoạt kinh tế (trồng rau, làm đồ thủ công mỹ nghệ, trồng lúa, đánh bắt cá,... với người dân);
 - Du lịch sự kiện: Các festival văn hóa đương đại, festival âm nhạc, cuộc thi hợp xướng quốc tế, biểu diễn thời trang, tổ chức các cuộc thi hoa hậu, triển lãm ảnh, liên hoan phim,...
 - Du lịch nghỉ dưỡng: Các khu nghỉ dưỡng ven biển, đảo,... kết hợp với các hoạt động thể thao lặn biển,...

Trong tất cả loại hình sản phẩm và dịch vụ du lịch, yếu tố bền vững và “xanh” đều được đặt lên hàng đầu như là một tiêu chí cốt lõi, đồng thời là mục tiêu hướng tới của mọi hoạt động du lịch đang được đưa vào cung cấp ở điểm di sản Đô thị cổ Hội An.

Kể từ giai đoạn đầu của việc phát triển du lịch, các nhà quản lý ở thị xã, nay là thành phố Hội An, đã nhận thức rất rõ được tầm quan trọng của yếu tố bền vững này trong quá trình khai thác nguồn lực văn hóa và tài nguyên thiên nhiên của địa phương cho phát triển kinh tế du lịch của thành phố. Mục tiêu đưa Hội An trở thành một trung tâm du lịch văn hóa nằm trong vùng kinh tế văn hóa phát triển của miền Trung đã được đặt ra từ những năm 1997, trong *Dự án Tổng thể đầu tư Bảo tồn và khai thác di tích đô thị cổ Hội An, thị xã Hội An - Quảng Nam Đà Nẵng giai đoạn 1997-2005*, được phê duyệt theo Quyết định số 240/CP ngày 14/4/1997 của Thủ tướng Chính phủ. Trong *Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới đô thị cổ Hội An gắn với phát triển thành phố Hội An và du*

lịch giai đoạn 2012 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 12/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ, thành phố Hội An đặt mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo việc làm, tăng thu nhập xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, tăng tiềm lực kinh tế - quốc phòng - an ninh, tạo động lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Để thực hiện được mục tiêu này, Dự án này đặt ra định hướng chính sau:

- Phát triển ngành du lịch theo hướng bền vững: chú trọng phát triển du lịch sinh thái; xây dựng các biện pháp phòng tránh và thích ứng kịp thời với các bất lợi về tự nhiên; chú trọng khai thác các tuyến du lịch liên tỉnh và quốc tế,...
- Phát triển các loại hình du lịch sinh thái – văn hóa mới: du lịch sự kiện, du lịch sinh thái, du lịch di tích lịch sử - cách mạng, du lịch trải nghiệm, du lịch homestay/cộng đồng;...
- Phát triển hạ tầng cơ sở thành phố phải gắn với phát triển du lịch (đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho ngành du lịch và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho thành phố).

Để hỗ trợ hiệu quả cho việc thực thi các nhiệm vụ đặt ra trong phát triển du lịch bền vững của Thành phố Hội An trong những năm tới, bên cạnh việc tuân theo các quy định pháp lý chung (trung ương, cấp tỉnh), Hội An cũng đã đề ra một số quy định quản lý rất cụ thể, gắn với thực tiễn thành phố nhằm có thể chủ động quản lý các hoạt động khai thác di sản và phát triển du lịch ở địa phương mình:

- *Quy chế quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại trong khu vực 1- Khu phố cổ thị xã Hội An*, do UBND tỉnh Quảng Nam ban hành năm 2006.

- *Quy chế quản lý hoạt động tham quan du lịch trên địa bàn thị xã hội An*, ban hành kèm theo quyết định số 04/2007/QĐ-UBND ngày 6/4/2007 của UBND thị xã Hội An.

- *Quy chế tạm thời về hoạt động quản lý vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy trên địa bàn thị xã Hội An*, ban hành kèm theo quyết định số 1831/2006/QĐ-UBND ngày 19/7/2007 của UBND thị xã Hội An.

- *Quy chế phối quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại trong khu phố cổ và một số vùng lân cận*, ban hành kèm theo quyết định số 06/2008/QĐ-UBND ngày 30/6/2008 của UBND thành phố Hội An.

Bên cạnh Phòng Thương mại và Du lịch Hội An, là cơ quan quản lý nhà nước về thương mại, du lịch trên địa bàn thành phố Hội An, thực hiện việc xúc tiến, quảng bá du lịch, tham mưu về các quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch, Thành phố Hội An còn có Trung tâm Văn hóa – Thể thao Hội An, là đơn vị phụ trách việc khai thác và phát huy giá trị di sản văn hóa cho phát triển du lịch (quản lý hoạt động tham quan, hướng dẫn du khách, phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa mới, tổ chức các sự kiện du lịch gắn với di sản văn hóa,...).

Như vậy, về cơ bản, có thể thấy rằng bên cạnh một hệ thống quản lý và bảo tồn các di sản văn hóa khá đồng bộ và hiệu quả, Thành phố Hội An cũng đã nỗ lực nhiều trong việc thiết lập một hệ thống quản lý (quy định pháp lý, cơ quan quản lý) du lịch trong những năm vừa qua nhằm hướng tới mục tiêu đưa Hội An trở thành trung tâm du lịch của quốc gia và khu vực.

Để có những hiểu biết đầy đủ hơn về sự phát triển của du lịch ở Hội An, cần tìm hiểu thêm vấn đề khác: du lịch đã đóng góp được gì cho người dân địa phương, hay nói cách khác đầy đủ hơn, du lịch có những tác động gì lên đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa và đặc biệt là lên hệ thống di sản văn hóa của người dân phố cổ Hội An. Sự phát triển du lịch ở bất kỳ một địa phương nào không nên chỉ nhìn vào các con số thống kê về lượng khách hay hạ tầng du lịch mà nên quan tâm nhiều đến những tác động kinh tế, xã hội và văn hóa của nó để có thể nắm bắt được những biến chuyển thực tế nhằm xác định được hướng đi và chính sách hỗ trợ cho sự phát triển du lịch và quản lý hệ thống di sản văn hóa một cách bền vững nhất.

3.2. Tác động của du lịch ở Đô thị cổ Hội An

3.2.1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế địa phương: Trên thực tế, toàn bộ Thành phố Hội An hiện nay dường như là một khu du lịch mà trung tâm của nó là khu vực phố cổ. Hầu hết các hoạt động kinh tế trong khu vực thương mại và dịch vụ như là nhà hàng, nghỉ trọ, vận chuyển, tham quan, du lịch và các hoạt động khác đều là phục vụ cho

du lịch. Những đóng góp của nhóm ngành du lịch-thương mại-dịch vụ trong tổng thu nhập của Hội An tăng đáng kể từ 59,19% vào năm 2005 lên đến 64,62% năm 2014 [54]. Tiền thu từ du lịch phần nào đã giúp bổ sung vào nguồn tài chính dành cho các chi phí địa phương trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng, giáo dục, sức khỏe y tế và an ninh xã hội.

Trong vài năm gần đây, cơ sở hạ tầng Hội An đã được cải thiện nhiều nhờ vào nguồn tài trợ từ ngân sách trung ương, chính quyền tỉnh và cả chính quyền địa phương, mà trong đó du lịch đóng góp một phần đáng kể. Thành phố Hội An có thể được coi là một địa phương tiêu biểu của việc sử dụng nguồn thu từ du lịch để tái đầu tư nâng cấp chất lượng của hệ thống cơ sở hạ tầng và các thiết chế công cộng của địa phương. Bộ mặt thành phố Hội An thay đổi nhanh chóng theo từng năm. Từ năm 2007, thành phố tiến hành ngầm hoá toàn bộ hệ thống dây cáp điện nhằm thay đổi diện mạo cho toàn bộ khu phố cổ và đảm bảo tính an toàn hơn cho người dân và du khách. Trước năm 2011, Hội An chỉ có một bãi đỗ xe công cộng, tuy nhiên, với tốc độ tăng trưởng du lịch nhanh và mạnh trong thời gian qua, việc quá tải khu vực đỗ xe công cộng khiến cho thành phố phải đầu tư xây mới một khu vực đỗ xe tại địa điểm gần Quảng trường sông Hoài. Hệ thống nhà vệ sinh công cộng cũng được bổ sung. Giữa năm 2011, nhà máy xử lý rác thải của thành phố Hội An đã được khánh thành và đưa vào sử dụng, thay thế cho một bãi đổ rác thải thô sơ và mất vệ sinh từ nhiều năm nay. Hệ thống thu gom rác thải cũng được cải thiện có hiệu quả hơn.

Chất lượng sống: Từ những tác động kinh tế tích cực, dễ nhận thấy, chất lượng sống của người dân Hội An có nhiều thay đổi trong những năm vừa qua. Người dân địa phương trở nên năng động hơn, có khả năng hưởng thụ các dịch vụ và hàng hóa mang tính công nghệ hơn, tiện nghi hơn xuất phát từ những cải thiện về kinh tế và điều kiện sống. Thu nhập trung bình hàng năm của người dân tăng đáng kể: từ 7,92 triệu đồng năm 2003, lên 11,22 triệu đồng năm 2005 và khoảng 14,71 triệu đồng năm 2007 và năm 2014 đã đạt 27,49 triệu đồng/năm [54].

Bảng 3.4. Thu nhập của người dân Hội An (giai đoạn 2008-2012)

Tiêu chí	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng số hộ	19.175	19.699	20.093	20.547	20.977
Số hộ nghèo	766	660	773	613	451

% trên tổng số	3.99	3.35	3.85	2.98	2.15
Tổng GDP theo giá cố định (<i>triệu đồng</i>)	1.070.003	1.156.829	906.986	1.004.375	1.094.305
GDP/Hộ gia đình (<i>nghìn đồng/hộ/tháng</i>)	4.650.20	4.893.80	3.761.60	4.068.10	4.347.20
GDP bình quân đầu người (<i>triệu đồng/người/năm</i>)	17.08	18.85	24.54	27.65	29.37

Nguồn: [54]

Theo Đánh giá tổng kết tình hình kinh tế xã hội của UBND tỉnh Quảng Nam thì năm 2013, GDP hiện hành đạt 3.037 tỷ đồng, tăng 12,42% so với năm 2012, GDP bình quân đầu người đạt 32,73 triệu đồng, tăng hơn 3 triệu so với năm trước. Sang năm 2014, tổng giá trị sản xuất (GO) toàn thành phố theo giá cố định ước đạt 3.495,313 tỷ đồng, tăng 12,64% so với năm 2013; GO hiện hành đạt 7.194,033 tỷ đồng, tăng 10,44%; kim ngạch xuất khẩu đạt 9.613.000 USD; thu nhập bình quân đầu người đạt 27,49 triệu đồng, tăng 5,54% so với năm trước, trong đó khu vực thành thị đạt 29,2 triệu đồng, khu vực nông thôn đạt 21,94 triệu đồng [54]

Đóng góp của ngành du lịch và các hoạt động thương mại, dịch vụ khác (phần lớn phục vụ trực tiếp và gián tiếp hoạt động du lịch) vào việc tăng trưởng thu nhập bình quân hộ gia đình của thành phố rất rõ nét, góp phần đáng kể vào việc giảm tỉ lệ các hộ nghèo ở địa phương. Về tỉ lệ hộ nghèo, Hội An có tỉ lệ hộ nghèo trên tổng số hộ dân toàn thành phố thấp hơn mức trung bình của cả nước. Trong năm 2012, Hội An chỉ có 2,15% số hộ nghèo.

Năm 2012, tốc độ tăng trưởng GDP toàn thành phố là 8,95%, mặc dù trong giai đoạn này, Hội An cũng chịu tác động lớn của khủng hoảng kinh tế như nhiều tỉnh thành khác. Khủng hoảng kinh tế toàn cầu và khó khăn kinh tế trong nước một vài năm gần đây cũng là một trong các nguyên nhân khiến du khách thất chắt sức chi tiêu mỗi khi đi du lịch. Tuy vậy, do có một môi trường du lịch ổn định và được quản lý chặt chẽ, thành phố Hội An vẫn có được sự tăng trưởng đều đặn về tổng thu du lịch và sự đóng góp đáng kể của ngành này đối với nền kinh tế địa phương.

Thu nhập bình quân đầu người ở Hội An tăng ổn định từ năm 2008 đến nay. Mặc dù GDP bình quân đầu người của Hội An trong năm 2012 đạt 29,37 triệu đồng/người/năm (tương đương với khoảng 1.412 US \$/người/năm), thấp hơn một

chút so với GDP bình quân đầu người cả nước là 1.540 US\$/người/năm, tuy nhiên, có thể khẳng định rằng mức thu nhập bình quân đầu người của Hội An, với quy mô của một đô thị cấp tỉnh có diện tích và số dân ít, khá hơn so với các đô thị hoặc huyện tương đương trên cả nước.

Hầu hết người dân Hội An đều cảm thấy du lịch đóng góp rất lớn cho sự tăng trưởng kinh tế và thu nhập của họ trong những năm vừa qua ngày càng tăng là do ngành du lịch [Phụ lục 8, số 2, 11, 12, 16]. Với một số người có đầu tư vào cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch (ví dụ như đầu tư đất, xây dựng khách sạn, nhà hàng hoặc cung cấp các dịch vụ nhà hàng và tour du lịch), thì thu nhập tăng nhanh chóng trong thời gian ngắn dưới sự phát triển mạnh mẽ của du lịch ở địa phương [Phụ lục 8, số 9].

Tuy nhiên, Hội An vẫn có tình trạng chênh lệch cao về thu nhập giữa các hộ dân sống ở các khu vực khác nhau. Những người sống và buôn bán trong khu phố cổ có thu nhập cao hơn, do họ có điều kiện kinh doanh trực tiếp, trong khi những người sống ở các vùng phụ cận như ở các xã Cẩm Thanh, Cẩm Kim, Tân Hiệp thì có thu nhập thấp hơn [Phụ lục 8, số 2].

Cơ hội việc làm: Ngoài đóng góp về mặt thu nhập cho nền kinh tế địa phương, du lịch đã mang lại nhiều cơ hội nghề nghiệp cho người dân và đặc biệt là thanh niên trẻ và phụ nữ của Hội An. Ngành Du lịch trong năm 2010 ước tính đã tạo 7.204 việc làm trực tiếp trong du lịch [81], tăng nhiều so với năm 2006 là 3.411 người [125, tr. 54].

Ở Hội An, số lượng các khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, quán bar và các cửa hàng bán đồ lưu niệm, thủ công mỹ nghệ, may quần áo, giày dép và túi xách,... xuất hiện ngày càng nhiều và nhờ thế, đòi hỏi có một lượng nhân công lớn làm việc cho họ [Phụ lục 8, số 10, 14]. Ngoài ra, có hàng ngàn người đang làm việc trong các loại hình kinh doanh dịch vụ khác liên quan đến du lịch trong và ngoài khu vực phố cổ như là các văn phòng du lịch, dịch vụ cung cấp thông tin du lịch, vận chuyển, bưu chính, hướng dẫn khách tại các địa điểm tham quan...

Qua đó có thể thấy vai trò của du lịch trong việc mang lại nhiều việc làm cho người dân địa phương ở Hội An. Trong trường hợp của những vùng phụ cận Hội An như là ở các xã Tân Hiệp, Cẩm Thanh, Cẩm Kim, du lịch cũng đã mang lại nhiều

việc làm một cách gián tiếp. Do môi trường kinh doanh hấp dẫn ở khu vực phố cổ, nhiều người vốn là nông dân, ngư dân và những người làm nghề thủ công tạm thời dời làng để đến phố cổ làm việc, trở thành nhân viên trong các nhà hàng, khách sạn, doanh nghiệp may mặc, nhiều người trong số họ trở thành những người bán hàng rong [Phụ lục 8, số 2, 10].

Ngoài ra, Hội An có nhiều làng nghề, trong đó có làng mộc Kim Bồng, làng rau Trà Quế, làng gốm Thanh Hà, làng yến Thanh Châu,... Trước khi du lịch phát triển, những làng này chủ yếu phục vụ nhu cầu đời sống của cư dân địa phương. Khi du lịch phát triển mạnh ở Hội An, những làng này dần trở thành những điểm tham quan và ngày càng thu hút lượng lớn khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế. Nhờ đó, những làng nghề truyền thống vốn đã từng có nguy cơ biến mất, nay lại hồi phục và phát triển. Những làng nghề này hồi phục đồng nghĩa với việc có nhiều việc làm hơn cho người dân địa phương. Những thanh niên vốn từng rời làng đi làm ăn xa giờ dần quay trở lại. Giờ họ có thể kiếm tiền ngay tại làng của họ thay vì phải đi kiếm ăn ở các nơi xa. Chính nhờ có tác động này mà nhiều khu vực phụ cận Hội An đã giảm được tình trạng xuất cư đi lao động ở tỉnh ngoài [Phụ lục 8, số 10].

Giá cả sinh hoạt: Phải nhìn nhận một cách khách quan và thực tế rằng: Một bộ phận lớn người dân cộng đồng dân cư Hội An phải đối mặt với sự tăng lên nhanh chóng về giá cả tiêu dùng của hàng hóa và dịch vụ ngay tại địa phương mình, bắt nguồn trực tiếp từ sự phát triển du lịch tại địa phương. Khi số lượng du khách tăng, nhu cầu hầu như về mọi loại hàng hóa cũng tăng lên, từ đó dẫn đến giá cả của những loại này cũng tăng lên nhanh chóng. Vì là chi tiêu bất thường, có chuẩn bị và tích lũy trong thời gian dài để sử dụng mỗi khi đi du lịch, du khách trong nước và quốc tế sẵn lòng chi trả số tiền nhiều hơn so với giá cả của một loại hàng hóa hoặc dịch vụ so với người dân địa phương, khiến cho hàng hóa và dịch vụ này cũng dần dần tăng giá theo sức chi tiêu của du khách, trở thành giá cả “phổ thông” và đẩy người dân địa phương vào tình trạng một là chấp nhận giá tiêu dùng đó, hai là hạn chế mua sắm các loại hàng hóa và dịch vụ đó, hoặc lựa chọn các sản phẩm kém chất lượng hơn với giá thành hạ hơn.

Tại Hội An, trong nhiều năm qua, xích lô, xe ôm đã trở thành một phương tiện vận chuyển đắt đỏ đối với chính người dân địa phương, do du khách sẵn lòng trả giá cao, khiến cho sau đó, người lái xích lô, xe ôm không muốn hoặc từ chối chở người dân địa phương với giá thấp hơn. Tương tự, giá thành của thực phẩm ở các địa phương này cũng tăng mạnh, đặc biệt ở những điểm đến có lợi thế về sản vật địa phương như đồ hải sản, lâm sản,... và nhiều loại thực phẩm địa phương khác. Nhiều nhà hàng, khách sạn sẵn lòng thu mua các sản vật này với giá cao để phục vụ nhu cầu ăn uống cao của du khách, khiến cho chính người dân địa phương gặp khó khăn trong việc hưởng thụ các sản vật của chính nơi mình sinh sống. Nhu cầu cao về sản vật địa phương không chỉ khiến giá thành của các loại này tăng, mà còn khiến cho việc thu gom, sản xuất, đánh bắt chúng trở nên mất cân bằng, thiếu bền vững, có nguy cơ đưa đến sự biến mất của nhiều loại đặc sản địa phương. Người dân nghèo, những người sống ở vùng phụ cận quanh khu trung tâm du lịch, những người có thu nhập thấp hơn là những đối tượng chịu tác động lớn nhất của vấn đề này, trở thành những người bị tách biệt với chính nguồn tài nguyên của địa phương mình vì mọi thứ hiện giờ đều ưu tiên dành cho du khách [Phụ lục 8, số 2]: “Trước, chúng tôi chỉ chọn những con cá ngon nhất và to nhất để ăn, giờ thì không thể tìm được những thứ đó ở chợ nữa, kể cả khi trả giá cao. Mọi thứ ở đây giờ đều ưu tiên cho du khách hết” [125, tr. 57].

Hiện nay, ở Hội An, giá vé một buổi biểu diễn nghệ thuật truyền thống ở Nhà biểu diễn Nghệ thuật truyền thống Hội An từ 100.000 – 150.000 đồng/vé và khung thời gian biểu diễn được thiết lập phù hợp với khung sinh hoạt của du khách tại Hội An. Đối với người dân Hội An, với mức lương trung bình của một người lao động phổ thông từ 2 đến 4 triệu (bán hàng, lễ tân khách sạn, phục vụ nhà hàng,...) [Phụ lục 8, số 10, 14] thì việc bỏ ra số tiền này để được thưởng thức một buổi biểu diễn nghệ thuật của chính cộng đồng mình là điều xa xỉ. Vì thế, dần dần, các sinh hoạt văn hóa nghệ thuật này sẽ trở thành một thứ xa lạ.

3.2.2. Tác động môi trường

Tắc nghẽn giao thông, tiếng ồn và ô nhiễm không khí ở Hội An cũng tăng dần theo lượng du khách đến. Không khí yên bình của phố cổ Hội An đang dần biến

mất vì các xe tour du lịch và các phương tiện khác đang len đầy các con đường nhỏ, tạo ra sự ô nhiễm về âm thanh và không khí ngày càng tăng. Trên sông Hoài, hiện có vài chục chiếc xuồng du lịch và hơn trăm các con thuyền nhỏ vận chuyển du khách ra Cù lao Chàm hàng ngày là nguyên nhân tạo ra ô nhiễm tiếng động lớn; đồng thời, ảnh hưởng tiêu cực đến hệ động, thực vật khu vực sông và Cù lao Chàm, gây xói lở hai bên bờ sông.

Bên cạnh đó, lượng du khách lớn cũng đồng nghĩa với lượng rác thải lớn. Hiện Hội An có hệ thống thu gom rác hàng ngày khá hiệu quả, tuy nhiên, hệ thống này sẽ sớm kịch ngưỡng giới hạn do số lượng du khách không ngừng tăng, do khả năng tiêu thụ các sản phẩm đóng gói cao của người dân Hội An khiến lượng rác thải cứng nhanh chóng tăng, đòi hỏi thêm nhiều nguồn lực tài chính và tài nguyên khác Hội An phải bỏ ra để xử lý vấn đề này. Số lượng các xe tải gom rác và nguồn nhân công cho hoạt động này cũng rất hạn chế và phần lớn tập trung ở trong vùng lõi phố cổ và xung quanh; tuy nhiên, ở các khu vực phụ cận, hiện tượng vứt rác thải bừa bãi xuống biển, sông, ao hồ khá phổ biến, dẫn đến nguy cơ nguồn nước xung quanh khu vực phố cổ bị ô nhiễm nặng. Nếu hệ thống xử lý rác thải rắn và rác thải sinh hoạt hiện nay của Hội An không được đầu tư nâng cấp để hoạt động có hiệu quả hơn, thì trong tương lai gần sẽ xuất hiện những ảnh hưởng tiêu cực về sinh thái và thẩm mỹ ở điểm di sản này.

Hệ thống quản lý nước thải của Hội An hiện cũng đang gặp vấn đề do mọi nguồn nước thải đều đổ ra sông và các nguồn kênh mương mở khác của thành phố. Lượng du khách tăng, lượng khách sạn nhà hàng, đặc biệt là các cửa hiệu giặt là tăng, nên lượng nước thải sinh hoạt tăng, gây ô nhiễm nguồn nước và không khí của khu vực phố cổ. Trường hợp ô nhiễm không khí xung quanh khu vực Chùa Cầu là ví dụ điển hình ở Hội An.

Người dân, chính quyền địa phương và du khách dễ nhận thấy điều này, và họ cũng nhận thức được rằng cần phải nhanh chóng xử lý. Nỗ lực thay đổi thói quen vứt rác bừa bãi, chăm sóc cảnh quan môi trường xung quanh khu vực gia đình mình và các khu vực công, hạn chế đi xe máy trong phố cổ, khuyến khích đi xe đạp, hạn chế sử dụng túi nilon ở Hội An trong những năm vừa qua là một trong những biến

đổi về nhận thức và hành vi của người dân và du khách ở Hội An đối xử với môi trường và giải quyết các hậu quả môi trường do sinh hoạt của chính mình gây ra. Tuy nhiên, vì lượng du khách tăng quá lớn, vượt ngưỡng năng lực và tài nguyên xử lý của Hội An khiến tình trạng ô nhiễm môi trường ở Hội An dưới tác động của sự phát triển du lịch vẫn chưa được cải thiện nhiều trong những năm vừa qua.

3.2.3. Tác động văn hóa - xã hội

Biến động kết cấu dân cư: Biến động kết cấu dân cư là một hiện tượng phổ biến xảy ra ở nhiều thành phố du lịch trên thế giới và Hội An không phải là một ngoại lệ. Các nhà đầu tư, phần lớn đến từ thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, đã, đang mua nhiều ngôi nhà cổ ở khu vực này từ các hộ gia đình có thu nhập thấp, để bán lại kiếm lời hoặc mở các loại hình kinh doanh liên quan đến du lịch. Từ năm 1999 đến năm 2007 có 21 trường hợp bán nhà trên đường Trần Phú, chiếm 16,7% trên tổng số các nhà nằm trên mặt đường Trần Phú.

Cũng theo thống kê của địa phương, từ năm 1999 đến năm 2010, ở khu phố cổ có 83 trường hợp chuyển nhượng, 181 trường hợp cho thuê nhà. Như vậy là trong vòng chục năm, có tới 264 ngôi nhà trong tổng số 1.107 ngôi nhà khu vực I của phố cổ đã thay đổi chủ sở hữu [80].

Trong những năm gần đây, chính quyền thành phố Hội An đã cố gắng cải thiện các cơ sở hạ tầng, tiện nghi và dịch vụ hỗ trợ cho người dân địa phương, tuy nhiên, những cải thiện này chỉ được thực hiện ở vùng ngoài khu vực phố cổ vì khu vực trong phố cổ là di sản nên hạn chế sự thay đổi về mặt kết cấu và kiến trúc. Vì các trang thiết bị, cơ sở hạ tầng và dịch vụ này dần di chuyển ra khỏi vùng trung tâm nên người dân cũng đang dần di chuyển ra khỏi vùng lõi phố cổ để có thể thụ hưởng các cơ sở và tiện nghi phù hợp hơn với cuộc sống hiện đại nhiều nhu cầu như hiện nay [Phụ lục 8, số 16].

Cũng do sự phát triển của du lịch ở vùng lõi phố cổ nên giá nhà, đất, giá sinh hoạt khu vực này cũng tăng, phố cổ Hội An dần mất đi nhiều người dân gốc của mình và trở thành một khu vực chuyên phục vụ cho các nhu cầu về du lịch [Phụ lục 8, số 7, 9]. Ví dụ, bệnh viện địa phương trước đây nằm trong khu vực phố cổ, giờ

địa điểm này được sử dụng bởi một doanh nghiệp may mặc lớn. Tương tự, cửa hiệu cổ bán thuốc đông y trong phố cổ giờ di chuyển ra vùng ngoại thành và thay thế vào vị trí đó là một cửa hàng bán đồ lưu niệm. Dọc các tuyến phố chính như Lê Lợi, Trần Phú và Nguyễn Thái Học là một loạt các cửa hàng bán quần áo, giày dép, đồ lưu niệm, nhà hàng và các quán cà phê. Không ngôi nhà nào trong số này còn liên quan đến các truyền thống sinh hoạt của người “bản địa” xưa. Nhiều du khách nước ngoài khi đến du lịch tại đây, đã ở lại nơi này, mở cửa hiệu bán đồ thời trang, quán cà phê hoặc nhà hàng (nhờ người Việt đứng tên đăng ký kinh doanh để lách quy định về quản lý kinh doanh địa phương) như Cool Japan in Hoi An, cửa hiệu thời trang Ava'na, Hot Chilli,...

Sự thay thế dân gốc bằng dân tỉnh ngoài và người nước ngoài với mức độ như ở Hội An, một điểm đến du lịch di sản vốn phát triển phần nào dựa trên nguồn tài nguyên tinh thần là cái lối sống, phong cách sống, hồn cốt của người Hội An, là vấn đề mà các nhà quản lý ở Hội An cần hết sức lưu tâm, đặc biệt với tốc độ biến đổi nhanh và mạnh trên thực tế đang diễn ra như hiện nay ở khu vực này.

Trật tự và luật pháp: Hội An là một thành phố rất an toàn so với mặt bằng chung của nhiều điểm đến du lịch trong nước và thế giới. Trong năm 2007, có trên 1 triệu lượt khách đến Hội An, chỉ có 125 trường hợp phạm tội được báo cáo. Chính quyền Hội An đã cố gắng nhiều năm nay nhằm giữ tỉ lệ phạm tội thấp bằng cách hạn chế và ngăn cấm nhiều loại hình kinh doanh hay dịch vụ có thể trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra các tệ nạn xã hội, ví dụ như các quán karaoke, massage hay nghiêm cấm các quán bar mở cửa sau 12 giờ đêm.

Trong khi tỉ lệ tội phạm thấp do những nỗ lực khá hiệu quả của địa phương thì Hội An vẫn còn tồn tại nhiều hiện tượng tiêu cực cần phải xử lý dứt điểm như hoạt động “cò mồi”, chèo kéo và lừa đảo khách du lịch. Ở phố cổ Hội An cách đây mấy năm, hiện tượng cò mồi, đặc biệt là cò mồi dịch vụ may mặc nhanh, trở thành một vấn nạn làm đau đầu các nhà quản lý địa phương [Phụ lục 8, số 16]. Ở mức độ nhẹ, các cò mồi này dẫn dụ du khách trong và ngoài nước mua hàng, may quần áo ở nhiều cửa hiệu trong phố cổ để lấy tiền công (tiền hoa hồng, từ cả du khách lẫn chủ các cửa hiệu). Tiêu cực hơn, các cò mồi này tiến dần tới tình trạng lừa đảo, bắt chẹt

du khách với mức hoa hồng cao, nhiều lúc lên đến con số 30% giá thành và phần chênh này đánh thẳng vào sự chi trả của khách, khiến khách du lịch phải trả một chi phí lớn hơn nhiều so với giá cả thực. Lợi nhuận của việc làm cò môi lớn đến nỗi vào năm 2003, số cò môi ở Hội An đã lên tới con số vài trăm.

Để kiểm soát số cò môi này, chính quyền địa phương thành lập một đội kiểm soát lưu động thường xuyên rà soát khu phố cổ nhằm ngăn chặn và hạn chế hoạt động cò môi và đã từng đưa ra biện pháp là cấp giấy phép hành nghề cho 99 người trong số các cò môi đang hoạt động, dưới danh nghĩa là Chi hội phụ nữ môi giới dịch vụ may mặc; hoặc tổ chức các lớp đào tạo nghề, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho những đối tượng này Tuy nhiên, những biện pháp này cũng không có hiệu quả do không kiểm soát được các hoạt động cụ thể của nhóm người này [Phụ lục 8, số 16]. Cò môi trở thành một điểm đen trong sự phát triển du lịch của phố cổ xinh đẹp này.

Đến năm 2011, UBND thành phố Hội An đã yêu cầu các cơ quan chức năng của thành phố phải kiên quyết và mạnh tay hơn nữa với tình trạng cò môi, hàng rong chèo kéo khách hoặc buôn bán chặt chém do ảnh hưởng quá lớn của nó tới hình ảnh điểm đến và trải nghiệm của du khách. Tuy nhiên, mặc cho những nỗ lực của chính quyền địa phương, tình trạng cò môi vẫn còn tồn tại, kín đáo hơn và mức độ cũng vừa phải hơn.

Bên cạnh đó, hiện ở Hội An cũng còn nhiều trường hợp trẻ con trong độ tuổi đi học đi bán vé số dạo và chèo kéo, xin tiền khách du lịch [Phụ lục 8, số 15]. Hiện tượng này không nhiều như ở các địa phương khác, tuy nhiên, trong bất kỳ trường hợp nào thì đây là vấn đề cần phải được giải quyết triệt để vì hoạt động này ảnh hưởng rất nhiều đến tâm lý du khách và sự đánh giá của du khách về người dân địa phương và chính quyền địa phương (về năng lực chăm sóc sự an toàn và lợi ích cho trẻ con), ảnh hưởng đến hình ảnh điểm đến vốn coi trọng các giá trị truyền thống về gia đình và cố kết cộng đồng, xã hội của Hội An.

Gia đình (Những biến đổi về cấu trúc và giá trị): Mặc dù sự hiện diện của du khách đến từ các quốc gia đã phát triển, hiện đại hơn và có đời sống vật chất cao hơn, đi kèm với các sinh hoạt hiện đại hơn đã và đang được coi là một trong các nguy cơ gây ảnh hưởng tiêu cực đến lối sống ngày càng vật chất hóa và chạy theo

lợi nhuận ở vùng này thì một nguy cơ khác, có lẽ vẫn chưa được nhận diện một cách sâu sắc hơn ở phố cổ Hội An, đang nhanh chóng tác động mạnh đến kết cấu căn bản nhất của một xã hội, đó là gia đình.

Vấn nguồn lực kinh tế lớn lao từ du lịch đó, vốn mang lại nhiều lợi ích như việc làm, thu nhập, ngân sách chính quyền cao, cơ sở hạ tầng tốt, đang tạo ra nhiều vấn đề về kết cấu gia đình và sự biến đổi của các giá trị nhận thức về gia đình như: cốt kết giữa các thành viên trong gia đình, lối sống kinh tế và sinh hoạt hàng ngày của gia đình, xung đột thế hệ,... Trong khi chất lượng sống được cải thiện, giá cả sinh hoạt cũng tăng, khiến sinh sống trong khu vực phố cổ trở nên đắt đỏ và khó khăn hơn đối với nhiều hộ gia đình. Giải pháp nhanh chóng của những hộ này là bán hoặc cho thuê nhà của mình cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp và di chuyển ra vùng xung quanh phố cổ, hoặc chuyển chúng thành các cửa hiệu, nhà hàng để tự kinh doanh. Nhiều ngôi nhà cổ với kiến trúc và kết cấu truyền thống, với ban thờ tổ tiên nằm ngay chính giữa ngôi nhà, giờ đã bị biến thành các địa điểm kinh doanh và những khoảng không gian thiêng truyền thống cũng được tận dụng vì lý do kinh tế. Nhiều thế hệ không còn chung sống cùng nhau dưới một mái nhà do thiếu không gian sinh sống, thay vào đó là sự tách hộ của lớp con và cháu ở nhiều gia đình có nhà trong phố cổ.

Nhiều cơ hội việc làm với nhiều mức khác nhau trong ngành du lịch đồng nghĩa với việc đòi hỏi người lao động thời gian làm việc theo ca, theo mùa, khác với thời gian làm việc truyền thống của nền kinh tế tiểu nông, nông nghiệp xưa. Với những công việc trả lương thấp như phục vụ bàn, lái xe,... thường dao động từ 1,5 triệu đồng đến 3 triệu đồng; với những công việc lương cao hơn như làm việc cho các cửa hàng may quần áo nhanh trong ngày trong phố cổ, người lao động buộc phải làm việc 12 tiếng một ngày, từ 9 giờ sáng cho đến 9 giờ tối, một tháng được nghỉ một ngày [132, tr. 31]. Thời gian làm việc dài như thế ảnh hưởng nhiều đến mối quan hệ trong gia đình người lao động, xáo trộn sinh hoạt và phân công công việc trong gia đình, đặc biệt là sự thay đổi vai trò của người phụ nữ trong gia đình ở địa phương này (chuyển từ chăm sóc gia đình con cái sang lao động kiếm sống). Người Hội An, với những cơ hội kiếm sống thuận lợi hơn, càng trở nên chăm chỉ

hơn; tuy nhiên điều này cũng có nghĩa là họ phải đánh đổi thời gian và sức lực giành cho gia đình và con cái, vốn có ý nghĩa rất quan trọng đối với người Việt Nam và gia đình truyền thống ở Việt Nam. Hiện tượng này cũng tăng áp lực lên đơn vị gia đình ở Hội An, vốn là một không gian nuôi dưỡng các giá trị văn hóa phi vật thể truyền thống mà ngành du lịch đang khai thác. Quan tâm nhiều hơn nữa đến sự thay đổi về lối sống do những thay đổi kết cấu kinh tế có lẽ nên được đưa thành một mối ưu tiên của các nhà quản lý địa phương.

Quan niệm và lối sống: Hội An từng là một thương cảng quốc tế, nơi sự giao lưu và tiếp biến văn hóa (Trung Quốc, Nhật Bản,...) đã làm nên hồn cốt hiện nay của phố cổ Hội An. Sự giao lưu văn hóa tiếp tục dưới dạng trao đổi văn hóa giữa du khách đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau và người dân phố cổ. Giao lưu văn hóa cũng có thể trở thành một vấn đề nếu thiếu sự hiểu biết về phong tục, tập quán, hệ giá trị và các quan niệm văn hóa của địa phương và ngược lại. Người dân Hội An, giống như người dân ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam, thường coi trọng "nội tâm" hay "duyên" hơn là những thể hiện hướng ngoại vốn phổ biến ở các nền văn hóa phương Tây. Sự khác biệt này có thể dẫn đến sự hiểu lầm và có thể khiến người dân địa phương cảm thấy bị thiếu tôn trọng, xúc phạm bởi các hành vi mà họ cho là thiếu phù hợp, ví dụ như ăn mặc hở hang khu vực công cộng, đặc biệt là các khu vực linh thiêng như đình, đền, chùa hay hội quán. Sự xung đột và hiểu lầm này có nguy cơ sâu sắc hơn khi những năm gần đây, thế hệ thanh thiếu niên trẻ của địa phương, qua thời gian tiếp xúc với du khách nước ngoài, cùng với tác động của các phương tiện truyền thông hiện đại như internet,... đã đang dần coi lối sống cởi mở và hướng ngoại của du khách nước ngoài là sự hiện đại, thời thượng, từ đó bắt chước như ăn mặc thoải mái hơn ở nơi công cộng hoặc đến vui chơi ở các câu lạc bộ, quán bia muộn,... Tệ hơn nữa là bộc lộ thái độ thiếu coi trọng các giá trị truyền thống như kính trên nhường dưới, coi trọng gia đình, cư xử kém,... [Phụ lục 8, số 2]. Xung đột về hệ giá trị giữa các thế hệ trong một gia đình, dòng họ hay cộng đồng cũng dần trở nên rõ rệt hơn khi các giá trị truyền thống được giữ gìn nhiều năm nay đang dần bị phá vỡ bởi tiếp xúc mạnh mẽ với văn hóa phương Tây.

Người dân Hội An có những chuẩn mực văn hóa và xã hội cụ thể liên quan tới các loại hình giải trí phù hợp, hoặc sự phù hợp trong giao tiếp nam với nữ. Với các chuẩn mực văn hóa và xã hội truyền thống như vậy, chính quyền Hội An trong quá trình đề phòng những biến đổi lối sống tiêu cực của người dân nơi đây do tác động của giao tiếp với du khách và do đời sống kinh tế thay đổi như cờ bạc, rượu chè, mại dâm, ma túy,..., đã thiết lập các quy định ngăn cấm không cho kinh doanh các loại hình như quán bar, karaoke, bán áo tắm hay các quán cắt tóc gội đầu,...

Trong khi các biến đổi về lối sống đang ảnh hưởng mạnh mẽ tới các giá trị văn hóa - xã hội truyền thống, thì du lịch và quá trình hiện đại hóa, giao lưu văn hóa cũng mang tới cho người dân Hội An những cơ hội để bộc lộ khả năng sáng tạo, thích ứng của mình, phù hợp với xu thế hiện đại hóa và toàn cầu hóa hiện nay.

Tất nhiên, du lịch không phải là nguyên nhân duy nhất làm biến đổi lối sống của người dân ở Hội An. Những biến đổi này là phần tất yếu của quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Tiếp nhận cơ sở hạ tầng và tiện nghi mới và sự phong phú đa dạng của các sản phẩm văn hóa là sự thể hiện thay đổi lối sống có xu hướng toàn cầu. Sự cân bằng cần phải được thiết lập giữa các thực hành xã hội mang tính hiện đại và truyền thống và trong trường hợp Hội An, điều này càng trở nên cực kỳ quan trọng khi truyền thống và di sản là những nguồn tài nguyên vô giá có hiệu quả kinh tế, xã hội và tinh thần lớn lao cho các thế hệ sau này của địa phương.

3.2.4. Tác động đối với việc bảo tồn và quản lý di sản văn hóa Hội An

Bên cạnh những tác động về kinh tế và xã hội mà sự phát triển du lịch đã đưa đến cho Hội An là những ảnh hưởng của ngành này đối với công tác quản lý và bảo tồn di sản văn hóa vốn rất đa dạng và phong phú của điểm đến này.

Tác động của phát triển du lịch đối với việc bảo vệ tính chân xác của di sản văn hóa: Lợi ích về kinh tế từ các hoạt động du lịch là lý do chính khiến nhiều chủ nhà cổ ở khu vực phố cổ cũng đã và đang nhanh chóng biến nhà của mình thành những nơi buôn bán. Nhiều ngôi nhà cổ nằm dọc theo phố Lê Lợi, Nguyễn Thái Học, Trần Phú và Bạch Đằng đều trở thành nơi làm ăn: nhà hàng, quầy bar, cửa hàng bán quần áo, đèn lồng, giày dép, túi xách, đồ lưu niệm, thủ công mỹ nghệ... Sự thay đổi chức năng này một mặt mang lại lợi ích kinh tế từ bán hàng và cung cấp

dịch vụ cho du khách, nhưng mặt khác đã thực sự làm thay đổi bộ mặt của phố cổ: các ngôi nhà bầy đầy hàng hoá, hàng loạt biển hiệu che khuất mặt tiền cổ kính của từng ngôi nhà.

Tính nguyên bản và tổng thể của nhiều công trình kiến trúc cổ trong khu vực phố cổ đã bị thay đổi bởi chính chủ sở hữu di sản (cả tư nhân lẫn nhà nước). Trong một số trường hợp đặc biệt khác như các ngôi nhà cổ sở hữu bởi nhà nước như số 80 Trần Phú (nhà Thái An) được chuyển thành Bảo tàng Gốm sứ mật dịch, nhà số 33 Nguyễn Thái Học chuyển thành Bảo tàng Văn hóa dân gian Hội An hoặc như một số ngôi nhà cổ nổi tiếng khác như Phùng Hưng (04 Nguyễn Thị Minh Khai), Quân Thắng (77 Trần Phú), Tấn Ký (101 Nguyễn Thái Học) hay nhà cổ Đức An (129 Trần Phú) từ nhà riêng trở thành địa điểm tham quan cho du khách, chức năng gốc của các ngôi nhà này đã bị thay đổi chuyển từ nhà ở sinh hoạt thành địa điểm trưng bày.

Về hình thức, có thể nhận thấy rõ ràng kết cấu, nguyên liệu, hình dáng cả bên trong lẫn bên ngoài của những công trình này đã đang được chính quyền và chủ sở hữu giữ gìn tốt, tuy nhiên, chức năng là một không gian sống của người dân địa phương đã thay đổi nhiều: một là di chuyển ra khỏi không gian sống này, hai là thu hẹp không gian sống thực sự. Nhiều người cho rằng phố cổ Hội An giờ giống như một khu mua sắm và họ cảm thấy tiếc cho một Hội An hoài cổ và yên tĩnh như trước kia, khi di sản, truyền thống và con người Hội An là các yếu tố cốt lõi thu hút du khách đổ về nơi này.

Hội An được công nhận là di sản văn hóa thế giới vào năm 1999, kéo theo đó là sự gia tăng du khách đến khu phố cổ. Thành phố “già” này nhận được sự quan tâm đầu tư kinh phí bảo tồn từ TW, nhà cửa người dân cũng được sửa chữa. Tuy nhiên, việc tu bổ nhà cổ ở Hội An đang mất dần tính chân xác do cả nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan. Theo thạc sĩ Phạm Phú Ngọc (TT QLBT DSVH Hội An) thì hiện nay vật liệu truyền thống cho tu bổ di tích đang khan hiếm. Trong khi đó, hằng năm khu phố cổ phải đối mặt không dưới 10 trận lũ lụt. Khi nước rút, nhiều nhà gỗ cổ phải “gồng mình” với mỗi một, năm mốc, buộc chủ nhà phải mua nguyên

vật liệu về để trùng tu. Tuy nhiên, gỗ kiền kiền - loại vật liệu chủ yếu để làm rường, cột đang trở nên khan hiếm. Các loại gỗ nhập từ Lào, các tỉnh Tây Nguyên lại kém chất lượng, non tuổi, rẻ tiền nên rất dễ hỏng. Đó là chưa kể việc sử dụng các loại gỗ khác để thay thế khiến cho nhiều nhà cổ đang mất dần tính chân xác do hoạt động tôn tạo di tích chưa đảm bảo, chỉ mang tính vật chất. Điều đáng lo ngại hơn là hiện đa phần các ngôi nhà cổ đang được sử dụng để buôn bán, thương mại đã làm mai một giá trị tinh thần. Nhà thì vẫn mang dáng dấp cổ xưa, nhưng không gian bên trong đã được chuyển đổi phù hợp hơn cho trưng bày vải vóc, hàng ăn, quán cà phê... Hay nói cách khác, “xác” thì vẫn còn nhưng “hồn” thì đang mất [Theo Hoàng Sơn, “Biến dạng di tích phố cổ Hội An”, đăng trên <http://thanhnien.vn/> ngày 25/04/2013].

Đối với du khách thông thường, tính chân xác của di sản không phải là yếu tố quan trọng tác động đến trải nghiệm của họ khi đi tham quan, tuy nhiên, đối với các du khách văn hóa có chủ đích (là người mà trải nghiệm về di sản văn hóa là yếu tố đầu tiên quyết định lựa chọn điểm đến và mức độ sâu sắc của trải nghiệm họ muốn đạt được) thì tính chân xác của di sản là yếu tố rất quan trọng.

Những du khách này dễ dàng nhận ra những thay đổi liên quan đến sự nguyên bản, tính chân thực hoặc giá trị gốc của các di sản mà họ đang tham quan. Việc điều chỉnh, thay đổi hay sáng tạo các hoạt động văn hóa phục vụ nhu cầu của du khách của các nhà quản lý và khai thác di sản văn hóa ở địa phương cũng là một yếu tố làm thay đổi giá trị gốc của di sản, ví dụ như việc các buổi biểu diễn nghệ thuật truyền thống (bả trạo, bài chòi, bài kiêu,...) được tổ chức tách rời khung thời gian gốc, không gian gốc và chức năng gốc của nó hay việc thể hiện một cách sân khấu hóa các hoạt động sinh hoạt thường ngày của người dân (thờ cúng ngày rằm mừng một, câu cá trên sông, các trò chơi dân gian như bịt mắt đập niêu,...). Một mặt có thể đáp ứng nhu cầu lớn của du khách trong một khung thời gian hạn chế nhưng mặt khác, lại vấp phải phản ứng của du khách và cộng đồng sở hữu di sản về tính chân xác của chính các di sản đó.

Đây là một nghịch lý mà không chỉ có Hội An mà nhiều địa điểm di sản ở nhiều nơi khác đang phải đối mặt: Làm thế nào để giữ gìn được tính chân xác của di sản trong khi thuyết phục được các vị du khách văn hóa ngày càng khó tính hơn.

Tác động của phát triển du lịch đối với việc phục hồi và bảo tồn văn hóa phi vật thể: Du khách, trong bất kỳ loại hình du lịch nào đều muốn được hiểu và trải nghiệm các giá trị văn hóa đặc sắc của điểm du lịch nơi họ đến, đặc biệt là các giá trị văn hóa phi vật thể như lễ hội, nghi lễ truyền thống, các món ăn đặc sản, các đồ thủ công mỹ nghệ truyền thống của địa phương,... và cả lối sống của người dân sở tại. Những giá trị này làm giàu và sâu sắc trải nghiệm của du khách hơn bất kỳ sản phẩm du lịch nào.

Từ nhu cầu này của du khách nên phần lớn các địa phương phát triển du lịch đều đặt trọng tâm vào việc phục hồi các lễ hội truyền thống, ngành nghề thủ công mỹ nghệ và các món ăn đặc sản của địa phương để tạo ra nhiều sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng và hấp dẫn du khách. Sản phẩm thủ công mỹ nghệ có thể bán cho du khách như những đồ lưu niệm, có tính thẩm mỹ và ứng dụng cao, trong khi các món ăn đặc sản địa phương và các sự kiện văn hóa truyền thống hoàn thiện thêm trải nghiệm của du khách về điểm đến, nâng cao chất lượng của mỗi chuyến du hành của họ. Nhờ vậy, nhiều giá trị văn hóa phi vật thể của cộng đồng đã được khôi phục, hoặc được quản lý tốt hơn, được giữ gìn và phát huy một cách cẩn trọng trong quá trình địa phương đó phát triển du lịch.

Tại Hội An, nhờ du lịch mà trong nhiều năm qua, các ngành nghề thủ công truyền thống như gốm Thanh Hà, mộc Kim Bồng, đúc đồng Phước Kiều, làng rau Trà Quế, nghề làm lồng đèn,... vốn gần như không còn chỗ đứng trong đời sống kinh tế của người dân địa phương nay trở thành những ngành nghề thủ công phát triển, vừa có khả năng sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu sử dụng của người dân, vừa có khả năng sáng tạo và sản xuất ra các đồ thủ công có tính mỹ thuật cao, là hàng lưu niệm bán cho du khách và xuất khẩu. Trên các đường phố của phố cổ Hội An, du khách có thể dễ dàng tìm thấy những sản phẩm đến từ làng gốm Thanh Hà (tò he, đèn trang trí nhà, bình lọ, tranh gốm,...); những món đồ thủ công được chế tạo bởi bàn tay các nghệ nhân của làng mộc Kim Bồng (tranh khắc gỗ, tượng gỗ, đồ

gia dụng bằng gỗ,...); đèn lồng Hội An;... Các làng nghề này trở thành các điểm đến du lịch quan trọng trong hệ thống các điểm tham quan của các tour du lịch tới Hội An, thu hút một lượng lớn du khách đến tìm hiểu và trải nghiệm. Đầu năm 2015, Công viên đất nung Thanh Hà, ra đời dưới sự thôi thúc của những người con làng nghề truyền thống gồm Thanh Hà trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản nghề gốm đất nung, đã được đưa vào hoạt động trên một diện tích rộng gần 6.000m² ở làng Thanh Hà. Công viên này là một tổ hợp gồm khu trưng bày, khu chế tác, khu dịch vụ du lịch các sản phẩm gốm đất nung, không chỉ là một điểm tham quan du lịch hấp dẫn với hàng trăm du khách/ngày mà còn góp phần tạo công ăn việc làm cho nhiều thợ gốm trẻ trong làng, khuyến khích họ yêu nghề và tiếp tục giữ nghề truyền thống này cho địa phương.

Ẩm thực cũng là một giá trị văn hóa phi vật thể đặc sắc và đồng thời cũng là một loại hình sản phẩm du lịch không thể thiếu ở bất kỳ điểm đến du lịch nào. Dưới nhu cầu của du khách, các món ăn đặc sản của địa phương như mì Quảng, cao lầu, hoành thánh, bánh bao, bánh vạc, rau thơm Trà Quế, cơm gà,... đã được người dân địa phương khai thác, dần hình thành nên một văn hóa ẩm thực đặc trưng của phố cổ này, có sức hấp dẫn lớn đối với mọi du khách khi đến tham quan phố cổ. Một số món ăn đặc sản của Hội An giờ đã vượt ra khỏi phạm vi địa phương, ví dụ như cơm gà, cao lầu, mì Quảng, bánh mỳ kẹp thịt,... hiện diện ở nhiều nhà hàng ở các thành phố khác nhằm đáp ứng nhu cầu của các du khách sau khi rời Hội An mà vẫn muốn được tiếp tục thưởng thức những món ăn đặc biệt này.

Lễ hội, các trò chơi truyền thống, nghệ thuật biểu diễn truyền thống và nhiều sinh hoạt văn hóa truyền thống khác của người dân địa phương Hội An trong nhiều năm qua đã đang được địa phương giữ gìn và khai thác thành các sản phẩm du lịch văn hóa đặc trưng của phố cổ. Năm 1996, Nhà biểu diễn nghệ thuật cổ truyền Hội An được thành lập nhằm mục đích bảo tồn các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống của Hội An thông qua việc khai thác các hoạt động du lịch có liên quan (bán vé xem biểu diễn, cung cấp dịch vụ biểu diễn cho các sự kiện, các khách sạn và nhà hàng,...). Nguồn thu từ các hoạt động này được dùng để nộp ngân sách địa phương, chi lương, phục vụ thu phí, trích các quỹ và hỗ trợ đào tạo nâng cao tay nghề của

các nghệ sĩ, nghệ nhân, đào tạo thế hệ trẻ tiếp nghề,... Xuất phát từ nhu cầu ngày càng tăng của du khách, cùng với sự hỗ trợ về mặt tài chính từ nguồn thu từ du lịch, nhiều loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống của Hội An đã được giữ gìn và tiếp tục sống trong lòng phố cổ như: hát bài chòi, dân ca Quảng Nam, hát bội, múa dân gian, dân ca,... Từ những năm 1998, chương trình lễ hội “Đêm phố cổ” đã được UBND Thị xã Hội An đưa vào tổ chức vào ngày 14 âm lịch hàng tháng để gia tăng sức hút cho phố cổ Hội An. Chương trình “Đêm phố cổ” đã được tổ chức thường xuyên từ đó đến nay với các trò chơi dân gian và nghệ thuật biểu diễn truyền thống đặc sắc như hát bài chòi, hát tuồng, hò Quảng trên sông Hoài, nghi lễ cúng rằm, trò chơi bịt mắt đập niêu, cờ tướng, viết thư pháp,...

Như vậy, nhiều sáng kiến và nỗ lực khôi phục, bảo tồn và phát huy nhiều giá trị văn hóa phi vật thể đặc sắc của phố cổ Hội An đã được chính quyền địa phương và cộng đồng thực hiện nhiều năm qua được xuất phát từ nhu cầu đa dạng hóa các sản phẩm du lịch văn hóa, gia tăng sức hấp dẫn văn hóa cho trải nghiệm của du khách,... và được hỗ trợ, củng cố để tiếp tục tồn tại và phát triển một phần từ nguồn thu từ các hoạt động du lịch. Trong nhiều trường hợp, tính chân xác và nguyên gốc của di sản có thể bị thay đổi do thiếu cẩn trọng trong quá trình thực hiện (thay đổi thời điểm gốc, không gian văn hóa gốc của một số giá trị văn hóa phi vật thể) nhưng về cơ bản, trong trường hợp Hội An, sự phát triển của du lịch đã góp phần không nhỏ trong việc giữ gìn và phát huy giá trị của nhiều loại hình văn hóa phi vật thể tiêu biểu của địa phương, hỗ trợ đời sống vật chất của nhiều nghệ nhân, khuyến khích thế hệ trẻ tiếp tục thực hành và bảo vệ các di sản phi vật thể vốn rất dễ bị biến mất trong đời sống đương đại ngày nay.

Tác động của phát triển du lịch đối với việc bảo tồn và quản lý di sản văn hóa vật thể: Giữ gìn và bảo vệ các di sản văn hoá ở Hội An là một công việc khó do mức độ phức tạp của hệ thống các di sản văn hoá của thành phố. Toàn bộ phố cổ Hội An là một nhóm tập hợp các ngôi nhà và các cấu trúc kiến trúc cổ, cùng với chúng là nhiều lễ hội văn hoá, phong tục, truyền thống và các sinh hoạt văn hoá của người dân Hội An. Tất cả các di sản này là kết quả của những tích lũy qua nhiều thế hệ. Hàng năm, những ngôi nhà cổ và các công trình kiến trúc này đòi hỏi được bảo

duỡng, phục hồi và bảo vệ khỏi những hiểm hoạ từ thiên tai, sự bất cẩn trong quá trình sử dụng của con người, lạm dụng và áp lực của du lịch. Nhiệm vụ này cần đến một sự hỗ trợ lớn về mặt tài chính. Vì thế, thu nhập hàng năm thu được từ du lịch được đánh giá là một trong những nguồn hỗ trợ quan trọng cho việc bảo tồn các di sản văn hoá ở Hội An.

Năm 1999, việc bảo tồn di sản ở Hội An chiếm tới 60,3% tổng kinh phí hỗ trợ hàng năm cho toàn bộ thành phố. Trong khoảng thời gian 1997 - 2006, Hội An có 166 di tích được tu bổ và hàng trăm di tích được nâng cấp. Nguồn kinh phí có việc tu bổ này phần lớn là từ ngân sách nhà nước (75,21%), phần còn lại là từ ngân sách địa phương (20,42%) và tiền ủng hộ trong và ngoài nước (4,37%) [49]. Từ năm 2006 đến năm 2012, số lượng công trình kiến trúc cổ cần được sửa chữa, cải tạo và khôi phục ngày càng nhiều hơn và yêu cầu lượng kinh phí lớn hơn. Theo báo cáo của TT QLBT DSVH Hội An thì kinh phí cho tôn tạo di tích ngày càng tăng:

Bảng 3.5. Kinh phí tôn tạo tu bổ di tích Thành phố Hội An (2006-2012)

Đơn vị tính: triệu đồng

Công trình	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Chuyển tiếp			2601.157	128.120	2324.205	4922.718	705.695
Mới			871.015	1092.682	1026.984	1425.112	4757.048
Tổng	584.000	177.000	3472.172	1220.802	3351.189	6347.830	5462.743

Nguồn: [80]

Trong trường hợp của những di tích do Nhà nước quản lý, chi phí tu bổ được hoàn toàn lấy ra từ ngân sách nhà nước. Đối với những di tích do tư nhân quản lý, mà loại di tích này chiếm đến 82,8% trong tổng số các di tích nằm trên khu vực phố cổ, tùy thuộc vào từng loại và hiện trạng của di tích mà chúng có thể được nhận hỗ trợ về tài chính từ ngân sách trung ương. Trong nhiều trường hợp đặc biệt, hỗ trợ có thể lên đến 100% tùy theo tình hình tài chính của chủ sở hữu [4].

Bảng 3.6. Tỷ lệ vốn đầu tư tu bổ các di tích thuộc sở hữu tư - nhân tập thể

Đơn vị tính : %

Loại di tích	Vị trí nhà dọc trục đường chính		Vị trí nhà dọc các kiệt, hẻm	
	Nhà nước hỗ trợ	Chủ di tích góp vốn	Nhà nước hỗ trợ	Chủ di tích góp vốn
Loại đặc biệt	60	40	75	25
Loại I và II	45	55	65	35
Loại III	40	60	60	40

Nguồn: [80]

Mười năm vừa qua, thu nhập từ du lịch đã tăng dần, đóng góp không nhỏ vào việc tăng quỹ tài chính địa phương. Ở Hội An, quỹ dành cho việc bảo tồn và tu bổ di tích được lấy từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm một phần thuế thu được từ các doanh nghiệp du lịch trong thành phố, ngân sách địa phương, một phần doanh thu từ vé tham quan của khách du lịch (11%). Ngoài ra, nguồn tiền có thể đến từ tài trợ của các tổ chức hay cá nhân. Ví dụ, cho đến năm 2001, Quỹ bảo tồn di tích Hội An đã nhận được 82.000 USD từ JICA (Nhật Bản) để phục hồi nhà số 115, số 117 trên đường Nguyễn Thái Học và nhà thờ tộc Trương [4]. Dưới đây là thông tin về việc phân bổ kinh phí tu bổ các di tích tư nhân và tập thể ở Hội An cung cấp bởi Trung tâm Quản lý tu bổ Di sản văn hóa Hội An giai đoạn 2008 -2012:

Bảng 3.7. Phân bổ kinh phí tu bổ di tích sở hữu tư nhân và tập thể ở Hội An

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	Số lượng các di tích được tu bổ	Tổng dự toán		Ngân sách Nhà nước		Tư nhân đóng góp	
		Kinh phí	Tỉ lệ %	Kinh phí	Tỉ lệ	Kinh phí	Tỉ lệ
2008	30	4245,719	100	2784,688	65.6	1461,031	34.4
2009	20	847,635	100	469,639	55.4	377,996	44.6
2010	16	1568,127	100	803,851	51.2	764,274	48.8
2011	20	6.965,808	100	3.314,844	47.5	3.632,168	52.1
2012	18	1.035,077	100	364,860	35.2	374,619	36.1

Nguồn: [80]

Như vậy, có thể thấy rõ là kinh phí cho tu bổ các di tích tư nhân và tập thể ở Hội An gần phần lớn dựa vào ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, chi phí tu bổ ngày càng cao do tính phức tạp và dễ bị hư hại của các di tích ở Hội An. Chính phủ không thể trợ cấp mãi cho việc này. Vì thế, những đóng góp tài chính của du lịch cho việc bảo tồn và tu bổ các di tích văn hoá ở Hội An là rất quan trọng. Đối với kế

hoạch quản lý di tích ngắn hạn hoặc dài hạn, du lịch đường như đã trở thành một đối tượng đóng góp then chốt.

Trước năm 2010, danh sách các điểm tham quan nhà cổ ở Hội An chỉ bao gồm nhà cổ Phùng Hưng, nhà cổ Tấn Ký và nhà cổ Quân Thắng. Nhà cổ Đức An, có tuổi đời trên 180 năm, được đưa vào danh sách tham quan cho du khách trong và ngoài nước bắt đầu từ năm 2010, sau một lần đại trùng tu lớn với sự hỗ trợ 100% vốn trùng tu lấy từ ngân sách của thành phố (nguồn ngân sách này trích từ nguồn thu du lịch hàng năm của toàn thành phố, khoảng trên 2 tỉ đồng). Bên cạnh đó, chính quyền thành phố còn phải đầu tư thêm một khoản không nhỏ khác để tái định cư 2 trong tổng số 3 hộ đã cùng sinh sống nhiều năm trong ngôi nhà cổ này sang địa điểm cũng thuộc khuôn khổ khu phố cổ. Hiện nay, ngôi nhà cổ này trở thành một điểm tham quan mới, hấp dẫn nhiều du khách trong và ngoài nước. Đối với người dân địa phương, đây không chỉ là việc một di sản văn hóa nữa của họ, vốn đang có nguy cơ hư hại nặng, nay trở thành một trong những biểu tượng văn hóa đáng tự hào của địa phương mà nhà cổ Đức An còn là nơi ghi dấu quá trình hoạt động của Tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ở Hội An cũng như tỉnh Quảng Nam và gắn liền với người chiến sĩ cách mạng Cao Hồng Lãnh. Việc khôi phục ngôi nhà cổ này, vừa như một ngôi nhà cổ tiêu biểu, vừa như một nhà lưu niệm nhắc nhở người Hội An về một giai đoạn lịch sử hào hùng của địa phương [Phụ lục 8, số 8].

Sự bền vững của các di sản phụ thuộc nhiều vào mức độ hiểu biết về văn hoá và nhận thức của cộng đồng. Hiểu biết của người dân về các di sản, mức độ quan trọng của chúng thực sự quan trọng đối với sự sống còn của các di sản văn hoá đó. Nếu người dân hiểu biết hơn, họ sẽ quan tâm nhiều hơn đến việc bảo vệ các di sản văn hoá của cộng đồng họ và sẽ cố hạn chế làm tổn hại đến chúng hơn. Ở đây, du lịch cũng góp phần đóng góp nâng cao nhận thức này cho dân địa phương. Chục năm qua, kể từ khi Hội An trở thành Di sản thế giới, người dân Hội An đã chứng

kiến nhiều sự đổi thay to lớn trong cuộc sống của họ. Nhiều người đến Hội An hơn, nhiều cơ hội việc làm và kinh doanh hơn, thu nhập cao hơn, mức sống cao hơn...

Người dân Hội An ngày càng nhận thức rõ hơn về mức độ quan trọng của di sản và việc bảo vệ chúng. Họ đều hiểu rõ rằng du lịch, một công cụ hữu hiệu, đã và đang mang lại nhiều thay đổi cho đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá cho người dân hoàn toàn dựa trên các di sản văn hoá của địa phương. Nếu không, du lịch không thể có cơ hội để phát triển ở Hội An. Mọi cố gắng từ Chính phủ, chính quyền địa phương, từ các nhà quản lý di sản hay các chuyên gia di sản luôn luôn là không đủ để đảm bảo sự tồn tại lâu dài của các di sản văn hoá vốn đã đang gắn kết chặt chẽ với đời sống hiện tại của người dân địa phương. Hầu hết các nhà cổ ở Hội An thuộc sở hữu tư nhân, nếu không có các ngôi nhà cổ này, Hội An không còn là Hội An. Hầu hết các thực hành văn hoá, phong tục tập quán ở Hội An đã đang được thực hành bởi người dân địa phương, nếu thiếu những thực hành đó, Hội An cũng không còn là Hội An. Vì thế, nếu thiếu đi sự tham gia và tự nguyện của những người chủ sở hữu, người thực hiện các thực hành văn hoá, những di sản đó không thể tồn tại lâu dài. Sự xuất hiện của du lịch đã mang lại nhiều cơ hội cho nhiều người để nâng cao thu nhập. Một khi đời sống kinh tế của họ được đảm bảo, người ta dường như quan tâm nhiều hơn đến nguồn đảm bảo sinh sống của họ hơn.

Du lịch ở Hội An là ngành kinh tế lớn nhất và đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển kinh tế của địa phương. Trong khi mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, nâng cao chất lượng sống cho người dân, thì du lịch cũng đưa đến nhiều tác động tiêu cực lên hệ thống di sản văn hóa và cuộc sống thường ngày của người dân địa phương. Các tác động tiêu cực này, nếu không được kiểm soát với thái độ nghiêm túc, nhanh chóng và phù hợp thì trong thời gian ngắn tới, những biến đổi tiêu cực về môi trường, xã hội và văn hóa, đặc biệt là hệ thống di sản văn hóa vật thể và phi vật thể vốn tạo nên sự phát triển của ngành công nghiệp này ở điểm đến Hội An, sẽ khiến lợi ích về kinh tế không còn mang tính bền vững.

Di sản văn hóa là nguyên liệu đầu vào cho phát triển du lịch văn hóa và đến lượt nó, nguồn lợi từ hoạt động phát triển du lịch trở thành động lực thúc đẩy và hỗ trợ tài chính cho hoạt động quản lý, bảo tồn và khai thác di sản. Để kiểm soát các

tác động không mong muốn của du lịch đối với nguồn tài nguyên di sản vốn luôn được ưu tiên và coi trọng trong mọi chủ trương và chính sách phát triển của địa phương, thành phố Hội An trong nhiều năm qua đã luôn cố gắng điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống quản lý (văn bản pháp lý, cơ quan quản lý, định hướng quản lý, biện pháp can thiệp) di sản văn hóa của mình.

Tiểu kết chương 3: Như đã đề cập ở trên, nhận diện được một cách đầy đủ các loại hình và mức độ tác động mà sự phát triển du lịch đã đưa đến cho điểm đến du lịch, đặc biệt là cho các điểm đến về di sản văn hóa là bước đầu tiên của sự thay đổi trong hướng tiếp cận bền vững trong hoạt động phát triển du lịch và quản lý di sản văn hóa ở nhiều nơi, trong đó có Việt Nam. So với các tác động về kinh tế, các tác động về văn hóa, xã hội, về môi trường, đặc biệt là tác động đối với nguồn tài nguyên di sản văn hóa vật thể và phi vật thể là những tác động những tác động khó cân đo đong đếm, nhưng không phải vì sự mơ hồ chung chung đó mà các tác động này không nghiêm trọng và khẩn thiết phải giải quyết. Nhận diện được được sự hiện diện và mức độ của các tác động này, đặc biệt là các tác động tiêu cực, cho phép các nhà quản lý, cộng đồng địa phương và chủ sở hữu di sản có thể có được các biện pháp can thiệp hiệu quả cho từng vấn đề; điều chỉnh hoặc lựa chọn hướng tiếp cận phù hợp hơn cho việc phát triển du lịch và quản lý di sản của địa phương.

Quản lý sự phát triển trong thời gian tới của ngành du lịch ở Hội An đòi hỏi các hoạt động, chương trình và chiến lược cụ thể đặt ra và thực hiện bởi các nhà quản lý địa phương; và sự tham vấn tích cực của cộng đồng, cùng với sự hợp tác của các bên có liên quan nên được coi là yếu tố then chốt nhằm đạt được sự phát triển bền vững nhất. Nếu làm việc tích cực cùng nhau, người dân Hội An có thể quản lý du lịch nhằm đảm bảo rằng các nguồn tài nguyên vô giá của địa phương mình sẽ không bị khai thác kiệt quệ và người dân nhiều thế hệ sẽ được hưởng thụ nguồn sống ổn định và chất lượng cuộc sống tốt hơn.

Chương 4

MỐI QUAN HỆ GIỮA QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN

4.1. Sự năng động trong mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở Đô thị cổ Hội An

Kết quả nghiên cứu mối quan hệ giữa QLDS và DL ở Hội An cho thấy có sự hiện diện của 4 trạng thái khác nhau bao gồm: *hợp tác, hợp tác khiên cưỡng, cùng tồn tại và chưa hài lòng.*

Mối quan hệ giữa quản lý di sản và du lịch ở Hội An được một cán bộ quản lý di sản nhận định rằng: "Nói về đối chọi thì chưa, nói về thống nhất chung thì vẫn còn thế này thế kia, một bên là phát triển, một bên là bảo tồn tất nhiên sẽ có cái mâu thuẫn" [Phụ lục 8, số 4].

Mâu thuẫn giữa hai ngành được nhà quản lý này nhìn nhận như là một điều tất nhiên xảy đến bởi sự đối chọi mà các nhà quản lý ở cả hai ngành cho là luôn tồn tại giữa phát triển và bảo tồn. Việc cho rằng phát triển và bảo tồn là hai hoạt động mâu thuẫn nhau là một quan niệm có tính định kiến hạn chế các nhà quản lý, các nhà thực hành trong lĩnh vực QLDS và PTDL văn hóa nỗ lực tìm kiếm phương thức mới để hòa hợp hai lĩnh vực tại các điểm tham quan di sản. Định kiến về sự mâu thuẫn hoặc xung đột tất yếu xảy đến giữa việc phát triển du lịch và bảo tồn di sản rất dễ tạo ra một bầu không khí kém cởi mở giữa hai bên, khi bên du lịch cảm thấy thái độ nghi ngờ và lo lắng của bên di sản dành cho hiệu quả của các hoạt động “sản phẩm du lịch hóa”, còn bên di sản thì lo rằng giá trị văn hóa của các di sản sẽ bị đánh đổi bởi các lợi ích thương mại hay công tác bảo tồn của họ sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình phát triển du lịch.

Quan điểm cho rằng mâu thuẫn và xung đột là điều tất yếu xảy đến do sự trái ngược cơ bản giữa phát triển du lịch và bảo tồn di sản không phải là cách tiếp cận phù hợp để bắt đầu quá trình thiết lập mối quan hệ hợp tác giữa hai lĩnh vực tại các điểm đến di sản. Phát triển và bảo tồn không phải là hai khái niệm ngược nghĩa, phương thức thực hiện hai việc này cũng không phải là hai phương thức đối chọi

nhau. Va chạm về giá trị xảy ra trong mối liên hệ giữa hai hoạt động này là do thiếu sự trao đổi giữa hai bên.

Tại Hội An nói chung và tại các điểm tham quan di sản cụ thể, nghiên cứu cho thấy không có sự xung đột giữa ngành quản lý di sản và ngành du lịch. Nhận định này dựa trên kết quả nghiên cứu thực địa tại thời điểm nghiên cứu (2012, 2013) với dữ liệu đầu vào là quan sát cá nhân của tác giả luận án tại các điểm di tích ở phố cổ Hội An và đánh giá của đại diện các bên liên quan như các nhà quản lý di sản, quản lý hoạt động du lịch, chủ sở hữu di tích, phụ trách quản lý hàng ngày tại di tích,...

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng *cùng tồn tại* là trạng thái phổ biến nhất của mối quan hệ giữa QLDS và PTDL tại Hội An, bên cạnh đó, trạng thái *hợp tác khiên cưỡng* và *chưa hài lòng* cũng được phát hiện thấy ở một số điểm di tích. Kết quả nghiên cứu không thấy sự hiện diện của mối quan hệ có tính xung đột, mâu thuẫn hoặc phủ nhận lẫn nhau giữa hai ngành này ở điểm đến phố cổ Hội An.

Ở cấp độ quản lý ngành, mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và quản lý hoạt động du lịch, tham quan tại phố cổ Hội An là mối quan hệ *cùng tồn tại*, cùng chung sống trong hòa bình. TT QLBT DSVH Hội An, đại diện cho bên quản lý di sản văn hóa, có trách nhiệm quản lý, bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An; tham mưu cấp phép và giám sát việc tu bổ di tích trong phố cổ; tổ chức nghiên cứu khoa học, sưu tầm, lưu trữ dữ liệu, hiện vật về lịch sử văn hóa của Hội An,... Bên cạnh đó, Trung tâm còn có trách nhiệm tư vấn cho các đơn vị kinh doanh du lịch và người dân về tầm quan trọng của việc bảo tồn di sản, cung cấp cho các đối tượng này hướng dẫn về việc bảo tồn các di sản đó và cộng tác với TT VH-TT cung cấp các thông tin cập nhật về người dân và văn hóa Hội An cho du khách.

Trong khi đó, Trung tâm Văn hóa – Thể thao Hội An, đại diện cho bên quản lý du lịch, là đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND Thành phố, được giao nhiệm vụ tổ chức các hoạt động và phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, tuyên truyền lưu động và thường trực tổ chức các sự kiện văn hoá, lễ hội của Thành phố; đồng thời tổ chức giới thiệu, tuyên truyền và phát huy các giá trị lịch sử văn hoá của Di sản Văn hoá Thế giới Đô thị cổ Hội An qua hoạt động hướng dẫn tham quan Đô thị

cổ Hội An, dịch vụ du lịch cho du khách trong nước và quốc tế. Phòng Thương mại - Du lịch Hội An chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động thương mại dịch vụ du lịch ở Hội An. Đơn vị này có trách nhiệm cung cấp thông tin cho du khách về Hội An, đào tạo nhân lực du lịch, giám sát và đánh giá các doanh nghiệp du lịch trên địa bàn thành phố và tư vấn cho UBND thành phố về việc xây dựng và thực hiện các kế hoạch phát triển du lịch.

Như vậy, trách nhiệm của từng đơn vị đã được phân công rõ ràng, đi kèm với sự chuyên biệt của các đơn vị này là một hệ thống các quy định về pháp lý hỗ trợ để các đơn vị vận hành chức năng và nhiệm vụ của mình cho sát.

Tính đến nay, hoạt động du lịch ở Hội An đã phát triển được hơn 15 năm (1999-2014), một quãng thời gian đủ dài để chính quyền địa phương có thể xây dựng, điều chỉnh và đạt được một hệ thống các nguyên tắc quản lý và khai thác di sản văn hóa ổn định. Với thời gian phát triển đủ dài như vậy, cùng với sự phân công trách nhiệm rõ ràng, một hệ thống hỗ trợ về pháp lý đầy đủ và chi tiết như vừa nhắc ở trên đã hình thành nên một trạng thái “chung sống trong hòa bình” giữa bên quản lý di sản và bên quản lý phát triển du lịch tại điểm đến này nên mặc dù các bên cùng chia sẻ nguồn tài nguyên là hệ thống các di sản văn hóa đa dạng và phong phú, nhưng lại cảm thấy ít có nhu cầu phải trao đổi hoặc cộng tác chặt chẽ với nhau. Những liên lạc qua lại giữa hai bên phần lớn là những liên lạc để điều chỉnh một số vấn đề phát sinh đi lệch các nguyên tắc đã được thống nhất trong công tác quản lý và khai thác di sản.

Mối quan hệ cùng tồn tại hay “chung sống trong hòa bình” được phản ánh rõ rệt nhất không chỉ ở đặc điểm hai bên vận hành hoạt động của mình một cách riêng rẽ, mặc dù cùng chia sẻ đối tượng quản lý là nguồn tài nguyên văn hóa, mà còn ở đặc điểm là không có mong muốn về một mối quan hệ thật chặt chẽ hay nhận thấy không có nhiều nhu cầu có cần có mối quan hệ cộng tác thực sự đó. Cách thức trao đổi qua lại giữa các đơn vị này khá đặc trưng cho trạng thái quan hệ đó, ví dụ như vào ngày 09/09/2011, TT QLBT DSVH Hội An đã gửi công văn tới Phòng Thương mại - Du lịch và UBND phường Minh An, phường Cẩm Phô yêu cầu đơn vị này chấn chỉnh việc buôn bán trong các di tích tín ngưỡng, điểm tham quan do mục đích

kinh doanh đã trưng bày hàng hóa tràn lan, ảnh hưởng đến diện mạo di tích và gây cảm giác khó chịu cho du khách. Đi kèm với công văn này là một danh sách gồm 10 điểm di tích thuộc địa bàn hai phường Minh An và Cẩm Phô.

Đại diện lãnh đạo TT QLBT DSVH Hội An phản ánh rằng trước tình trạng quá nhiều cửa hàng trong phố cổ bày bán các loại hình sản phẩm (quần áo, giày dép, đồ thủ công mỹ nghệ, đồ lưu niệm) giống hệt nhau và không có tính địa phương nên đã nhiều lần đề xuất với Phòng Thương mại và Du lịch Hội An cùng nghiên cứu đề hỗ trợ hình thành được các cửa hàng chuyên bán đồ thủ công mỹ nghệ truyền thống của địa phương [Phụ lục 8, số 4]. Tuy nhiên ý tưởng này đến nay vẫn chưa thực hiện được do chưa tìm ra được tiếng nói chung giữa hai đơn vị. Phía bên quản lý di tích cũng nhận thấy sự trao đổi hạn chế giữa hai bên trong nhiều vấn đề. Phía bên quản lý di tích cũng nhận thấy sự trao đổi hạn chế giữa hai bên trong nhiều vấn đề liên quan đến di tích, ví dụ như việc lựa chọn di tích nào để chuyển thành một điểm tham quan. Về nguyên tắc, đơn vị phụ trách xét duyệt việc đưa một di tích vào hệ thống các điểm tham quan của phố cổ là phần việc của TT VHTT Hội An và công việc này phải được thực hiện với tham vấn chặt chẽ và sâu sắc về chuyên môn của TT QLBT DSVH Hội An (về độ bền di sản, giá trị di sản,...). Tuy nhiên, thực tế phản ánh bởi bên quản lý di sản Hội An lại cho thấy sự tham vấn này vẫn mang tính hình thức [Phụ lục 8, số 4]. Đơn vị quản lý di sản nhận định rằng sẽ tốt hơn nếu tiến hành khảo sát, đánh giá và lấy ý kiến của các cơ quan liên quan ngay từ lúc bắt đầu tiến hành công tác này. Có sự trao đổi qua lại giữa các đơn vị, ban ngành có liên quan đến công tác quản lý và khai thác di sản, nhưng sự trao đổi này chưa được chặt chẽ [Phụ lục 8, số 4], đặc biệt trong công tác chọn di tích làm điểm tham quan hoặc công tác giới thiệu/thuyết minh di sản.

Thuyết minh di sản là một vấn đề quan trọng trong du lịch di sản, vì vậy công tác thuyết minh tại điểm di sản phải được chuẩn bị tốt nhằm chuyển tải đúng thông tin về giá trị của di sản cho du khách. Tuy nhiên, tại Hội An, theo phản ánh của bên quản lý di sản văn hóa Hội An thì công tác này cần được khắc phục, bởi chưa thực sự có sự cộng tác giữa bên chuyên môn về di tích với bên quản lý hoạt động du lịch tại điểm di sản (tài liệu thuyết minh di sản, hướng dẫn viên tại điểm

tham quan) để thường xuyên cập nhật các kết quả nghiên cứu chuyên môn về di sản vào hoạt động thuyết minh di sản, hoặc đào tạo chuyên sâu hơn cho các hướng dẫn viên du lịch trên địa bàn phố cổ Hội An.

Nếu nhìn lướt qua, một mối quan hệ *cùng tồn tại* rất dễ bị nhầm với mối quan hệ *hợp tác khiên cưỡng*. Điểm khác biệt duy nhất giữa hai trạng thái này là sự nhận thức rõ ràng của cả hai bên về sự cần thiết của việc trao đổi với nhau để đạt tới một mục đích chung liên quan đến đối tượng quản lý mà cả hai cùng chia sẻ, cùng có quyền lợi và có nghĩa vụ chính đáng là hệ thống các di sản văn hóa của địa phương. Xét ở cấp độ ngành, mối quan hệ giữa giữa QLDS và PTDL ở phố cổ Hội An tại thời điểm 2012-2013 là mối quan hệ *cùng tồn tại* mà ở đó, các đơn vị đại diện cho hai ngành cùng tồn tại độc lập và riêng rẽ mặc dù về hình thức/nguyên tắc các đơn vị này có liên hệ và trao đổi với nhau, nhưng thực tế của những liên hệ và trao đổi này lại không xuất phát từ mong muốn thực sự liên hệ với nhau.

Những ví dụ đề cập ở đoạn trên, bao gồm công văn yêu cầu chấn chỉnh hoạt động kinh doanh buôn bán tại 10 điểm di tích quan trọng mà Trung tâm QLBT DSVH Hội An gửi Phòng Thương mại – Du lịch Hội An; tham vấn mang tính hình thức mà TT VH TT Hội An thực hiện với Trung tâm QLBT DSVH Hội An hay đề xuất cùng nghiên cứu hỗ trợ hình thành các cửa hàng bán các sản phẩm truyền thống đặc trưng của Hội An giữa Trung tâm này với Phòng Thương mại - Du lịch Hội An, là những ví dụ đặc trưng cho mối quan hệ *cùng tồn tại*, tôn trọng đối tác nhưng không có nhu cầu cộng tác thực sự hoặc có chăng cộng tác chỉ mang tính hình thức. Về lâu dài, với tốc độ phát triển nhanh mạnh của du lịch như hiện nay ở Hội An và với thực tế suy giảm độ bền của di sản, sự cân bằng giữ cho trạng thái *cùng tồn tại* này tồn tại sẽ có nguy cơ bị tác động và đẩy sang một trong những trạng thái kém mong muốn hơn, đó là *chưa hài lòng*, *xung đột nhẹ* hoặc *xung đột*.

4.1.1 Trạng thái hợp tác khiên cưỡng

Về mức độ hợp tác, trạng thái *hợp tác khiên cưỡng* là trạng thái đệm trước khi tiến tới sự hợp tác thực sự giữa hai bên QLDS và DL. Tuy nhiên, để chuyển từ trạng thái *hợp tác khiên cưỡng* sang *hợp tác thực sự* đòi hỏi thời gian, chuyển biến mạnh về phương thức vận hành và trao đổi qua lại giữa hai ngành. *Hợp tác thực sự*

thường khó và hiếm, vì thế, có được trạng thái mà trong đó, bên quản lý di sản và bên du lịch sẵn lòng liên lạc với nhau bởi họ nhận thức được rằng bên quản lý du lịch và cả bên quản lý di sản đều có quyền lợi hợp pháp đối với di sản đó và vì thế, cả hai bên đều sẵn lòng đáp ứng các yêu cầu nhằm thỏa mãn nhu cầu của nhau trong các hoạt động liên quan đến quản lý và khai thác di sản, đã là một thành công đáng khích lệ. Lượng di sản nhiều hay ít, lượng khách nhiều hay ít trong một điểm tham quan du lịch không gây ảnh hưởng đến sự tồn tại của trạng thái quan hệ này bởi cả hai bên sẵn lòng trao đổi với nhau để điều chỉnh hệ thống quản lý cho phù hợp với những thay đổi phát sinh.

Trạng thái *hợp tác khiên cưỡng* này sẽ ổn định với điều kiện hai bên hoạt động dựa trên một hệ thống các nguyên tắc ứng xử đã được thống nhất chung nhằm đảm bảo có sự cân bằng về quyền lực và lợi ích và không bên nào đột ngột tuyên bố mình có quyền và lợi thế vượt lên so với bên kia trong việc quản lý và khai thác di sản [103, tr. 19]. Tại phố cổ Hội An, trạng thái quan hệ *hợp tác khiên cưỡng* giữa bên quản lý di sản và bên quản lý du lịch có hiện diện nhưng không nhiều. Nhà thờ tộc Trần là một ví dụ tiêu biểu phản ánh sự tồn tại của trạng thái này.

Trường hợp Nhà thờ tộc Trần: Nhà thờ tộc Trần được công nhận là di tích lịch sử của thành phố Hội An từ năm 1984. Hiện nay, nhà thờ cổ tộc Trần là di tích loại I của phố cổ Hội An. Theo anh Phan Ngọc Trâm, đại diện chủ sở hữu của di tích thì đến năm 1994, du lịch Hội An bắt đầu phát triển, và mặc dù di tích này không có ý định mở cửa trở thành điểm tham quan cho du khách nhưng hàng ngày vẫn có các đoàn khách đến nhà thờ cổ để tìm hiểu. Tháng 4/1994, di tích này chính thức được đưa vào danh sách điểm tham quan cho du khách đến Hội An.

Các tài liệu thuyết minh di tích tại điểm tham quan này được cả tộc họ Trần, TT QLBT DSVH Hội An và TT VH-TT Hội An lần Phòng Văn hóa - Thông tin cùng kết hợp để soạn thảo: Phòng Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm in ấn các tài liệu thuyết minh giấy, trong khi Phòng Thương mại và Du lịch Hội An phụ trách dựng các bảng thông tin về di tích. Trong quá trình hoạt động, do đặc điểm là một nhà thờ tộc họ có tính chất sở hữu tư nhân - tập thể nên du khách thường có thái độ tôn trọng, đặc biệt là du khách người Việt. Trong suốt quá trình tham quan, du

khách luôn được đi theo bởi nhân viên của điểm tham quan, một phần đảm bảo du khách tiếp nhận được thông tin chính xác và đầy đủ hơn về nhà thờ so với thông tin trên các tài liệu thuyết minh, một phần đảm bảo rằng du khách không làm gì gây hại cho kết cấu vật chất của di tích.

Đại diện sở hữu di tích này cho rằng, mối quan hệ giữa họ với bên quản lý di tích, bên quản lý hoạt động du lịch và với du khách khá ổn định và công bằng. Việc mở cửa khai thác di tích thành điểm tham quan được chính quyền khuyến khích và được chủ sở hữu vui vẻ chấp thuận do nhận thấy những cái lợi mà hoạt động này có thể mang lại cho sự tồn tại của di tích này đã đưa đến mối quan hệ "hợp tác do nhu cầu công việc". Tồn tại giao tiếp giữa các bên: sở hữu di tích, quản lý nhà nước về di tích và phát triển du lịch (Phòng TM - DL, TT VH-TT) trong việc kiểm tra hiện trạng di tích, hỗ trợ chuyên môn trong sửa chữa cải tạo di tích, cùng giám sát nguồn thu từ vé tham quan, lựa chọn nội dung cho các tài liệu thuyết minh di tích.

Trong những trường hợp tộc Trần cần sử dụng di tích vì mục đích riêng của tộc họ, họ có thể thông báo với bên quản lý hoạt động du lịch trước để đóng cửa hoặc gửi thông báo lịch nghỉ trong năm cho các bên có liên quan. Trong một số trường hợp chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan hoặc các đoàn du lịch lớn muốn giới thiệu một lễ cúng tộc họ truyền thống của Hội An, họ có thể làm việc trước với người đại diện tộc Trần để thực hiện lễ cúng đó với thái độ hợp tác.

Cả bên sở hữu và quản lý di tích đều nhận biết rõ rằng, họ có quyền lợi chính đáng trong di tích này bởi di tích là điểm chia sẻ chung giữa họ. Ngay từ thời gian đầu, chủ sở hữu di tích (tộc Trần) sẵn lòng chấp thuận việc biến không gian thờ cúng vốn riêng và cá nhân tộc họ thành một không gian công, mở để du khách có thể ra vào, nhìn ngắm và thậm chí là thắp hương do nhận biết được rằng đây là việc không thể tránh khỏi; trong khi đó, TT VH-TT và Phòng Thương mại - Du lịch Hội An chấp thuận việc tộc Trần sử dụng nhân lực là người tộc họ để quản lý, giữ gìn, thuyết minh về di tích và đồng giám sát lượng vé tham quan. Kết cấu quản lý như trên đã được vận hành ổn định ở điểm di tích này ngay từ giai đoạn ban đầu cho tới nay với sự tôn trọng của các bên dành cho nhau và có sự trao đổi qua lại vừa phải giữa các bên.

Mâu thuẫn duy nhất theo phản ánh của đại diện chủ sở hữu di tích Nhà thờ cổ tộc Trần là tỉ lệ trích lại cho di tích trên mỗi đầu vé tham quan, tuy nhiên, mâu thuẫn này cũng đã được điều chỉnh cho phù hợp hơn với vị trí là di tích loại I: Vào năm 2008, với mỗi đầu vé tham quan (75.000 đồng/vé nước ngoài và 35.000 đồng/vé người Việt), di tích nhận lại 1.000 đồng; Vào năm 2013, với mỗi vé tham quan (120.000 đồng /vé nước ngoài và 80.000 đồng đ/vé người Việt), di tích nhận lại 2.600 đồng/vé [Phụ lục 8, số 3]. Việc kịp thời điều chỉnh theo đề xuất của các bên liên quan trong công tác quản lý và khai thác di tích cho phép mối quan hệ công việc tại điểm di tích này giữ được tình trạng ổn định và đảm bảo lợi ích và mong muốn của hai bên luôn được thỏa mãn kịp thời. Đây là nền tảng quan trọng để xây dựng một mối quan hệ bình đẳng về mặt công việc.

4.1.2. Trạng thái cùng tồn tại

Đây là trạng thái phổ biến nhất trong mối quan hệ giữa bên QLDS và DL ở các di tích, điểm tham quan ở phố cổ Hội An. Mối quan hệ tồn tại song song hiện diện khi mỗi ngành nhận thức rõ ràng về vai trò đã được xác định sẵn của mình trong lĩnh vực du lịch văn hóa/di sản. Bên quản lý di sản thì chịu trách nhiệm cho việc quản lý và sở hữu di sản trong khi ngành du lịch thì có vai trò tiếp thị và phát triển sản phẩm du lịch văn hóa. Vì đã phân định rõ rệt như vậy nên có rất ít trao đổi qua lại giữa hai ngành với nhau.

Trạng thái này thường xuất hiện ở những điểm tham quan đã có thời gian phát triển lâu dài và ổn định. Trong trường hợp cần giao tiếp để giải quyết các vấn đề phát sinh, hai bên sẽ liên lạc với nhau bằng văn bản, hoặc các cuộc họp [104, tr. 544]. Những trao đổi qua lại giữa hai ngành này chủ yếu nhằm điều chỉnh lại những vấn đề phát sinh đi lệch ra khỏi các quy định và nguyên tắc đã được hai bên thống nhất thực hành từ trước. Nếu không có vấn đề nào phát sinh, hai bên sẽ vận hành riêng rẽ như đã được thiết lập sẵn trước đó. Một số trường hợp cụ thể dưới đây sẽ phản ánh rõ trạng thái này.

Trường hợp Minh Hương Tụ tiền đường: Minh Hương Tụ tiền đường là di tích đã được cấp bằng Di tích Lịch sử văn hóa quốc gia vào năm 1993, hiện là di tích sở hữu tập thể (cộng đồng người gốc Minh Hương).

Theo ông Tăng Xuyên, trưởng ban quản lý Minh Hương Tụ tiền đường thì việc biến di tích này thành một điểm tham quan là điều phù hợp với đời sống hiện đại, có lợi ích cho di tích (về mặt nguồn thu). Lượng khách tham quan di tích hàng ngày không đông nên không ảnh hưởng nhiều đến kết cấu vật chất của di tích. Du khách đến tham quan phần lớn có thái độ tôn trọng không gian thiêng của di tích nên hành xử đúng mực và tôn kính khiến cho những người quản lý di tích hài lòng. Đánh giá của Trưởng ban quản lý Tụ tiền đường Minh Hương dành cho nỗ lực và sự quan tâm của địa phương trong công tác phát triển du lịch và bảo tồn di tích nói chung, sự tôn trọng đối với các chủ sở hữu di tích nói riêng là tích cực.

Tại di tích này, mối quan hệ giữa chủ sở hữu di tích (Ban Quản lý di tích) với đơn vị quản lý, bảo tồn di tích (TT QLBT DSVH Hội An), với các đơn vị quản lý hoạt động du lịch (TT VH-TT Hội An, Phòng TM-DL Hội An) và với du khách khá ổn định và riêng biệt. Bên trực tiếp trông coi và quản lý di tích nhận thấy lợi ích của việc được trở thành một điểm tham quan (nguồn thu từ vé tham quan, hỗ trợ kinh phí từ nhà nước cho công tác tu bổ di tích) nên đánh giá cao những hoạt động của hai đơn vị này đã làm cho di tích bởi họ nhận thấy không có những nguy cơ gây hư hại đến kết cấu vật lý, không gian vật chất và cả không gian thiêng của di tích do lượng du khách thấp nhưng có thái độ tôn trọng di tích cao.

Với mong muốn thu hút thêm du khách đến tham quan, thu hút mối quan tâm của thế hệ trẻ trong cộng đồng người Minh Hương đến di tích nói riêng, lịch sử phát triển của cộng đồng người Minh Hương nói chung, Ban Quản lý di tích Tụ tiền đường Minh Hương cho rằng một số sáng kiến như việc các thành viên trong ban quản lý mặc áo dài khăn đóng truyền thống hàng ngày để tiếp du khách, hoặc dành một phần của di tích để lập ra một bảo tàng nhỏ về lịch sử và văn hóa người Minh Hương ở Việt Nam có thể có ích [Phụ lục 8, số 5]. Mặc dù không được các bên có liên quan (TT QLBT DSVH Hội An, TT VH-TT, UBND phường) ủng hộ nhưng thái độ của Ban quản lý di tích này đối với sự không ủng hộ này là tích cực, phản ánh mối quan hệ hòa bình và nhận thức rõ ràng về vai trò lẫn vị trí của các bên có liên quan trong quản lý và khai thác di tích này.

Trường hợp Quan Công miếu: Chùa Ông (Quan công miếu) hiện là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, xếp loại đặc biệt và là di tích công của thành phố Hội An. Tại trường hợp này, với đặc điểm là di tích loại đặc biệt và thuộc sở hữu của nhà nước, mối quan hệ giữa bên quản lý di tích (Chủ trì Chùa Ông và TT QLDSVH Hội An) với bên quản lý các hoạt động tham quan tại điểm di tích (TT VH-TT Hội An) là ôn hòa và độc lập. Hai bên xác định rất rõ phân trách nhiệm riêng biệt của mình: Chủ trì Chùa Ông chịu trách nhiệm coi sóc công việc hàng ngày của di tích (bảo vệ, tiếp khách, hương khói), Trung tâm chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện công tác bảo tồn di tích trong khi Phòng tham quan của TT VH-TT Hội An chịu trách nhiệm quản lý lượng vé tham quan, tài liệu thuyết minh về di tích và người thuyết minh tại di tích.

Trên thực tế, khuyến cáo về trang phục và hành xử phù hợp tại các điểm di tích tôn giáo đã được TT VH-TT Hội An phổ biến ở nhiều kênh (tài liệu, bảng biểu, thuyết minh di tích) nhưng vẫn có nhiều du khách (do thời tiết, thói quen) không lưu ý. Theo phản hồi của chủ trì Chùa Ông, phản ánh lại với Trung tâm là không cần thiết nữa bởi Trung tâm đã làm những gì phải làm, nếu muốn triệt để xử lý được vấn đề này thì tự các di tích phải có biện pháp cụ thể cho phù hợp, và trong trường hợp Chùa Ông thì chủ trì Chùa Ông đã chuẩn bị sẵn một vài bộ quần áo dài để du khách có thể khoác vào trước khi vào thắp hương trong Chùa.

Có thể thấy tại trường hợp Chùa Ông, giao tiếp giữa bên di tích với bên quản lý du lịch là khá hạn chế bởi hai bên đã xác lập rõ ràng ranh giới trách nhiệm giữa hai bên: Bên du lịch đưa du khách tới di tích, quản lý di tích mở cửa tiếp đón, cuối mỗi tháng di tích nộp cường vé cho TT VH-TT Hội An để nhận lại phần trích lại của di tích [Phụ lục 8, số 7].

Không chỉ là một điểm tham quan chính đối với mọi du khách khi đến Hội An, Chùa Ông hiện vẫn có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa và tâm linh của người dân địa phương, vì thế ngoài du khách, hàng ngày Chùa Ông cũng tiếp đón nhiều vị khách thông thường khác đến viếng chùa và thường xuyên nhận được đóng góp và công đức của các vị khách này; vì thế, nguồn thu từ vé tham quan không phải là nguồn thu duy nhất, du khách không phải là đối tượng để ý duy nhất

của di tích. Vì vậy, các hoạt động liên quan đến du lịch tại điểm di tích này không trở thành mối quan tâm lớn nhất và duy nhất của di tích. Trạng thái này khiến cho hai bên: bên quản lý di tích với bên quản lý hoạt động tham quan du lịch là khá hạn chế và đôi khi, đã bị cho là không cần thiết (như việc di tích tự xử lý vấn đề về phục trang của du khách vừa đề cập đến ở trên).

4.1.3. Trạng thái chưa hài lòng

Trạng thái chưa hài lòng trong mối quan hệ giữa bên QLDS và DL được biểu hiện bởi một số đặc điểm như sự can thiệp về mục tiêu của một bên có liên quan, sự hài lòng của các bên có liên quan kém dần hoặc thiếu hiểu biết giữa các bên có liên quan. Trạng thái chưa hài lòng có thể dẫn đến các trạng thái xung đột nếu xuất hiện tình trạng các hoạt động của một bên có liên quan gây ảnh hưởng đến mục tiêu hay sự thoải mái sử dụng di sản của bên kia [103, tr. 20]. Trạng thái chưa hài lòng có thể xuất hiện trong trường hợp lượng du khách ngày càng tăng tại làm giảm sự thoải mái của người đang sở hữu và sử dụng di tích (nhà cổ là một ví dụ) hay thay đổi kế hoạch quản lý của bên quản lý di sản gây ảnh hưởng đến mục tiêu (khách, vé tham quan) của bên du lịch (sửa chữa di tích mà không thông báo là một ví dụ). Ở phố cổ Hội An, trạng thái chưa hài lòng được thấy bộc lộ trong một số tình huống giao tiếp giữa bên quản lý di tích và bên du lịch ở các ngôi nhà cổ nằm trong danh sách tham quan như Tấn Ký, Phùng Hưng, Đức An,... Sự chưa hài lòng xảy đến trong những tình huống mà ở đó, hoặc bên quản lý di tích, hoặc bên du lịch, cảm thấy sự trao đổi giữa họ bị thay đổi theo hướng không như họ mong muốn.

Trường hợp Nhà cổ Đức An: Nhà cổ Đức An được xây dựng từ đầu thế kỷ XIX. Trải qua đợt tu bổ lớn trong hai năm 2008-2009, nhà cổ đã được khôi phục diện mạo và được đưa vào khai thác du lịch vào năm 2010. Hiện nay sinh sống tại nhà cổ là gia đình anh Phan Ngọc Trâm, là thế hệ thứ 6 từng sống tại ngôi nhà này. Nhà cổ Đức An ngoài giá trị là một ngôi nhà cổ tiêu biểu ở phố cổ Hội An còn là nơi đồng chí Cao Hồng Lãnh đã chủ trì cuộc họp thành lập Hội Việt Nam thanh niên cách mạng Hội An và sau đó, là nơi hội họp, liên lạc của Tỉnh ủy Quảng Nam. Với hai giá trị lớn như vậy, địa phương đã quyết định đầu tư nguồn kinh phí lớn

hơn 1 tỉ đồng nhằm tu bổ di tích và đưa vào danh sách các điểm tham quan của phố cổ Hội An [Phụ lục 8, số 8].

Trao đổi về quá trình tu bổ và khai thác du lịch ngôi nhà cổ này, chủ sở hữu di tích bộc lộ một vài tình huống chưa hài lòng dưới đây mà ông gặp phải trong tương tác với các hoạt động du lịch và quản lý nhà nước về di sản tại điểm tham quan này.

Việc thuyết minh tại các điểm tham quan, kể cả các điểm tham quan thuộc sở hữu tư nhân như trường hợp nhà cổ Đức An này vẫn là phần việc của các hướng dẫn viên thuộc TT VH-TT Hội An hoặc các công ty lữ hành. Theo quan điểm của chủ sở hữu nhà cổ Đức An, việc thuyết minh là một công việc quan trọng, ảnh hưởng đến thái độ của du khách đối với giá trị của ngôi nhà cổ này. Thuyết minh tốt, đầy đủ với thông tin chính xác sẽ giúp du khách có hiểu biết sâu hơn, có thái độ trân trọng di tích hơn và có thể khiến họ quay lại lần sau để tham quan, tuy nhiên, cũng theo phản ánh của ông, phần lớn các thuyết minh hiện nay (cả công lẫn tư) đều thuyết minh sơ sài và qua loa (dưới 15 phút) và chỉ có một số rất ít thuyết minh viên giới thiệu với khách về di tích với thời lượng từ 30-60 phút. Năng lực và thái độ của thuyết minh viên không làm hài lòng chủ sở hữu di tích bởi theo ông, giá trị và sự đặc sắc của các di tích cần được thuyết minh kỹ lưỡng hơn [Phụ lục 8, số 8].

Một điểm khác cũng đã khiến chủ sở hữu di tích thấy không hài lòng là việc nhiều đoàn tham quan đến di tích vào buổi trưa, thời điểm mà các thành viên trong gia đình nghỉ trưa và cần sự riêng tư và yên tĩnh. Theo ý kiến của chủ sở hữu di tích, hướng dẫn viên các đoàn tham quan nên sắp xếp lịch tham quan cho phù hợp hơn với đặc điểm đặc biệt của các di tích sở hữu tư nhân hiện đang có các hộ gia đình sinh sống, tránh đến vào những thời điểm ảnh hưởng đến sinh hoạt của họ vào giờ ăn hoặc giờ nghỉ bởi nếu kéo dài việc này sẽ khiến chủ sở hữu không thoải mái.

Trường hợp Hội quán Phúc Kiến: Được đánh giá là hội quán to và đẹp nhất trong số 3 hội quán (Triều Châu, Phúc Kiến, Quảng Triệu) ở phố cổ Hội An, Hội quán Phúc Kiến được xây dựng vào năm 1697, là nơi thờ thần, thờ các vị tiền hiền và nơi hội họp của cộng đồng người gốc Phúc Kiến ở Hội An. Năm 1990, Hội quán Phúc Kiến được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

Từ nhiều năm nay, Hội quán là điểm phải đến của hầu hết các du khách trong và ngoài nước mỗi khi đến Hội An. Lượng khách trung bình đến tham quan di tích này dao động từ 300-500 người (Việt Nam và quốc tế) mỗi ngày. Vào mùa cao điểm, lượng khách có thể lên tới 1.000 - 1.500 người/ngày [Phụ lục 8, số 9]. Mỗi vé tham quan, Hội quán nhận lại 3.992 đồng (mở cửa 11 tiếng/ngày), một lượng trích lại mỗi đầu vé lớn nhất trong toàn bộ các điểm tham quan thuộc hệ thống tham quan phố cổ. Nguồn thu của Hội quán từ vé tham quan trong nhiều năm đủ để chi trả cho toàn bộ hoạt động quản lý và sửa chữa thường xuyên của di tích. Vì thế, thái độ của Ban Trị sự của Hội quán Phúc Kiến đối với du lịch nói chung, du khách nói riêng là sự tôn trọng dành cho đối tác cùng có lợi. Vì thái độ tôn trọng đó nên những người trực tiếp quản lý di tích này khá năng động trong việc có các biện pháp đối phó với những nguy cơ mà lượng khách đông có thể mang tới cho di tích như việc thấp hương nhiều, hút thuốc lá,... Tuy nhiên, trao đổi với Trưởng ban Trị sự Hội quán Phúc Kiến cho thấy một tình huống không hài lòng của bên quản lý di tích đã được bộc lộ do một thay đổi về quản lý của bên du lịch từ năm 2012.

Những năm trước, bến xe chính của Hội An nằm ở cuối đường Trần Hưng Đạo (đường ra biển Cửa Đại). Du khách thường từ bến xe đi theo đường Hoàng Diệu, vòng lên trục đường chính là Trần Phú để đi vào vùng lõi của phố cổ. Với phân luồng du khách này, Hội quán Phúc Kiến nằm ngay vị trí đầu tiên mà du khách sẽ ghé thăm. Các di tích khác như Tụ tiền đường Minh Hương, Hội quán Triều Châu cũng đã thường xuyên có lượng khách tham quan lớn. Tuy nhiên, từ năm 2012, do lượng khách lớn, xe đổ về nhiều nên thành phố quyết định di dời bến xe sang vị trí mới hiện nay là khu vực Quảng trường sông Hoài, từ đây du khách sẽ đi theo tuyến đường Nguyễn Thị Minh Khai, qua chùa Cầu, đến Hội quán Quảng Triệu và đi vào vùng lõi phố cổ. Với hướng di chuyển mới này của du khách, Hội quán Phúc Kiến, Triều Châu, Tụ tiền đường Minh Hương gặp tình trạng suy giảm lượng khách. Đường Nguyễn Duy Hiệu đột ngột trở thành tuyến đường “chết” với sự đóng cửa của một loạt nhà hàng, khách sạn. Theo quan điểm của người quản lý trực tiếp di tích, sự thay đổi về phân luồng khách này đã đưa đến sự thay đổi không mong muốn, lượng khách tham quan giảm, và về lâu dài nếu không điều chỉnh sẽ

đưa đến sự trách cứ hay khó chịu của di tích đối với bên quản lý du lịch [Phụ lục 8, số 9]. Đề xuất của bên trực tiếp quản lý di tích này là địa phương có thể chia luồng khách thành hai hướng, hướng từ bên xe cũ đi lên và hướng từ bên xe mới đi xuống nhằm phân bổ hợp lý lượng khách đồng đều hơn cho các di tích.

Có thể thấy rằng những tình huống chưa hài lòng bộc lộ ở hai điểm di tích trên đây chỉ mang tính chất nhỏ, cục bộ và tạm thời và không phải là trạng thái bao trùm toàn bộ mối quan hệ giữa chủ sở hữu di tích/quản lý trực tiếp di tích với bên du lịch. Những tình huống này có thể được giải quyết nhanh chóng bởi sự va chạm lợi ích giữa hai bên chưa thực sự lớn và có khả năng lấn át toàn bộ mối quan hệ ở hai điểm tham quan này.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng mối quan hệ giữa hai chủ thể này khi sử dụng và khai thác chung một đối tượng (di sản văn hóa) nếu muốn đạt được trạng thái *cùng tồn tại*, chứ chưa đề cập đến trạng thái *hợp tác*, cần hết sức tránh các tình huống mà hành động của một bên tham gia có thể gây ảnh hưởng đến lợi ích, mục tiêu hoặc mong muốn của bên kia. Nếu đánh giá thấp tác động của những tình huống đơn lẻ trên, hoặc để chúng kéo dài, dần sẽ đẩy mối quan hệ giữa bên quản lý trực tiếp di tích với bên quản lý hoạt động tham quan sang trạng thái *xung đột nhẹ*.

4.1.4. Trạng thái hợp tác

Theo McKercher, Ho, & du Cros [104, tr. 545], hợp tác thực sự hiếm và thường xảy ra trong các trường hợp điểm tham quan được xây dựng có chủ đích với mục tiêu chính là cung cấp trải nghiệm có chất lượng cho du khách với phương thức tôn trọng văn hóa như bảo tàng, các phòng triển lãm nghệ thuật, các công viên di sản, công viên giải trí theo chủ đề hoặc các chương trình trải nghiệm văn hóa chuyên biệt có chủ đích. Sự cộng tác giữa bên quản lý di sản và bên du lịch để đạt được ở những công trình có chủ đích sẵn như vậy là do ba yếu tố chính quyết định: số lượng các bên có liên quan có thể cạnh tranh với nhau bị hạn chế; mục tiêu quản lý được thống nhất đặt ra ngay từ giai đoạn đầu hình thành các điểm này; và một hệ thống quản lý rõ ràng nhằm bảo đảm mục tiêu của cả hai bên du lịch và di sản có thể đạt được một cách cân bằng [103, tr. 17]. Nói như vậy không có nghĩa là cộng tác thực sự không thể diễn ra tại các điểm tham quan không có chủ đích thiết lập

sẵn từ ban đầu, mà trái lại, trạng thái này có thể xảy ra nếu hai bên có liên quan chính thống nhất về vị thế của mình trong mối quan hệ này và sẵn lòng điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu, mục tiêu quản lý đã được thống nhất mỗi khi có thay đổi.

Ở phố cổ Hội An, trạng thái này mặc dù không tồn tại ở cấp độ mối quan hệ giữa hai đơn vị quản lý cấp ngành của thành phố, nhưng lại thấy hiện diện ở một số điểm tham quan được thiết lập có chủ đích như Bảo tàng gốm sứ mật dịch Hội An, Bảo tàng Lịch sử - Văn hóa Hội An, Bảo tàng Văn hóa dân gian, Bảo tàng văn hóa Sa Huỳnh, Nhà biểu diễn Nghệ thuật cổ truyền Hội An, Xưởng Sản xuất thủ công mỹ nghệ Hội An. Năm trong số 6 công trình này đều được thiết kế trên nền tảng là chuyển đổi chức năng của các ngôi nhà cổ thuộc sở hữu nhà nước, ví dụ như nhà số 80 Trần Phú (Bảo tàng Gốm sứ mật dịch), Nhà cổ Phi Yến số 9 Nguyễn Thái Học (Xưởng Sản xuất thủ công mỹ nghệ Hội An),... Bảo tàng Lịch sử Văn hóa Hội An được hình thành trên khuôn viên của Chùa Phật Minh Hương (số 7 Nguyễn Huệ).

Ở phần lớn các công trình này, ngoại trừ Xưởng Sản xuất thủ công mỹ nghệ Hội An và Nhà biểu diễn Nghệ thuật truyền thống Hội An, số lượng các bên có liên quan đã được hạn chế tối đa do đặc điểm chung của các công trình này là thuộc sở hữu nhà nước: Trung tâm QLBT DSVH Hội An là đơn vị chịu trách nhiệm cho công tác quản lý, trưng bày và tu sửa vật chất cho di còn Trung tâm Văn hóa - Thông tin Hội An là đơn vị chịu trách nhiệm khai thác và quảng bá du lịch cho các công trình này. Điểm chung của các công trình này là được hình thành với mục đích ban đầu rất rõ rệt: cung cấp thông tin chuyên sâu, trải nghiệm đặc biệt cho du khách về các giá trị văn hóa của điểm đến là phố cổ Hội An (lịch sử, giá trị văn hóa, nghệ thuật, thủ công mỹ nghệ,...). Với mục đích được định sẵn như vậy, các bảo tàng hay nhà biểu diễn trên được hình thành và thiết kế theo cách thức thân thiện và dễ tiếp cận cho du khách trong và ngoài nước, giúp du khách có cơ hội được trực tiếp quan sát, trải nghiệm hoặc tương tác với các sinh hoạt văn hóa sống động của địa phương như xem nghệ thuật biểu diễn truyền thống như bài chòi, bả trạo, nhạc cụ dân tộc, dân ca ở Nhà biểu diễn nghệ thuật truyền thống Hội An hay trực tiếp tham gia vào quá trình tạo tác các sản phẩm thủ công mỹ nghệ như làm đèn lồng, làm đồ gốm, đan lát,... ở Xưởng Sản xuất thủ công mỹ nghệ Hội An [Phụ lục 8, số 10, 15].

Sự cộng tác giữa bên quản lý di sản và bên khai thác và phát triển du lịch đã được thiết lập trong suốt quá trình hình thành và vận hành các công trình này, đặc biệt là ở bốn bảo tàng của Hội An. Trong mối quan hệ này, TT QLBT DSVH Hội An đóng vai trò quan trọng trong giai đoạn thiết kế và lập kế hoạch, cung cấp thông tin chuyên sâu cho Trung tâm Văn hóa – Thể thao trong quảng bá và thuyết minh điểm tham quan [Phụ lục 8, số 18]. Ở đây, sự cộng tác giữa hai bên thực sự mang lại lợi ích cho cả bên du lịch lẫn bên quản lý di sản: Bên quản lý di sản, di tích Hội An nhận được lợi ích kép khi nguồn thu từ khách tham quan hỗ trợ lớn cho công tác tu bổ sửa chữa di tích và đồng thời là phương tiện chuyển tải một cách chính xác các thông điệp về văn hóa mà đơn vị này muốn đưa tới cho du khách thông qua hoạt động trưng bày tại các bảo tàng; bên quản lý hoạt động tham quan thì có nguồn thu từ vé tham quan (thay vì trường hợp các công trình này bị mang ra cho thuê với các mục đích kinh doanh tư nhân). Một điểm khác cũng cần lưu ý trong mối quan hệ giữa bên QLDS và DL ở trường hợp các công trình này là ưu thế của bên quản lý di sản được ngầm thống nhất vượt lên so với bên quản lý hoạt động du lịch, mặc dù cả du lịch lẫn quản lý di sản đều là hai đơn vị có quyền sử dụng các công trình này, bởi sự vững bền của di tích và mục đích chuyển tải thông điệp văn hóa chân xác và sâu sắc tới mọi du khách được coi là ưu tiên trong việc hình thành và khai thác các điểm tham quan này [Phụ lục 8, số 4, 18]. Với sự thống nhất này, những biện pháp thúc đẩy quảng bá, tiêu thụ sản phẩm du lịch tại các điểm tham quan này có thể được triển khai, miễn chúng không can thiệp và làm biến đổi mục tiêu gốc ban đầu khi hình thành các điểm này là mục đích về bảo tồn các ngôi nhà cổ mà các bảo tàng đang sử dụng và nội dung của các thông điệp (thông qua cách trưng bày và các đồ trưng bày trong bảo tàng) mà bên quản lý di sản muốn chuyển tải tới du khách.

Như vậy, bốn trạng thái của mối quan hệ giữa QLDS và DL đã được tìm thấy ở một số công trình di tích, điểm tham quan của phố cổ Hội An, cụ thể gồm có: *hợp tác khiên cưỡng, cùng tồn tại, chưa hài lòng và hợp tác*. Trạng thái *hợp tác* được nhận thấy hiện diện ở các công trình sở hữu công và có số lượng các bên có liên quan thấp nhất là các bảo tàng, Xưởng sản xuất thủ công mỹ nghệ và Nhà biểu diễn nghệ thuật truyền thống trong khi các trạng thái khác (*hợp tác khiên cưỡng, cùng*

tồn tại, chưa hài lòng) chủ yếu được tìm thấy ở các công trình hoặc di tích thuộc sở hữu tư nhân, sở hữu tập thể (nhà thờ tộc Trần, nhà cổ Đức An, Minh Hương tụy tiền đường, hội quán Phúc Kiến,...). Như đã từng đề cập, Hội An là một điểm đến khá trưởng thành về mặt khai thác di sản để phát triển du lịch (trên 15 năm), vì thế nên một số trạng thái trong mối quan hệ giữa bên quản lý di sản và phát triển du lịch của các điểm tham quan ở đây đã đi vào ổn định như trạng thái *hợp tác khiên cưỡng, cùng tồn tại* hay *hợp tác*. Trạng thái *chưa hài lòng* trong mối quan hệ này được nhận thấy là tại thời điểm tác giả thực hiện nghiên cứu điền dã (vào tháng 6/2013) thông qua chỉ báo là một số tình huống hay sự việc phản ánh thái độ khó chịu, chưa vừa lòng và cần điều chỉnh mà chưa được điều chỉnh của người quản lý/sở hữu trực tiếp di sản (trường hợp nhà cổ Đức An) đối với các hoạt động du lịch tại điểm đó. Trạng thái này có thể thay đổi sau thời gian đó theo hai hướng: chuyển thành trạng thái *xung đột* nếu những khó chịu đó kéo dài mà không được giải quyết hay điều chỉnh hoặc chuyển sang trạng thái tích cực hơn là *cùng tồn tại* hoặc là cơ hội để hai bên đi đến một mối quan hệ hợp tác nếu những điều chưa hài lòng đó được tích cực giải quyết với sự nhiệt thành và sẵn lòng vì lợi ích chung của cả hai bên.

4.2. Các yếu tố tác động đến mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và du lịch

Sự ổn định của một số trạng thái trong mối quan hệ giữa QLDS và DL ở Hội An có thể thay đổi nhanh chóng nếu xuất hiện những nhân tố mới như lượng du khách đột ngột tăng, sự xuất hiện của một bên có liên quan mới, sự thay đổi cân bằng quyền lực trong quản lý và khai thác di sản, can thiệp của nhà nước do thay đổi trong quản lý hoặc định hướng phát triển cả ở hai mảng du lịch và di sản,... Phần này đề cập đến một số yếu tố tác động đến sự hình thành và biến đổi các trạng thái trong mối quan hệ giữa QLDS và PTDL ở các điểm tham quan/công trình di sản ở phố cổ Hội An.

4.2.1. Sự đa dạng của các bên có liên quan

Xung đột, bất tương thích tỉ lệ thuận với số lượng các bên liên quan: càng nhiều bên liên quan với các giá trị và quan điểm khác nhau thì càng có nguy cơ đưa mối quan hệ đến trạng thái bất tương thích hoặc xung đột. Tuy nhiên, cũng có nhiều

trường hợp xung đột không xảy ra ở các công trình có nhiều bên liên quan do chỉ có một phần nhỏ trong số đó là những bên có liên quan chính, có tiếng nói quyết định đến hoạt động của công trình đó. Mỗi một công trình, một di tích hay một điểm tham quan ở Hội An có các bên liên quan khác nhau và số lượng các bên có liên quan tăng hay giảm tùy thuộc vào đặc điểm của di sản đó là công hay tự, lớn hay nhỏ, vật thể hay phi vật thể,...

Các bên liên quan tới hoạt động quản lý và khai thác di sản, phát triển du lịch ở Hội An có thể được nhóm thành 3 nhóm: công, tư và dân sự. Xác định được các bên liên quan và mục đích của từng bên khi tham gia vào công tác này là bước quan trọng để có thể đạt được trạng thái tích cực trong quan hệ giữa mảng QLDS và DL ở mỗi điểm đó.

Các bên liên quan thuộc khu vực nhà nước bao gồm: UBND các phường/xã, TT QLBT DSVH Hội An, Phòng Thương mại - Du lịch, Trung tâm Văn hóa – Thể thao, Đội kiểm tra quy tắc. Khu vực tư gồm có chủ sở hữu di tích, các doanh nghiệp lữ hành, doanh nghiệp thương mại và dịch vụ du lịch (nhà hàng, khách sạn, cửa hàng bán đồ lưu niệm,...), người buôn bán nhỏ.

Khu vực dân sự gồm có: các tổ chức phi chính phủ, các hiệp hội (Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội người cao tuổi, Hội khuyến học,...), du khách, người dân địa phương, thợ thủ công, nghệ nhân,... Các bên liên quan thuộc khu vực dân sự có thể có ít mối liên hệ trực tiếp với công tác quản lý, khai thác của các di tích của địa phương nhưng trên thực tế đã và đang đóng góp một phần lớn hỗ trợ cho hoạt động của các cơ quan nhà nước, ví dụ như sự tham gia của Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ trong các hoạt động tình nguyện giữ gìn môi trường, hỗ trợ du khách, là nguồn nhân lực kế tục, giữ gìn và phát huy các loại hình văn hóa phi vật thể quan trọng như thủ công mỹ nghệ và nghệ thuật biểu diễn của địa phương; hay lực lượng cộng tác viên giám sát các hoạt động cải tạo sửa chữa các công trình kiến trúc cổ trong phố cổ cho Trung tâm QLBT DSVH Hội An [Phụ lục 8, số 9].

Sự đa dạng của các bên có liên quan ở phố cổ Hội An nói chung và ở các di tích cụ thể của Hội An nói riêng ảnh hưởng lớn đến sự hình thành các trạng thái trong mối quan hệ giữa hai bên QLDS và PTDL. Như phần trên đã trình bày, trạng

thái hợp tác thấy xuất hiện chủ yếu ở các điểm tham quan là di tích thuộc sở hữu nhà nước, có số lượng các bên tham gia chính và trực tiếp rất hạn chế là Trung tâm QLBT DSVH Hội An và Trung tâm Văn hóa - Thể thao Hội An. Hai đơn vị này phụ trách hai mảng chuyên biệt: quản lý và bảo tồn di tích và quản lý các hoạt động tham quan tại di tích.

Ở một số công trình thuộc sở hữu tư nhân hoặc tập thể, ngoài hai đơn vị quản lý cấp ngành trên còn có chủ sở hữu di tích (các nhà cổ tư nhân, các hội quán), người trực tiếp coi sóc truyền thống di tích (Chùa Ông), nghệ nhân, thợ thủ công (Xưởng Sản xuất thủ công mỹ nghệ Hội An), người biểu diễn nghệ thuật truyền thống (Nhà biểu diễn Nghệ thuật truyền thống Hội An),... Du khách và thuyết minh viên cũng là những bên liên quan quan trọng trong mọi trường hợp điểm tham quan. Sự tương tác của các bên liên quan trong mỗi trường hợp điểm tham quan khác nhau và vì thế, việc tồn tại các trạng thái khác nhau trong mối quan hệ giữa hoạt động quản lý và hoạt động khai thác du lịch là điều hiển nhiên.

Các trạng thái quan hệ tích cực tồn tại và ổn định khi di tích giữ được sự cân bằng quyền lực và lợi ích đã được thống nhất; tuy nhiên, mối quan hệ này có thể đi theo xu hướng xấu (dịch chuyển dần sang đầu tiêu cực của trục xung đột – hợp tác) nếu một bên liên quan phá vỡ thể cân bằng này khi tuyên bố lợi ích lớn hơn lợi ích đã thống nhất và gây ảnh hưởng đến lợi ích của một hoặc các bên khác mà không được các bên này chấp thuận điều chỉnh trong nội bộ các bên có liên quan chính; hoặc một bên liên quan mới xuất hiện tuyên bố đòi quyền lợi.

4.2.2. Sự đa dạng của di sản văn hóa

Chương 1 của luận án đã cung cấp thông tin về các loại hình di sản văn hóa hiện có ở Hội An. Các di sản này được nhóm lại dưới hai hệ thống: 1) Di sản văn hóa vật thể gồm các công trình kiến trúc như đình, đền, chùa, hội quán, nhà thờ họ, nhà nguyện, nhà ở, miếu, mộ, giếng, cầu và các công trình văn hóa khác; và 2) Di sản văn hóa phi vật thể gồm có lễ hội, tập quán, nghề thủ công, nghệ thuật truyền thống, ẩm thực, lối sống của người dân... Có thể nói, so với các điểm di sản khác trên cả nước, Hội An sở hữu vượt trội về số lượng và loại hình các di sản văn hóa. Sự đa dạng của di sản văn hóa ở Hội An thể hiện ở sự đa dạng và phong phú về loại

hình, giá trị bảo tồn, quyền sở hữu, niên đại, quy mô, độ bền, tiềm năng khai thác du lịch và mức tiêu thụ du lịch. Riêng về giá trị bảo tồn, di sản văn hóa vật thể ở Hội An được phân thành 5 loại: Loại đặc biệt, loại I, loại II, loại III và loại IV.

Phần lớn các công trình này đang được quản lý và bảo tồn nguyên trạng về chức năng, nhưng cũng có những công trình đã được thay đổi chức năng như việc một số nhà cổ được chuyển thành bảo tàng, trung tâm biểu diễn nghệ thuật, hay cho thuê làm nhà hàng, khách sạn, cửa hàng bán lẻ,...; và vì thế, các biện pháp quản lý và bảo tồn đối với những công trình này cũng phải được thay đổi cho phù hợp.

Nếu phân theo hình thức sở hữu, Hội An hiện có 205 công trình kiến trúc thuộc sở hữu nhà nước (đình, đền, chùa, lăng, miếu, cầu,...), chiếm 16,4%, 120 công trình thuộc sở hữu tập thể (Nhà thờ họ, hội quán,...), chiếm 9,6% và 929 công trình công trình thuộc sở hữu tư nhân, chiếm 74,1% [80, Phụ lục]. Hiện ở Hội An có 98 di tích – danh thắng được đưa vào danh sách bảo vệ đặc biệt của tỉnh Quảng Nam và 21 di tích đã được cấp bằng di tích lịch sử văn hóa quốc gia [74].

Hệ thống các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể ở Hội An là đa dạng và phong phú không chỉ ở giá trị bảo tồn, hình thức sở hữu mà còn ở nhiều mặt khác, trong đó đặc biệt phải nhấn mạnh đến sự đa dạng về nhóm các bên có liên quan hay những đối tượng có lợi ích và giá trị riêng gắn kết với từng di sản đó. Với Hội quán Phúc Kiến, các bên có liên quan chính bao gồm Ban trị sự hội quán, Trung tâm QLBT DSVH Hội An, Trung tâm VH-TT Hội An và du khách. Với nhà cổ Đức An, các bên có liên quan chính bao gồm chủ sở hữu nhà cổ và các thành viên trong gia đình, Trung tâm QLBT DSVH Hội An, Trung tâm VH-TT Hội An và du khách, thuyết minh viên,...

Thông thường, các bên liên quan ở các di tích có đặc điểm sở hữu khác nhau thì khác nhau: Các di tích công thường có số lượng các bên có liên quan ít hơn các di tích tư hoặc sở hữu tập thể. Các di tích có giá trị di sản cao và đặc biệt có số lượng các bên có liên quan lớn hơn so với các di tích có giá trị bảo tồn thấp hơn: di tích đã được cấp bằng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia, di tích cần được bảo vệ hay di tích loại đặc biệt, loại I thường có số lượng các bên có liên quan chính mở rộng lên đến cấp tỉnh Quảng Nam hoặc cấp Bộ (với các di tích cấp quốc gia)

như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Nam, Cục Di sản văn hóa,... Sự khác biệt về nhóm các bên có liên quan đưa đến sự khác biệt trong trạng thái giữa bên quản lý di sản và bên du lịch.

Độ bền, sức hút du lịch, mức độ tiêu thụ du lịch ở mỗi di tích, di sản ở Hội An cũng khác nhau, và vì thế, có thể đưa đến sự khác biệt trong trạng thái của mỗi quan hệ giữa hai mảng QLDS và PTDL này. Trong các công trình kiến trúc cổ của Hội An, các công trình kiến trúc gỗ là những công trình có giá trị đặc biệt quan trọng và có nguy cơ bị hư hại lớn do các nguyên nhân như mối mọt, hỏa hoạn, việc sử dụng của người dân, sự tham quan của du khách hơn so với các công trình kiến trúc hay di tích khác, đòi hỏi mức độ quan tâm lớn của địa phương. Đây cũng chính là một trong những yếu tố để xây dựng lên định mức thanh toán ô vé cho các di tích trong tuyến tham quan khu phố cổ Hội An.

Bảng 4.1. Định mức thanh toán ô vé cho các di tích trong tuyến tham quan khu phố cổ Hội An (2012)

Số TT	Tên di tích	Thời gian mở cửa	Định mức thanh toán (11 tiếng)*	Định mức thanh toán (14 tiếng)**
1	Hội quán Phúc Kiến	07:00 – 18:00	3992	4396
2	Hội quán Quảng Đông	07:00 – 18:00	3327	3663
3	Hội quán Triều Châu	07:00 – 18:00	3327	3663
4	Nhà cổ Tấn Ký	07:00 – 18:00	3327	3663
	Nhà cổ Tấn Ký (Nghỉ trưa 1,5 tiếng)	07:00 – 12:00 13:30 – 18:00	2873	3270
5	Nhà cổ Phùng Hưng	07:00 – 18:00	2661	2825
6	Nhà cổ Quân Thắng	07:00 – 18:00	2661	2930
7	Nhà thờ tộc Trần	07:00 – 18:00	2661	2930
8	Xưởng SXTCMN-Nhà biểu diễn	07:00 – 18:00	3327	3663
9	Tụy Tiên đường Minh Hương	07:00 – 21:00	3327	3663
10	Đình Cẩm Phô	07:00 – 21:00	3327	3663
11	07 di tích nhà nước	07:00 – 21:00	3327	3663
12	Thêu XQ	07:00 – 21:00	2772	3053
13	Mộ Nhật	07:00 – 18:00	2772	

Ghi chú: (*): 07:00 – 18:00; (**): 07:00 – 21:00

Nguồn: [82]

Ở điểm đến Hội An, chùa Cầu, các ngôi nhà cổ (Tấn Ký, Phùng Hưng, Quân Thắng), hội quán (Phúc Kiến, Quảng Triệu, Triều Châu), các bảo tàng là những

điểm tham quan hút khách, điểm đến không thể bỏ qua của mỗi du khách khi tới Hội An, bởi sau nhiều năm phát, các địa điểm này, cùng với lối sống thanh bình, sâu sắc của người dân Hội An, đã trở thành thương hiệu của điểm đến này. Điều này có nghĩa rằng những điểm tham quan này có lượng khách tham quan đông hơn so với các điểm khác. Mức độ tiêu thụ du lịch ở các loại di tích cũng khác nhau. Ví dụ như trường hợp hội quán Phúc Kiến, theo thông tin từ Ban trị sự của hội quán, trung bình mỗi ngày hội quán tiếp nhận từ 300 đến 500 khách tham quan, vào mùa cao điểm, lượng khách mỗi ngày có thể lên tới con số 1000-1500 khách [Phụ lục 8, số 9]; nhà cổ Đức An trong năm 2011, trung bình mỗi ngày tiếp nhận khoảng 200 người, đến năm 2012 thì con số này tăng lên gần 300 [Phụ lục 8, số 8]. Theo quan sát của nghiên cứu sinh, lượng khách tham quan tại một số điểm khác như các bảo tàng, giếng cổ, mộ Nhật lại ít hơn nhiều.

Sự đa dạng và phong phú của hệ thống các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể ở Hội An thực sự là một lợi thế, bởi đây chính là nguồn tài nguyên để phát triển du lịch địa phương; đồng thời cũng tạo ra sự năng động trong mối quan hệ giữa hai đối tác này. Các loại hình di sản khác nhau với sự khác nhau về quy mô, độ bền, sức hút thị trường du lịch, nhu cầu về khai thác du lịch,... đồng nghĩa với sự tương tác khác nhau của các nhóm các bên liên quan hay của những người có lợi ích liên quan, từ đó dẫn đến sự hình thành các trạng thái khác nhau trong mối quan hệ này ở mỗi di tích.

4.2.3. Cân bằng giữa bảo tồn và phát triển du lịch

Du lịch và quản lý di sản văn hóa cùng tồn tại trong một bối cảnh mà ở đó, các chính sách và định hướng của Nhà nước khẳng định rằng đối với di sản, phải có nghĩa vụ bảo tồn, đối với du lịch, phải nỗ lực phát triển [104, tr. 542]. Sự hợp tác chỉ có thể diễn ra nếu các bên liên quan đồng thuận về quyền lợi của các bên đối với di sản và thống nhất về phương thức hoạt động tại di sản đó. Sự cân bằng giữa mục tiêu bảo tồn di sản với phát triển kinh tế du lịch ở mỗi điểm di sản là sự cân bằng được thống nhất, có nghĩa là ở từng trường hợp cụ thể, bảo tồn di sản có thể được chú trọng đề cao hơn so với phát triển kinh tế du lịch hoặc ngược lại.

Vấn đề then chốt nằm ở chỗ cả hai bên phải tuân thủ theo nguyên tắc hoặc định hướng đã được thống nhất để từ đó có được cách thức quản lý phù hợp với nguyên tắc đó: ưu tiên bảo tồn giá trị di sản hay ưu tiên phát triển kinh tế du lịch. Xung đột hoặc các trạng thái tiêu cực không mong muốn trong mối quan hệ này có thể xảy đến nếu bên quản lý di sản hoặc bên du lịch đột nhiên mở rộng quyền lực đã được thống nhất của mình, làm giảm quyền lực của bên kia đối với di sản, dẫn đến sự bất đồng, khó chịu và thậm chí là xung đột và bất hợp tác.

Lịch sử phát triển ngành du lịch văn hóa cho thấy nhiều trường hợp, như ở các điểm đến mới được khai thác, hoặc có khó khăn về kinh tế, thường dành ưu thế cho bên du lịch nhằm phát triển hoặc thúc đẩy kinh tế địa phương; trong khi đó, ở những điểm đến đã trưởng thành, hoặc ở những nơi mà cộng đồng lấn chính quyền có nhận thức sâu sắc về vai trò quan trọng của các giá trị văn hóa gốc của di sản, vai trò và quyền lực của du lịch luôn được đặt dưới nhiệm vụ bảo vệ di sản. Trạng thái ổn định, hòa bình hoặc hợp tác sẽ hiện diện nếu các bên có liên quan thống nhất hoạt động theo nguyên tắc ưu tiên có hạn chế, tức là bên quản lý di sản có thể có ưu thế hơn so với bên du lịch, nhưng cần tránh tình trạng các nhà quản lý, bảo tồn di sản và cộng đồng trở nên quá ám ảnh và nghi kỵ đối với sự khai thác du lịch hoặc bên du lịch cũng có thể có ưu thế hơn với điều kiện họ cần nâng cao hiểu biết về tác động của các hoạt động du lịch đối với di sản và tầm quan trọng của các giá trị thực sự của di sản đối với sự phát triển bền vững của ngành mình.

Ở Hội An, quan điểm chỉ đạo chung của thành phố Hội An được thể hiện rõ trong các quy hoạch tổng thể và trong các văn kiện pháp lý như quy định, quy chế, hướng dẫn,... Quan điểm định hướng và các quy định pháp lý cụ thể này chi phối toàn bộ hoạt động liên quan tới quản lý, bảo tồn, khai thác du lịch các di tích và các giá trị văn hóa phi vật thể trong phạm vi phố cổ. So với địa phương khác trong cả nước, Hội An là địa phương có các công cụ quản lý và khai thác di sản đầy đủ hơn cả (quan điểm quản lý, văn bản pháp lý, biện pháp can thiệp nhà nước, hệ thống quản lý). Trước khi được công nhận là Di sản văn hóa Thế giới của UNESCO năm 1999, Hội An đã có một *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch thị xã Hội An 1995-2010* [123], trong đó làm rõ các quan điểm sau: Biến du lịch thành một trong những

ngành chính của thành phố, tận dụng lợi thế của các giá trị văn hóa, nghệ thuật, lịch sử và kiến trúc của các công trình cổ, tuy nhiên, phát triển du lịch phải đảm bảo việc bảo vệ tốt đô thị cổ, di sản văn hóa, cảnh quan,... Đây là giai đoạn đầu khi địa phương nhận ra tiềm năng du lịch của phố cổ Hội An, nhưng không như nhiều điểm di sản khác ở Việt Nam và trên thế giới, chính quyền địa phương đã nhận thức rất rõ việc khai thác và phát triển du lịch là cần thiết, nhưng không được coi nhẹ tầm quan trọng của việc bảo tồn các giá trị di sản. Du lịch là một công cụ hỗ trợ cho công tác bảo tồn di sản. Quan điểm này sau đó được thể hiện cụ thể ở một loạt các văn bản pháp lý liên quan của địa phương.

Theo *Quy chế Quản lý, bảo tồn và sử dụng di tích khu phố cổ Hội An do UBND Thị xã Hội An ban hành ngày 10/11/2006*, nguyên tắc bảo tồn và sử dụng di tích khu phố cổ Hội An nhấn mạnh việc bảo tồn khu phố cổ không chỉ nhằm bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa mà còn nhằm khai thác, phát huy những thế mạnh, kinh nghiệm truyền thống cho mục tiêu phát triển kinh tế của địa phương và việc phát huy, khai thác tái sử dụng di tích phải gắn với mục tiêu bảo tồn di sản văn hóa; không vì phát triển kinh tế du lịch mà làm tổn hại đến di sản văn hóa. Bên cạnh đó, việc Thành phố đưa ra nhiều văn bản pháp lý cấp địa phương (*Quy chế Quản lý hoạt động tham quan du lịch trên địa bàn thị xã Hội An (2007)*, *Quy chế Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thương mại trong khu phố cổ Hội An (2007)*, *Quy chế quản lý hoạt động quảng cáo, viết biển hiệu trên địa bàn Thị xã Hội An (2006)*, *Cẩm nang bảo tồn dành cho chủ di tích (2008)*, *Hướng dẫn bảo tồn di tích kiến trúc gỗ (2003)*) cho thấy mối quan tâm và ưu tiên dành cho việc bảo vệ và giữ gìn nguyên trạng các công trình di sản.

Có thể thấy mối quan hệ giữa du lịch và quản lý di sản ở phố cổ Hội An được đặt trong một bối cảnh mà ở đó, quan điểm quản lý, chính sách quản lý và các văn bản quy định về pháp lý thiên về coi trọng công tác bảo tồn di sản văn hóa và không cho phép mọi hoạt động khai thác di sản, trong đó có du lịch, gây tổn hại đến sự tồn tại, tính chân xác và tính nguyên trạng của các di sản này. Quan điểm chỉ đạo này đã giúp thành phố Hội An có được những thành tựu lớn trong giữ gìn các di sản văn hóa phố cổ và phát triển ổn định du lịch. Quan điểm coi trọng công tác bảo tồn

di sản của thành phố Hội An trong nhiều năm qua cũng đóng vai trò quyết định việc hình thành các trạng thái chủ yếu là tích cực và ổn định (*hợp tác, hợp tác khiên cưỡng, cùng tồn tại*) trong mối quan hệ giữa các đơn vị phụ trách quản lý di sản, chủ sở hữu di sản, cộng đồng địa phương đối với các hoạt động du lịch trên phố cổ.

4.3. Vấn đề về mô hình xây dựng sự hợp tác giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở Đô thị cổ Hội An

Kết quả nghiên cứu ở điểm di sản phố cổ Hội An cho thấy rằng ở một số di tích, điểm tham quan cụ thể, xuất hiện các trạng thái khác nhau trong mối quan hệ giữa những người quản lý trực tiếp hoặc sở hữu di tích với đơn vị quản lý hoạt động tham quan và phát triển du lịch, bao gồm trạng thái *hợp tác, hợp tác khiên cưỡng, cùng tồn tại* và *chưa hài lòng*. Các trạng thái này được bộc lộ qua các tình huống mang tính cục bộ và tạm thời, có thể được giải quyết nhanh chóng nếu có sự trao đổi thông tin tốt hơn giữa hai bên.

Điểm cần lưu ý ở đây là mối quan hệ giữa hai bên này ở cấp ngành. Nghiên cứu cho thấy trạng thái trao đổi giữa hai đơn vị đại diện trực tiếp cho hai mảng là quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở Hội An là trạng thái hợp tác khiên cưỡng, liên hệ với nhau vì một số tình huống trong công việc nảy sinh cần giải quyết. Đây là một trạng thái tích cực, tuy nhiên, chưa phải là trạng thái hợp tác thực sự mà một điểm di sản như Hội An, trong quá trình hướng tới phát triển bền vững, cần đạt được.

Trong khi ở Hội An, các yếu tố tác động như sự đa dạng của các loại hình di sản, sự đa dạng của các bên liên quan hay định hướng ưu tiên chú trọng việc bảo tồn các giá trị di sản văn hóa là những yếu tố cố định thì mô hình quản lý là yếu tố có thể điều chỉnh nhằm thay đổi hiện trạng mối quan hệ giữa bên QLDSVH và PTDL. Mô hình quản lý DSVH ở Hội An hiện nay đặt ra hai vấn đề cần xem xét.

Thứ nhất, đó là tính chủ động và linh hoạt của các đơn vị quản lý các di sản có tầm vóc quốc tế (Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam), là phức hợp của nhiều loại hình di sản (vật thể và phi vật thể), có đặc điểm đặc biệt là di sản sống (gắn chặt với cư dân sống trong lòng phố cổ, đang thực hành các giá trị văn

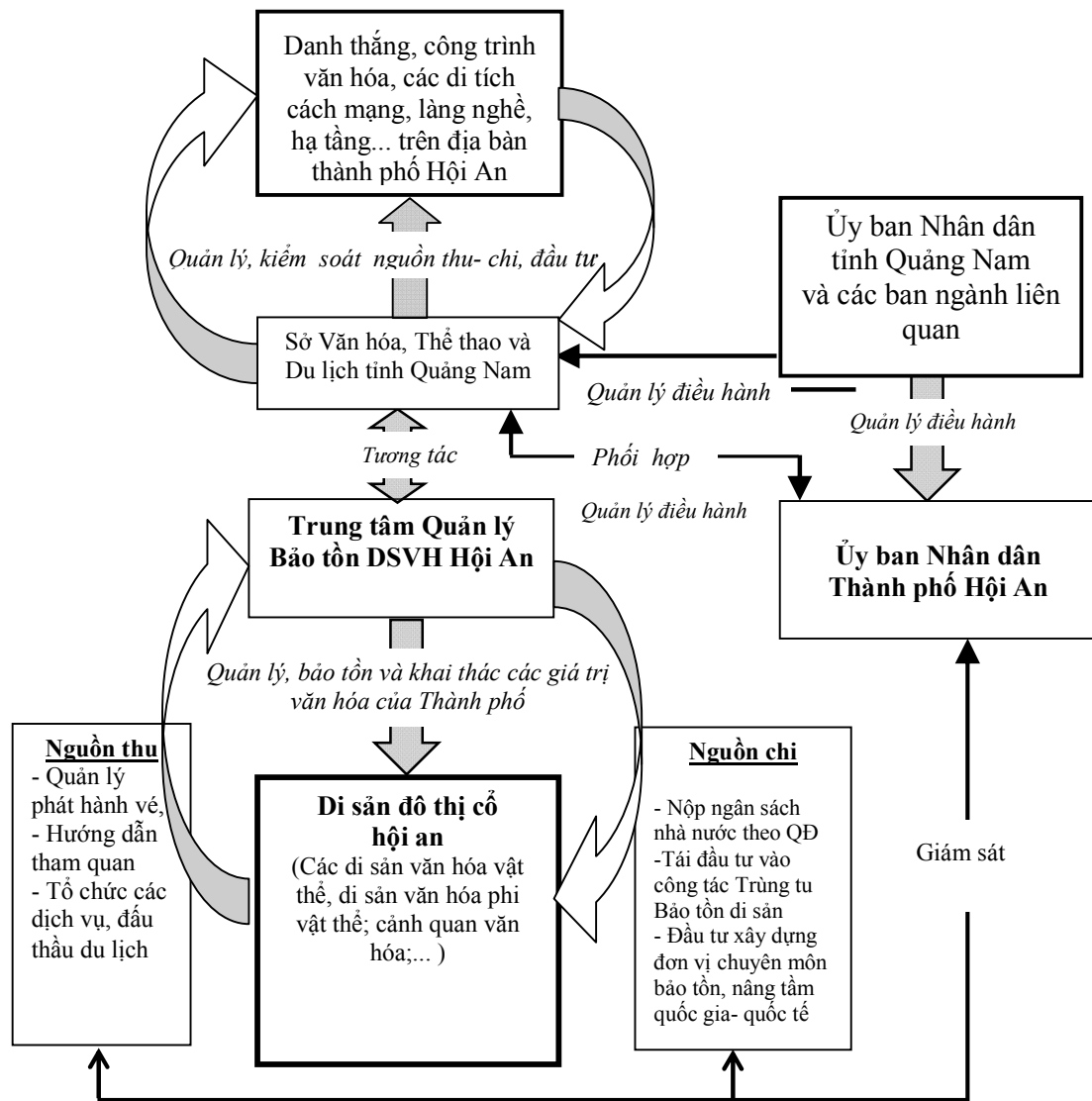
hóa phi vật thể của điểm di sản), thường xuyên chịu tác động của những bất lợi về tự nhiên (lũ lụt) và dễ có nguy cơ bị hư hại (hỏa hoạn).

Trong nhiều năm qua, Trung tâm QLBT DSVH Hội An luôn là đơn vị chủ chốt đảm đương việc quản lý, bảo tồn và tu bổ các di tích văn hóa, tư vấn và hỗ trợ chuyên môn cho các chủ di tích, nghiên cứu khoa học về di sản văn hóa... cho UBND thành phố Hội An. Tuy nhiên, do hạn chế về quyền chủ động, nhân lực, tài chính, công cụ quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc UBND thành phố cấp tỉnh, trong khi phải chịu trách nhiệm một khu di sản văn hóa lớn, có giá trị thế giới và chứa đựng trong nó sự phong phú và đa dạng của nhiều loại hình di sản khác nhau nên trong nhiều năm qua Trung tâm này gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý một cách hiệu quả và bền vững. Vướng mắc và chông chéo nảy sinh ở nhiều mặt, về tài chính, phương tiện, nhân lực,... và đặc biệt là đơn vị này không được giao đủ thẩm quyền và tính chủ động linh hoạt trong xử lý các vấn đề quản lý khu di sản (ví dụ như việc quản lý hoạt động tu bổ, sửa chữa di tích; lập các dự án và kêu gọi vốn đầu tư cho hoạt động quản lý và tu bổ di tích; hợp tác quốc tế;...). Với phân cấp như hiện nay, Trung tâm này cũng gặp nhiều khó khăn trong hợp tác chặt chẽ với các cơ quan quản lý ngang cấp về thương mại, du lịch, cơ sở hạ tầng, giao thông,...

Thứ hai, đó là việc cần thiết phải mở rộng phạm vi quản lý của Trung tâm QLBT DSVH Hội An sang cả lĩnh vực khai thác du lịch di sản nhằm tăng cường nguồn lực tài chính cho công tác tu bổ và quản lý di sản văn hóa, đồng thời, giảm thiểu các khả năng xung đột trong mối quan hệ giữa quản lý di sản và phát triển du lịch ở các điểm tham quan du lịch văn hóa trong địa bàn phố cổ.

Trên thực tế, hai vấn đề đặt ra này về mô hình quản lý di sản văn hóa ở Đô thị cổ Hội An (cụ thể là mô hình hoạt động của Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An) cũng đã được UBND thành phố Hội An và UBND tỉnh Quảng Nam lưu tâm trong nhiều năm qua. Trong *Quy hoạch đầu tư tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An gắn với phát triển thành phố Hội An và Du lịch giai đoạn 2012 – 2025* (Theo QĐ số 78/QĐ-TTg, ngày 12/01/2012), UBND tỉnh Quảng Nam đã đề cập đến những hạn chế về phạm

vi và quyền hạn của Trung tâm này đối với hoạt động quản lý và tu bổ di tích, di sản văn hóa của địa phương. Từ việc nhận thức rõ những hạn chế này, Quy hoạch đề ra giải pháp cho một mô hình quản lý di sản văn hóa ở Hội An, đó là: nâng cao quyền hạn và năng lực (con người - đội ngũ chuyên môn về kiến trúc và bảo tồn địa phương, phương tiện, trang thiết bị, cơ sở) của cơ quan quản lý chuyên ngành di tích (Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An) thành một đơn vị chuyên ngành về bảo tồn di sản tương đương cấp Sở, đồng thời mở rộng phạm vi hoạt động sang một số việc khai thác phát huy giá trị di sản cho du lịch, nâng tầm trở thành một trung tâm chuẩn mực về bảo tồn di sản văn hóa của quốc gia và khu vực. Hiện nay, đơn vị này là đơn vị chức năng trực thuộc thành phố của tỉnh. Nếu nâng cấp quản lý đơn vị này thành tương đương cấp Sở sẽ giúp Trung tâm có thẩm quyền cao hơn trong việc thực thi các quy định quản lý một cách nhanh chóng và chủ động hơn. *Quy hoạch đầu tư tổng thể giai đoạn 2012-2025* của UBND tỉnh Quảng Nam cũng đã đặt ra vấn đề cần phải cải thiện trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, phương tiện và đặc biệt là nâng cao chất lượng chuyên môn và quản lý cho đội ngũ cán bộ của Trung tâm để có thể hiện thực hóa được việc nâng cấp này. Dưới đây là mô hình tổng hòa quản lý di sản và phát huy giá trị di sản đề xuất bởi Quy hoạch trên của UBND tỉnh Quảng Nam:



Nguồn: [80]

Hình 4.1. Mô hình quản lý di sản và phát huy giá trị di sản Hội An do UBND tỉnh Quảng Nam đề xuất

Đề xuất nâng cấp mô hình quản lý di sản và phát huy giá trị di sản văn hóa Hội An đã được các cấp chính quyền thống nhất về chủ trương (Quy hoạch này được phê duyệt bởi Thủ tướng Chính phủ theo QĐ số 78/QĐ-TTg, ngày 12/01/2012). Tuy nhiên, tính đến hiện nay (5/2016), mô hình quản lý di sản điều chỉnh này chưa được đưa vào thực hiện ngoại trừ việc Trung tâm này đã được đổi tên từ Trung tâm tu bổ di tích Hội An thành Trung tâm quản lý bảo tồn di sản văn

hóa Hội An như hiện nay. Trung tâm quản lý và bảo tồn di sản văn hóa Hội An và Trung tâm Văn hóa – Thể thao Hội An hiện vẫn đang hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn như đã được phân công nhiều năm qua.

Kết quả của nghiên cứu của luận án này cho thấy có sự tương đồng với một số những nhận định của các cấp chính quyền địa phương về việc điều chỉnh (nâng cấp và mở rộng phạm vi quản lý) mô hình quản lý di sản văn hóa ở Hội An. Tuy nhiên, *Quy hoạch đầu tư tổng thể giai đoạn 2012-2025* mới chỉ dừng ở việc đề xuất mở rộng phạm vi quản lý của Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An ở ba hoạt động sau: quản lý phát hành vé, hướng dẫn tham quan, tổ chức các dịch vụ đấu thầu du lịch (Xin xem Hình 4.1). Để có thể giải quyết được những tồn tại hiện đang hiện diện trong mối quan hệ giữa hoạt động quản lý di sản và phát triển du lịch ở Hội An nói chung và ở một số điểm tham quan cụ thể nói riêng, hình thành một mô hình quản lý di sản văn hóa hiệu quả hơn, cần thiết phải đẩy nhanh lộ trình hiện thực hóa mô hình đề xuất của Quy hoạch này và xem xét thêm một số đề xuất bổ sung rút ra từ nghiên cứu này như sau:

Ngoài chức năng tư vấn và trợ giúp cho UBND tỉnh Quảng Nam và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quản lý và khai thác di sản văn hóa ở phố cổ Hội An, gồm các hoạt động như: nghiên cứu, quản lý, tu bổ, cấp phép, tư vấn và hỗ trợ chuyên môn về di tích và bảo tồn di tích, Trung tâm Quản lý di sản văn hóa Hội An này cần được trao quyền trực tiếp quản lý thêm các hoạt động sau:

- Phát hành vé tham quan và quản lý nguồn thu từ vé tham quan
- Hướng dẫn thuyết minh, tham quan du lịch tại các điểm tham quan
- Đào tạo và tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng thuyết minh/hướng dẫn cho đội ngũ thuyết minh/hướng dẫn viên của Trung tâm và của các đơn vị lữ hành tư nhân
- Tổ chức các dịch vụ đấu thầu du lịch nhằm khắc phục tình trạng kém hiệu quả trong công tác thuyết minh, quảng bá di sản văn hóa, nâng cao chất lượng trải nghiệm di sản cho du khách và kém chủ động về tài chính trong hoạt động bảo tồn và tu bổ di tích

- Quản lý các giá trị di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm việc nghiên cứu, phục hồi và khai thác các nghề thủ công truyền thống, lễ hội và nghi lễ truyền thống, các phong tục, tập quán, các loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống

- Nghiên cứu và đề xuất các sáng kiến khai thác và phát huy giá trị của các di sản văn hóa trong phát triển du lịch (các sản phẩm du lịch di sản văn hóa mới)

- Tổ chức đưa vào thực hiện các sản phẩm du lịch di sản văn hóa

Như vậy, nếu được hiện thực hóa, mô hình mới về quản lý di sản văn hóa phố cổ Hội An này là một sự đổi mới về nhận thức và hành động của địa phương về mối liên hệ hữu cơ giữa quản lý di sản văn hóa và du lịch khi hợp nhất hai hoạt động này dưới một đơn vị quản lý chung. Mô hình này sẽ giảm thiểu số lượng các bên có liên quan chính trong công tác quản lý di sản và du lịch ở các điểm di tích, tập trung quyền lực và quyền tự quyết về một mối mà ở đó, đồng thời chịu trách nhiệm cho cả các mảng chính là nghiên cứu, thực hiện công tác bảo tồn, quản lý và khai thác giá trị du lịch của các tài nguyên di sản của địa phương. Điều này đồng nghĩa với khả năng giảm thiểu các xung đột và mâu thuẫn giữa bên quản lý di sản và bên du lịch vốn có xu hướng xuất hiện thường xuyên hơn ở những di sản có sự đa dạng và khác biệt lớn về nhu cầu, mục tiêu của các bên liên quan hay như sự thay đổi cân bằng quyền lực giữa các bên liên quan chính này. Với thay đổi lớn này, mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở phố cổ Hội An sẽ có cơ hội lớn chuyển sang trạng thái *hợp tác thực sự* trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 4: Nghiên cứu định tính tại Hội An (2013) đã xác định được bốn trạng thái của mối quan hệ giữa QLDS và DL và 3 yếu tố tác động đến sự hình thành và ổn định của các trạng thái này. Bốn trạng thái này bao gồm: *hợp tác*, *hợp tác khiên cưỡng*, *cùng tồn tại* và *chưa hài lòng*. Ba yếu tố tác động đến mối quan hệ giữa QLDS và DL gồm có sự đa dạng của các bên có liên quan, sự đa dạng của di sản và cân bằng quyền lực giữa QLDS và PTDL. Bốn trạng thái này phản ánh rõ nét mức độ trưởng thành trong mối quan hệ giữa QLDS và PTDL ở một số điểm di tích. Sau thời điểm nghiên cứu là tháng 06/2013, các trạng thái được tìm thấy trong mối quan hệ giữa QLDS và PTDL ở một số điểm tham quan có thể thay đổi nếu xuất hiện sự thay đổi ở các yếu tố tác động như xuất hiện sự mất cân bằng

đã được thống nhất giữa các bên có liên quan, hay sự xuất hiện của một loại hình sản phẩm du lịch mới, hay sự thay đổi về quan điểm quản lý và khai thác di sản,...

So với các điểm di sản khác, phố cổ Hội An là một điểm di sản có mức độ trưởng thành trong phát triển du lịch cao (1995-2013), và vì thế, trở thành một điểm đến du lịch đã được thiết lập ổn định, khác với các điểm du lịch mới hình thành hoặc đang ở giai đoạn phát triển ban đầu nhanh mạnh. Nghiên cứu tương tự tại các điểm di sản khác ở Việt Nam hoặc trên thế giới có thể cho thấy một kết quả khác với kết quả nghiên cứu của công trình này.

KẾT LUẬN

Luận án được thực hiện nhằm khám phá mối liên hệ hữu cơ giữa hoạt động quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở phố cổ Hội An (tỉnh Quảng Nam) và đã tìm hiểu được các vấn đề liên quan đến hệ thống di sản văn hóa của phố cổ Hội An, công tác quản lý các di sản văn hóa đó, quá trình phát triển du lịch văn hóa tại điểm đến này, các tác động của du lịch lên cộng đồng sở tại và nguồn tài nguyên di sản văn hóa đó. Công trình này còn có trọng tâm làm rõ sự hiện diện của thực tại năng động trong mối quan hệ giữa công tác quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch ở điểm di sản phố cổ Hội An và các yếu tố ảnh hưởng tác động đến mối quan hệ giữa hai mảng này.

Trong khi nhiều lý thuyết và quan điểm nghiên cứu trong lĩnh vực di sản văn hóa và du lịch vẫn cho rằng du lịch và quản lý di sản thường có mối quan hệ xung đột do va chạm bởi sự khác biệt về giá trị và quan điểm của hai ngành, và trạng thái này cần được thay thế bởi một mối quan hệ hợp tác do hai ngành đang cùng chia sẻ đối tượng tác động, đó là các di sản văn hóa phong phú và đa dạng. Vấn đề về sự phù hợp và phổ quát của lý thuyết và quan điểm nghiên cứu theo hướng lưỡng phân xung đột - hợp tác này đã được Bob McKercher, Pamela S.Y.Ho và Hilary du Cros phê phán trong nhiều công trình nghiên cứu dựa trên các kết quả nghiên cứu thực nghiệm ở nhiều điểm di sản trên thế giới. Liệu xung đột hoặc hợp tác có phải là hai trạng thái duy nhất tồn tại trong mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và du lịch ở các điểm di sản hay không khi trên thực tế, luôn tồn tại sự khác biệt về các loại hình di sản, các điểm di sản, các bên có liên quan, cán cân quyền lực giữa các bên có liên quan, mức độ sử dụng du lịch của di sản và cuối cùng là bản chất độc lập của hai ngành này.

Nghiên cứu về vấn đề này tại phố cổ Hội An đã làm rõ mối liên hệ hữu cơ giữa du lịch và di sản văn hóa và thực tế năng động trong mối quan hệ giữa hai ngành này.

Để có thể quản lý được một hệ thống di sản văn hóa lớn và đa dạng với trên một nghìn công trình kiến trúc cổ và sự phong phú và đặc sắc của các giá trị di sản

văn hóa phi vật thể được tích lũy, gìn giữ và thực hành cho tới tận ngày nay, Thành phố Hội An trong hơn chục năm vừa qua đã xây dựng và hình thành nên một hệ thống quản lý và bảo tồn di sản văn hóa đồng bộ và kỹ lưỡng nhất so với các điểm di sản khác trên cả nước.

Hệ thống quản lý di sản văn hóa ở phố cổ Hội An bao gồm một hệ thống các văn bản pháp lý, quy định, định hướng và chính sách phát triển chi tiết và đồng bộ, các biện pháp can thiệp của nhà nước có hiệu quả đối với công tác quản lý và khai thác di sản văn hóa và một hệ thống các cơ quan, đơn vị thực thi công tác quản lý và khai thác di sản vận hành ổn định trong nhiều năm qua. Dựa trên một nền tảng vững như vậy, thành phố Hội An trong vòng hơn chục năm qua (1995-2013) đã có thể phát triển mạnh mẽ ngành du lịch với những đóng góp to lớn nhiều mặt về kinh tế, văn hóa, xã hội cho địa phương và đặc biệt là những hỗ trợ hiệu quả đối với việc bảo vệ và bảo tồn di sản văn hóa của Hội An. Thế mạnh của một thành phố sở hữu một hệ thống di sản phong phú, đa dạng và sống động và một hệ thống quản lý và bảo vệ các di sản đó một cách hiệu quả chính là những viên gạch nền hình thành nên một ngành du lịch sôi động với tốc độ tăng trưởng ổn định.

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực như tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng sống, cơ hội việc làm, nâng cao nhận thức và ý thức của người dân về giá trị của di sản và tầm quan trọng của việc bảo vệ di sản, hỗ trợ tài chính cho công tác bảo tồn di sản văn hóa (cả vật thể lẫn phi vật thể),... những năm gần đây, thành phố Hội An phải đối mặt với nhiều ảnh hưởng tiêu cực mà hoạt động du lịch đã mang lại. Những tác động không mong muốn này bao gồm sự chênh lệch về thu nhập ngày càng cao giữa các nhóm người và khu vực trên địa bàn thành phố, giá cả sinh hoạt tăng, ô nhiễm môi trường, biến đổi kết cấu dân cư, thay đổi trong lối sống của người dân,... và đặc biệt là sức ép vật chất lên các công trình kiến trúc cổ, biến đổi tính chân xác và nguyên vẹn của di tích cũng như các thực hành văn hóa truyền thống như nghệ thuật biểu diễn, phong tục tập quán, nghi lễ và lễ hội,...

Mặc dù ở giai đoạn này, những tác động tiêu cực của phát triển du lịch lên cộng đồng địa phương và di sản chưa sâu sắc và lấn lướt những lợi ích mà du lịch mang lại, tuy nhiên, cần phải nhìn nhận rằng đây không phải là thực trạng mà một

thành phố đang theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững có thể chấp nhận. Tiếp tục tối đa hóa lợi ích và tối thiểu hóa tiến tới xóa bỏ được các tác động tiêu cực của phát triển du lịch là hướng vận động đi tới sự phát triển bền vững không chỉ đối với đời sống người dân mà còn đối với nguồn di sản văn hóa phong phú của địa phương.

Kết quả nghiên cứu của công trình này cũng đã làm rõ được thực tế năng động và phức tạp trong mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và du lịch ở phố cổ Hội An. Ở cấp độ ngành, mối quan hệ giữa các đơn vị phụ trách quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch là một mối quan hệ *cùng tồn tại*, hay nói cách khác, cùng “chung sống trong hòa bình”. Mỗi đơn vị có một trách nhiệm chuyên biệt và cả hai bên đều nỗ lực thực hiện tốt trách nhiệm đã được phân công một cách độc lập và riêng rẽ. Mặc dù về hình thức/nguyên tắc các đơn vị này có liên hệ và trao đổi với nhau, nhưng thực tế của những liên hệ và trao đổi này lại không xuất phát từ mong muốn thực sự liên hệ với nhau giữa hai bên.

Ở cấp độ các di tích/các điểm tham quan, nghiên cứu nhận thấy có sự hiện diện của bốn trạng thái trong mối quan hệ giữa bên quản lý trực tiếp di tích với bên quản lý và thực hiện các hoạt động tham quan du lịch tại điểm tham quan: *hợp tác*, *hợp tác khiên cưỡng*, *cùng tồn tại* và *chưa hài lòng*. Nghiên cứu cũng cho thấy rằng sự đa dạng của các loại hình di sản văn hóa, kéo theo sự đa dạng của các nhóm bên có liên quan ở từng loại hình di sản cũng khác nhau và sự cân bằng quyền lực giữa hai bên, quản lý và tu bổ di tích và phát triển du lịch là những yếu tố tác động lớn đến sự hiện diện của nhiều trạng thái khác nhau trong mối quan hệ giữa QLDS và PTDL ở trường hợp Hội An. Sự đa dạng của các di sản ở Hội An được phản ánh thông qua sự đa dạng về loại hình (vật thể, phi vật thể), đặc tính sở hữu (công, tư, tập thể), giá trị bảo tồn, lượng du khách tham quan,... Mỗi loại di sản có nhóm các bên có liên quan khác nhau, và vì thế, sự tương tác giữa các bên có liên quan này cũng khác nhau, đưa đến sự khác nhau trong mối quan hệ giữa các bên có liên quan chính (chủ sở hữu di tích, quản lý di tích, du khách, quản lý du lịch, thuyết minh du lịch,...). Kể từ giai đoạn Hội An mới bắt đầu đưa di sản vào khai thác du lịch, công tác bảo tồn di tích vẫn luôn nhận được mối quan tâm và ưu tiên của chính quyền các cấp của thành phố. Du lịch được ủng hộ để phát triển kinh tế địa phương nhưng

không được phép khai thác và làm hư hại hay biến dạng nguồn tài nguyên văn hóa của địa phương và rằng, du lịch phải trở thành một công cụ đắc lực hỗ trợ cho công tác quản lý và bảo tồn di sản văn hóa.

Kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa QLDS và PTDL ở phố cổ Hội An đã cho thấy sự tương đồng với quan điểm nghiên cứu của Bob McKercher và các cộng sự của ông về mối quan hệ năng động giữa du lịch và quản lý di sản văn hóa trong bối cảnh của một điểm đến du lịch di sản đô thị và trưởng thành, dưới cái nhìn của một nhà quản lý di sản đang đối diện với các tác động của du lịch lên chủ thể của ngành mình. Lý thuyết xung đột, có hiệu quả khi lý giải xu hướng xung đột và sự cần thiết phải hợp tác giữa hai ngành du lịch và di sản ở các điểm du lịch di sản ở giai đoạn mới phát triển, hoặc đang trải qua sự biến đổi mạnh mẽ trong tương tác giữa các bên có liên quan, hoặc ở những địa điểm chưa sẵn sàng tiếp nhận được sự hiện diện ồ ạt của du khách thì đối với các trường hợp điểm di sản đã có mức độ phát triển du lịch trưởng thành và đặc biệt là có sự phong phú và đa dạng của các loại hình di sản như Hội An, lại không phù hợp để lý giải cho sự xuất hiện của các trạng thái không phải là xung đột, cũng chẳng phải là hợp tác giữa hai mảng QLDS và PTDL ở những điểm đó. Vì thế, sẽ thật khiên cưỡng, chủ quan và áp đặt khi cho rằng mối quan hệ giữa QLDS và PTDL ở các điểm di sản hoặc là xung đột, hoặc là hợp tác và hướng tiếp cận này sẽ không cho phép các nhà nghiên cứu cũng như các nhà quản lý có liên quan nắm bắt được thực tế năng động và biến hóa của mối quan hệ này ở từng điểm nghiên cứu khác nhau. Thực tế của mối quan hệ này ở điểm di sản phố cổ Hội An đã chứng tỏ điều đó.

Nghiên cứu này đã cho thấy rằng ở Hội An, trạng thái mà mọi nhà nghiên cứu, mọi nhà hoạch định chính sách, mọi nhà thực hành trong lĩnh vực di sản và du lịch văn hóa mong muốn nhất thấy được ở mối quan hệ giữa hai đối tác này, *hợp tác thực sự* chưa phải là trạng thái chủ đạo ở cả cấp độ ngành và cấp độ các di tích cụ thể. Sự phát triển bền vững chỉ có thể được đảm bảo nếu các đơn vị và cá nhân chịu trách nhiệm chính trong công tác quản lý, bảo tồn và khai thác di sản bước vào giai đoạn thực sự trưởng thành và hợp tác. Để làm được điều này, các bên có liên quan phải dành cho nhau sự tôn trọng, hiểu biết và nỗ lực: bên du lịch cần phải chấp nhận

rằng di sản văn hóa có giá trị đặc biệt hơn mọi sản phẩm du lịch thông thường, có ý nghĩa với những người sử dụng gốc của chúng hơn là với du khách, có mục đích tồn tại lớn hơn việc thỏa mãn những lợi ích hẹp của riêng ngành du lịch và vì thế, cần phải đối xử với các sản phẩm du lịch có nguồn gốc là di sản văn hóa với thái độ cẩn trọng trong quá trình khai thác và tiếp thị; bên quản lý di sản cần phải thừa nhận thực tế rằng du lịch cũng là đối tượng có quyền chính đáng trong khai thác giá trị du lịch của di sản, du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý và phát huy giá trị di sản văn hóa và du lịch cũng là một kênh để chuyển tải các thông điệp mà di sản sinh ra để chuyển tải. Nói cách khác, du lịch và quản lý di sản phải tìm được tiếng nói chung, cùng hoạt động để hướng tới mục đích vì lợi ích của di sản văn hóa chứ không chỉ dừng ở mức độ bảo vệ quyền lợi của riêng mỗi ngành. Những thay đổi mạnh mẽ về chủ trương và chính sách trong công tác quản lý và khai thác di sản văn hóa gần đây của Hội An cho thấy nỗ lực mạnh mẽ của địa phương trong xử lý vấn đề này.

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy sự hiện diện của mối quan hệ năng động giữa quản lý di sản và phát triển du lịch ở phố cổ Hội An là cơ sở gợi ý cho việc xây dựng một mô hình quản lý phù hợp hơn và hiệu quả hơn, giảm thiểu tối đa các khả năng có thể ngăn cản đạt được sự hợp tác thực sự giữa hai ngành. Về lý luận, sự tương thích với hướng tiếp cận mối quan hệ năng động giữa quản lý di sản và phát triển du lịch của phố cổ Hội An là gợi ý cho các nhà nghiên cứu xem xét áp dụng quan điểm này ở các điểm di sản khác ở nước ta. Vì vậy, để có thể đưa ra được những khuyến nghị về chính sách quản lý và khai thác di sản văn hóa một cách bền vững thông qua việc hình thành mối quan hệ hợp tác thực sự giữa hai ngành này, cần thiết phải có thêm nhiều nghiên cứu với chủ đề tương tự tại các điểm di sản khác ở Việt Nam để có được các nhận định khoa học sâu hơn và đầy đủ hơn, từ đó có thể đưa ra được các đề xuất về chính sách phù hợp hơn và hiệu quả hơn.

Bảo tồn di sản và phát triển du lịch, về bản chất, không mâu thuẫn hay xung đột. Xung đột, mâu thuẫn hay không bền vững xảy đến chỉ khi chưa có đủ sự trân trọng, hiểu biết và nỗ lực gắn kết hai lĩnh vực này.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ
LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Thu Hà (2012), “Hệ thống quản lý và Bảo tồn di sản văn hóa ở Hội An”, *Tạp chí Văn hóa học*, số 3, tr. 25-30.
2. Nguyễn Thị Thu Hà (2014), “Tác động của danh hiệu Di sản thế giới UNESCO – Trường hợp phố cổ Hội An”, *Tạp chí Văn hóa học*, số 5 (15), tr. 38 – 46.
3. Nguyễn Thị Thu Hà (2014), “Mối quan hệ giữa quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch – Quan điểm tiếp cận”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 365, tr. 36-39.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Trần Văn An (2007), “Khái quát về phương tiện thuyết minh và cơ sở hạ tầng du lịch tại di sản thế giới Hội An”. Tham luận trình bày tại *Lớp Đào tạo quản lý du lịch văn hóa và chuẩn mực hướng dẫn du lịch của UNESCAP-UNESCO*, Hội An.
2. Trần Văn An (2007), “Quản lý du khách tại khu Di sản thế giới Hội An”. Tham luận trình bày tại *Lớp Đào tạo quản lý du lịch văn hóa và chuẩn mực hướng dẫn du lịch của UNESCAP-UNESCO*, Hội An.
3. Hoàng Tuấn Anh (2009), “Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa – cơ hội, thách thức mới”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 3, tr.3-5.
4. Trần Ánh (2008), “Bảo tồn Di sản văn hóa và Phát triển du lịch – Nhìn từ thực tiễn Quảng Nam”. Bài trình bày tại hội thảo *Quản lý di sản văn hóa thế giới và phát triển du lịch*, 20-25/03/2008, Hội An.
5. Đặng Văn Bài (2001), “Vấn đề quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, số 4, tr.11-13.
6. Đặng Văn Bài (2002), “Xây dựng hệ thống pháp lý bảo vệ di sản văn hóa”, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 117, tr.4-5.
7. Đặng Văn Bài (2007), “Bảo tồn di sản văn hóa trong quá trình phát triển”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 2(19), tr.11-14.
8. Đặng Văn Bài (2010), “Quy hoạch và xây dựng đô thị với vấn đề bảo tồn di sản văn hóa”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 1(30), tr.18-21.
9. Đặng Văn Bài (2010), “Tính liên ngành trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 2(31), tr.17-23.
10. Nguyễn Chí Bền (2003), “Di sản văn hóa phi vật thể, từ sưu tầm nghiên cứu đến bảo tồn và phát huy”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 8, tr.9-15.
11. Nguyễn Chí Bền (2006), *Văn hóa Việt Nam, mấy vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

12. Nguyễn Chí Bền (2010), *Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
13. Nguyễn Chí Bền (2013), *Lễ hội cổ truyền của người Việt, cấu trúc và thành tố*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Trương Quốc Bình (2000), “Về mối quan hệ giữa văn hoá và du lịch”, *Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật*, số 2/2000, tr.7- 9.
15. Trương Quốc Bình (2001), “Giáo dục cộng đồng bảo vệ, phát huy các di sản thế giới ở Việt Nam”, *Tạp chí Văn hoá nghệ thuật*, số 203, tr.26-32.
16. Trương Quốc Bình (2005), “Vai trò các di sản văn hóa với sự phát triển của du lịch Việt Nam”, *Tạp chí Du lịch Việt Nam*, số 3, tr.22-23.
17. Nguyễn Thị Chiến (2004), “Khai thác di sản văn hóa như là một tài nguyên du lịch”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 2, tr.38-43.
18. Cục Di sản Văn hóa (2003), *Luật Di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Cục Di sản văn hóa (2014a), *Di sản văn hóa và các vấn đề liên quan - Thuật ngữ và định nghĩa chung*, Bộ Khoa học và Công nghệ, Hà Nội.
20. Cục Di sản văn hóa (2014b), *Văn bản quản lý nhà nước về di sản văn hóa*, Hà Nội.
21. Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn (Đồng chủ biên) (2012), *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Nguyễn Hồng Hà (2004), “Bảo tồn phát huy di sản văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 6, tr.14-18.
23. Lê Hồng Hạnh (2008), *Di sản văn hóa truyền thống với vấn đề phát triển du lịch trên cơ sở khảo sát địa bàn tỉnh Hưng Yên*. Luận án Tiến sĩ, Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam.
24. Phạm Thị Mộng Hoa và Lâm Thị Mai Lan (2000), *Du lịch đối với các dân tộc thiểu số ở huyện Sa Pa*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
25. Hội đồng quốc gia cho Hội thảo quốc tế về Đô thị cổ Hội An (2006), *Đô thị cổ Hội An* (2006), Nxb Thế Giới, Hà Nội.

26. Nguyễn Quốc Hùng (2000), “Quanh việc quản lý và phát huy tác dụng di sản văn hóa”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 2, tr.50-53.
27. Nguyễn Quốc Hùng (2001), “Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể khái niệm và nhận thức”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 4(202), tr.14-21.
28. Nguyễn Quốc Hùng (2004), *Phố cổ Hội An - việc giao lưu văn hóa ở Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
29. Nguyễn Quốc Hùng (2006), “Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản văn hóa - thiên nhiên thế giới phục vụ phát triển ở nước ta”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 1(14), tr.18-24.
30. Nguyễn Quốc Hùng (2008), “Đôi điều về việc bảo tồn và phát triển du lịch tại các di sản ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, 1(22), tr.29-34.
31. Nguyễn Quốc Hùng (2008), “Vai trò của di sản văn hóa trong sự phát triển ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, 2(23), tr.13-19.
32. Nguyễn Quốc Hùng (2013), “Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa và thiên nhiên trong quá trình hội nhập và phát triển”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, 4(45), tr.3-7.
33. Nguyễn Quốc Hùng (2013), “Một số kinh nghiệm quốc tế về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 3(44), tr.10-17.
34. Nguyễn Thế Hùng (2010), “Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam năm 2010- Thách thức và nhiệm vụ”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 1, tr.10-11.
35. ICOMOS (1964), *Hiến chương Charter: Hiến chương quốc tế về bảo tồn và trùng tu di tích và di chỉ*.
36. ICOMOS (1987), *Hiến chương về bảo vệ thành phố và khu vực đô thị lịch sử*.
37. ICOMOS (1994), *Văn kiện Nara về tính chân xác*.
38. ICOMOS (1996), *Nguyên tắc lập hồ sơ di tích, cụm kiến trúc và di chỉ*.
39. ICOMOS (1999), *Hiến chương Burra: Hiến chương của ICOMOS Australia về bảo vệ các địa điểm di sản có giá trị văn hóa*.

40. ICOMOS (1999), *Hiển chương quốc tế về du lịch văn hóa - Việc quản lý du lịch ở những nơi có di sản quan trọng*.
41. Hoàng Đạo Kính (2002). “Bảo tồn di sản Việt Nam hóa vật thể của Hội An- quan niệm và công việc cụ thể”, in trong *Di sản văn hóa- bảo tồn và trùng tu*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
42. Từ Thị Loan (2011), “Di sản văn hóa Nam Trung Bộ trong thời kỳ hội nhập”. Hội thảo *Di sản văn hóa Nam Trung Bộ với phát triển du lịch trong hội nhập quốc tế*, 2/4/2011, Phú Yên.
43. Từ Thị Loan (2012), “Di sản văn hóa trước thách thức của biến đổi khí hậu”, Hội thảo *Bảo tàng và Di sản văn hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu*, Huế
44. Từ Thị Loan (2014), “Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại tại Việt Nam”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế *10 năm thực hiện Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO - Bài học kinh nghiệm và định hướng tương lai*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
45. Phạm Trung Lương (1998), *Đánh giá hiệu quả xã hội của hoạt động du lịch - Lấy ví dụ tại trung tâm du lịch thành phố Hạ Long*, Tài liệu lưu trữ của Viện Nghiên cứu và Phát triển du lịch.
46. Phạm Trung Lương (2004), “Thực trạng và những vấn đề đặt ra để phát triển du lịch bền vững”, *Tạp chí Du lịch Việt Nam*, số 12, tr.24-30.
47. Lê Thị Minh Lý (2010), “Tăng cường nhận thức và biện pháp quản lý lễ hội (một số ý kiến tiếp cận quản lý di sản văn hóa phi vật thể)”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 4, tr.37-40.
48. Lê Thị Minh Lý (2010), “Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể - quá trình nhận thức và bài học thực tiễn”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 1, tr.42-45.
49. Nguyễn Đức Minh (2007), “Du lịch văn hóa Hội An”. Tham luận trình bày tại *Lớp Đào tạo quản lý du lịch văn hóa và chuẩn mực hướng dẫn du lịch của UNESCAP-UNESCO*, Hội An.

50. Phạm Phú Ngọc (2007), “Cơ sở pháp lý và mô hình quản lý Di sản thế giới Hội An”. Tham luận trình bày tại *Lớp Đào tạo quản lý du lịch văn hóa và chuẩn mực hướng dẫn du lịch của UNESCAP-UNESCO*, Hội An.
51. Hoàng Minh Nhân (2001), *Hội An - Di sản văn hóa thế giới*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
52. Nhiều tác giả (2005), *Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở Việt Nam*, Viện Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
53. Nhiều tác giả (2012), *Bảo tồn và phát huy lễ hội cổ truyền trong xã hội Việt Nam đương đại*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
54. Phòng Thống kê Thành phố Hội An (1998-2013), *Niên giám thống kê (1998-2013)*, Tài liệu lưu trữ của Phòng thống kê Thành phố Hội An, Hội An.
55. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Nam và Văn phòng UNESCO Hà Nội (2011), *Du lịch Hội An và Quảng Nam*, Báo cáo kết quả điều tra, Hội An.
56. Bùi Hoài Sơn (2005), “Các quan điểm lý thuyết về quản lý di sản”, trong Hội thảo *Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu chương trình KX.09*, Hà Nội, 30/10/2005.
57. Bùi Hoài Sơn (2013), “Di sản để làm gì và một số câu chuyện quản lý di sản ở Việt Nam”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 3(44), tr.18-22.
58. Bùi Hoài Sơn (2009), *Quản lý lễ hội truyền thống của người Việt*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
59. Bùi Hoài Sơn (2013), “Tính chân thực của di sản văn hóa và câu chuyện lễ hội truyền thống ở Việt Nam”, *Tạp chí Di sản Văn hóa*, số 1 (42), tr.34-37.
60. Tô Ngọc Thanh (2005), “Làm thế nào để duy trì di sản văn hóa dân gian trong dạng sống động – trường hợp của Việt Nam”, *Tạp chí Nguồn sống dân gian*, số 4, tr.3-5.
61. Nguyễn Quyết Thắng (2004), “Kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường”, *Tạp chí Du lịch Việt Nam*, số 9, tr.26-34.
62. Bùi Quang Thắng (Chủ biên) (2005), *Di sản văn hóa phi vật thể ở Hội An*, Nxb Thế Giới, Hà Nội.

63. Hồ Xuân Tịnh (2008), “Khai thác sản phẩm văn hóa trong du lịch Quảng Nam”. Tham luận tại Hội thảo *Quản lý di sản văn hóa thế giới và phát triển du lịch*, 20-25/03/2008, Hội An.
64. Tổng cục Du lịch và UBND tỉnh Quảng Nam (2013), *Phát huy giá trị di sản văn hóa đối với phát triển du lịch - Kinh nghiệm từ Hội An*, Kỷ yếu hội thảo, 22/06/2013, Hội An.
65. Nguyễn Thị Khánh Trâm (2008), “Tìm hiểu nét đặc sắc của đô thị cổ Hội An trong vấn đề thu hút khách du lịch quốc tế”, Tham luận tại Hội thảo *Quản lý di sản văn hóa thế giới và phát triển du lịch*, 20-25/03/2008, Hội An.
66. Nguyễn Chí Trung (2007), “Đóng góp của các nhà quản lý di sản, hướng dẫn viên di sản và cộng đồng đối với di sản thế giới Hội An”. Tham luận trình bày tại *Lớp Đào tạo quản lý du lịch văn hóa và chuẩn mực hướng dẫn du lịch của UNESCAP-UNESCO*, Hội An.
67. Trung tâm Quản lý bảo tồn Di tích Hội An (2004), *Đô thị cổ Hội An - 5 năm quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị (1999-2004)*, Hội An.
68. Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An (2006-2012), *Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động và phương hướng nhiệm vụ các năm 2006-2012*. Tài liệu lưu trữ, Hội An.
69. Trung tâm Quản lý bảo tồn di tích Hội An (2005), *Văn hóa Hội An: Truyền thống và Phát triển* (Báo cáo đề tài nghiên cứu), Tài liệu lưu trữ, Hội An.
70. Trung tâm Quản lý bảo tồn di tích Hội An (2008), *Nghề thủ công truyền thống ở Hội An*. Hội An.
71. Trung tâm Quản lý Bảo tồn Di tích Hội An (2008), *Lễ lệ - lễ hội Hội An*, Hội An
72. Trung tâm Văn hóa - Thể thao Hội An (2009 - 2012), *Báo cáo tổng kết 2010*, Tài liệu lưu trữ, Hội An.
73. Trung tâm Văn hóa - Thể thao Hội An (2013), *Báo cáo tổng kết 2012*, Tài liệu lưu trữ, Hội An.
74. Nguyễn Phước Tương (2004), *Hội An - Di sản thế giới*, Nxb Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh

75. Ủy ban quốc gia hội thảo quốc tế đô thị cổ Hội An (1991), *Đô thị cổ Hội An - Hội thảo quốc tế tại Đà Nẵng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
76. UBND Thị xã Hội An (2000), *Danh mục di tích Hội An*, Hội An.
77. UBND Thị xã Hội An (2003), *Hướng dẫn bảo tồn di tích kiến trúc gỗ - Dành cho các chủ di tích*, Tài liệu lưu trữ của Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An, Hội An.
78. UBND Thị xã Hội An (2006), *Quy định Quản lý, bảo tồn, sử dụng di tích ở Di sản thế giới Hội An*, Tài liệu lưu trữ của Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An, Hội An.
79. UBND Thị xã Hội An (2007), *Quy chế quản lý hoạt động tham quan du lịch trên địa bàn thị xã Hội An*, Tài liệu lưu trữ của Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An, Hội An.
80. UBND tỉnh Quảng Nam (2011), *Quy hoạch tổng thể bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa thế giới Đô thị cổ Hội An gắn với phát triển thành phố hội an và du lịch giai đoạn 2012- 2025 thành phố hội an- tỉnh Quảng Nam*. Tài liệu lưu trữ của Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An, Hội An.
81. UBND tỉnh Quảng Nam và Văn phòng UNESCO Hà Nội (2011), *Du lịch Hội An và Quảng Nam*. Báo cáo kết quả điều tra, Hội An.
82. UBND Thành phố Hội An (2012), Quyết định số 2161/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 *Phê duyệt định mức thanh toán ô vé cho các di tích trong tuyến tham quan Khu phố cổ Hội An*, Hội An.
83. UNESCO (1972), *Công ước Bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên của thế giới*, UNESCO.
84. UNESCO (2003), *Công ước về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể*, UNESCO.
85. UNESCO và Viện Nghiên cứu du lịch Macao (2007), *Du lịch tại các khu di sản văn hóa ở châu Á*, UNESCO và IFT Macao.
86. Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam (2008), *Quản lý di sản văn hóa thế giới và phát triển du lịch*, Kỷ yếu hội thảo, 20-25/03/2008 tại Hội An.

87. Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam (2014), *10 năm thực hiện Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của Unesco: Bài học kinh nghiệm và định hướng tương lai* (Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế), Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh:

88. Aas, C., Ladkin, A., & Fletcher, J (2005), "Stakeholder Collaboration and Heritage Management" (Cộng tác giữa các bên liên quan và Quản lý di sản). *Annals of Tourism Research*, 32(1), tr.28-48.
89. Nguyen Chi Ben (2007), A Study on Vietnam's Folklore (Một nghiên cứu về văn hóa dân gian Việt Nam), The Gioi Publishing House, Hanoi.
90. Blake, Adam và những người khác (2008), "Tourism and Poverty Relief" (Du lịch và Giảm đói nghèo), *Annals of Tourism Research*, 35(1), tr.107-126.
91. Cochrane, J., & Tapper, R. (2006), "Tourism's contribution to World Heritage Site management" (Đóng góp của du lịch đối với việc quản lý điểm di sản thế giới), In trong A. Leask, & A. Fyall, *Managing World Heritage Sites* (trang 97-109), Butterworth-Heinemann, Oxford.
92. Cohen, E. (1988), Authenticity and Commoditization in Tourism (Tính chân xác và hàng hóa hóa trong du lịch), *Annals of Tourism Research*, 15, tr.371-386.
93. Drost, A. (1996), "Developing Sustainable Tourism for World Heritage Sites" (Phát triển du lịch bền vững cho các điểm di sản thế giới), *Annals of Tourism Research*, 23(2), tr.479-484.
94. Du Cros, H. (2001), "A New Model to Assist in Planning for Sustainable Cultural Heritage Tourism" (Mô hình mới hỗ trợ lập kế hoạch cho du lịch di sản văn hóa bền vững), *International Journal of Tourism Research*, 3(2), tr.165-170.
95. Garrod, B., & Fyall, A. (2000), "Managing Heritage Tourism" (Quản lý du lịch di sản), *Annals of Tourism Research*, 27(3), tr.682-708.

96. Hampton, M. P. (2005), "Heritage, Local Communities and Economic Development" (Di sản, cộng đồng địa phương và phát triển kinh tế), *Annals of Tourism Research*, 23(3), tr.735-759.
97. Jansen-Verbeke, M. (1998), "Tourismification of Historic Cities" (Du lịch hóa các thành phố cổ), *Annals of Tourism Research*, 25(3), tr.739-742.
98. Jenkins, C. L. (1997), "Social Impacts of Tourism" (Tác động xã hội của du lịch). *World Tourism Leaders' Meeting on the Social Impacts of Tourism* (Báo cáo đề dẫn), World Tourism Organization, Manila.
99. Jokilehto, J. (2005), "Definition of Cultural Heritage - Reference to Documents in History" (Định nghĩa về di sản văn hóa - Tham khảo các tài liệu trong lịch sử), *ICCROM Working Groups 'Heritage and Society*.
100. Kim, K. (2002), *The effects of tourism upon quality of life of residents in the communities* (Tác động của du lịch đối với chất lượng sống của người dân cộng đồng), (Luận án tiến sĩ), Virginia Polytechnic Institute and State University, Virginia.
101. Li, M., Wu, B., & Cai, L. (2008), "Tourism Development of World Heritage Sites in China: A Geographic Perspective" (Phát triển du lịch ở các điểm di sản thế giới ở Trung Quốc: Quan điểm địa lý), *Tourism Management*, 29(2), tr.308-319.
102. Mathieson, A., & Wall, G. (1982), *Tourism: Economic, Physical and Social Impacts* (Du lịch: các tác động kinh tế, vật chất và xã hội), Longman, London.
103. McKercher, B., & du Cros, H. (2002), *Cultural Tourism - The Partnership Between Tourism and Cultural Heritage Management* (Du lịch văn hóa - Mối quan hệ giữa du lịch và quản lý di sản văn hóa), The Haworth Hospitality Press, New York.
104. McKercher, B., Ho, P. S., & du Cros, H. (2005), "Relationship between Tourism and Cultural Heritage Management: Evidence from Hong Kong" (Mối quan hệ giữa du lịch và quản lý di sản văn hóa: Bằng chứng từ Hong Kong), *Tourism Management*, 26, tr.539-548.

105. McManus, R. (1997), "Heritage and Tourism in Ireland - an unholy alliance?" (Di sản và du lịch ở Ireland - đồng minh phi thần thánh), *Irish Geography*, 30(2), tr.90-98.
106. Nguyen Van Luu (2001), "Tourism: an Important Bridge between Man and Cultural Heritage. Trong Cultural heritage, Man and Tourism" (Du lịch: Cầu nối quan trọng giữa con người và di sản văn hóa), *Report of the Asia-Europe Seminar*, Hanoi, Vietnam 5-7 November 2001 (trang 100-104), University of Liege, Laboratory of Anthropology of Communication, Belgium.
107. Nuryanti, W. (1996), "Heritage and Postmodern Tourism" (Di sản và du lịch hậu hiện đại), *Annals of Tourism Research*, 23(2), tr.249-260.
108. Palmer, C. (1999), "Tourism and the symbols of identity" (Du lịch và biểu tượng của bản sắc), *Tourism Management*, 20, tr.313-321.
109. Pederson, A. (2002), "Tourism impacts and Problems" (Tác động của du lịch và những vấn đề), In trong *Managing Tourism at World Heritage Sites: A Practical Manual for World Heritage Site Managers* (trang 29-36), UNESCO World Heritage Centre, Paris.
110. Pham Hong Long (2011), "Perception of Tourism Impact and Tourism Development among Residents of Cuc Phuong National Park, Ninh Binh, Vietnam" (Nhận thức về tác động của du lịch và phát triển du lịch của người dân vườn quốc gia Cúc Phương, Ninh Bình, Việt Nam), *Journal of Ritsumeikan Social Sciences and Humanities*, 3, tr.75-92.
111. Pham Hong Long (2012), "Tourism Impacts and Support for Tourism Development in Ha Long Bay, Vietnam: An Examination of Resident's Perceptions" (Tác động của du lịch và việc hỗ trợ phát triển du lịch ở Vịnh Hạ Long, Việt Nam: Nghiên cứu về nhận thức của người dân), *Asian Social Science*, 8(8), tr.28-39.
112. Poria, Y., Butler, R., & Airey, D., (2001), "Clarifying Heritage Tourism" (Làm rõ du lịch di sản), *Annals of Tourism Research*, 28(4), tr.1047-1049.

113. Silberberg, T., (1995), "Cultural Tourism and Business Opportunities for Museums and Heritage Sites" (Du lịch văn hóa và các cơ hội kinh doanh đối với bảo tàng và các điểm di sản), *Tourism Management*, 16(5), tr.361-365.
114. Strauss, C. H., & Lord, B. E. (2001), "Case study - Economic Impacts of a Heritage Tourism System" (Nghiên cứu trường hợp - Tác động kinh tế của hệ thống du lịch di sản), *Journal of Retailing and Consumer Services*, 8, tr.199-204.
115. Styles, D. J. (1997), *Economic Impacts of Tourism: A handbook for Tourism Professionals* (Tác động kinh tế của du lịch: Cẩm nang cho các chuyên gia du lịch), University of Illinois, *Tourism Research Laboratory*, Urbana, IL.
116. Szmygin, B. (2002), "A variety of Conservation Principles and Methods - The Basis of Contemporary Heritage Preservation" (Sự đa dạng của các nguyên tắc và biện pháp bảo tồn - Nền tảng của bảo tồn di sản đương đại), in trong *Strategies for the World's Cultural Heritage, Preservation in a globalized world: principles, practices and perspectives* (trang 196-198), ICOMOS, Madrid.
117. Tao, T. C., & Wall, G. (2009), "Tourism as a sustainable livelihood strategy" (Du lịch như là một chiến lược sinh sống bền vững), *Tourism Management*, 30, tr.90-98.
118. Teo, P., & Huang, S. (1995), "Tourism and Heritage Conservation in Singapore" (Du lịch và bảo tồn di sản ở Singapore), *Annals of Tourism Research*, 22(3), tr.589-615.
119. The National Committee for The International Symposium on The Ancient Town of Hoi An (2006). *Ancient Town of Hoian (Phố cổ Hội An)*. Hanoi: The Gioi Publisher.
120. Timothy, D. J. (2011), *Cultural Heritage and Tourism* (Di sản văn hóa và du lịch) (Bản sách điện tử Kindle). Channel View Publications.

121. Timothy, D. J., & Nyaupane, G. P. (2009), *Cultural Heritage and Tourism in the Developing World - A Regional Perspective* (Di sản du lịch và di sản ở các nước đang phát triển - Quan điểm vùng) (Bản sách điện tử Kindle), Routledge, London.
122. Tyrrell, T. J., & Johnston, R. J. (2006), "The Economics Impacts of Tourism: A Special Issue" (Tác động kinh tế của du lịch - Ấn bản đặc biệt), *Journal of Travel Research*, 45, tr.3-7.
123. UNESCO (2000), *Cultural Heritage Management and Tourism: Model for Cooperation among Stakeholders- A case study on Hoi An Vietnam*. (Quản lý di sản văn hóa và du lịch: Mô hình cộng tác giữa các bên liên quan - Nghiên cứu trường hợp Hội An, Việt Nam)
124. UNESCO (2004), *The Effects of Tourism on Culture and the Environment in Asia and Pacific – Tourism and Heritage Site Management in the World Heritage Town of Luang Prabang, Lao PDR* (Tác động của du lịch đối với văn hóa và môi trường ở châu Á và Thái Bình Dương - Du lịch và Quản lý điểm di sản ở Đô thị di sản thế giới Luang Prabang, Lào).
125. UNESCO Bangkok (2008), *IMPACT: Cultural Tourism and Heritage Management in the World Heritage Site of the Ancient Town of Hoi An Vietnam* (Du lịch văn hóa và quản lý di sản văn hóa ở Điểm di sản thế giới Phố cổ Hội An, Việt Nam). UNESCO Bangkok, Bangkok.
126. Wall, G. (1989), "An International Perspective on historic sites, recreation and tourism" (Quan điểm quốc tế về di tích lịch sử, giải trí và du lịch), *Recreation Research Review*, 14(4), tr.10-14.
127. Winter, T. (2004), "Cultural Heritage and Tourism in Angkor, Cambodia: Developing a Theoretical Dialogue" (Di sản văn hóa và Du lịch ở Angkor, Cambodia: Phát triển một tranh luận lý thuyết), *Historical Environment*, 17(3), tr.3-8.
128. WTO (2006), "Cultural Tourism and Local Communities" (Du lịch văn hóa và cộng đồng địa phương), *International Conference Report*, Indonesia.

129. Global Heritage Fund (2010), *Saving Our Vanishing Heritage: Safeguarding Endangered Cultural Heritage Site in the Developing World* (Cứu nguy Di sản của chúng ta: Bảo tồn các điểm di sản văn hóa đang gặp nguy hiểm ở các quốc gia đang phát triển). Trích nguồn ngày 12 /06/ 2008, từ <http://globalheritagefund.org/images/uploads/docs/GHFSavingOurVanishingHeritagev1.0singlepageview.pdf>
130. ICOMOS (2003), *The Hoian Declaration on Conservation of Historic Districts of Asia* (Tuyên bố Hội An về việc bảo tồn các đô thị cổ ở châu Á). Trích nguồn ngày 12 /06, 2008, từ <http://www.international.icomos.org/xian2005/hoi-an-declaration.pdf>.
131. ICOSMOS (1999), *The Brurra Charter-The Australia ICOMOS Charter for Places of Cultural Significance* (Hiển chương về các điểm di tích có giá trị văn hóa). Trích nguồn ngày 12 /06/ 2008, từ <http://www.icomos.org/australia/burra.html>
132. James, U. (2010), "Real Culture" Preservation, Authenticity and Change in Hoi An's Heritage Tourism Industry (Bảo tồn "Văn hóa thực", tính chân xác và những biến đổi trong ngành công nghiệp du lịch di sản của Hội An). Dự án nghiên cứu độc lập số 873. Trích nguồn ngày 06/ 04/ 2012, từ: http://digitalcollections.sit.edu/isp_collection/873
133. Jamieson, W. (1995), "The Use of Indicators in Monitoring: The Economic Impact of Cultural Tourism Initiatives" (Sử dụng các chỉ báo trong giám sát: Các tác động kinh tế của các sáng kiến du lịch văn hóa), *ICOMOS Canada*, 4(3). Trích nguồn ngày 30 /06/ 2014, từ http://archive.canada.icomos.org/bulletin/vol4_no3_jamieson_e.html
134. Kerr, A. (1994), "Strange Bedfellows" (Những đôi tác xa lạ), *ICOMOS CANADA Bulletin*, 3(3). Trích nguồn ngày 14 /08/ 2008, từ http://www.icomos.org/icomosca/bulletin/vol3_no3_bowes_e.html.
135. Kreag, G. (2001), "The Impacts of Tourism" (Tác động của du lịch), Minnesota Sea Grant. Trích nguồn ngày 06/04/ 2012, từ <http://www.seagrants.umn.edu/tourism/pdfs/ImpactsTourism.pdf>

136. UNESCO (1998), *Evaluation for Hoian Vietnam* (Đánh giá về Hội An, Việt Nam). Trích nguồn ngày 26/03/2008 HYPERLINK "<http://whc.unesco.org/archive/repcom99.htm>" \1 "948" <http://whc.unesco.org/archive/repcom99.htm#948> .
137. UNESCO (1999), *The Nomination to Unesco for Inscription on the World Cultural Heritage List-Hoi An Ancient Town* (Hồ sơ đề cử UNESCO Danh hiệu Di sản văn hóa thế giới - Phố cổ Hội An). Trích nguồn ngày 26/03/2008, từ <http://whc.unesco.org/en/list/948/documents/>
138. UNESCO (2000), *Hoi An Protocol for Best Conservation Practice in Asia* (Hiệp ước Hội An cho các thực hành bảo tồn tốt nhất ở châu Á). Trích nguồn ngày 28 /05/ 2013, từ <http://unesdoc.unesco.org/images/0018/001826/182617e.pdf>
139. UNESCO (2015), *Operational Guidelines for the Implementation of the World Heritage Convention* (Cẩm nang thực hiện Công ước Di sản Thế giới); tại: <http://whc.unesco.org/archive/opguide12-en.pdf>, ngày 20/01/2015

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA NGHỆ THUẬT QUỐC GIA VIỆT NAM

QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH
Ở ĐÔ THỊ CỔ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

PHỤ LỤC LUẬN ÁN

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Hà Nội - 2016

MỤC LỤC

Phụ lục 1. Quyết định Về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt số 1272/QĐ-TTg ngày 12/08/2009 của Thủ tướng chính phủ.....	161
Phụ lục 2. Bản đồ điểm tham quan khu phố cổ Hội An.....	163
Phụ lục 3. Thay đổi vị trí bến xe Hội An.....	164
Phụ lục 4. Danh mục các di tích đã được cấp bằng di tích lịch sử - Văn hóa Quốc gia	165
Phụ lục 5. Danh mục Di tích - danh thắng được Bảo vệ theo quyết 1353/QĐ-UB ngày 15/8/1997 của UBND tỉnh Quảng Nam.....	166
Phụ lục 6. Ảnh một số di sản văn hóa tiêu biểu phố cổ Hội An.....	170
Phụ lục 7. Kế hoạch mở rộng khoanh vùng bảo vệ khu phố cổ Hội An (tới năm 2020).....	176
Phụ lục 8. Danh sách các cá nhân cung cấp thông tin cho đề tài luận án	178
Phụ lục 9. Khung phỏng vấn sâu.....	179

**Phụ lục 1. Quyết định Về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt số
1272/QĐ-TTg ngày 12/08/2009 của Thủ tướng chính phủ**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1272/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại tờ trình số 130/TTr- BVHTTDL ngày 30 tháng 7 năm 2009; ý kiến thẩm định của Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia tại công văn số 04/HĐDSVHQG-VP ngày 30 tháng 7 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt (đợt 1) các di tích sau:

1. Di tích lịch sử và khảo cổ Khu trung tâm Hoàng Thành Thăng Long - Hà Nội (quận Ba Đình, thành phố Hà Nội)

2. Di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Quần thể kiến trúc Cố đô Huế (thành phố Huế, huyện Hương Trà, huyện Hương Thủy, huyện Phú Vang và huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế).

3. Di tích kiến trúc nghệ thuật Khu đền tháp Mỹ Sơn (huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam).

4. Di tích kiến trúc nghệ thuật Đô thị cổ Hội An (thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam).

5. Danh lam thắng cảnh Vịnh Hạ Long (thành phố Hạ Long, thị xã Cẩm Phả và huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh).

6. Di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng (huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình).

7. Di tích lịch sử Đền Hùng (thành phố Việt Trì, huyện Lâm Thao và huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ).

8. Di tích lịch sử Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch (quận Ba Đình, thành phố Hà Nội).

9. Di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ (thành phố Điện Biên, huyện Điện Biên và huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên).

10. Di tích lịch sử Dinh Độc lập - Nơi ghi dấu thắng lợi hoàn toàn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (quận I, thành phố Hồ Chí Minh).

Khu vực bảo vệ di tích được xác định theo Biên bản và Bản đồ các khu vực bảo vệ di tích trong hồ sơ.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có di tích được xếp hạng tại Điều 1 của Quyết định này trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý nhà nước đối với di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có di tích được xếp hạng tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND các tỉnh, Thành phố trực thuộc TW;
- Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia;
- VPCP: BTCN, các PCN, cổng TTĐT, các Vụ: ĐP, TH;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục 2. Bản đồ điểm tham quan khu phố cổ Hội An



Nguồn: <http://www.hoianworldheritage.org.vn/vi/ban-do-hoi-an.hwh>

Phụ lục 3. Thay đổi vị trí bến xe Hội An



Nguồn: <http://www.hoianworldheritage.org.vn/vi/ban-do-hoi-an.hwh>

**Phụ lục 4. Danh mục các di tích đã được cấp bằng di tích lịch sử - Văn
hóa Quốc gia**

Số TT	Tên di tích	Địa chỉ	Năm cấp bằng
1	Khu phố cổ Hội An	Thị xã Hội An	17/2/1997
2	Hội quán Phước Kiến	46 Trần Phú	17/2/1997
3	Lai Viễn Kiều (Chùa Cầu)	Cuối đường Trần Phú	17/2/1990
4	Nhà cổ Tấn Ký	101 Nguyễn Thái Học	17/2/1990
5	Chùa Quan Âm (Bảo tàng LS-VH)	7 Nguyễn Huệ	29/11/1991
6	Quán công Miếu (chùa Ông)	24 Trần Phú	29/11/1991
7	Nhà thờ tộc Phan Xuân	Thôn 3 - Cẩm Kim	29/11/1991
8	Đình Cẩm Phô	52 Ng. Thị Minh Khai	29/11/1991
9	Đình Sơn Phong	132 Ng. Duy Hiệu	29/11/1991
10	Đình Đế Võng	Thôn Sơn Phổ Cẩm Châu	29/11/1991
11	Chùa Chúc Thánh	Xuân Mỹ Tân An	29/11/1991
12	Chùa Phúc Lâm	Thôn 2 Cẩm Hà	29/11/1991
13	Chùa Vạn Đức (chùa Cây Cau)	Thôn 2 Cẩm Hà	29/11/1991
14	Chùa Viên Giác (Cẩm Lý Tự)	Khối 4 Cẩm Phô	29/11/1991
15	Mộ ông Banjirô	Trường Tộ - Cẩm Châu	29/11/1991
16	Mộ ông Yajirôbci	Trường Lệ - Cẩm Châu	29/11/1991
17	Mộ tổ tộc Lê	Thôn 5 - Cẩm Thanh	29/11/1991
18	Khu mộ Thứ phi Quang Trung và các Tướng Tây Sơn	Thôn 5 Cẩm Thanh	29/11/1991
19	Minh Hương Tuy Tiên Đường	14 Trần Phú	29/3/1993
20	Đình Xuân Mỹ	Khối 4 - Thanh Hà	29/3/1993
21	Nhà cổ Phùng Hưng	4 Ng. Thị Minh Khai	29/6/1993

Nguồn: Trung tâm Quản lý bảo tồn di sản văn hóa Hội An

**Phụ lục 5. Danh mục Di tích - danh thắng được Bảo vệ theo quyết
1353/QĐ-UB**

ngày 15/8/1997 của UBND tỉnh Quảng Nam

Số TT	Tên di tích	Địa chỉ
1	DT Kiến trúc nghệ thuật Đình Tiền Hiền Hội An	Số 3 Lê Lợi
2	DT Kiến trúc nghệ thuật Đình Kim Bồng	Cẩm Kim
3	DT Kiến trúc nghệ thuật Đình Ông Voi Hội An	27 Lê Lợi
4	DT Kiến trúc nghệ thuật Đình Thanh Hà	Cẩm Hà
5	DT Kiến trúc nghệ thuật Đình ấp Ang Bang	Cẩm Hà
6	DT Kiến trúc nghệ thuật Đình ấp Bộc Thủy	Cẩm Hà
7	DT Kiến trúc nghệ thuật Mộ Nguyễn Duy Hiệu	Cẩm Hà
8	DT Kiến trúc nghệ thuật Đình An Mỹ	Cẩm Châu
9	DT Kiến trúc nghệ thuật Đình Sơn Phong	Cẩm Châu
10	DT Kiến trúc nghệ thuật Đình ấp Tu Lễ	Cẩm Phô
11	DT Kiến trúc nghệ thuật Đình ấp Xuân Lâm	Cẩm Phô
12	DT Kiến trúc nghệ thuật Không Tử Miếu và đài tưởng niệm Danh nhân chí sĩ tỉnh Quảng Nam	Cẩm Phô
13	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 22	Đường Nguyễn Thái Học
14	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 54	Đường Nguyễn Thái Học
15	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 80	Đường Nguyễn Thái Học
16	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 104	Đường Nguyễn Thái Học
17	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 41	Đường Nguyễn Thái Học
18	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 79	Đường Nguyễn Thái Học
19	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 81	Đường Nguyễn Thái Học
20	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 105	Đường Nguyễn Thái Học
21	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 2	Đường Nguyễn Thái Học
22	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 10	Đường Nguyễn Thái Học
23	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 16	Đường Nguyễn Thái Học
24	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 30	Đường Bạch Đằng
25	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 19	Đường Nhị Trưng
26	DT Kiến trúc nghệ thuật - Mộ Tổ Tộc Trần	Cẩm Thanh
27	DT Kiến trúc nghệ thuật - Mộ Chu Kỳ Sơn	Sơn Phong
28	DT Kiến trúc nghệ thuật - Mộ Khổng Thiên Như	Minh An

29	DT Kiến trúc nghệ thuật - Mộ Nguyễn Điền	Cẩm Hà
30	DT Kiến trúc nghệ thuật - Mộ Trần Chương Cơ	Cẩm Thanh
31	DT Kiến trúc nghệ thuật - Làng Ông, Bãi Ông	Tân Hiệp
32	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 38	Đường Trần Phú
33	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 40	Đường Trần Phú
34	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 48	Đường Trần Phú
35	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 80	Đường Trần Phú
36	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 140	Đường Trần Phú
37	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 148	Đường Trần Phú
38	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 23	Đường Trần Phú
39	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 37	Đường Trần Phú
40	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 41	Đường Trần Phú
41	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 43	Đường Trần Phú
42	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 47	Đường Trần Phú
43	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 53	Đường Trần Phú
44	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 77	Đường Trần Phú
45	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 103	Đường Trần Phú
46	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 5	Đ. Nguyễn Thị Minh Khai
47	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 6	Đ. Nguyễn Thị Minh Khai
48	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 7	Đ. Nguyễn Thị Minh Khai
49	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 11	Đ. Nguyễn Thị Minh Khai
50	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Ng. Tường	8/12 Đ. N. T. Minh Khai
51	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Trần Trung	Cẩm Nam
52	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Trần Đức	Cẩm Nam
53	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Huỳnh	Cẩm Nam
54	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Trần	Số 21 Lê Lợi- Hội An
55	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Phan	Số 20 Lê Lợi- Hội An
56	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Lê	Cẩm Nam
57	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Nguyễn	Cẩm Nam
58	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Võ Văn	Cẩm Hà
59	DT Kiến trúc nghệ thuật - Lăng Ông	Cẩm Nam
60	DT Kiến trúc nghệ thuật - Lăng Ông	Cẩm Thanh
61	DT Kiến trúc nghệ thuật - Lăng Ông	Phước Trạch
62	DT Kiến trúc nghệ thuật - Đình Tân Hiệp	Cù Lao Chàm
63	DT Kiến trúc nghệ thuật - Đình Xuân Mỹ (Miếu Ông Cọp)	Cẩm Phô

64	DT Kiến trúc nghệ thuật - Đình Xuyên Trung	Cẩm Nam
65	DT Kiến trúc nghệ thuật - Chùa Hải Tạng	Cù Lao Chàm
66	DT Kiến trúc nghệ thuật - Chùa Thiên Đức	Cẩm Phô
67	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ Thiên Chúa Giáo và khu mộ giáo sĩ phương Tây - TK XVIII	Cẩm Phô
68	DT Kiến trúc nghệ thuật - Miếu tổ nghề yển	Bãi Hương
69	DT Kiến trúc nghệ thuật - Văn Chi Minh Hương	18 Phan Chu Trinh
70	DT Kiến trúc nghệ thuật - Văn Chi Cẩm Phô	Cẩm Phô
71	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nghĩa Từ (Miếu âm Hồn)	Minh An
72	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nam Diêu Tổ Miếu	Cẩm Hà
73	DT Kiến trúc nghệ thuật - Tín Nghĩa Từ	Số Nguyễn Huệ
74	DT Kiến trúc nghệ thuật - Miếu Ngũ Hành	Số 134 Nguyễn Thái Học
75	DT Kiến trúc nghệ thuật - Miếu Bà Cổ	Cẩm Hà
76	DT Kiến trúc nghệ thuật - Miếu Bà Nổi	Cẩm Thanh
77	DT Kiến trúc nghệ thuật - Hội Quán Hải Nam	Số 10 Trần Phú
78	DT Kiến trúc nghệ thuật - Hội Quán Triều Châu	Đường Nguyễn Huy Hiệu
79	DT Kiến trúc nghệ thuật - Hội Quán Dương Thương	64 Trần Phú
80	DT Kiến trúc nghệ thuật - Hội Quán Quảng Đông	176 Trần Phú
81	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Nguyễn	Cẩm Hà
82	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Trương	69/1 Phan Chu Trinh
83	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Trương	54/4 Trần Phú
84	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Phạm	96 Trần Phú
85	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Phạm	58/9 Lê Lợi
86	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Lâm	120 Trần Phú
87	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Thái	126 Trần Phú
88	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Trần Thanh	Cẩm Phô
89	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà thờ tộc Tăng	16 Nguyễn T.Minh Khai
90	DT Kiến trúc nghệ thuật - Nhà số 20	Đường Nguyễn Thái Học
91	DT Kiến trúc nghệ thuật - Chùa Kim Bửu	Cẩm Kim
92	Di tích Khảo cổ-Di chỉ KCH văn hóa Sa Huỳnh Hậu Xá	Cẩm Hà
93	Di tích Khảo cổ-Di chỉ KCH văn hóa Sa Huỳnh An Bàng	Cẩm Hà
94	Di tích lịch sử-Khu lăng Trà Quân và miếu ông Tiến	Cẩm Thanh
95	Di tích lịch sử-Miếu thờ ông Tổ làng yển	Cẩm Thanh
96	Di tích lịch sử cách mạng- Rừng dừa 7 mẫu	Cẩm Thanh

97	Di tích lịch sử cách mạng-Nhà lao Hội An	Sơn Phong
98	Di tích danh thắng-Cù Lao Chàm	Tân Hiệp

Nguồn: Trung tâm Quản lý bảo tồn Di sản văn hóa Hội An

Phụ lục 6. Ảnh một số di sản văn hóa tiêu biểu phố cổ Hội An

(Toàn bộ ảnh dưới đây được nghiên cứu sinh chụp tại Hội An vào tháng 07/2012 và 06/2013)



Ảnh 1: Hội quán Triều Châu



Ảnh 2: Điểm vui chơi trò chơi dân gian đêm phố cổ



Ảnh 3: Nhà cổ Đức An



Ảnh 4: Đình Cẩm Phô



Ảnh 5 : Đường Nguyễn Thị Minh Khai



Ảnh 6 : Nhà cổ Sanh Hiên nay chuyển thành cửa hàng và nhà trọ cho du khách



Ảnh 7: Xưởng Sản xuất thủ công mỹ nghệ Hội An



Ảnh 8: Chùa Cầu



Ảnh 9: Chùa Ông (Quan Công Miếu)



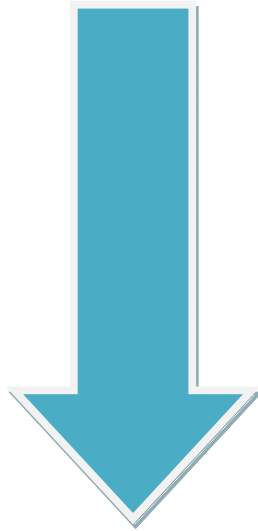
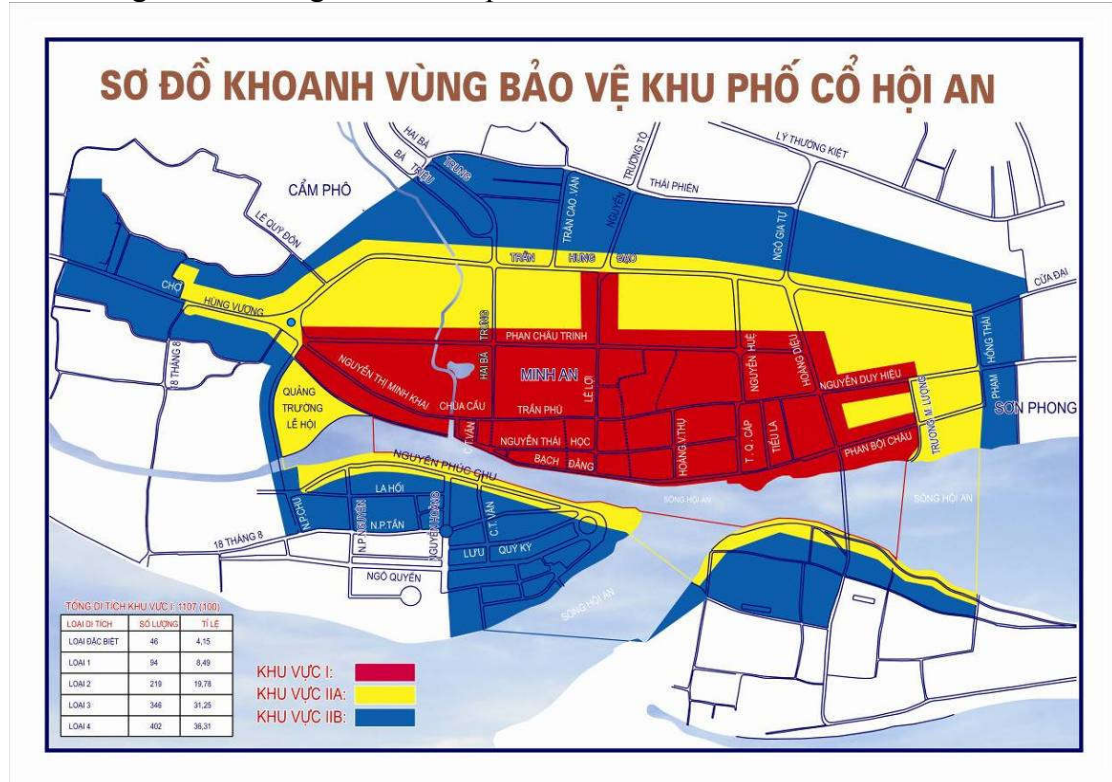
Ảnh 10: Giếng cổ



Ảnh 11 : Bảo tàng Gốm sứ Mậu dịch ở Hội An

Phụ lục 7. Kế hoạch mở rộng khoanh vùng bảo vệ khu phố cổ Hội An (tới năm 2020)

Hiện trạng khoanh vùng bảo vệ khu phố cổ Hội An



Phụ lục 8. Danh sách các cá nhân cung cấp thông tin cho đề tài luận án

(Các cuộc phỏng vấn được nghiên cứu sinh thực hiện tại Hội An trong hai đợt: 07/2012 và 06/2013)

STT	Họ và tên	Đơn vị công tác/địa chỉ	Nghề nghiệp	Thời gian
1	Sư thầy Thượng Diệu Hạ Hạnh	Chùa Bảo Thắng	Chủ trì chùa	06/2013
2	Anh Lê Mạnh Hùng	10B Trần Hưng Đạo	Bán dừa	06/2013
3	Anh Trần Văn Lễ	Nhà thờ tộc Trần	Phụ trách di tích	06/2013
4	Anh Trần Văn An	TT QLBT DSVH Hội An	Phó giám đốc	06/2013
5	Ông Tăng Xuyên	Tụp tiền đường Minh Hương	Trưởng ban quản lý di tích	06/2013
6	Anh Võ Phùng	TT VH – TT Hội An	Giám đốc	06/2013
7	Ông Lê Huyền	Chùa Ông	Chủ trì	06/2013
8	Anh Phan Ngọc Trâm	Nhà cổ Đức An	Chủ nhà	06/2013
9	Ông Trần Thế Quý	Hội quán Phước Kiến	Trưởng ban trị sự	06/2013
10	Anh Huỳnh Việt Hải	Cty Cổ phần lao động Hội An	Giám đốc	06/2013
11	Anh Nguyễn Văn Châu	40 Nguyễn Thị Minh Khai	Thợ mộc	06/2013
12	Chị Đặng Thị Thu Mai	Xưởng sản xuất thủ công mỹ nghệ Hội An	Thợ thủ công	06/2013
13	Anh Nguyễn Ngọc Minh	Nhà biểu diễn nghệ thuật truyền thống Hội An	Chủ nhiệm	06/2013
14	Anh Phạm Văn Bằng	98 Bà Triệu, Hội An	Hướng dẫn viên tự do	06/2013
15	Anh Trương Bách Tường	T&G Gallery	Họa sĩ	06/2013
16	Ông Nguyễn Quốc Đông	Quán Tự do	Chủ quán	06/2013
17	Chị Đinh Thị Thu Thủy	Phòng Du lịch – Thương mại Hội An	Trưởng phòng	07/2012
18	Anh Nguyễn Chí Trung	TT QLBT DSVH Hội An	Giám đốc	07/2012

Phụ lục 9. Khung phỏng vấn sâu

STT	Đối tượng được phỏng vấn	Nội dung phỏng vấn cụ thể
1	<i>Quản lý nhà nước về hoạt động quản lý di sản và du lịch</i>	
	- Trung tâm QLBT DSVH Hội An	- Đánh giá về giá trị văn hóa, nghệ thuật, lịch sử, xã hội của di tích/di sản (cộng đồng, địa phương, quốc gia)
	- Phòng Thương mại và Du lịch Hội An	- Đánh giá về sức hút, tiềm năng du lịch của di sản và hiện trạng khai thác tiềm năng du lịch của di sản - Lý do về sự thành công/chưa thành công/thất bại trong khai thác và phát triển tiềm năng du lịch của di tích/di sản
	- Trung tâm Văn hóa và Thể thao Hội An	- Mục tiêu ưu tiên của đơn vị: phát triển du lịch, bảo tồn di tích
		- Quan điểm của người được phỏng vấn về nhìn nhận di tích/di sản mình quản lý như một sản phẩm du lịch; về thị trường du lịch hiện thời - Vai trò của du lịch đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương (Tác động tiêu cực và tích cực của du lịch) - Vai trò của du lịch đối với việc quản lý, bảo tồn di sản/Tác động của du lịch - Các kế hoạch, chiến lược, tầm nhìn phát triển du lịch - Các kế hoạch, chiến lược, tầm nhìn quản lý, bảo tồn, khai thác di sản - Vai trò của cộng đồng, doanh nghiệp tư trong các kế hoạch này - Xung đột (quản lý, tài chính) đã có, có thể có giữa

		bên quản lý di sản và phát triển du lịch -SWOT về du lịch của phố cổ Hội An - SWOT về quản lý di sản của Hội An - Vai trò của chính quyền địa phương, cộng đồng, doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ đối với việc phát triển du lịch, quản lý di sản. Mức độ tham gia của các cá nhân, đơn vị này trong các chương trình, kế hoạch, chiến lược của địa phương có liên quan đến DS và DL. - Đề xuất về cơ chế pháp lý, cơ chế tài chính hợp lý cho quản lý và bảo tồn di sản, phát triển du lịch Hội An. - Tầm nhìn 5 năm tới cho Hội An (về DS + DL)
2	<i>Quản lý trực tiếp tại các di tích, điểm tham quan</i>	
	- Quản lý của các di tích (đình, đền, chùa, miếu)	- Loại hình (công, tư hay hỗn hợp) - Thời gian hoạt động của di tích (tháng/năm; giờ/ngày) - Có hướng dẫn viên du lịch, hoặc thông tin hướng dẫn tham quan trên các tài liệu du lịch, website du lịch không? - Các biện pháp quảng bá du lịch tại di tích (tài liệu du lịch, ...). Biện pháp nào hiệu quả nhất? - Điểm nổi bật di tích cung cấp cho du khách (lịch sử, văn hóa, con người...) - Lịch sử hình thành, quá trình phát triển, những lần sửa chữa, cải tạo. - Số lượng du khách đến tham quan (tính trên số vé). Sự thay đổi (tăng, giảm) số lượng du khách, lý do của sự tăng giảm số lượng du khách (khách quan, chủ
	- Phụ trách các Hội quán	
	- Chủ nhà cổ	
	- Chủ nhà thờ họ	
	- Quản lý một trong các bảo tàng văn hóa công ở Hội An	
	- Phụ trách đơn vị biểu diễn nghệ thuật truyền thống	

	ở Hội An (trò chơi, nghệ thuật biểu diễn)	quan) - Đặc điểm du khách (nhóm, riêng lẻ, độ tuổi, giới tính, nhu cầu). - Số lượng nhân viên, thù lao (cố định, thưởng). - Thu nhập của di tích (tổng, cho trả lương nhân viên, bảo trì di tích, khác). - Nguồn thu nhập của di tích (vé, bán đồ lưu niệm, công ích, hỗ trợ của nhà nước, quỹ trong nước và quốc tế, vay nợ, khác). - Mối liên hệ với quản lý nhà nước (hệ thống quản lý, tài chính, con người,...). - Các chương trình, dự án, kế hoạch liên quan đến di sản và du lịch mà di tích là một phần, hoặc là chủ thể? - Hỗ trợ cần thiết cho di tích: tài chính, chuyên môn, thị trường, quảng bá,... từ các đơn vị nào (nhà nước, tư nhân, cá nhân, tổ chức phi chính phủ,...)? - Vai trò của các cơ quan nhà nước có liên quan đối với việc bảo vệ và phát huy di tích, di sản và khai thác du lịch (cơ chế, chính sách, tài chính, nhân lực, chuyên môn,...). - Mức độ tham gia đóng góp ý kiến và tư vấn của đại diện quản lý/chủ sở hữu di tích/di sản trong các kế hoạch, chương trình, chiến lược, ... của các cơ quan quản lý nhà nước/dự án có liên quan - Đề xuất
3	<i>Doanh nghiệp tư nhân/tiểu thương</i>	- Thông tin chung về doanh nghiệp: Lịch sử hình thành, lý do xuất hiện tại Hội An, Quy mô phát triển, thu nhập,...
		- Nhận thức về thế mạnh và hạn chế của du lịch Hội An

		đối với sự phát triển của doanh nghiệp - Khó khăn, thuận lợi (đến từ chính quyền địa phương, cộng đồng): chính sách, thủ tục, hỗ trợ về môi trường kinh doanh,... - Nhận thức về trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng và di sản của Hội An của doanh nghiệp: tài chính, chuyên môn, nhân công lao động, cơ sở hạ tầng, quảng bá hình ảnh điểm đến,... - Đánh giá về sự biến đổi chung của Hội An từ thời điểm doanh nghiệp mới hình thành và hiện nay (yếu tố ảnh hưởng đến sự biến đổi, tích cực hay tiêu cực,...) và xu hướng biến đổi trong 5 năm tới ở địa phương này - Tiềm năng phát triển doanh nghiệp 5 năm tới. - Tiềm năng phát triển kinh tế Hội An 5 năm tới. - Mối quan hệ giữa doanh nghiệp với du khách, với cộng đồng. - Đề xuất
4	Cá nhân	
	- Thợ thủ công, nghệ nhân	- Thông tin chung về nghề: lịch sử, sản phẩm, biến đổi, giá trị, vai trò (kinh tế, văn hóa, di sản) đối với cá nhân và cộng đồng - Các chương trình hỗ trợ (nhà nước, tư, cá nhân, tổ chức phi chính phủ) về chuyên môn, marketing, thiết kế,... - Tiếp nghề của thế hệ trẻ trước sức hút của du lịch - Thu nhập, đời sống làng nghề - Tác động của du lịch đến sự tồn tại và phát triển làng nghề, nghệ nhân,... - Vai trò của chính quyền nhà nước đến sự tồn tại và

		phát triển của làng nghề (cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch) - Đề xuất
	- Người dân địa phương	- Đánh giá về giá trị và vai trò của hệ thống di sản (văn hóa) đối với cộng đồng (lịch sử, văn hóa) - Biến đổi kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương trước sự phát triển của du lịch: tích cực và tiêu cực. - Vai trò của du lịch đối với đời sống mọi mặt của người dân: môi trường, kinh tế, văn hóa - Vai trò và năng lực của chính quyền địa phương trong hoạt động khai thác di sản cho phát triển du lịch - Đánh giá về du khách (quốc tế, nội địa): văn hóa, hành vi, thái độ, ứng xử, chi tiêu,... - Mức độ tham gia và tham vấn của người dân trong các chương trình, dự án, kế hoạch của chính quyền địa phương có liên quan đến DS và DL - Đề xuất
	Người buôn bán nhỏ lẻ, tự do	- Vai trò của du lịch, du khách với hoạt động kinh doanh bán lẻ - Đánh giá về du khách (nội địa, quốc tế): sức mua, văn hóa, lối sống, thói quen,... - Môi trường kinh doanh: thuận lợi, khó khăn (quản lý nhà nước, vệ sinh, mỹ quan, địa điểm,..) - Biến đổi kinh tế, xã hội, văn hóa, lối sống người dân trước hoạt động du lịch - Mong muốn của người dân.